

TỊNH ĐỘ TẬP YẾU


TỊNH ĐỘ TẬP YẾU

Tổng hợp tinh hoa lời dạy của

Mười ba vị tổ tông tịnh độ và

Các bậc tôn đức

Thích nữ Minh Tâm *cung soạn*



Kính dâng lên Ân Sư của con:

*Ni Trưởng thượng Tịnh hạ Nguyễn
Viện Chủ chùa Phước Hải*

165/17 đường 3/2 - Quận 10

Sài Gòn, Việt Nam

Lời ngỏ

Có thể nói, năm 2007 là năm đầy ấn tượng và thắng duyên đến với chúng tôi khi bắt đầu đào luyện sâu thiết hơn về pháp môn Tịnh Độ qua những pho sách quý giá của Liên Tông chư Tổ mà đạo hữu Như Hòa chuyển ngữ và dịch như: Pháp Sư Ấn Quang Gia Ngôn Lục, Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên - Tục Biên, Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải, Di Đà Sớ Sao, Tịnh Độ Cảnh Ngữ, Ngẫu Ích Đại Sư Pháp Ngữ... hay các tuyệt tác của chư vị tiền bối thiền sư: Tịnh Độ Hoặc Vấn của Đại Sư Thiên Như, Tịnh Độ Thập Nghi Luận của Đại Sư Trí Giả, Hám Sơn Mộng Du Tập của Đại Sư Hám Sơn, Ngũ Lục của Đại Lão Hòa Thượng Hư Vân, Cẩm Nang Tu Đạo của Đại Lão Hòa Thượng Quảng Khâm, Tuyết Lư Lão Nhân Tuyển Tập của ngài Lý Bình Nam, Đường Về Cực Lạc của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, Quê Hương Cực Lạc của Hòa Thượng Thích Thiền Tâm, Tham Thiền Phổ Thuyết của Thiền Sư Lai Quả, Niệm Phật Pháp Yếu của cư sĩ Mao Dịch Viên, v.v. Nhờ



vào những lời truyền dạy thống thiết của chư Tổ, quyết tâm chuyên tu Tịnh Độ và niềm tin cầu sinh về Tây phương Cực Lạc của tôi càng lúc càng kiên định hơn.

Rồi kể từ những tháng năm sau đó đến nay, tôi thường về chùa Đức Viên (San Jose, California) tham dự các khóa tu định kỳ, nương theo học hỏi Ni chúng và Phật tử ngũ hầu tiến tu tịnh nghiệp của chính mình; tuy nhiên cũng không thể không nhắc đến sự khuyến khích, giảng giải, góp ý, ủng hộ của đạo hữu Như Hòa từ bao năm qua đối với chúng tôi.

Và cũng qua sự khích lệ của đạo hữu Như Hòa, tôi đã can đảm (nhắm mắt cố quên đi sự thấp kém thô thiển của mình) quyết định bắt tay vào việc cung soạn tinh hoa mật ý của chư Tổ Tịnh Độ và những lời khai thị vô giá của chư vị Tôn Đức Thiền Sư, các bậc trưởng lão cư sĩ, trước là phụng kính dâng lên Thập Phương Tam Bảo, Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đức Từ Phụ A Di Đà Thế Tôn, chư vị Đại Bồ Tát, Tôn Sư tiền bối chứng minh tác lòng thành khẩn tri ân báo ân của kẻ ngu muội này, sau là tự thúc liễm thân tâm và sách tiến những ai đồng hàng với tôi mau hạ quyết tâm thoát ly Ta-bà, cầu sinh Liên Hoa Thượng Phẩm.

Chắc chắn đã có rất nhiều trước tác, dịch phẩm, biên soạn giá trị, nổi tiếng về pháp môn Tịnh Độ

của chư Tôn Đức Tăng Ni cũng như của các bậc văn nhân, thi hào, triết gia trong và ngoài nước... nhưng như nước trăm sông đổ dồn về biển cả, nước biển có mùi vị của biển, nước sông có chất liệu của sông, nước hồ có đặc tính của hồ... thì dòng nước trong cái lạch nhỏ bé vô danh này có lẽ cũng giúp ích phần nào cho vài chú cá lòng tong lạc bầy, ngo ngoe trong lạch suối.

Hy vọng quyển Tịnh Độ Tập Yếu nhỏ bé này của chúng tôi sẽ được sự ủng hộ, chào đón của quý độc giả mười phương gọi là bày tỏ chân tình niệm ân tri ngộ và ân của đàn na tín thí.

Ngưỡng nguyện Tam Bảo chứng minh và nếu có chút ít công đức nào, xin thành kính hồi hướng trang nghiêm Phật tịnh độ và tất cả pháp giới chúng sinh trong bốn loại sáu đường, oán gia trái chủ, từ vô lượng kiếp cho đến ngày nay, đều được vãng sinh Cực Lạc quốc.

Xin nguyện các bậc Tôn Sư, Ân Sư, tổ tiên, ông bà, cha mẹ, thân bằng, quyến thuộc nhiều đời nhiều kiếp quá khứ và đời này của con đồng lên hoa sen chín phẩm.

Trân trọng và chân thành tri ân Ni chúng và Phật tử chùa Đức Viên (San Jose, CA) đã ủng hộ và giúp đỡ để tập sách này được ấn tống và phát hành đến quý độc giả gần xa cũng như các vị liên hữu.



Nam mô Tây phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại
Bi A Di Đà Phật.

Thích nữ Minh Tâm chấp tay cẩn bút



Sơ lược tiểu sử mười ba vị Tổ tông Tịnh độ

Trích soạn theo Ngôn Hạnh Cao Đẹp của 13 vị Tổ Tịnh Độ của Lương Vĩnh Khang và Mấy Điều Sen Thanh của Hòa Thượng Thích Thiên Tâm.



1. Đại sư Huệ Viễn - Tổ Liên Tông thứ nhất - đời Tấn

Đại Sư họ Giả, người Nhạn Môn, thuở nhỏ đã bát lãm Lục Kinh và học thuyết Lão, Trang. Năm mươi một tuổi, nghe pháp sư Đạo An giảng kinh Bát

Nhã, Sư liễu ngộ mà xuất gia, lấy việc hoàng pháp lợi sinh làm nghĩa vụ trọng yếu.

Sau khi vào Lô Sơn, thấy phong cảnh đẹp đẽ nhàn tịch, Sư bèn kết cỏ tranh làm nhà, giảng kinh Niết Bàn. Kính phục tài đức của Sư, quan Thứ sử Hoàn Y tâu lên vua, xin lập một ngôi Phật tự. Lòng chí thành của ông cảm đến long thiên, giông tố nổi lên, chuyển cây đến dựng chùa Đông Lâm, đào ao trồng sen, nên gọi là Liên xã. Sư tập hợp chúng, sáu thời niệm Phật cầu sanh Tây phương. Đây là sự khởi đầu hình thành Liên tông ở Trung Quốc.

Vào cuối đời của Viễn Công, những người nhập Liên xã tu Tịnh nghiệp được vãng sanh rất nhiều. Từ đó, chùa Đông Lâm trở thành trung tâm Phật giáo phương Nam. Năm thứ mười hai niên hiệu Nghĩa Hi, ngài Viễn Công thấy Phật xuất hiện, liền đoan tọa nhập diệt, thọ tám mươi ba tuổi.

Sư nói: “Thế nào là niệm Phật tam-muội? Niệm Phật tam-muội là ý chuyên nhất, tưởng vắng lặng. Ý chuyên nhất thì tâm không tán loạn, tưởng vắng lặng thì thần sáng, khí nhẹ. Khí nhẹ thì thân tâm khinh an, thần sáng thì không gì không thấu triệt. Đây chính là diệu dụng tự nhiên của định-tuệ hợp nhất.”

Trong Cao Tăng truyện nói: “Ngài Viễn Công thần sắc nghiêm dung, tiếng nói êm dịu, khuôn mặt vuông vắn, cương nghị, ai trông thấy cũng kính sợ.”



Tuy nhiên dương Tịnh Độ, Đại Sư vẫn lưu tâm đến các pháp môn khác, viết nhiều bài tựa về kinh luận, và hoàn thành nhiều tác phẩm như sau:

1. Đại Trí Luận Yếu Lược (20 quyển).
2. Pháp Tánh Luận.
3. Sa Môn Bất Kính Vương Giả Luận.
4. Đại Thừa Nghĩa Chương (3 quyển).
5. Thích Tam Bảo Luận.
6. Minh Báo Ứng Luận.
7. Sa Môn Đản Phục Luận.
8. Biện Tâm Thức Luận.
9. Phật Ảnh Tán.
10. Du Lô Sơn Thi.
11. Lô Sơn Lược Ký.
12. Du Sơn Ký.

Một bậc tuyệt luân cái thế như vậy, ai cũng kính phục, chẳng phải là người phạm thường, chắc chắn cuộc đời của Ngài rất đặc biệt, thật xứng đáng để chúng ta noi theo.








唐蓮宗二祖長安光明善導大師

2. Đại sư Thiện Đạo - Tổ Liên Tông thứ hai - đời Đường

Đại Sư người Lâm Truy, giữa niên hiệu Trinh Quán đời Đường, Sư đến chùa Huyền Trung ở Tây Hà, yết kiến ngài Đạo Xước. Sau khi đến Đạo tràng Tịnh độ cửu phẩm, nghe giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ, Sư tinh cần khổ hạnh, phát tâm niệm Phật. Sau đó đến kinh đô, Sư khuyến khích, sách tiến bốn chúng, thuyết pháp ở chùa Quang Minh, chép hơn mười vạn quyển kinh A Di Đà, họa hơn ba trăm bức tranh Tây phương Thánh cảnh, cảm hóa vô số Tăng tục, người được tam-muội vãng sanh Tịnh độ rất nhiều. Mỗi một tiếng niệm Phật của Sư đều có một luồng hào quang từ miệng phóng ra, nên thế gian tôn xưng ngài là đại sư Quang Minh.



Trong Lâm thụ nhập quán lễ tướng phát nguyện vẫn có ghi lời phát nguyện của Sư như sau: “Đệ tử chúng con là kẻ phạm phu sanh tử, tội chướng sâu dày, luân hồi sáu nẻo, khổ không thể nói, nay gặp bậc tri thức, được nghe danh hiệu và bốn nguyện của đức Phật A Di Đà, nhất tâm xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh, nguyện Phật từ bi tiếp độ, thương xót cứu vớt. Đệ tử chúng con chẳng biết tướng hảo quang minh của thân Phật, xin Ngài thị hiện cho chúng con được thấy, và xin được thấy đức Quán Âm, Thế Chí, các chúng Bồ Tát và tướng vi diệu quang minh trang nghiêm thanh tịnh trong thế giới này.”

Theo Long thư tịnh độ nói: “Mỗi khi vào Phật đường, Sư chấp tay quỳ thẳng, nhất tâm niệm Phật, chưa kiệt sức thì không nghỉ, tuy trời rét lạnh nhưng áo Sư vẫn ướt đầm mồ hôi. Sư luôn hết lòng dạy pháp môn Tịnh độ cho đại chúng, không lúc nào mà không làm lợi ích cho chúng sanh. Hơn ba mươi năm, Sư lưng không dính chiếu, hành đạo Bát-chu, lễ Phật mười phương, cho đây là nhiệm vụ của mình. Sư nghiêm trì tịnh giới, một lỗi nhỏ cũng không để phạm, mắt chưa từng liếc nhìn người nữ, dứt tuyệt danh lợi, tránh xa các nơi đàm luận hý tiếu. Được cúng dường y phục, vật thực hảo hạng, Sư đều đem bố thí, cúng lại cho đại chúng, còn mình thì ăn đồ thô dở, giới hạnh của Sư ai cũng ngưỡng mộ.”

Một hôm, Sư lên cây liễu, nhìn về phía Tây, thầm

nguyện “Xin đức Phật tiếp dẫn con vãng sanh Tịnh độ”, rồi thả mình mà tịch, thọ sáu mươi chín tuổi.

Trước tác của Đại Sư để lại có Quán kinh sơ, Vãng sanh lễ tán, Pháp ngữ, v.v...








唐蓮宗三祖南岳般舟承遠大師

3. Đại sư Thừa Viễn - Tổ Liên Tông thứ ba - đời Đường

Đại Sư người Miên Trúc, tỉnh Tứ Xuyên. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư đến núi Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, xuống tóc học đạo với ngài Huệ Chơn. Vâng lời thầy dạy, Sư đến Hành Sơn truyền giáo, số người được Sư giáo hóa lên đến cả vạn. Sư chỉ dùng chuyên nhất pháp môn niệm Phật để khai đạo đồ chúng. Hôm ấy, nghe ngài Tuệ Nhựt đến Quảng Châu giáo hóa, Sư liền đến cầu giáo. Ngài Tuệ Nhựt không dạy gì khác, chỉ khuyên Sư nên y theo kinh Vô Lượng Thọ mà tu niệm Phật tam-muội để cứu độ chúng sinh. Từ đấy, Sư dứt hết các duyên, chuyên tu Tịnh độ.

Vào năm đầu niên hiệu Thiên Bảo, Sư trở về núi Hành sơn, lập tinh xá lấy hiệu là Di Đà Đài, chỉ an trí kinh tượng. Sư ăn mặc thô sơ, tinh cần tu khổ hạnh, thường thấy Thánh cảnh, lấy việc chuyên trì danh hiệu làm hạnh chính yếu; lấy sự bố thí, trì giới làm hạnh phụ trợ.



Trong Tịnh Nghiệp Vựng Biên nói: “Sư khắc quyển sách pháp môn chuyên niệm Phật vào vách khe suối, mà chẳng cần một sự giúp đỡ chi viện nào, không cầu mà vẫn đủ, không xin mà vẫn thừa. Tất cả các vật sở hữu của Sư, Sư đều đem bố thí cho những người nghèo thiếu, bệnh tật; còn mình thì ở dưới hang đá, ăn bùn đất cây cỏ, nên thân hình gầy yếu, má hóp xám xanh tựa như người tiểu phu nghèo đốn củi. Thanh danh Sư vang lừng khắp nơi, Thiên tử có ý thỉnh cầu Sư, song không thể được. Có thể nói, Sư là một bậc mô phạm nghiêm minh.”

Bậc cổ đức hành khổ hạnh, thật xứng đáng làm khuôn mẫu cho đời. Vào năm thứ mười tám niên hiệu Trinh Nguyên, Sư viên tịch, thọ chín mươi một tuổi.




4. Đại sư Pháp Chiếu - Tổ Liên Tông thứ tư - đời Đường

Đại Sư ở chùa Vân Phong huyện Hành Châu, là Quốc sư của triều Đường Đại Tông. Tông chỉ sở hành của Sư là từ bi, nhẫn nhục, trì giới, thiền định. Sư từng thấy Thánh cảnh Ngũ đài hiện trong bát cháo của mình. Sau đó, Sư đến Ngũ Đài Sơn, diện kiến đức Văn Thù. Tại Lô Sơn, trong lúc nhập định, Sư được nghe pháp môn niệm Phật, thần thức dạo nơi cảnh Cực Lạc, thấy ngài Thừa Viễn đứng hầu bên cạnh đức Phật A Di Đà. Giữa năm Vĩnh Thái, Sư đến Hành sơn, hầu ngài Thừa Viễn, thọ giáo pháp môn Tịnh độ.

Theo trong sách Tịnh Độ Ngũ Hội Niệm Phật

Tụng Kinh Quán Hạnh Nghi do Sư trước tác, nói: “Ngày mười lăm tháng tư năm thứ hai niên hiệu Vĩnh Thái, tại Di Đà Đài huyện Nam Nhạc, Sư phát nguyện rộng lớn, thệ trọn đời này, cứ chín mươi ngày trong mỗi mùa Hạ, là nhập đạo tràng niệm Phật tam-muội. Mùa Hạ năm ấy, đến ngày thứ hai mươi bảy, Sư thấy Phật, được đức Phật A Di Đà chỉ dẫn cho pháp Ngũ hội niệm Phật.”



Năm Đại Lịch thứ tư, Đại Sư mở đạo tràng niệm Phật tại chùa Hồ Đông. Ngày khai hội cảm mây lành giăng che chốn đạo tràng. Trong mây hiện ra cung điện lầu các. Phật A Di Đà cùng hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí hiện thân vàng sáng chói cả hư không. Khắp thành Hoành Châu, bá tánh trông thấy đều đặt bàn đốt hương đánh lễ. Cảnh tượng ấy hiện ra giây lâu mới ẩn mất. Do điểm lành này, rất nhiều người phát tâm tinh tấn niệm Phật. Đạo tràng khai liên tiếp được năm hội.

Triều vua Đức Tông, Pháp Chiếu đại sư mở đạo tràng niệm Phật tại Tinh Châu, cũng liên tiếp được năm hội. Mỗi đêm vua và người trong cung nghe tiếng niệm Phật rất thanh thoát từ xa đưa vắng lại. Sau khi cho người dò tìm, được biết đó là tiếng niệm Phật ở đạo tràng tại Tinh Châu, nhà vua phái sứ giả mang lễ đến thỉnh ngài vào triều. Ngài mở đạo tràng niệm Phật tại hoàng cung, cũng gồm năm hội. Vì thế, người đương thời gọi ngài là Ngũ Hội Pháp Sư.

Từ đó Đại Sư tinh tấn tu hành, ngày đêm không trễ. Một đêm nọ ngài thấy hóa thân một vị Bồ Tát đến bảo: “Hoa sen công đức của ông nơi ao thất bảo ở cõi Cực Lạc đã thành tựu. Ba năm sau là đúng thời kỳ hoa nở, ông nên chuẩn bị”. Đến kỳ hạn, Đại Sư gọi Tăng chúng lại căn dặn rằng: “Ta về Cực Lạc, mọi người phải gắng tinh tu!” Nói xong, ngài ngồi ngay yên lặng mà tịch.








唐
蓮宗
五祖
新定
烏龍
少康
大師

5. Đại sư Thiếu Khang - Tổ Liên Tông thứ năm - đời Đường

Thiếu Khang đại sư họ Châu, người đời nhà Đường, ở vùng núi Tiên Đô xứ Tấn Vân. Từ buổi sơ sinh, ngài im lặng không nói. Năm bảy tuổi nhân lễ trai hội, ngài theo mẹ vào chùa lạy Phật. Bà chỉ tượng Phật hỏi đùa rằng: “Con có biết đó là ai chăng?” Ngài bỗng ứng tiếng đáp: “Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn!” Biết con mình có duyên lành với Phật pháp, cha mẹ ngài liền cho đi xuất gia. Căn cơ linh mẫn, đến mười lăm tuổi ngài đã thông suốt được năm bộ kinh.

Niên hiệu Trinh Nguyên năm đầu, Đại Sư đến viếng chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Thấy chỗ để sách trong

đại diện phóng quang, ngài lại tìm xem, thì ánh sáng ấy phát xuất từ tập văn Tây phương Hóa Đạo của Thiện Đạo Hòa thượng, ngài liền khẩn rằng: “Nếu tôi có nhân duyên với Tịnh Độ, nguyện tập văn này phóng quang một lần nữa!” Vừa dứt lời, ánh sáng lại càng chiếu ra rục rỏ, trong ấy ẩn hiện hình dạng các hóa Bồ Tát, ngài chấp tay nói: “Kiếp đá có thể mòn, nguyện này thể không dời đổi!”



Nhân đó, Đại Sư đến Trường An chiêm lễ, di tượng của Nhị Tổ bỗng bay lên, bảo ngài rằng: “Ông nên y theo lời dạy của ta mà phổ độ chúng sanh, ngày kia công thành, sẽ sanh về Cực Lạc!” Đi ngang qua Giang Lăng, ngài gặp một sư cụ bảo: “Ông muốn hoàng hóa nên sang xứ Tân Định, cơ duyên ở nơi đó!” Nói xong bỗng biến mất.

Sau thời gian ấy, Đại Sư đến Tân Định, thấy người xứ này chưa biết niệm Phật là gì. Dùng phương tiện, ban sơ ngài quyên tiền dẫn dụ trẻ con niệm Phật. Nếu trẻ nào niệm Phật được một câu; ngài liền thưởng cho một đồng tiền. Như thế hơn một năm, rồi không cần thưởng tiền, bọn trẻ cũng niệm. Tập quán lần quen, về sau lúc gặp Đại Sư khi ở trong nhà hay đi ngoài đường, chúng cũng vẫn niệm. Từ đó, nam nữ, già trẻ hễ thấy ngài, đều niệm: “A Di Đà Phật!” Nhân sự việc này, dân chúng vùng ấy lần lượt phát tâm thờ cúng niệm Phật rất nhiều.

Thấy cơ duyên đã có phần thuận thực, Đại Sư thành

lập Tịnh Độ đạo tràng ở Ô Long Sơn, xây đàn tam cấp. Cứ đến ngày trai, thiện nam tín nữ đều họp nơi đó để niệm Phật nghe pháp. Thường thường số người họp có trên ba ngàn. Mỗi khi thăng tòa, ngài chấp tay to tiếng niệm Phật thì đại chúng ở dưới đều xướng niệm hòa theo. Có lúc Đại Sư xưng một câu Phật hiệu, hội chúng thấy một đức Phật từ miệng ngài bay ra. Niệm đến mười câu, trăm, ngàn câu đều có mười, trăm, ngàn vị Phật bay ra, liên tiếp như râu chuối. Đại Sư bảo: “Quý vị đã được thấy Phật, chắc chắn đều sẽ vãng sanh.” Mọi người nghe nói đều có cảm niệm vui mừng, an ủi

Năm Trinh Nguyên thứ hai mươi mốt, vào tháng 10, Đại Sư họp hết hàng đạo tục đến dặn bảo rằng: “Các vị nên phát tâm chán lìa cõi Sa Bà ác trước, ưa thích miền Tịnh Độ an vui mà cố gắng tu hành tinh tấn. Giờ phút này ai thấy được quang minh của ta, kẻ ấy mới thật là hàng đệ tử”. Nói xong, ngài chấp tay viên tịch, toàn thân phóng quang rực sáng.

Đại chúng xây tháp thờ ngài ở Đài Nham, tôn hiệu là Đài Nham Pháp sư.







宋蓮宗六祖杭州永明延壽大師

6. Đại sư Vĩnh Minh - Tổ Liên Tông thứ sáu - đời Tống

Đại Sư người Tiền Đường, họ Vương, hiệu Diên Thọ, tự Sung Huyền. Vào thời Ngũ Đại, Sư làm quan giữ kho, lấy tiền của quan quân mua chim cá phóng sanh, nên bị xét xử tử hình. Sắp đến giờ hành hình mà thần sắc của Sư vẫn không biến đổi. Trước tình thần vô úy của Sư, Ngô Việt Vương rất cảm phục nên phóng thích.

Sau đó Sư xuất gia, nương thiên sư Thúy Nham tu học, kế đến tham chiếu với Thiền Quốc sư. Sư từng tinh cần miên mật hành Pháp Hoa sám hai mươi một ngày, mộng thấy đức Bồ Tát Quán Thế Âm dùng cam lồ rưới vào miệng, liền được biện tài vô

ngại. Sư đã trước tác Tông cảnh lục, Vạn thiện đồng quy tập ... đều nói về tông chỉ Tịnh độ.

Năm Kiến Long thứ hai, đời nhà Tống, vua Trung Ý thỉnh Sư trụ trì chùa Vĩnh Minh. Sư lập thời khóa công phu thật miên mật, ban ngày làm trăm lẻ tám việc, tối đến lên một ngọn núi gần chùa niệm Phật, tiếng niệm Phật hòa cùng với tiếng nhạc trời trời trên hư không lúc trầm lúc bổng, mọi người ở đây ai cũng cảm phục. Sư ở chùa Vĩnh Minh mười lăm năm, độ được một ngàn bảy trăm đệ tử xuất gia. Vào Thiên Đài, Sư truyền giới cho hơn vạn người, thường cùng bảy chúng thọ Bồ-tát giới, chiêu tối thí thực cho các loài quỷ thần, và thường mua chim, cá ... phóng sanh. Sư hành đạo cả sáu thời, trọn đời đã tụng một vạn ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa.

Đại Sư lại vì người đương thời còn phân vân giữa Thiên và Tịnh, chưa biết tu môn nào được kết quả chắc chắn, nên làm kệ Tứ Liệu Giản để so sánh sự lợi hại như sau:

Có Thiên, không Tịnh độ

Mười người, chín người lạc,

Khi ấm cảnh hiện ra

Liền phải đi theo nó.

Không Thiên, có Tịnh độ

Vạn người tu đồng thành,



Thấy được đức Di Đà
Lo gì không khai ngộ.
Có Thiên, có Tịnh độ
Giống như hổ thêm sừng,
Hiện tại làm thầy người
Tương lai làm Phật, Tổ.
Không Thiên, không Tịnh độ
Đời đời nằm giường sắt,
Kiếp kiếp ôm trụ đồng
Chẳng có nơi nương tựa

Sư giảng nói lưu loát, kiến giải tinh thâm tột đỉnh, những tác phẩm của Sư có giá trị bất hủ, đúng là một bậc học Phật trí đức viên dung, tài hoa trước thuật.

Niên hiệu Khai Bảo thứ tám, ngày 26 tháng 2 vào buổi sáng sớm, Đại Sư lên chánh điện đốt hương lễ Phật. Lễ xong, ngài họp đại chúng lại dặn dò khuyên bảo, rồi ngồi kiết già trên pháp tòa mà thị tịch, thọ được bảy mươi hai tuổi.








7. Đại sư Tịnh Thường - Tổ Liên Tông thứ bảy - đời Tống

Vào đời Tống, tín ngưỡng Tịnh Độ đã ăn sâu trong nhân gian, đặc biệt rất thịnh hành ở vùng Chiết Giang phương nam. Người đầu tiên sáng lập hội niệm Phật ở đây là đại sư Tịnh Thường. Đại Sư Tịnh Thường, tự Thấu Vi, người đời Tống, con nhà họ Nhan ở Tiên Đường. Khi lên bảy, ngài gặp duyên lành xuất gia và mới mười bảy tuổi đã thọ giới Cụ túc.

Vào giữa niên hiệu Thuần Hóa, Sư trụ trì viện Chiêu Khánh ở Tây hồ, khắc tượng Phật A Di Đà bằng gỗ chiên đàn, chích thân lấy máu chép phẩm Tịnh hạnh trong kinh Hoa Nghiêm. Vì ngưỡng mộ



đạo phong của ngài Viễn Công ở Lô sơn, nên Sư kết xã Tịnh Hạnh chuyên tu Tịnh nghiệp. Sư lại điều khắc tượng Phật Tì Lô Giá Na bằng gỗ chiên đàn hương. Sau khi điều khắc xong, Sư quỳ trước tượng phát nguyện: “Kể từ ngày nay, con và đại chúng phát Bồ-đề tâm, nguyện đời đời kiếp kiếp hành Bồ-tát đạo, nguyện khi xả báo thân này liền sanh về cõi An dưỡng.” Với đại nguyện kiên định, giới hạnh nghiêm minh, thanh danh của Sư cảm động cả đất trời, từ cung đình cho đến làng mạc, nhiều vị tăng sĩ, quan quân, thân sĩ quý tộc tìm đến kết giao học đạo, người đương thời không ai không biết Sư. Sư trì giới luật tinh nghiêm, chuyên niệm danh hiệu Phật, phát Bồ-đề tâm, kết xã niệm Phật, động viên khích lệ mọi người tu tập, nổi tiếng bốn phương nhưng ít trước thuật.

Năm Thiên Hy thứ tư, ngày 12 tháng Giêng, theo thường khóa, Đại Sư ngồi kiết già niệm Phật. Giây lát, bỗng nói to lên rằng: “Đức A Di Đà Thế Tôn đã đến!” Rồi ngồi yên mà hóa, thọ 62 tuổi. Trong giờ ngài thị tịch, đại chúng thấy mặt đất biến thành sắc vàng ròng, rất lâu mới hoàn phục như cũ.

Trong sách Phật cư sĩ, Tổ sư Ấn Quang đã giảng giải cho chúng ta hiểu một cách đúng đắn rằng: “Việc trước tác là tùy theo tâm nguyện của mỗi người, chúng ta nhất định không thể đánh giá phẩm chất đạo đức tốt xấu của người ấy qua việc họ trước

tác được nhiều hay ít. Xưa nay, các bậc hiền bày Pháp thân ít dùng ngôn từ câu cú, không có trước tác. Lẽ nào chúng ta lại nghi ngờ được sao? Chúng ta biết rằng muốn thoát ly sanh tử, thật ra chẳng phải ở chỗ nói nhiều, mà chỉ cần một mục tâm tín, nguyện tha thiết, chí thành niệm Phật cầu sanh Tây phương là đủ. Song, cho dù đọc hết Đại tạng kinh đi nữa thì chẳng qua cũng chỉ để hoàn thành việc giải thoát mà thôi.”







8. Đại sư Liên Trì - Tổ Liên Tông thứ tám - đời Minh

Sư họ Trầm húy Châu Hoảng, hiệu Liên Trì, người quận Nhân Hòa thuộc tỉnh Hàng Châu. Năm mười bảy tuổi, Sư làm giáo thọ dạy cho các thư sinh trong vùng. Đang độ tuổi thanh xuân, Sư thế phát xuất gia với Hòa thượng Tánh Thiên. Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư đi tham kiến thiện tri thức ở khắp nơi.

Khi Sư đến Ngũ Đài Sơn lễ bái thì cảm ứng ngài Văn Thù phóng quang. Niên hiệu Long Khánh thứ năm, Sư chọn núi Vân Thê ở Hàng Châu, chuyên tu niệm Phật tam muội, giáo hóa kẻ xa người gần, Tăng tục vân tập tạo thành một Tông lâm lớn. Quanh vùng núi này hổ lang hung dữ, Sư tụng

kinh, thí thực cho muôn loài, trừ được hoạn cầm thú phá hoại cho dân. Vào những năm đại hạn mất mùa, Sư đi dọc bờ ruộng niệm Phật, bước đến đâu mưa rơi đến đó.

Đại Sư tuy đã tỏ thiên cơ, nhưng xét thấy căn lực người thời mạt pháp kém yếu, kể nói lý thì nhiều song ngộ lý thật rất ít. Vì muốn lợi mình và người nên ngài chủ trương Tịnh Độ, cực lực bác bỏ Cuồng Thiên. Bộ Phật Thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao do ngài trước tác, dung hòa cả sự lý gồm nhiếp khắp ba căn, lời dẫn giải rất là uyên áo.

Năm Vạn Lịch thứ mười hai, Sư biên soạn tập sách Vãng sanh, ghi lại sự tích những người vãng sanh từ xưa đến nay. Hai mươi năm ở chùa Tịnh Từ thuộc tỉnh Hàng Châu, Sư khai pháp, mở giới đàn truyền giới cho Tăng tục, đào ao phóng sanh, chế văn giới sát sanh, đến nay vẫn còn lưu truyền. Sư dùng pháp môn niệm Phật nhiếp hóa tất cả các căn cơ, để xứng Tịnh độ. Không biết bao nhiêu người đã được thấm nhuần ân đức giáo hóa của Sư.

Đại Sư trước tác rất nhiều tác phẩm như: A Di Đà kinh sớ sao (4 quyển), Vãng sanh tập (3 quyển), Tịnh độ nghi biện (1 quyển), Thiển quan sách tấn (2 quyển), Phạm võng kinh giới sớ phát ấn (5 quyển), Lăng già kinh mô tượng ký (1 quyển), Truy môn sùng hạnh lục (1 quyển), Sơn phùng tạp lục (3 quyển), Trúc song tùy bút (2 quyển)... Toàn tập



gọi là “Vân thê pháp vị”, tính tổng cộng là 32 quyển.

Dưới đây chỉ ghi lại vài lời pháp ngữ tu trì tịnh nghiệp của Đại Sư:

“Đấng đại Thánh xót thương, khuyên người chuyên xưng danh hiệu, bởi vì phép xưng danh rất dễ, nếu có thể giữ mỗi niệm nối nhau, lấy suốt đời làm hạnh, thì mười người tu, mười người vãng sanh, trăm người tu, trăm người vãng sanh. Tại sao thế? Vì không có duyên tạp nên được chánh niệm, vì cùng với bản nguyện của Phật hợp nhau, vì không trái với kinh giáo, vì thuận theo lời Phật. Nếu bỏ chuyên niệm mà tạp tu trong trăm người may ra được một hai người, trong ngàn người hy vọng được ba bốn người vãng sanh mà thôi”.

“Người niệm Phật khi lâm chung chớ nên sợ chết. Phải thường nghĩ rằng: thân này không sạch, chịu nhiều sự khổ, nếu được bỏ huyễn thân mà sanh về Tịnh độ, chính là điều đáng vui mừng!”

Vào độ cuối tháng 6 năm thứ 43 niên hiệu Vạn Lịch, nhân lúc bệnh nặng, Đại Sư liền soạn ra “Ba điều đáng tiếc và mười điều đáng than” để cảnh sách đại chúng và dặn đi dặn lại phải “luôn luôn niệm Phật”. Sau đó Đại Sư vào thành từ biệt các đệ tử và những người cố cựu, nói: “Tôi sắp đi nơi khác!” Rồi ngài trở về chùa thiết tiệc trà từ giả đại chúng. Mọi người không hiểu là duyên có gì. Đến chiều mừng một tháng Bảy, ngài vào tăng đường bảo: “Mai này



tôi sẽ đi”. Trước khi Sư viên tịch, đại chúng thỉnh Sư lưu lại vài lời vàng ngọc cuối cùng, Sư nói: “Phải thật tâm niệm Phật”. Khuyến bảo các đệ tử xong, ngài an nhiên quay về hướng Tây xưng danh hiệu Phật mà thị tịch, thọ 81 tuổi. Hậu thế suy tôn ngài làm Tổ thứ tám của hội Liên xã.






清蓮宗九祖北天目靈峰智旭大師

9. Đại sư Ngẫu Ích - Tổ Liên Tông thứ chín - đời Minh

Sư họ Chung, người huyện Ngô, hiệu Trí Húc. Thuở nhỏ, Sư chuyên học Nho, thề triệt tiêu Phật, Lão, nên làm mười bộ luận nhằm công kích Phật, Lão. Về sau, nhân đọc tập Trúc song tùy bút và Tụ tri lục của ngài Châu Hoằng, Sư liền tỉnh ngộ, đốt hết các bộ luận mà mình trước tác bài xích Phật giáo.

Năm hai mươi bốn tuổi, Sư xuất gia, nghe ngài Cổ Đức giảng luận Duy Thức tại chùa Vân Thê, sau đó lên núi tọa thiền. Năm hai mươi sáu tuổi, Sư thọ Bồ Tát giới và biên duyệt Tạng luật. Năm hai mươi tám tuổi, Sư nhiễm bệnh, quyết chí cầu sanh Tịnh độ, lấy Thiên Thai làm tông.

Về sau, Đại Sư trụ trì trải qua các nơi: Ôn Lăng, Chương Châu, Thạch Thành, Thánh Khê, Trường Thủy và Tân An, rộng truyền giáo pháp Thiên Thai và môn Niệm Phật. Thời bấy giờ, những nhà tu Thiên ở các nơi, phần đông cho pháp môn Tịnh Độ là quyển giáo; khi gặp người niệm Phật, tất bảo tham cứu chữ Thù. Riêng Đại Sư lại nhận định pháp Trì Danh chính là tâm tông viên đốn.



Bình sanh, Sư lấy việc xem kinh tạng, trước thuật làm sự nghiệp, đã để lại cho đời những tác phẩm nổi tiếng như: Kinh A Di Đà yếu giải 1 quyển, kinh Phạm võng huyền nghĩa 1 quyển, Bồ Tát giới bốn tiên yếu 1 quyển, kinh Pháp Hoa huyền nghĩa tiết yếu 2 quyển, kinh Pháp Hoa hội nghĩa 16 quyển, kinh Lăng Nghiêm huyền nghĩa 2 quyển, kinh Lăng Nghiêm văn cú 10 quyển, Duyệt tạng tri tân 44 quyển, Pháp hải quán lan 5 quyển, Chu dịch thiên giải 10 quyển... Tổng cộng hơn 40 bộ và trên 230 quyển, trong đó có một bộ “Tập lục” nói về pháp ngữ, vấn đáp, tự thuyết, thi kệ... của Đại Sư mà soạn thành “Linh Phong Ngẫu Ích đại sư tông luận”, tất cả những luận điểm của ngài đều sưu tập từ trong bộ Tông luận này. Ngoài ra, Đại Sư còn phát huy trước tác hơn mười bộ kinh luận, dùng văn tự Bát Nhã làm công cụ độ người, như nước trăm sông đổ về biển cả. Bút pháp của ngài trang nhã sâu sắc, đúng là một bậc tài đức vẹn toàn.

Sư lại dạy: Pháp môn Tịnh độ không có gì kì lạ, chủ

yếu chỉ là tin sâu, nguyện tha thiết và nỗ lực hành trì. Chỉ e rằng, người mới có được chút ít niềm tin cao quý và sự an ổn, rồi thủ đắc mà buông bỏ niệm. Nếu ngày đêm quyết định lấy mười vạn, hoặc ba vạn hay năm vạn niệm làm tiêu chuẩn, niệm không thiếu, thể nguyện suốt đời không thay đổi, mà khi lâm chung không được vãng sanh, thì ba đời chư Phật thành vọng ngữ. Một khi đã vãng sanh thì vĩnh viễn không thoái chuyển, thấu rõ được tất cả các pháp.

Năm Thuận Trị thứ hai, vào cuối Đông, Đại Sư cảm bệnh nhẹ, ngài di chúc mọi việc và dặn các đệ tử, sau khi trà tỳ, phải tán nhuyễn xương trộn với bột hòa thành viên, chia thí cho loài cá chim để kết duyên Tịnh Độ với chúng. Sang đầu năm, ngày 21 tháng Giêng, Đại Sư sáng dậy sớm, sắc diện tươi khỏe như người không bệnh. Đến đúng Ngọ, ngài đoan tọa trên bồ đoàn, quay mặt về Tây, chấp tay niệm Phật mà tịch, thọ được 57 tuổi.

Ba năm sau, các môn nhơn hội lại, định y pháp làm lễ trà tỳ. Lúc mở bảo tháp ra, thấy toàn thân Đại Sư vẫn còn nguyên vẹn, tóc ra dài phủ hai tai, sắc mặt tươi tỉnh như sống. Đại chúng không nỡ tuân lời di chúc, xây tháp thờ toàn thân ở chùa Linh Phong.








清蓮宗十祖虞山普仁行策大師

10. Đại sư Triệt Lưu - Tổ Liên Tông thứ mười - đời Thanh

Hành Sách Đại Sư, tự là Triệt Lưu, người đời nhà Thanh, con của Tướng Toàn Xương, một bậc lão nho uyên bác ở vùng Nghi Hưng. Cha ngài là bạn phương ngoại với Đức Thanh Hòa thượng, tức Hám Sơn Đại Sư.

Niên hiệu Thiên Khải thứ sáu, sau khi Hám Sơn Đại Sư thị tịch được ba năm, một đêm Tướng Toàn Xương nằm mộng thấy ngài Hám Sơn vào nhà mình. Cũng trong đêm ấy, Hành Sách Đại sư được sanh ra, nên nhân đó ngài lại được cha đặt cho ngoại hiệu là Mộng Hám. Đến khi khôn lớn, cha mẹ kế tiếp qua đời, ngài cảm sự thế vô thường, có ý niệm thoát tục

Năm hai mươi ba tuổi, ngài thế phát xuất gia với Nhược Am Hòa Thượng ở chùa Lý An. Tu hành tinh tấn không đặt lưng xuống chiếu. Trải năm độ nắng mưa, ngài tỏ suốt nguồn chân, ngộ vào pháp tánh. Sau khi Nhược Am Hòa Thượng thị tịch, Đại Sư trụ trì chùa Báo Ân. Thời gian này, ngài được bạn đồng tham là Túc Am thiền sư khuyên tu Tịnh Độ.



Niên hiệu Khang Hy thứ hai, ngài cắt am ở núi Pháp Hoa, bên bờ sông Tây Khê tại Hàng Châu, chuyên tu Tịnh Độ. Nhân đó lại đặt tên chỗ ở của mình là Liên Phụ Am. Đến năm Khang Hy thứ chín, Đại Sư trụ trì chùa Phổ Nhân ở Ngư Sơn, đề xướng thành lập Liên xã. Học giả các nơi hưởng ứng tu tập rất đông. Ngài từng làm bài văn khuyên phát lòng tin chân thật rằng:

“Thứ nhất phải tin: Tâm, Phật và chúng sanh, cả ba không sai khác. Chúng ta là Phật chưa thành, Di Đà là Phật đã thành. Giác tánh đồng một vẫn không có hai. Ta tuy điên đảo mê lầm, giác tánh chưa từng mất. Ta tuy nhiều kiếp luân chuyển, giác tánh chưa từng động. Nên nói: Khi một niệm hồi quang đồng về nơi bản đăc là như thế.

Thứ hai phải tin: Chúng ta là Phật danh tự, Di Đà là Phật cứu cánh, tánh tuy không khác, ngôi cách vực trời. Nếu không chuyên niệm đức Phật kia, cầu về cõi Tịnh; tất phải chịu theo nghiệp lưu chuyển,

chịu khổ vô cùng! Đây gọi là pháp thân lưu chuyển sáu nẻo, không được thành Phật, mà vẫn cam phận chúng sanh.

Thứ ba phải tin: Chúng ta dù nghiệp sâu chướng nặng, sống lâu nơi cảnh khổ, vẫn là chúng sanh trong tâm của Di Đà. Di Đà tuy muôn đức trang nghiêm an vui ở cõi Tịnh, cũng là vị Phật trong tâm của chúng ta. Đã rõ chân tâm vốn không hai, tất biết cảm ứng tự giao tiếp. Như đá nam châm hút sắt, việc này đâu lựa phải nghi? Đây gọi: nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền hoặc tương lai, quyết định sẽ thấy Phật, cách Phật chẳng xa vậy.”

Đại Sư trụ trì chùa Phổ Nhân được mười ba năm. Niên hiệu Khang Hy thứ hai mươi mốt, ngày mùng Chín tháng Bảy, ngài thoát hóa, thọ 55 tuổi.







11. Đại sư Tĩnh Am - Tổ Liên Tông thứ mười một - đời Thanh

Đại Sư họ Thời, tự Tư Tế, hiệu Tĩnh Am, người ở đất Thường Thục. Ngay từ thuở nhỏ, Sư đã không ăn cá thịt. Sau khi xuất gia, Thiền, Giáo, Tánh, Tướng, pháp nào Sư cũng thông suốt. Tại chùa Chơn Tịch, Sư đóng thất ba năm, ban ngày xem kinh tạng, tối đến trì danh hiệu Phật.

Sau khi ra thất, Sư đến Tứ Minh đánh lễ tháp A-dục vương, do lòng thành đốt ngón tay cúng dường nên cảm ứng xá-lợi phóng quang. Nhân đó, Sư soạn Niết-bàn sám và Phát Bồ-đề tâm văn. Ai tụng bài văn này cũng đều rơi lệ. Sư lại đốt ngón tay, phát bốn mươi tám lời nguyện trước tượng Phật.

Về cuối đời, Sư ở chùa Phạm Thiên, kêu gọi thành lập Liên xã, chuyên tu tịnh nghiệp.

Niên hiệu Ung Chánh thứ hai, ngày mùng tám tháng Chạp, Đại Sư bảo chúng rằng: “Tháng Tư sang năm ta sẽ đi xa”. Rồi đóng cửa thất, mỗi ngày niệm Phật mười muôn câu. Sang năm, ngày 12 tháng 4, Đại Sư bảo môn đồ rằng: “Từ đầu tháng đến nay, ta đã hai phen thấy Tây phương Tam Thánh, chắc là đến lúc vãng sanh!” Nói xong, liền làm kệ giã từ đại chúng. Qua hôm sau, Đại Sư không ăn uống, cứ nhắm mắt ngồi thẳng yên. Đến canh năm tắm rửa thay y áo. Bữa ấy tức là ngày 14, gần giờ Ngọ, Đại Sư lại nhắm mắt dạy về Tây ngời yên lặng. Hàng đạo tục các nơi nghe tin hội về đông như chợ. Đại Sư bỗng mở mắt nói: “Tôi về Cực Lạc không bao lâu sẽ trở lại. Thoát ly sống chết là việc lớn, mỗi người nên cố gắng thanh tịnh niệm Phật!” Dặn dò xong, chấp tay xướng hồng danh Phật rồi thị tịch. Thọ được 49 tuổi.

Huấn thị chính yếu của Sư là bản Văn Phát Bồ Đề Tâm, với lời dạy rất chí thiết:

“Niệm Phật mà không phát đại tâm Bồ đề thì không tương ứng với đại nguyện của đức A Di Đà, do đó rốt cùng không thể vãng sanh. Nhưng nếu phát tâm Bồ đề mà không chuyên tâm niệm Phật thì cũng không thể vãng sanh. Do vậy, lấy việc phát tâm Bồ đề làm chánh nhân, niệm Phật làm trợ

duyên thì sau này mới có thể vãng sanh. Người tu Tịnh nghiệp không thể không biết điều này.”







12. Đại sư Triệt Ngô - Tổ Liên Tông thứ mười hai - đời Thanh

Tế Tĩnh Đại Sư, tự Triệt Ngô, hiệu Nạp Đường, người đời Thanh, con nhà họ Mã ở huyện Phong Nhuận. Thuở bé ngài đã thông thuộc kinh sử. Nhân nhờ bị trọng bệnh, Sư liễu ngộ huyền chất vô thường, nên phát nguyện xuất gia. Khi bệnh thuyên giảm, Sư đến huyện Phòng Sơn xin thế phát với lão túc Vinh Trì ở am Tam Thánh. Sau khi xuất gia, lại đi tham học các nơi, liễu đạt thông suốt tất cả Thiền, Giáo, hai tông Tánh, Tướng. Chỗ tâm đặc nhất của ngài là chỉ thú Thập Thừa Tam Quán của kinh Pháp Hoa. Sau đó, Sư trụ trì chùa Vạn Thọ ở Bắc Kinh, hướng dẫn chúng tham thiền, khích lệ

sách tấn hàng hậu học tu tập một cách nhiệt tình không mệt mỏi suốt mười bốn năm. Thanh danh Sư vang khắp cả từ Bắc chí Nam.

Bình nhật, Đại Sư thường bảo: “Ngài Vĩnh Minh nguyên là bậc tông tượng trong Thiền môn mà còn quy tâm về Tịnh Độ. Huống ngay là thời mật pháp, chúng ta cũng phải tuân theo”. Do đó, ngài chuyên tu Tịnh nghiệp, chủ trương Liên tông. Mỗi ngày giới hạn thời giờ: dạy chúng hoặc tiếp khách nội một cây hương. Ngoài ra chỉ chuyên lễ sám niệm Phật mà thôi.

Không bao lâu, Đại Sư sang trụ trì chùa Giác Sanh. Kế đó lại lui về ngụ chùa Tư Phước ở Hồng Loa Sơn. Tăng chúng các nơi mến đức nương về ngày càng đông, khiến chỗ ấy trở thành đại tông lâm. Đại Sư vì pháp lợi sanh, lòng không chán mỏi, tất cả đều dùng Tịnh Độ làm chỗ quy thú. Mỗi khi giảng đến ân cứu khổ ban vui của Như Lai, thường lệ rơi theo tiếng. Thính chúng ngồi nghe đều cảm động sa nước mắt. Trong hai quyển Ngũ Lục của ngài, lời khuyên hóa lại càng chí thiết. Đại lược như sau:

“Chúng ta tu Tịnh Độ, lòng tin quý ở nơi sâu, chí nguyện quý ở nơi thiết. Do tín nguyện sâu thiết, nên tất cả tà thuyết không thể lay động, tất cả cảnh duyên không thể kéo lôi. Giả sử đang khi ta niệm Phật, bỗng Tổ Đạt Ma hiện ra bảo phải bỏ Tịnh tu Thiền có thể liền giác ngộ thì cũng từ tạ không dám




tuân lời. Hay dù đức Thích Ca hiện thân bảo có pháp môn khác hơn Tịnh Độ, dạy ta phải bỏ niệm Phật để tu môn kia, ta cũng đành lễ mà từ khước. Giữ vững như vậy, mới gọi là lòng tin sâu chắc.

Về phần nguyện, ví như có vòng sắt nóng đỏ xoay vùn trên đầu, ta cũng không vì sự khổ ấy mà thoái thất chí vãng sanh. Lại như có cảnh dục lạc mầu nhiệm nhất của Chuyển Luân Vương hiện đến, ta cũng không vì sự vui sướng đó mà quên tâm niệm cầu về Cực Lạc. Gặp những cảnh duyên nghịch thuận cùng cực như thế mà vẫn không đổi lòng, mới gọi là chí nguyện tha thiết.

Lòng tin sâu, chí nguyện thiết ấy, gọi là trọng tâm. Dùng tâm này mà niệm Phật thì tịnh nghiệp mạnh và lần lần thành thực, tất duyên nhiễm Sa Bà phải dứt. Như thế, lúc lâm chung dù có muốn cảnh luân hồi hiện ra, cảnh Tịnh Độ cùng đức Di Đà chẳng hiện tiền, cũng không thể được. Nhưng tín nguyện sâu thiết ấy lúc bình thời phải rèn luyện cho thành, khi lâm chung mới khỏi lạc vào nẻo khác. Như cổ đức lúc sắp mạng chung, chư Thiên ở sáu cõi trời trở nhạc, cầm tràng phan, kể tiếp đến rước, mà vẫn cố tù, một lòng chờ Phật, đợi khi Phật hiện đến mới chịu đi. Nếu bình thời tâm tín nguyện chưa được mười phần vững chắc thì khi lâm chung gặp phải cảnh chư thiên ấy, làm sao tự chủ được!”

Niên hiệu Gia Khánh thứ mười lăm, vào tháng Hai,

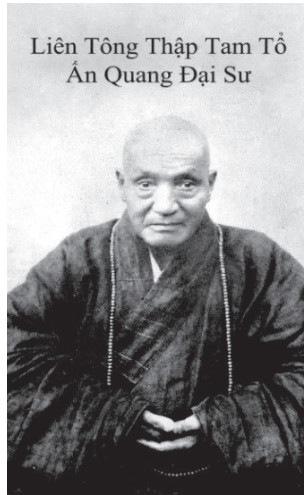




Đại Sư dự biết ngày lâm chung, chẳng còn bao xa, đi từ giã những người ngoại hộ, dặn rằng: “Duyên hư huyễn chẳng bền lâu, giờ sống thừa nên quý tiếc. Các vị hãy cố gắng niệm Phật, ngày kia sẽ cùng gặp nhau nơi cõi Liên Bang!” Đến ngày mừng hai tháng Chạp, Đại Sư cảm bệnh nhẹ, đang chí tâm niệm Phật, bỗng thấy có vô số tràng phan từ phương Tây bay đến, liền nhìn môn đồ nói: “Cảnh Tịnh Độ đã hiện, ta sắp về Tây phương!” Rồi bảo đại chúng luân phiên trợ niệm. Sang ngày 17, vào giờ Thân, ngài nói với chúng rằng: “Hôm qua tôi thấy ba vị đại sĩ: Văn Thù, Quán Âm, và Thế Chí. Hiện giờ lại được đúc Phật tự thân đến tiếp dẫn. Tôi đi đây!” Đại chúng nghe nói, niệm Phật càng chí thiết, Đại Sư ngời thẳng, chấp tay hướng về Tây, bảo: “Xưng một câu hồng danh, thấy một phần tướng hảo!” Dứt lời, liền kiết ấn mà tịch.

Lúc ấy, tất cả chúng đều nghe mùi hương lạ ngào ngạt. Để lộ khám bảy ngày, dung sắc Đại Sư tươi như sống, tóc bạc biến thành đen. Lúc trà tỳ, được hơn một trăm hạt xá lợi lóng lánh. Đại Sư thọ được bảy mươi, tăng lạp bốn mươi chín.

Đại Sư để lại một số tác phẩm quý như: *Mộng Đông thiền sư tập*, *Bốn cảnh (Hương Cảnh) đông lâm niệm Phật đường hữu san bốn*, *Một Trăm Bài Kệ Niệm Phật...*




13. Đại sư Ấn Quang - Tổ Liên Tông thứ mười ba cuối đời Thanh- Dân Quốc

Ấn Quang Đại Sư, húy Thánh Lượng, biệt hiệu Thường Tâm, người khoảng cuối nhà Thanh sang kỹ nguyên Dân Quốc, con nhà họ Triệu ở Thiểm Tây. Thuở bé ngài học Nho, lớn lên lấy việc duy trì đạo Khổng làm trách nhiệm, nên theo thuyết của Hàn Dũ, Âu Dương Tu bài bác Phật pháp. Ngài từng bị đau mắt khi sanh ra vừa sáu tháng, sau tuy lành bệnh nhưng mục lực đã suy kém. Mắt vừa hơi đỏ thì chỉ nhìn thấy cảnh vật lơ mờ. Khi bị bệnh, tự xét biết lỗi lầm, liền cải hối tâm niệm trước.

Niên hiệu Quang Chử thứ bảy đời Thanh, vừa sang hai mươi mốt tuổi, căn lành thành thực, ngài

xuất gia với Đạo Thuần Hòa Thượng tại chùa Liên Hoa Động ở núi Chung Nam. Tại đây, Sư chuyên cần nghiên cứu kinh điển, hiểu sâu thông suốt pháp môn Tịnh độ, nhiếp hóa hết thầy các căn cơ, tự gánh lấy trách nhiệm hoằng dương Phật pháp phổ độ quần sanh. Sư đi du hóa khắp nơi, có lúc ở Chung Nam, Hồng Loa, Phổ Đà...



Ít lâu sau, lại được duyên thọ Đại Giới nơi chùa Song Khê, huyện Hưng An với luật sư Ấn Hải Định. Lúc thọ giới Cụ túc, vì ngài cẩn thận và viết chữ khéo nên được cử làm chức thư ký. Do viết chữ quá nhiều, đôi mắt lại phát đỏ như huyết. Lúc trước nhân khi phơi kinh được xem bộ Long Thơ Tịnh Độ, biết rõ công đức niệm Phật, nên kỳ thọ giới này, ban đêm sau khi chúng an nghỉ, ngài vẫn ngồi niệm Phật. Ban ngày cho đến lúc viết chữ, tâm cũng không rời Phật. Nhờ đó tuy đôi mắt phát đỏ, vẫn có thể gắng gượng biên chép. Khi giới đàn vừa mãn, bệnh đau mắt cũng được lành. Do đây, ngài biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn! Và nhân duyên này cũng là đầu mối khiến ngài quy hướng Tịnh Độ và khuyên người niệm Phật. Từ đó, Đại Sư tiến bước trên đường tu học trải qua các danh lam: Tư Phước Tự, Long Tuyền Tự, Viên Quảng Tự và sau cùng đến chùa Pháp Võ ở Phổ Đà Sơn.


Năm Dân Quốc thứ mười chín, Sư đến Tô Châu sáng lập đạo tràng Tịnh Độ Linh Nham. Vì thấy chư Tăng có người không như pháp, nên Sư phát

nguyện không trụ trì chùa viện, không thu đồ chúng, không hóa duyên, cũng không mở hội niệm Phật. Thường ngày, Sư không giao tiếp với hàng cư sĩ hay quan quyền, không cười hay nói, không phô trương công việc, không trước tác kinh sách hay sám hối công đức, mà chí khí Sư vẫn cao, hạnh vẫn tinh khiết. Tính đến cuối đời nhà Thanh, trong hơn ba mươi năm xuất gia, Đại Sư trước sau mai danh ẩn tích, không thích cùng người tới lui giao tiếp để hôm sớm yên tu, cầu chứng Niệm Phật tam muội.

Có những hôm, Sư đóng cửa tịnh thất để viết thư phúc đáp, trả lời những điều vấn nạn cho bốn chúng học Phật. Bằng ngôn ngữ tinh tế, ý nghĩa sâu xa, Sư đã để lại trăm vạn lời tốt đẹp cho hàng hậu học. Nhờ vậy, ngày nay chúng ta có tác phẩm Ấn Quang Đại Sư Văn Sao hành thế, với lời văn và ý nghĩa biểu đạt chơn thành, dạy người sống theo luân thường đạo lý, lấy tịnh tâm làm gốc, niệm Phật cầu sanh Tây phương làm mục đích. Mỗi mỗi lời đều hợp với ý Phật ý Tổ, khéo thích hợp tùy theo từng loại căn cơ, dù cho hạng sơ cơ đọc tụng cũng có thể thông hiểu. Pháp ngữ của Sư lưu truyền khắp nơi, ẩn vào tâm khảm con người.

Cuối năm Dân Quốc thứ hai mươi chín, ngày 24 tháng 10, Đại Sư dự biết kỳ vãng sanh, cho triệu tập chư Tăng và cư sĩ về chùa Linh Nham. Trong buổi hội đàm, ngài suy cử Diệu Chơn Hòa Thượng kế nhiệm trụ trì, dặn dò các việc mai sau, và bảo:





“Pháp môn Niệm Phật không có chi đặc biệt lạ kỳ. Chỉ cần khẩn thiết chí thành thì không ai chẳng được Phật tiếp dẫn”. Qua ngày mùng 4 tháng 11, Đại Sư cảm bệnh nhẹ, song vẫn tinh tấn niệm Phật. Niệm xong, bảo đem nước rửa tay, rồi đứng lên nói: “Phật A Di Đà đã đến tiếp dẫn, tôi sắp đi đây. Đại chúng phải tin nguyện niệm Phật cầu về Tây phương!”. Nói đoạn, bước lại ghế ngồi kiết già, chấp tay trì danh theo tiếng trợ niệm của đại chúng rồi an lành viên tịch. Lúc ấy, Đại Sư tăng lạp được sáu mươi, thế thọ tám mươi tuổi.

Rằm tháng Hai năm sau, nhằm thánh tiết Phật nhập Niết Bàn, cũng vừa đúng kỳ Đại Sư vãng sanh được một trăm ngày. Hàng đạo tục các nơi hội về Linh Nham trên hai ngàn người, sắp đặt lễ trà tỳ. Lúc ấy bầu trời hốt nhiên sáng tạnh trong trẻo. Khi Chân Đạt Hòa Thượng cầm đuốc cử hỏa, khói bay lên trắng như tuyết, hiện ra ánh sáng năm sắc. Hôm sau Diệu Chơn Hòa Thượng cùng đại chúng đến nơi khám nghiệm, thấy xá lợi hiện ra nhiều hình dáng, đủ các màu, có thứ gồm ngũ sắc. Tất cả đều cứng như khoáng chất, gõ vào phát ra tiếng trong thanh. Đại chúng lựa chia thành sáu phần:

1. Nha xỉ xá lợi: gồm ba mươi hai cái răng.
2. Ngũ sắc xá lợi châu: nhiều hạt tròn sáng.
3. Ngũ sắc tiểu xá lợi hoa: hình như các đóa hoa nhỏ.

4. Ngũ sắc đại xá lợi hoa: hình như những đóa hoa lớn.

5. Ngũ sắc huyết xá lợi: do huyết nhục hóa thành.

6. Ngũ sắc xá lợi khối: gồm những khối có nhiều hình dáng, màu sắc

Tất cả đều để vào lồng kiếng, trân tàng tại bảo sơn.





Sơ Lược Tiểu Sử Các Bậc Tôn Đức




1. Đại sư Hám Sơn (trích soạn theo Hám Sơn Đại Sư Tự Truyện)

Đại Sư Hám Sơn (1546-1623) tự là Đức Thanh, họ Thái người đất Kim Lăng, là một đại sư Phật giáo trong Thiền tông và Tịnh Độ tông. Ngài được mệnh danh là một trong 4 vị “Thánh Tăng” đời nhà Minh (Trung Hoa). Ba vị còn lại là ngài Tử Bá hiệu Đạt Quán, ngài Liên Trì và ngài Ngẫu Ích. Sư Hám Sơn là người để lại rất nhiều bài giảng dành cho mọi tầng lớp người trong xã hội bấy giờ.

Xuất gia từ lúc 19 tuổi, ngài chuyên tâm niệm Phật.

Có một đêm, đại sư nằm mơ thấy đức Phật A Di Đà hiện thân giữa hư không. Từ đó về sau, ngài thấy tượng Phật dường như phảng phất trước mặt. Đại sư tham thiền gần mười năm, khi được tở ngộ liền vào ẩn trong núi Lao Sơn. Trước kia, dân chúng quanh vùng ấy chưa nghe chánh pháp, nhưng khi ngài về ở không bao lâu, trẻ thơ ba tuổi đều biết niệm Phật.



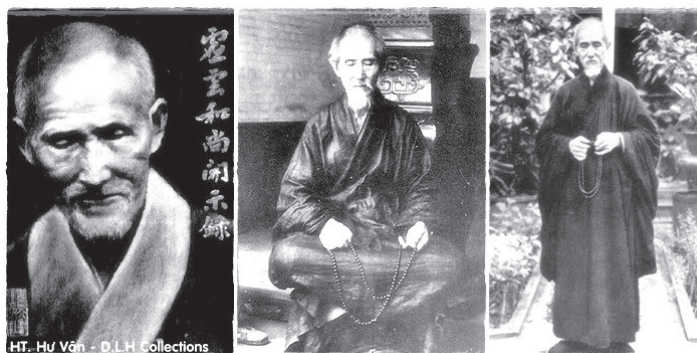
Từ Thánh Thái Hậu nghe danh, xin quy y làm đệ tử và cúng dường rất hậu. Có kẻ ganh ghét gièm pha chuyện ấy, vua giận biểm truất Đại Sư đến miền Lôì Châu. Nơi đây, ngài lại trùng hưng đạo tràng Tào Khê. Sau vua xuống chiếu ân xá triệu về, Đại Sư bèn ở Lôì Sơn chuyên tu tịnh nghiệp. Sau đó ngài về lại Tào Khê niệm Phật mà thác hóa, thọ 78 tuổi. Sau khi nhập diệt, Sư đã để lại toàn nhục thân không bị hư thối. Nhục thân của Sư được đặt tại Tào Khê cùng với nhục thân của thiền sư Huệ Năng và thiền sư Đan Điền hiện nay thuộc chùa Hoa Nam huyện Thiều Quang, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Đại sư dạy: “Điều cần yếu nhất trong sự tu hành là tâm tha thiết về việc luân hồi sanh tử. Tâm sanh tử không thiết tha, làm sao dám gọi là niệm Phật thành một khối? Nếu người quả vì sự luân hồi mà tha thiết, thì mỗi niệm như cứu lửa cháy đầu, chỉ e mất thân người, muôn kiếp khó được. Lúc ấy quyết giữ chắc câu niệm Phật, quyết đánh lui vọng tưởng,

trong tất cả thời tất cả chỗ, hiệu Phật thường hiện tiền, không bị vọng tình ngăn che lôi kéo. Dùng công phu khổ thiết như thế, lâu ngày niệm sẽ thuần thục, tâm được tương ứng, tuy không hy cầu mà niệm lực tự nhiên sẽ thành một khối.







Đại lão Hòa thượng Hư Vân (nhasachtinhlien.com)

Hư Vân thiền sư (1840-1959) húy Diễn Triệt, tự Đức Thanh, hiệu Hư Vân, là một trong tứ đại danh tăng cuối triều Thanh, đầu thời Dân Quốc tại Trung Hoa. Khi chưa xuất gia, họ tục của ngài là Tiêu, quê ở tỉnh Hồ Nam huyện Tương Hương. Thân phụ là Ngọc Đường từng làm Tri phủ Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến, làm quan thanh liêm, được dân ái mộ.

Trong lịch sử Phật giáo hiện đại, ngài là bậc cao tăng kiên trì tu tập khổ hạnh hơn một trăm năm, trải qua 15 đạo tràng và trùng hưng 6 đại tổ đình của Phật giáo Trung Quốc. Lấy một thân kiêm gánh vác sự nghiệp của thiền môn Ngũ Tổ, pháp tự tin đồ lên đến số hàng trăm vạn (trong đó có đại sư Tuyên Hóa) được tôn xưng là Thái Sơn Bắc Đẩu chốn cửa thiền.

Thuở nhỏ, ngài học đạo Nho. Có lần ngài than: “Đạo này chẳng đưa đến cứu cánh”, liền chuyển sang học Phật, từ đó ý niệm xuất gia canh cánh bên lòng.

Năm 18 tuổi, ngài sáng tác bài ca “Bì đại” lưu hành ở đời. Sau đó, ngài đến tỉnh Phúc Kiến, lễ trưởng lão cao tăng Thường Khai cầu xuất gia. Năm sau, ngài y chỉ Hòa thượng Diệu Liên ở chùa Dũng Tuyền, Cổ Sơn thọ giới Cụ túc, rồi ẩn tu trong hang sâu ở phía sau núi, lạy kinh Vạn Phật sám hối. Được ba năm, ngài xuống núi đi tham vấn thiện tri thức ở các nơi.

Năm 43 tuổi, để báo ân dưỡng dục của mẹ cha, ngài phát tâm tam bộ nhất bái từ núi Phổ Đà đến núi Ngũ Đài. Năm 60 tuổi, ngài tham gia thiển thất tại chùa Cao Môn ở Dương Châu. Sau đó, ngài giảng pháp độ sanh, xây chùa, truyền giới, tu sửa hơn 30 chốn tông lâm, như chùa Vân Thê ở Vân Nham, chùa Dũng Tuyền ở Cổ Sơn - Phúc Kiến, chùa Nam Hoa ở Khúc Giang - Quảng Đông, chùa Đại Giác ở núi Vân Môn - Nhữ Nguyên, chùa Chân Như ở núi Vân Cư - Giang Tây.

Lúc 120 tuổi, ngài bảo đại chúng: “Sau khi trà-tì nhục thân của ta, các ông hãy nghiền xương tro thành bột, rồi rải xuống sông làm thức ăn cho cá.”

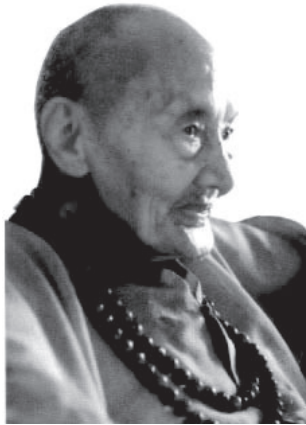
Ngày 13 tháng 10 năm 1959 dương lịch, ngài nằm thể kiết tường an nhiên thị tịch. Sau khi trà-tì được



vô số xá lợi năm màu, hạt lớn như mắt rồng, trong suốt óng ánh. Tháp thờ ngài an trí tại núi Vân Cư. Môn đồ xuất bản bộ Niên Phả và Pháp ngữ của ngài để lưu hành ở đời.








Đại Lão Hòa Thượng Quảng Khâm (trích trong Cẩm Nang Tu Đạo)

Hòa thượng Quảng Khâm sinh vào đời nhà Thanh, năm Quang Tự thứ 18 (1892). Ngài họ Hoàng, tên tục là Văn Lai, quê ở Phúc Kiến, Trung Hoa. Gia đình ngài rất nghèo, năm ngài bốn tuổi, vì không đủ sức nuôi dưỡng ngài, cha mẹ ngài phải đem ngài bán làm con nuôi cho gia đình họ Lý ở Tấn Giang. Hai ông bà họ Lý là người rất tốt, cả đời tin Phật sâu xa, suốt đời trường trai. Bà thường đem ngài lên chùa cầu nguyện bởi từ nhỏ ngài thường bệnh hoạn, thân thể yếu ớt.

Năm ngài chín tuổi, bà Lý qua đời; hai năm sau dưỡng phụ ngài cũng nối gót từ trần, khiến ngài bỗng chốc trở thành cô nhi. Bấy giờ, bà con họ

hàng ai nấy đều tranh dòm, chờ chực để chiếm đất đai, tài sản của gia đình họ Lý để lại. Điều ấy khiến cho ngài, một trẻ thơ, cảm nhận sâu xa mùi vị chua chát của thói đời và tánh vô thường của mọi sự. Trong đầu ngài nảy sinh ý niệm thoát trần. Ngài đem hết của cải đất đai nhường lại cho bà con, rồi một mình tìm tới chùa Thừa Thiên ở Phúc Châu xin xuất gia.



Bấy giờ, phương trượng chùa Thừa Thiên là Hòa Thượng Chuyển Trần, dạy ngài quy y, tu khổ hạnh với thầy Thụy Phương. Đến năm 19 tuổi, do nhiều nhân duyên đặc biệt, ngài đã qua Nam Dương và sống ở đó gần 16 năm.

Năm 35 tuổi, ngài về lại chùa Thừa Thiên, chính thức xuống tóc, lấy Hòa Thượng Thụy Phương làm thầy. Pháp danh của ngài là Chiếu Kính, tự Quảng Khâm. Sau khi xuất gia, ngài chuyên tu khổ hạnh, ăn những thức không ai thèm ăn, làm những việc không ai chịu làm, thường luôn ngồi thiền, một lòng niệm Phật. Có một thời gian ngài giữ trách nhiệm Hương đăng và đánh bảng thức chúng mỗi sáng. Nhiều lần ngài ngủ say quá nên trễ nãi việc đánh bảng. Điều này khiến ngài vô cùng hổ thẹn, sám hối sâu xa trong lòng, rồi từ đó lập chí ngủ ngồi.

Năm 1933, sau sáu năm làm Sa di tu khổ hạnh, bấy giờ ngài mới đi cầu thọ giới Tỳ khưu nơi Hòa

Thượng Diệu Nghĩa, chùa Từ Thọ, Phủ Điền. Thọ giới rồi, ngài liền xin phép Phương Trượng Chuyển Trần đi ẩn tu; lúc ấy ngài vừa đúng 42 tuổi. Bấy giờ, một thân một mình, với ít áo quần và hơn 10 ký gạo, ngài nhắm núi Thanh Lương, tỉnh Tuyên Châu, tiến bước. Nơi ấy, ở giữa sườn núi, ngài tìm thấy một thạch động đủ rộng để an thân tu đạo. Động này vốn là nơi mãnh hổ thường lui tới; thế nhưng khi gặp hổ, ngài chẳng hãi sợ. Ngài bảo cho chúng biết ý định muốn dùng động này để tu hành và khuyên chúng hãy tìm nơi khác. Lạ thay, hổ như hiểu ý ngài. Ngài lại vì hổ mà thuyết Tam Quy; hổ nghe rồi vẫy đuôi đi mất. Không lâu sau, hổ ấy đem bầy hổ lại: nào hổ mẹ, hổ con... đùa giỡn, gần gũi với ngài như gia súc vậy. Bởi thế, sau này người dân quanh đấy gọi ngài là Phục Hổ Hòa thượng.

Bấy giờ, ngài ở sơn động ngày ngày tọa thiền, niệm Phật; chẳng bao lâu lương thực cạn sạch, bèn hái trái cây rừng để ăn. Trong núi, ngoài hổ còn có khỉ, vượn. Bọn ấy, lạ thay, thường hay đến động; đem cả hoa quả cây trái lại cúng dường ngài nữa! Hòa thượng thường hay nhập định. Có lần ngài nhập định đến vài tháng, không ăn uống, không động đậy thân thể; thậm chí hơi thở dường như dứt tuyệt.

Tháng ngày qua như tên bắn, thấm thoát Hòa thượng đã ở trên núi Thanh Lương được 13 năm. Bấy giờ đã 54 tuổi (1945), ngài trở về chùa Thừa Thiên. Hai năm sau, 1947, ngài rời Đại Lục, đáp



thuyền tới Đài Loan. Ở đây, bắt đầu quãng đời
hoàng pháp của ngài:

- 1948, ngài xây một ngôi chùa nhỏ ở Đài Bắc, tên
là Quảng Minh Tự.

- 1951, xây Quảng Chiếu Tự.

- 1952, ngài tìm thấy một thạch động ở núi Thành
Phước rất đặc biệt: khi mặt trời và mặt trăng mới
mọc thì ánh sáng chiếu thẳng vào cửa động. Bởi
thế, ngài đặt tên là Nhật Nguyệt Động và quyết
định ở đấy ẩn tu. Nơi ấy xưa nay vốn không có
nước, song từ khi ngài vào ở bỗng có một suối
nước mát tự nhiên vọt lên kể bên. Trên đỉnh núi ấy,
ngài dựng một chòi tranh để ở. Một đêm nọ, có con
trăn khổng lồ bò lại chòi tranh cầu Pháp; ngài liền
vì nó thuyết Pháp và truyền Tam Quy.

- 1955, tín đồ ở Đài Bắc cúng dường ngài một cuộc
đất do hỏa sơn tạo nên ngài bèn xây Thừa Thiên
Tự ở đó.

- 1963, ngài hưng kiến Tường Đức Tự; xây Quảng
Long Tự ở núi Long Tinh, v.v...

Hằng ngày, ngài chỉ ăn một bữa và chỉ ăn trái cây;
ngài không ăn đồ nấu nướng hay chiên xào gì cả.
Vì vậy, tín đồ gọi ngài là Thủy Quả Hòa Thượng -
Ông Thầy Ăn Trái Cây. Trừ khi trời mưa, thường
thì mỗi đêm ngài đều ngồi tọa thiền cho tới sáng ở
ngoài vườn hay trong rừng, chứ không ngủ trong



phòng như kẻ khác. Đây là những công hạnh đặc biệt của ngài.

Năm ngài 80 tuổi, có lần ngài biểu thị cho đại chúng biết ý định “Xả báo - nhập định” - của ngài. Lúc ấy các đệ tử vô cùng khẩn thiết, cầu xin ngài tiếp tục từ bi trụ thế. Bấy giờ ngài vì tùy thuận chúng sanh nên trì hoãn việc nhập định, tiếp tục công cuộc độ sinh.

Đến năm 84 tuổi, ngài bắt đầu cấm túc, ở luôn tại chùa Thừa Thiên trên núi Thanh Lương không còn xuống núi nữa. Năm 94 tuổi (1985), ngài chủ trì Tam Đàn Đại Giới, truyền giới cho hơn 2.500 vị Tăng, Ni và cư sĩ; tạo thành một Pháp Hội trang nghiêm vĩ đại nhất ở Đài Loan lúc bấy giờ.

Cuối năm 1985, ngài trở về chùa Thừa Thiên. Ngài thị hiện có bệnh, cự tuyệt mọi thứ ẩm thực, thuốc men cũng không tiếp kiến tín đồ. Ngày Tết Nguyên đán năm 1986, ngài triệu tập tất cả đệ tử ở các chùa và tu viện khắp nơi lại để phú chúc, phân phối hậu sự.

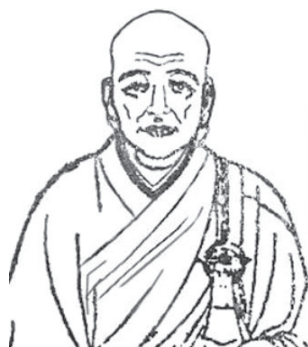
Mồng năm Tết (ngày 13 tháng 2 năm 1986), ngài ngồi xếp bằng yên định, tinh thần hòa hoãn, chẳng chút xao động; rồi dạy các đệ tử đồng thanh niệm Phật. Vào hai giờ chiều hôm ấy, ngài bảo đại chúng: “Vô lai vô khứ, một hữu sự!” (chẳng đến chẳng đi, chẳng việc gì); rồi nhìn đại chúng gật đầu, mỉm cười. Không lâu sau, đại chúng thấy ngài ngồi yên bất động liền đến bên quan sát kỹ, mới hay ngài đã



an nhiên theo tiếng niệm Phật, viên tịch rồi.

Nhìn lại cả đời ngài, xuất thân tuy nghèo khổ song bản tánh tự an, ngay thật, bình dị; đến khi xuất gia, ngài thật sự buông bỏ vạn sự, chân thành ẩn tu, thực hành đủ thứ khổ hạnh gian khó. Bởi nhân địa chân thật như vậy, nên kết quả là cảm ứng bất khả tư nghị. Ngài đã tiếp độ không biết bao nhiêu chúng sanh, từ người đến thú, từ dương giới đến âm giới, từ hữu tình đến vô tình... Và, nhất là sự viên tịch vô cùng tự do tự tại của ngài - một minh chứng hùng hồn nhất về sự diệu kỳ của Phật Pháp, cũng như về khả năng thành tựu sự giải thoát, đạt Đạo của những bậc chân tu, thực hành.





Thiền sư Thiên Như Duy Tắc


Sư họ Đàm, hiệu Thiên Như, người Cát An, Giang Tây. Thuở nhỏ, Sư xuất gia với ngài Hòa Sơn, sau du phương đến núi Thiên Mục đắc pháp và kế thừa Thiền sư Trung Phong Minh Bốn. Năm 1341, Sư trụ ở Sư Tử Lâm thuộc Tô Châu. Năm sau, môn nhân hợp sức dựng chùa Bồ Đề Chánh Tông, thỉnh Sư thuyết pháp, xiển dương tông phong Lâm Tế. Ngoài ra, Sư còn nghiên cứu sâu giáo nghĩa của ngài Vĩnh Minh, tông Thiên Thai, xiển dương Tịnh độ, soạn Tịnh độ Hoặc Vấn để trừ nghi và sách tấn hành giả tu tập. Sư được Thuận đế nhà Nguyên ban hiệu Phật Tâm Phổ Tế Văn Tuệ Đại Biện Thiền sư và y kim lan.



Tác phẩm do Sư trước tác gồm: Lăng Nghiêm Kinh Hội Giải 20 quyển, Lăng Nghiêm Kinh Viên Thông Số 10 quyển, Tịnh độ Hoặc Vấn, Thiên Tông Ngũ Lục, Thập Phương Giới Đồ Thuyết.

Sư thị tịch vào năm Hồng Võ nguyên niên đời nhà Minh (năm 1354), khi tịch điềm lành rất nhiều, thọ 71 tuổi, không rõ Tăng lạp bao nhiêu.

Đại Sư dạy:



“Người đời nay tuy dễ tinh tiến song cũng dễ thoái lui, khi nghe lời khuyên nhắc thì đồng mãnh siêng năng, lúc gặp việc gì chướng ngại lại giải đãi thoái lui ngã theo hướng khác. Phần đông bọn họ đều nói: “Kết quả của sự niệm Phật có lẽ đợi sau khi chết rồi mới thấy, còn hiện tại chỉ thấy nhọc nhằn mệt mỏi mà chẳng thấy lợi ích thiết thực gì cả.” Thực đáng thương thay cho những kẻ nông nổi mê muội này.

Trong Kinh Tịnh độ có viết: Người nào hiện đời chí tâm thọ trì danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được mười điều thắng lợi như sau:

1. Ngày đêm thường được tất cả chư Thiên, đại lực thần tướng và hàng sa quyến thuộc ẩn hình ủng hộ.
2. Thường được 25 vị Đại Bồ Tát như đức Quán Thế Âm và tất cả Bồ Tát theo thủ hộ bên mình.
3. Hằng được chư Phật ngày đêm hộ niệm, đức A Di Đà thường phóng ánh sáng nhiếp thọ người ấy.

4. Tất cả ác quỷ như Dạ xoa, La sát đều không thể làm hại. Tất cả rồng độc, rắn độc và thuốc độc đều không thể xâm phạm.

5. Không bị những tai nạn như: nước trôi, lửa cháy, giặc oán, đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạch tử.

6. Những nghiệp ác về trước lần lượt đều tiêu diệt. Những oan mạng bị đương nhân giết, nhờ công đức niệm Phật, đều được giải thoát, không còn theo báo thù phục hận nữa.

7. Đêm nằm nghỉ yên ổn, hoặc mơ thấy điềm lành hay thấy sắc thân trắng diệu của đức Phật Di Đà.

8. Tâm thường an vui, nhan sắc nhuận khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt đẹp.

9. Thường được mọi người kính trọng giúp đỡ, hoặc hoan hỷ lễ bái cũng như kính Phật.

10. Khi lâm chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được thấy Phật A Di Đà cùng các thánh chúng tay bưng đài vàng tiếp dẫn vãng sanh về Cực lạc, cùng tận kiếp vị lai hưởng thọ sự vui nhiệm mầu.







Đại sư Thiên Thai Trí Giả


Đại sư Trí Khải khi chưa xuất gia là con nhà họ Trần, tự là Đức An, tổ tiên trước kia là người vùng Dĩnh Xuyên (nay thuộc Hứa Xương, Hà Nam) nhưng ngài sinh ra vào năm 538 ở Hoa Dung, Kinh Châu, (nay thuộc Hồ Bắc).

Từ nhỏ ngài đã có lòng tin Phật. Năm 17 tuổi, gặp lúc nhà Lương suy mạt, binh loạn khắp nơi, ngài phải lưu lạc đây đó. Năm 18 tuổi đến chùa Quả Nguyên ở Tương Châu xuất gia, đủ 20 tuổi thì thọ Cụ túc giới.

Vào niên hiệu Thiên Gia thứ nhất đời Trần Văn Đế (560), ngài đến núi Đại Tô, Quang Châu (nay là

Hoàng Xuyên, Hà Nam) theo ngài Huệ Tư học Tứ an lạc hạnh, tu chứng được Pháp Hoa Tam-muội.

Niên hiệu Quang Đại thứ nhất đời Trần Phế Đế (567), ngài đến Kiến Khương giảng dạy pháp Thiên, ở chùa Ngõa Quan trong 8 năm, giảng Đại Trí Độ luận và thuyết Thứ đệ thiên môn, cùng giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa và nhiều kinh điển khác.



Đến niên hiệu Thái Kiến thứ 7 đời Trần Tuyên Đế (575), ngài vào núi Thiên Thai (cũng gọi là Thiên Đài) ẩn cư tu tập. Cho đến niên hiệu Chí Đức thứ 3 (585), Trần Hậu Chủ ban sắc chỉ thỉnh ngài trở về Kiến Khương giảng kinh Nhân vương Bát-nhã và một số kinh khác.

Năm sau đó (586), thái tử nhà Trần đến xin thọ giới với ngài. Năm 587, ngài ở chùa Quang Trạch giảng kinh Diệu Vị Năng Liên Hoa, đệ tử là ngài Quán Đỉnh ghi chép tất cả lời giảng, soạn lại thành sách Pháp Hoa văn cú.

Từ sau khi nhà Trần bị nhà Tùy diệt, ngài đến ở Lư Sơn. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ 11 đời Tùy Văn Đế (591), Tấn Vương Dương Quảng (con Tùy Văn Đế) thỉnh ngài đến Dương Châu để thọ giới với ngài, ban tôn hiệu là Trí Giả, nhân đó đương thời tôn xưng ngài là Trí Giả Đại sư.

Năm 592, ngài đến Kinh Châu xây dựng chùa Ngọc Tuyền, thuyết giảng Pháp Hoa huyền nghĩa và Ma-

ha chỉ quán, đệ tử là Quán Đỉnh cũng chép lại thành sách lưu truyền. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ 15 (595), ngài lại vì Tấn Vương Dương Quảng mà soạn bộ Tịnh Danh kinh sơ (Sớ giải kinh Duy-ma-cật). Năm sau đó (596), ngài từ biệt trở về núi Thiên Thai, trùng tu tự viện. Sang năm sau nữa (597) thì viên tịch.

Suốt một đời ngài đã kiến lập đến 36 ngôi chùa, truyền giới độ tăng đến 14.000 vị, đệ tử nổi pháp có 32 người, đứng đầu là ngài Quán Đỉnh. Trước tác các sách luận giải chú thích có đến 29 bộ, 151 quyển. Ngay cả trước lúc lâm chung còn khẩu truyền bộ Quán tâm luận, cũng là một quyển luận được người sau xem trọng. Đó là chưa kể còn có rất nhiều sách khác vẫn được cho là của ngài nhưng chưa dám xác quyết, vì còn ngờ là do người đời sau nhầm lẫn. Quả thực là một vị danh tăng xưa nay ít có!








Hòa thượng Tuyên Hóa

Hoà thượng vốn họ Bạch, tên tục là Ngọc-Thư, Pháp danh là An Từ, tự Độ Luân, và Tuyên Hóa là pháp hiệu do Lão Hòa thượng Hư Vân đặc biệt tặng cho khi ngài thọ lãnh sứ mạng làm người kế thừa truyền Pháp đời thứ chín của Thiền Tông Quy Ngưỡng. Ngài sinh ngày 16 tháng 3 năm Mậu Ngọ (1918), tại tỉnh Kiết Lâm, huyện Song Thành, tỉnh Tùng-Giang, Đông Bắc Trung Hoa (tức Mãn Châu). Thân phụ ngài tên Phú Hải, chuyên nghề nông; thân mẫu thuộc dòng dõi họ Hồ, sinh được tám người con, năm trai ba gái, và ngài là út.

Thân mẫu ngài thọ chay trường, niệm Phật chẳng hề gián đoạn. Một đêm nọ bà mộng thấy Đức Phật A-Di-Đà hiện thân, phóng hào quang chiếu sáng

khắp thế giới, chấn động thiên địa. Giật mình tỉnh giấc, bà ngửi thấy mùi hương kỳ diệu khắp phòng, rồi sau đó hạ sanh ngài. Ngài vừa ra đời liền khóc suốt ba ngày đêm, chính là vì đau xót cho nỗi khổ của thế giới Ta-bà này vậy.



Năm ngài mười một tuổi, một hôm cùng chúng bạn dạo chơi, ngài chợt trông thấy một em bé miệng ngậm, mắt nhắm, nằm bó trong đám rơm. Ngài gọi mà đứa bé chẳng đáp, rờ thì chẳng có hơi thở. Ngài lấy làm khó hiểu vô cùng nên hỏi lũ bạn. Có kẻ hiểu biết nên liền nói: “Đứa bé đã chết rồi!” Song Ngài vẫn vô cùng ngạc nhiên, không hiểu thế nào là chết. Về nhà, Ngài thưa hỏi thân mẫu, bà dạy: “Phàm làm người, ai cũng phải chết. Có kẻ chết già, có kẻ chết vì bệnh, cũng có kẻ chết vì tai nạn. Bất luận là giàu sang hay nghèo hèn, ai ai rốt cuộc cũng phải chết cả!” Ngài lại thưa: “Như vậy, có cách gì thoát sự chết chạng?” Bấy giờ trong nhà có vị khách xưa kia từng tu Đạo, đỡ lời đáp rằng: “Chỉ có cách tu Đạo, hiểu rõ tự tâm, thấu suốt bốn tánh, thì mới có thể chấm dứt sanh tử, thoát vòng luân hồi, thành tựu Chánh Giác, chứng được Vô Sanh.”

Tuy lúc đó ngài còn nhỏ tuổi, song đối với lời vị khách nói, ngài tỉnh ngộ sâu xa, nên quyết chí xuất gia tu Đạo. Khi Ngài mang chuyện xuất gia thưa với thân mẫu, bà dạy: “Xuất gia là điều tốt lắm, song không phải là chuyện dễ làm. Cần có thiện căn, có đại nguyện lực, phát đại Bồ Đề tâm, thì mới có thể


thành tựu Vô Thượng Đạo. Nay con có lòng vậy, ta hết sức đồng ý! Song, nay ta đã già, mà các anh chị con đều đã tự lập; vậy con nên ở lại để phụng dưỡng cha mẹ; khi ta mất rồi, con xuất gia tu hành cũng chưa muộn.”

Ngài vâng lời cha mẹ. Sau đó, hằng ngày thường theo thân mẫu lạy Phật. Lạy Phật xong, Ngài lạy cha mẹ. Rồi vì nhận thấy thế giới này còn lớn hơn cả cha mẹ, nên Ngài hướng về trời, đất, vua, sư trưởng mà lạy. Ngài lại nghĩ đến những người tốt trên thế giới mà lạy, thậm tạ ơn họ về các việc thiện họ đã làm. Nhận thấy những người ác thực đáng thương, Ngài lại vì họ mà lạy, mong sao nghiệp chướng của họ được giảm bớt và sớm biết hối cải. Mỗi ngày ngài lại nghĩ thêm những người khác để lạy; nên về sau, bất kể thời tiết, mỗi ngày ngài đều đặn lạy 837 lạy vào buổi sáng và 837 lạy vào buổi tối.

Ngày lại ngày, ngài cung kính phụng dưỡng song thân như đối với Đức Phật vậy. Chẳng bao lâu tiếng hiếu thảo đồn khắp bốn phương, và mọi người đều gọi ngài là Bạch Hiếu Tử (người con chí hiếu họ Bạch).

Năm ngài mười chín tuổi thì gặp phải tang thân mẫu. Sau khi chu toàn việc mai táng, ngài đến Chùa Tam Duyên lạy Lão Hòa thượng Thường Trí làm Thầy, và xuống tóc xuất gia. Sau đó, ngài về lại mộ phần thân mẫu thủ hiếu trong ba năm.





Suốt thời gian ấy, ngài sống trong một túp lều tranh nhỏ, ngày ngày tọa Thiền, đọc tụng kinh điển Đại Thừa và niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà. Rất nhiều lần ngài ngồi Thiền rồi nhập Định, liên tiếp trong nhiều tuần lễ chẳng rời thiền sàng. Một đêm nọ, dân trong thôn gần đó hốt hoảng thấy túp lều tranh của ngài hùng hực lửa đỏ. Ánh lửa hồng phừng thẳng lên giữa không trung và túp lều tranh thì sáng rực như ban ngày. Song, khi tới nơi mọi người thấy túp lều tranh vẫn bình lặng, và ngài thì an nhiên, tĩnh mặc trong Thiền Định!

Có lần ngài đang tọa Thiền thì chợt có vị khách đến viếng. Vị khách ấy, ngạc nhiên thay, chính là Lục Tổ Huệ Năng! Đức Tổ Sư dạy ngài rằng trong tương lai ngài sẽ đến Mỹ Quốc để độ sinh, rằng ở Tây phương Ngài sẽ gặp nhiều kẻ hữu duyên có thể hoàng dương Phật Pháp, và sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Mãi đến lúc Đức Tổ Sư từ biệt quay đi rồi, ngài mới choàng tỉnh, sực nhớ rằng Đức Huệ Năng vốn là người đời Đường, khoảng 1.200 năm về trước!

Năm 1946, sau khi Thế Chiến thứ hai kết thúc, tình trạng giao thông trong nước đã bắt đầu dễ dàng trở lại. Ngài bèn tìm xuống phía Nam để đến Chùa Nam Hoa ở Tào Khê, tỉnh Quảng Đông, đánh lễ Lão Hòa thượng Hư Vân, và đến núi Phổ Đà để thọ Cụ túc giới. Cuối cùng, trải hơn 3.000 dặm, Ngài đã được báii kiến Lão Hòa thượng Hư Vân, bậc Đại Thiện Tri Thức mà Ngài bấy lâu ngưỡng mộ.

Vừa nhìn thấy Ngài, Lão Hòa thượng, lúc ấy đã 109 tuổi, liền nhận ra ngay sự chứng ngộ của Ngài. Khi đó, lão Hòa thượng nói: “Như thị, như thị!” và Ngài cũng đáp lại “Như thị, như thị!” Biết Ngài là bậc “pháp khí”, Lão Hòa thượng Hư Vân ấn chứng sở đắc của Ngài, và Ngài chính thức trở thành vị tổ thứ chín của Thiền Tông Quy Nguống. Sau đó, Lão Hòa thượng dạy Ngài ở lại đảm nhận chức Viện Trưởng Viện Giới Luật Chùa Nam Hoa.

Năm 1949, Ngài từ già Chùa Nam Hoa, lên đường sang Hương Cảng, và sống trong một sơn động biệt lập. Chẳng bao lâu, có vô số tăng lữ từ Trung Hoa Đại Lục qua Hương Cảng tị nạn và cần sự giúp đỡ của Ngài. Ứng với nhân duyên, Ngài rời sơn động, sáng lập Phật giáo Giảng Đường, Chùa Tây Lạc Viên và Từ Hưng Thiền Tự, cùng trợ giúp xây dựng và trùng tu nhiều đạo tràng khác. Trong suốt mười hai năm ở Hương Cảng, Ngài là tấm gương sáng khổ hạnh, tinh tấn tu Đạo, vì Pháp quên mình. Ngài đã ảnh hưởng vô số thiện nam tín nữ, khiến họ phát tâm Bồ Đề, quy y Tam Bảo, ủng hộ Phật Pháp.

Hòa thượng Tuyên Hóa vốn nuôi chí nguyện đem Chánh Pháp truyền bá đến khắp nơi trên toàn thế giới, nên năm 1961, ngài sang Úc Châu hoằng Pháp; và năm sau, 1962, Ngài đến San Francisco, Mỹ Quốc. Tại đây, nơi một nhà kho nhỏ, ngài kiên trì tu hành trong im lặng, chờ đợi cơ duyên hoằng



dương Đạo Pháp chín muồi. Lúc ấy, Ngài tự gọi mình là Mộ Trung Tăng (nhà sư trong phần mộ), và Hoạt Tử Nhân (người đã chết nhưng còn sống).

Năm 1968, biết cơ duyên đã đến, ngài nói: “Một đóa hoa sẽ nở ra năm cánh.” Mùa hè năm ấy, ngài chủ trì Pháp hội giảng Kinh Lăng Nghiêm trong 96 ngày. Khi Pháp hội kết thúc, quả nhiên có năm người Mỹ xin xuất gia với ngài. Từ đó, Ngài chủ trì nhiều Pháp hội khác giảng giải Tâm Kinh, Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Hoa, Kinh Pháp Bảo Đàn, v. v.. Năm 1971, ngài giảng bộ Kinh tối cao của Đại Thừa, Kinh Hoa Nghiêm.

Song song với việc giảng Kinh thuyết Pháp, ngài còn làm vô số công đức độ sinh khác. Năm 1976, ngài thành lập Vạn Phật Thánh Thành, nền tảng căn cứ địa để hoàng dương Phật Pháp tại Mỹ Quốc. Tại Thánh Thành, Ngài xây dựng chế độ tùng lâm, đào tạo Tăng Ni học chúng, tạo nhân duyên thù thắng cho sự chân chính tu hành. Ngài chủ trương rằng tất cả Phật tử cần phải đoàn kết lại và nên dung hợp Nam, Bắc Tông. Vì thế, nhiều dịp truyền thọ Tam Đàn Đại Giới tổ chức tại Vạn Phật Thánh Thành là do chư cao tăng Đại Thừa và Tiểu Thừa hợp lực chủ trì.

Năm 1980, Ngài thành lập Trung Tâm Cứu Tế Nạn Dân, một tổ chức cứu trợ xã hội bất vụ lợi được chính phủ Hoa Kỳ ủy quyền để cứu tế, cung cấp các




lớp huấn nghệ và Anh ngữ, đồng thời giúp tái định cư người tỵ nạn từ Việt Nam, Lào, Campuchia. Trung tâm này đóng cửa vào năm 1986 theo quyết định của chính phủ.

Với tinh thần “Vi Pháp quên mình,” Hòa thượng không quản khó nhọc, thường xuyên đến các đạo tràng trong và ngoài nước để hoằng dương Phật Pháp. Ngài được mọi giới kính ngưỡng vì nếp sống khổ hạnh và nghiêm trì Giới Luật của ngài. Trong thời Mạt Pháp mà nhiều người không tôn trọng Giới Luật này, ngài đã nêu gương sáng và khuyến khích nếp sống khổ hạnh bằng cách chỉ ăn mỗi ngày một bữa vào giờ Ngọ và ban đêm thì ngủ ngồi chứ không nằm.

Bình sanh, ngài sống nhẫn nhục, khoan dung, nhịn ăn nhiều lần để hồi hướng công đức cho chúng sanh. Mặc dầu tuổi Ngài đã cao nhưng Ngài vẫn không muốn nghỉ ngơi tịnh dưỡng. Suốt ba mươi năm liên tục, Ngài đã đăng đàn thuyết Pháp và giảng luận kinh điển Phật giáo, gương cao ngọn đèn rực rỡ của trí huệ để soi đường cho chúng sanh đang chìm đắm trong đêm tối của thời đại Mạt Pháp này. Chính trong lúc ngài đang bệnh để gánh chịu khổ nạn cho chúng sanh, ngài vẫn kiên trì tiếp tục đại nguyện diễn dịch kinh điển Phật giáo.

Ngày 7 tháng 6 năm 1995, Hòa thượng Tuyên Hóa thị hiện viên tịch tại Los Angeles, Mỹ Quốc; trao lại





cho các đệ tử ba trách nhiệm quan yếu: (1) tiếp tục hoằng dương Phật Pháp, (2) phiên dịch kinh điển Phật giáo, và (3) hoàn mãn sự nghiệp giáo dục. Vâng theo di huấn của ngài, tứ chúng đệ tử tại các đạo tràng thuộc Tổng Hội Phật giáo Pháp Giới đều chuyên tâm trì tụng Kinh Hoa Nghiêm và niệm Phật suốt 49 ngày kể từ hôm ngài viên tịch. Ngày 12 tháng 6, 1995, Lễ Nhập Quan được cử hành tại Long Beach Thánh Tự; và đến ngày 16 tháng 6, Kim quan của ngài được cung thỉnh về Vạn Phật Thành. Tại đây Đại Lễ Truy Ân được tổ chức từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 7, tro cốt của ngài được rải trên địa phận của Vạn Phật Thánh Thành đúng như lời di giáo của ngài:

“Khi tôi đến, tôi không có gì cả; khi tôi đi, tôi vẫn không có gì cả. Tôi không muốn để lại dấu vết gì trên thế gian. Tôi từ hư không đến. Tôi sẽ trở về hư không!”

Dù cho ngài không muốn để lại một dấu vết nào trên thế gian này, nhưng công đức hoằng Pháp tại Tây phương, phiên dịch kinh điển, thiết lập đạo tràng và học đường của ngài lúc còn tại thế đã gieo hạt giống Bồ Đề và đã gây được ảnh hưởng sâu rộng đến các tầng lớp dân chúng Tây phương. Những dấu ấn đó của ngài sẽ không bao giờ phai mờ với thời gian!

Ngày 23 tháng 6 năm 1996, đúng một năm sau

ngày Hòa thượng Tuyên Hóa nhập Niết Bàn, Tổng Hội Phật giáo Pháp Giới long trọng tổ chức Lễ Cung thỉnh Xá Lợi Hòa thượng về các Đạo Tràng. Hòa thượng Tuyên Hóa đã vĩnh viễn ra đi, nhưng trong tâm trí mọi người vẫn âm vang lời di huấn của ngài: “Hãy quét sạch tất cả các Pháp, ly khai tất cả các tướng!”

Mười Tám Đại Nguyện của Lão Hòa thượng Tuyên Hóa

Năm Hòa thượng Tuyên Hóa mười chín tuổi thì thân mẫu Ngài tạ thế. Sau khi lo liệu chu toàn việc mai táng. Ngài tới Chùa Tam Duyên ở Hợp Nhĩ Tân lạy Hòa thượng Thường Trí làm Thầy, chính thức xuất gia. Ít lâu sau, ngài tới trước mộ phần của thân mẫu để thủ hiếu. Năm đó, nhân ngày vía Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, 19 tháng 6 âm lịch, ngài đối trước chư Phật và chư Bồ Tát mười phương phát Mười Tám Đại Nguyện:

“Kính lạy mười phương chư Phật, cùng Tam Tạng Pháp với chư Hiền Thánh Tăng trong đời quá khứ và hiện tại,

Nguyện rũ lòng chúng giám:

Đệ tử là Độ Luân, Thích An Từ, con nay phát tâm,
Chẳng vì cầu phước báu của hàng Trời, Người,
cùng Thanh Văn, Duyên Giác,



Hay của hàng Bồ Tát Quyển Thừa mà phát Bồ Đề Tâm.

Nguyện cùng tất cả chúng sanh trong Pháp Giới đồng thời chứng đắc, A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

1. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Bồ Tát ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì con thể không giữ ngôi Chánh Giác.

2. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Duyên Giác ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật, thì con thể không giữ ngôi Chánh Giác.

3. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Thanh Văn ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật, thì con thể không giữ ngôi Chánh Giác.

4. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Trời, Người ở trong Tam Giới, mà chưa thành Phật, thì con thể không giữ ngôi Chánh Giác.

5. Nguyện rằng nếu còn một Người ở trong mười phương thế giới chưa thành Phật, thì con thể không giữ ngôi Chánh Giác.

6. Nguyện rằng nếu có một vị Trời, Người hay A-tu-la, mà chưa thành Phật, thì con thể không giữ ngôi Chánh Giác.



7. Nguyên rằng trong thế giới loài Súc sanh mà còn một kẻ chưa thành Phật, con thể không giữ ngôi Chánh Giác.

8. Nguyên rằng trong thế giới loài Ngạ quỷ mà còn một kẻ chưa thành Phật, con thể không giữ ngôi Chánh Giác.

9. Nguyên rằng nếu trong thế giới loài Địa ngục, mà còn một kẻ chưa thành Phật hoặc địa ngục chưa trống không, thì con thể không giữ ngôi Chánh Giác.

10. Nguyên rằng trong Tam Giới, nếu còn một ai đã từng quy y với con-dù là Trời, Người, A-tu-la, các loài bay, lặn, động vật, thực vật, linh giới, rồng, súc sinh, quỷ, hoặc thần mà chưa thành Phật, con thể không giữ ngôi Chánh Giác.

11. Nguyên hồi hướng, bố thí khắp nơi mọi phước lạc mà con đáng được hưởng, cho tất cả chúng sinh trong Pháp Giới.

12. Nguyên rằng một mình con sẽ nhận chịu hết tất cả khổ nạn của chúng sinh trong toàn Pháp Giới.

13. Nguyên rằng con sẽ phân linh thành vô số để phổ nhập vào tâm của những chúng sinh nào không tin Phật Pháp, làm cho họ bỏ ác hướng thiện, sám hối tội lỗi, biết tự sửa mình, quy y Tam Bảo, rồi cuối cùng đều được thành Phật.

14. Nguyên rằng chúng sanh nào thấy mặt con,



hoặc chỉ nghe tên con, đều phát tâm Bồ-đề, chóng đắc thành Phật Đạo.

15. Nguyên rằng luôn tôn kính điều Phật dạy và thực hành mỗi ngày ăn một bữa vào lúc giữa trưa.

16. Nguyên giác ngộ loài hữu tình, nhiếp thọ rộng khắp các loài căn cơ.

17. Nguyên trong đời này con sẽ đắc Ngũ nhãn, Lục thông, phi hành tự tại.

18. Nguyên rằng tất cả nguyện trên đều được thành tựu viên mãn.

Và cuối cùng:

Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.”



Hòa thượng Diệu Liên

Ngài là con một nhà nghèo, tu lúc nhỏ. Năm 1949 ngài chạy nạn đi Hồng Kông. Một vị Hòa thượng ở Hồng Kông đáng lẽ cho ngài bế quan chỉ có 6 tháng thôi, nhưng ngài xin bế quan đến khoảng 20 năm. Sau đó ngài về Đài Loan, nhiều minh tinh Hồng Kông ủng hộ ngài nên ngài bắt đầu xây dựng Linh Nham Sơn Tự.

Ngài có phát nguyện 48 lời nguyện giống đức Phật A Di Đà, nhưng có thêm một lời nguyện nữa là “Nếu ai gặp tôi thì tôi sẽ độ về Tây phương Tịnh độ.”

Ghi chú: Người soạn không thể tìm thấy chi tiết hơn về “Tiểu sử của Hòa thượng Diệu Liên.”

Nếu bậc thức giả nào để tâm và thu thập được nhiều hơn, kính xin chia sẻ.





Thiền sư Lai Quả

Sư tên Diệu Thọ tự Lai Quả, hiệu là Tịnh Như, con nhà nông họ Lưu, quê ở huyện Hoàng Cương, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc.

Năm lên bảy, Sư nghe vị Tăng bên cạnh tụng câu “Vô trí diệc vô đắc” trong Tâm Kinh, Sư tỉnh ngộ.

Năm 12 tuổi, Sư có chí thoát trần, trốn đi xuất gia, bị người anh tìm bắt trở về.


Năm 15 tuổi, Hòa thượng Đại Trí dạy lấy niệm Phật để liễu thoát sanh tử, Sư bèn niệm Phật thành



phiến, cho đến ngủ chiêm bao cũng vẫn lớn tiếng niệm Phật. Hòa thượng nói: “Đây là chân thực niệm Phật. Vậy niệm Phật là người nào? Ông biết không?”. Sư không đáp được. Hòa thượng nói:

“Đợi ông tìm ra người niệm Phật, ta sẽ nói chuyện với ông.”

Năm 18 tuổi, Sư cắt gan trị bệnh cho cha.



Năm Ất-Tỵ (1905 TL), Sư 25 tuổi đi hành hương ở núi Phổ Đà, gặp một vị tăng khổ hạnh, Sư cảm kích bèn xuống tóc ở núi Bảo Hoa, Sư bị chư Tăng trong chùa hành hạ khổ sở chẳng xiết, trốn đến bờ sông, nhiều ngày bị nhện đói, cùng với chó hoang ở chung, muốn đâm đầu xuống sông tự vận, bỗng gặp vị Tăng ở chùa Di Đà, Kinh Khẩu cứu kịp. Sư theo vị Tăng ấy đến chùa Kim Sơn, song vì chưa thông thuộc quy củ nên một hôm bị đánh hơn bốn trăm hương bản.

Ngày 26-9 năm Quang Tự thứ 34 (1908 TL), Sư nghe tiếng mõ khai tịnh sau thời khóa công phu buổi chiều tối, hóat nhiên thoát lạc như buông gánh nặng ngàn cân, đánh mất cái mũi mẹ sanh, khóc to chẳng nín, hư không trên trời, nước chảy dưới đất, tất cả trệ ngại hoàn toàn tiêu hết, cơ dụng hiện tiền có hỏi liền có đáp. Hòa thượng, Ban Thủ đến tận nơi khen ngợi.

Một hôm Từ Bản lão nhân đưa cái khăn tay ra làm thế rửa mặt, hỏi Sư: “Là cái gì?” Sư nói: “Đã dư

chiếc khăn tay rồi.” Từ lão nhân chẳng đáp mà lui. Sư từ đấy càng thận trọng.


Sư từng được sung chức phạn đầu, hết sức phụng sự nhà chùa một cách tiết kiệm. Thủ Tọa khuyên Sư đảm nhiệm chức vụ ban thủ. Sư tự thấy mình còn kém bèn trốn sang chùa Cao Môn, cũng bị đảm nhiệm chức vụ ban thủ. Sư bỗng có ý du phương đi ẩn tu ở núi Chung Nam, gặp cư sĩ Cao Hạc Niên hối thúc trở về Nam.

Sư trở về chùa Cao Môn, Tổ Nguyệt Lăng sai Minh Hiên lão nhân chọn ngày truyền pháp cho Sư. Lúc lâm chung, Tổ nắm tay buộc Sư phải phát nguyện: “Sống làm người Cao Môn, chết làm quỷ Cao Môn”.

Sau khi nhậm chức trụ trì, Sư khôi phục lại quy chế cũ, lấy việc kiến thiết sửa sang bảo tháp, đại điện, thiền đường, Diên Thọ đường, Như Ý liêu, năm công trình lớn này làm chí nguyện, song cho đến khi tịch mà chưa viên mãn. Sư mong ước thừa nguyện lực tái lai để tiếp tục công trình cho hoàn tất. Chỉ có Cổ Lương Đình là làm xong, phong cảnh thanh u, làm tăng thêm pháp hỷ cho người.

Sư thuận theo lời khẩn thiết thỉnh cầu của các nơi, y theo lệ trước của Triệt Tổ Thiền Tuệ soạn quyển Tự Hành Lục ghi lại đầy đủ hành trạng cả một cuộc đời khôi-vĩ dị thường của Sư. Quyển sách này đã được ấn hành trong bộ Ngũ Lục.





Sư thân hình cao lớn trắng trẻo, mắt nhỏ, tiếng to. Từ 50 tuổi về sau, Sư hành hạnh đầu đà, và nếu chí mình chưa toại thì chẳng cạo bỏ râu tóc để đầu đầu nhớ mãi chí nguyện của mình, nhưng nghi biểu lại càng oai nghiêm, tánh tình cứng cỏi chân thực, gặp việc thì cố gắng hết sức làm, khiến cho ý không tốt của người tự tiêu tan. Cả đời Sư chỉ lấy hoàng pháp, ngộ đạo làm nhiệm vụ, đánh hết đều dung, chuông trống xen nhau, chưa từng có chút lời mồi. Đương thời, Hòa thượng Hư Vân là người được sự trọng vọng trong Tông Môn, tuy lớn tuổi hơn Sư mà cùng với Sư kế hợp không gián cách.

Có một lần, nhà chùa cần muốn hóa duyên để sửa tháp, Sư nhóm họp đồ chúng lại luận bàn, trong số chúng có mấy người phát nguyện lãnh trách nhiệm đi các nơi hóa duyên. Có một vị Tăng đến Vũ Hán cảm động sự phát tâm của thí chủ bèn tự chặt cánh tay để đến đáp, mọi người xa gần đều kinh ngạc ngợi khen.

Sư sanh vào giờ Dần, ngày 2-7 năm Tân-Tỵ (1881 TL) nhằm năm Quang Tự thứ bảy, diệt độ vào giờ Dần, ngày 17-10 năm Quý Tỵ (1953 TL). Sư thọ 75 tuổi, tăng lạp 49 xuân, giới lạp 49 hạ, pháp lạp 39 thu, trụ trì 35 đông.

Ngày mùng một tháng 11, linh cữu từ tinh thất ở Thượng Hải được đưa về chùa, ngày mùng 8 tháng Chạp trà tỳ, bốn chúng vân tập đau buồn thương

tiếc như đưa đám ma cha mẹ. Xá-lợi rất nhiều, sáng như lưu ly năm màu chói lợi. Giờ Thìn ngày 4-4 năm sau nhập tháp rồi cất đình ở bốn tự (Cao Môn) để thờ tháp Xá Lợi.







Lão Pháp sư Tịnh Không

Thượng Nhân thượng Tịnh hạ Không, tục danh là Từ Nghiệp Hồng, sinh năm 1927 tại huyện Lư Giang, tỉnh An Huy, Trung Quốc nhưng lúc nhỏ sống tại huyện Kiến Ngõa tỉnh Phước Kiến. Năm 1949, Sư đến Đài Loan, dạy học tại Thực Tiễn Học Xã. Ngoài việc giảng dạy, Sư gia tâm nghiên cứu kinh sử, cổ văn.

Để mở rộng tầm kiến văn, trong suốt 13 năm Sư đã theo học với các bậc danh sĩ thạc học thời đó là các vị Phương Đông Mỹ, lão cư sĩ Lý Bình Nam v.v... Ngoài ra, Sư còn theo học Mật Giáo Tây Tạng với Chương Gia Đại Sư. Tuy thế, vị thầy Sư kính phục nhất và học hỏi được nhiều nhất vẫn là lão cư sĩ Lý

Bình Nam. Sư nỗ phục cụ Lý sâu xa đến nỗi hầu như bất cứ khi nào giảng pháp, dù bất cứ đề tài nào, Sư đều nhắc đến Lý lão cư sĩ với lòng biết ơn vô hạn. Dưới sự giảng dạy, dìu dắt của những vị trên, Sư thấu hiểu sâu xa, thâm nhập kinh điển Phật học.

Năm 1959, 32 tuổi, Sư thể phát xuất gia tại chùa Lâm Tế thuộc Viên Sơn, thành phố Đài Bắc, pháp danh là Tịnh Giác, pháp tự là Tịnh Không. Sau khi thọ Cụ Túc giới, Sư tích cực hoằng dương Phật pháp cả trong nước lẫn hải ngoại. Đề tài giảng thuật của Sư rất phong phú: Trong suốt 30 năm, chưa hề gián đoạn lúc nào, Sư liên tục giảng rộng đến mấy mươi loại kinh, luận Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Kim Cang, Lăng Nghiêm, Viên Giác, Lục Tổ Đàn Kinh; nhưng kinh Sư tâm đắc nhất là Tịnh Độ Ngũ Kinh (A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, chương Đại Thế Chí Niệm Phật của kinh Lăng Nghiêm và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện).

Sư học rộng, hiểu nhiều, thâm nhập Kinh Tạng, hiểu rõ Thiền lẫn Mật, nhưng lại chuyên chú nơi Tịnh Nghiệp. Sư chủ trương đại chúng học kinh điển để lãnh hội sâu rộng Phật pháp, nhưng hạnh phải chuyên nhất. Vì thế, đạo tràng Tịnh Độ các nơi của Sư sớm tối chỉ tụng kinh Di Đà hoặc kinh Vô Lượng Thọ. Mỗi tháng đều cử hành Phật thất nghiêm nhặt. Các đạo tràng không làm gì khác ngoài việc chuyên trì hồng danh, hoằng dương

Tịnh Độ. Các pháp hội mang tính chất cầu an, giải hạn, hay thiên thất tuyệt nhiên chẳng cử hành. Su tuân thủ triệt để đường lối chuyên tu của Tổ Ấn Quang: nhất tâm trì danh, vạn thiện đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ.

Khi giảng pháp, Đại Sư dùng những lời lẽ đơn giản, dễ hiểu, chú trọng những ý chính để người học dễ lãnh hội và vận dụng trong cuộc sống. Tuy được coi là bậc Thái Sơn Bắc Đẩu trong Phật giáo Đài Loan hiện tại, lúc nào Sư cũng khiêm cung, điềm đạm. Trong các bài giảng pháp, khi mở đầu Sư luôn xin phép vị Tăng trụ trì trung tâm và chỉ xưng là “học nhân”, không bao giờ tự xưng là “lão tăng” hay “sư phụ” chi cả.

Khác với các đạo tràng của những giáo hội khác như Phật Quang Sơn, Pháp Cổ..., đạo tràng của Đại Sư không trần thiết hoa mỹ, cầu kỳ, mà mang nặng tính thiết thực, thuận tiện cho tứ chúng vân tập niệm Phật cộng tu. Các tự viện không được phép kinh doanh dù chỉ là bán các pháp khí, kinh sách. Các tăng ni thường trú tại các tự viện thuộc hệ thống Tịnh Tông Học Hội chỉ lo hướng dẫn đại chúng tu tập, mọi việc quản trị đã có ban hộ tự lo liệu. Đa số các Tăng sĩ thuộc hệ thống Tịnh Tông Học Hội đều được đào tạo kỹ lưỡng. Các vị Pháp Sư đều khiêm tốn, đạm bạc, khắc kỷ, giữ gìn giới luật, chăm tu Tịnh nghiệp, phong thái nhàn tản, ung dung. Những ai tìm đến đạo tràng ngài nếu



không thực tâm tu học sẽ chán nản, bỏ cuộc vì ngoài thời khóa Tịnh Độ sớm tối, không hề có bất cứ một hình thức pháp hội nương tay, giải hạn, lễ sám nào khác.

Để đào tạo tầng lớp giảng sư có đủ trình độ hoàng dương Phật pháp, Sư đã thành lập những ban bồi dưỡng công tác giảng huấn tại các trung tâm lớn như trung tâm Tịnh Tông tại Los Angeles, Singapore... Dù tuổi tác đã cao, năm nay đã ngoài 86 tuổi, Sư vẫn tích cực hoàng pháp, rất minh mẫn.






Hòa thượng Thích Thiên Tâm (1925-1992)

Hòa thượng pháp danh Thiên Tâm, pháp hiệu Liên Du, tự Vô Nhất thuộc dòng Lâm Tế Chánh Tông đời thứ 43, thế danh Nguyễn Nhật Thăng, sinh năm 1925 (Ất Sửu) tại xã Bình Xuân, Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Song thân là cụ Nguyễn Văn Hương và cụ Trần Thị Dung pháp danh Giác Ân. Ngài là người con thứ 10 trong số 13 anh em gồm 4 trai, 9 gái.

Xuất thân từ gia đình Nho giáo kính tín Tam Bảo. Sáu tuổi, ngài đã cắp sách đến trường học quốc ngữ song song với Nho học. Lúc thiếu thời, ngài đã bộc lộ thiên tư tài hoa văn nhã, phẩm chất cao khiết, và là người con chí hiếu với cha mẹ. Do vì thấy mẹ đau yếu triển miên, năm 12 tuổi, ngài ra đi tìm thầy

học thuốc để mong trị lành bệnh cho thân mẫu. Nhân tạm trú học thuốc tại chùa Vĩnh Tràng - Mỹ Tho, ngài có dịp nghiên tâm Phật điển và nuôi dần ý chí xuất gia tu học.

Năm 19 tuổi, ngài đến tu tại chùa Sắc Tứ Linh Thú ở Xoài Hột, và được thế phát xuất gia vào năm Ất Dậu (1945) làm đệ tử của Đại lão Hòa thượng Thành Đạo.



Năm 1948, Ngài thọ giới Sa Di và học ở Phật học đường Liên Hải cùng Phật học đường Nam Việt chùa Ấn Quang cho đến năm 1951 để hoàn tất chương trình Trung đẳng Phật học. Thời gian đó, Ngài được thọ Tỳ Kheo giới tại Đại giới đàn Ấn Quang, tổ chức năm 1950.

Từ năm 1951 đến năm 1954, ngài hoàn tất chương trình Cao đẳng Phật học tại Phật học đường Nam Việt.

Năm 1954, tốt nghiệp lớp Cao đẳng xong, ngài lui về nhập thất tịnh tu trong mười năm tại trụ xứ Cái Bè và Vang Quới.

Dù nhập thất tinh tấn chuyên tu, song Hòa thượng không xa rời bi nguyện độ sanh. Trong mười năm ấy, Ngài đã phiên dịch các loại kinh sách chuyên hướng xiển dương pháp môn Tịnh độ, như: kinh Quán Vô Lượng Thọ, Tịnh Học Tần Lương, Lá Thư Tịnh độ, Hương Quê Cục Lạc, và giảng dạy cho Ni chúng khắp nơi đến thọ học.

Năm 1968, Hòa thượng chính thức về trụ hẳn ở Đại Ninh, lập nên đạo tràng Tịnh độ. Ngài không câu nệ vào việc nhập thất, mà sẵn sàng tiếp hóa chư Tăng Ni Phật tử đến tham vấn học đạo. Ngài còn soạn thuật: Niệm Phật thập yếu, Tây phương nhứt khóa, Tịnh độ pháp nghi và phiên dịch kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni.

Năm 1970, Ngài xây dựng Hương Nghiêm Tịnh Viện, biến đạo tràng thành một vùng chuyên tu Tịnh độ, cũng là trung tâm xiển dương pháp môn này ở miền Nam. Tăng Ni tín đồ quy tụ về lập am thất trụ lại tu học rất đông. Danh đức của Ngài được lan truyền rộng và Phật tử đến quy ngưỡng ngày càng nhiều. Đặc biệt, ở Hương Nghiêm Tịnh Viện này tâm Tịnh độ là nguồn cảm hứng để ngài sáng tác rất nhiều thơ văn đượm chất đạo vị, thanh thoát. Thơ văn liễu ngộ tâm cảnh Cực Lạc của ngài cảm hóa được không biết bao nhiêu đồ chúng hướng về pháp môn này.

Từ năm 1975, ngài viễn ly mọi sự nghe thấy bên ngoài, lặng lẽ nhiếp tâm tu niệm gia trì hai pháp môn Mật Tịnh song hành. Suốt một thời gian dài, ngài kiên trì nhập thất chăm chăm giải quyết việc lớn sanh tử, song ngài vẫn soạn dịch bộ: “Mấy điệu sen thanh” và “Tam bảo cảm ứng lục” để lợi lạc nhân sinh khuyến tu Tịnh độ.

Những ngày cuối cùng cuộc đời ẩn tu hành đạo, ngài



vương chút thân bệnh, trước đó ngài đã giao phó mọi việc của Tịnh viện Hương Nghiêm lại cho Tăng đồ quản lý điều hành. Ngài cố gắng khắc phục thân bệnh, nỗ lực dụng công trì danh hiệu Phật. Cho đến khi cảm nhận thời khắc vãng sinh, ngài bảo đồ chúng vây quanh trợ niệm, rồi đến 9 giờ sáng ngày 21 tháng 11 năm Nhâm Thân (tức ngày 14-2-1992), Ngài an nhiên thoát hóa, vãng sinh hưởng thọ 68 tuổi, hạ lạp 42.

Các tác phẩm của Hòa thượng để lại:

- Kinh quán vô lượng thọ.
- Tịnh học tân lương.
- Lá thư Tịnh độ.
- Hương quê cực lạc.
- Tịnh độ thập nghi luận.
- Kinh đại bi tâm đà la ni.
- Niệm Phật thập yếu.
- Tây phương nhựt khóa.
- Tịnh độ pháp nghi.
- Kinh Phật danh tôn thắng đà la ni.
- Mấy điệu sen thanh.
- Tam bảo cảm ứng lục, v.v.



Trưởng Lão cư sĩ Lý Bình Nam hiệu Tuyết Lư Lão Nhân (theo Lý Công Tuyết Lư Lão Cư Sĩ Lược Sự)

Cư sĩ Lý Bình Nam thời Dân Quốc, hiệu Tuyết Lư hay Tuyết Tăng, người thành phố Tế Nam tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Từ bé, ông đã đỉnh ngộ, hiếu học. Ông chuyên học về pháp luật, chính trị và học cả Trung y, nghiên cứu Phật học: Giáo, Thiền, Tịnh, Mật, ông đều thường tu trì. Ông từng giữ chức giám ngục của huyện Lũ, nhưng nhân từ tốt bụng, chung thân ăn chay.

Ông quy y với vị Tổ thứ mười ba của Tịnh tông là Ấn Quang Đại Sư, được ban hiệu là Đức Minh. Ông gắng sức tự hành, dạy người chuyên tu Tịnh nghiệp. Ông đáp lời mời, làm bí thư cho vị chủ

nhệm quản trị nhà thờ phụng Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư (Khổng Tử), sau đó theo chủ nhiệm Khổng Thượng Công (Khổng Đức Thành) thiên di theo chính phủ về Trùng Khánh, sống ở biệt thự Ý Lan thuộc núi Ca Nhạc, nhưng mỗi sáng sớm, ông đều lên chùa Vân Đảnh để lễ tụng, niệm Phật.

Tháng Hai năm Dân Quốc 38 (1949), vào lúc sáu mươi tuổi, ông theo Khổng Thượng Công qua Đài Loan, ngụ tại Thành phố Đài Trung. Vừa mới sắp xếp công vụ xong, ông đã tìm được chùa Pháp Hoa để làm cơ sở hoàng pháp và lập phòng chẩn mạch Trung y, lập Bồ Đề Y Viện và Thí Y Hội v.v... để chữa trị, hốt thuốc miễn phí. Ông khởi xướng những sự nghiệp hoàng hóa, từ thiện để tiếp dẫn quần cơ đồng tu Tịnh nghiệp.

Ông thường nhóm chúng niệm Phật; cử phái viên hoàng pháp đến thăm các nhà giam và những gia đình liên hữu. Do đó, pháp duyên ngày càng rộng rãi; tòa giảng kinh của ông mở rộng đến các chùa Linh Sơn, Bảo Giác, Bảo Thiện v.v... Ông còn khuếch trương những cơ sở truyền giáo khắp cả Tam Đài (Đài Bắc, Đài Trung và Đài Nam), chuyên hoàng dương Tịnh Độ phổ độ chúng sanh. Mỗi năm, cử hành Phật Thất nhiều lần; lần nào ông cũng đích thân chủ trì, ân cần, thiết tha huấn thị. Ông thường soạn các tài liệu Phật học hàm thụ và vấn đáp, soạn các chương trình phát thanh miễn phí gửi tặng các đài phát thanh.



Về trước tác có: A Di Đà Kinh Trích Chú Tiếp
Mông Kỳ Nghĩa Uẩn (lược chú Kinh Di Đà để
những người kém hiểu biết lãnh hội được ý nghĩa
sâu xa), Đại Chuyên Học Sinh Phật Học Giảng Tòa
(tài liệu giảng dạy Phật học cho sinh viên chuyên
ngành Phật học) gồm sáu quyển: Phật Học Vấn
Đáp Loại Biên, Hoàng Hộ Tiểu Phẩm Vựng Tồn,
v.v... hóa độ nhân gian.

Nhân đó, ở các nơi gần hay xa, mọi người đều được
bình đẳng hưởng thụ pháp ích. Sau ông nghỉ việc
để tăng thời gian hoằng pháp; luôn luôn khuyên
người khác tin sâu nhân quả, già dặn, chắc thật
niệm Phật.

Ngày mười hai tháng Tư năm Dân Quốc 75 (1986),
ông bảo đệ tử hầu cận: “Ta sắp đi đây!” Đến sáng
hôm sau, ông niệm Phật đến nhất tâm bất loạn,
dạn dò đệ tử rồi nằm yên lành mà tịch. Thọ chín
mười bảy tuổi. Sau khi trà tỳ, thu được hơn cả ngàn
viên xá lợi ngũ sắc.








Trưởng Lão cư sĩ Hạ Liên Cư

Lão cư sĩ Hạ Kế Tuyền, tự Phổ Trai, hiệu Cù Viên; khi ty nạn tại Nhật Bản, lấy tên là Hạ Tuyền, khi về nước đổi thành Liên Cư, biệt hiệu là Nhất Ông. Hạ lão cư sĩ là người Vận Thành, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, là con trưởng của quan đề đốc hai tỉnh Vân Nam – Quý Châu triều Thanh là cụ Hạ Tân Dật, thụy hiệu Tráng Vũ Công. Hạ lão cư sĩ sinh ngày 20 tháng Ba năm 1884 tại Vu Điền, Tân Cương. Về già, ông sống tại Bắc Kinh và đến ngày 14 tháng 12 năm 1965, không bệnh mà mất, trụ thế 82 năm.

Sinh bình, Hạ lão cư sĩ từng giữ các chức vụ tri châu tỉnh Trực Lệ, tri huyện Tịnh Hải, tri phủ Giang Tô, đoàn luyện phó đại thần tỉnh Sơn Đông. Sau cách



mạng Tân Hợi (1911), được đề cử giữ chức hội trưởng hội Liên Hiệp Các Giới tỉnh Sơn Đông để tuyên cáo tỉnh Sơn Đông độc lập. Khi chế độ Dân Quốc được thành lập, ông được mời giữ chức cố vấn tối cao cho phủ Đệ Đốc tỉnh Sơn Đông, kiêm nhiệm các chức bí thư trưởng, tham mưu trưởng v.v... Năm 1916, giữ chức bí thư trưởng phủ Tổng Thống. Năm 1918, được bầu làm nghị viên Quốc Hội, đảm nhiệm chức giám đốc viện bảo tàng Tề Lỗ Kim Thạch Họa Thư Quán, đồng thời làm lâm trưởng của Sơn Đông Phật Giáo Cư Sĩ Lâm. Năm 1920, giữ chức Giám Vận Sứ tỉnh Sơn Đông, tận lực bài trừ những tệ đoan lâu đời trong việc đánh thuế muối, được dân chúng khen ngợi khôn cùng. Năm 1921, ông từ chức để trừ bị kế hoạch lập đại học Điền Phụ và đảm nhiệm chức vụ hiệu trưởng trường Đông Lỗ.

Năm 1925, vì xảy ra vài biến cố chính trị, ông lánh nạn qua Nhật và hai năm sau, Hạ lão cư sĩ trở về nước, dưỡng bệnh ở vùng Thiên Tân - Đại Cô. Năm 1932, chuyển đến sống ở Bắc Kinh, chuyên tâm nghiên cứu, hoằng dương Phật pháp.

Năm 1939, cùng với Hiện Minh trưởng lão, phương trượng chùa Quảng Tế ở Bắc Kinh, cư sĩ Cận Dực Thanh (Vân Bằng) sáng lập Tịnh Tông Học Hội, lấy ngày khánh đản Đại Thế Chí Bồ Tát làm ngày kỷ niệm sáng lập hội, với tông chỉ: “Nghiên cứu kinh điển Đại Thừa, phát dương tinh thần Phật giáo -

Lấy tín nguyện trì danh để nhập Di Đà Nguyện Hải”. Tổ chức này không có một cơ cấu quản trị trung ương mà chỉ hoạt động dựa trên tinh thần tự giác cộng tu của các đoàn viên, lấy việc hoằng dương Tịnh Độ làm sự nghiệp chính.


Thoạt đầu, Tịnh Tông Học Hội chỉ tổ chức các khóa Phật thất mỗi năm vài lượt tại các chùa Quảng Tế, Hiền Lương, Niêm Hoa, Cục Lạc Am và trường tiểu học Từ Đức cũng như cung thỉnh các vị cao tăng đại đức, cư sĩ hữu danh luân phiên giảng. Năm 1945, Hạ lão cư sĩ cùng các nhân sĩ thuộc Bắc Hải Đoàn tổ chức pháp hội tiêu tai cầu nguyện hòa bình vào đúng ngày thánh đàn Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, kéo dài suốt bảy ngày, quy tụ cả vạn người tham dự.

Dưới thời Mao Trạch Đông, các tự miếu bị, kiểm soát chặt chẽ, nhưng Tịnh Tông Học Hội vẫn kiên trì duy trì những pháp hội “bỏ túi” dù không còn có cơ hội tổ chức các Phật thất cộng tu như trước năm 1949 nữa. Chính nhờ sự hoằng pháp liên tục âm thầm của Tịnh Tông Học Hội tại Hoa Lục, Phật giáo Trung Hoa vẫn bảo tồn được nguyên khí và có dịp phục hưng sau khi cơn đại họa Cách Mạng Văn Hóa chấm dứt.

Hạ lão cư sĩ là người rất ham học, tính tình nghiêm cẩn, thông tuệ hơn người, thường hay quên ăn bỏ ngủ để đọc sách. Có những lúc dù chính sự bề



bộ, ông vẫn không hề xao nhãng việc học. Lúc trẻ, ông chú trọng từ chương, thông đạt các học thuyết Tống Nho, Lão Trang, nhưng càng lớn tuổi, ông càng chuyên tâm nghiên cứu nội điển nhà Phật. Do vậy, sự hiểu biết của ông về thế học lẫn Phật học rất quảng bác. Trước tác của ông, gồm đủ thể loại thơ văn, được các văn đàn khen ngợi đón chào nồng nhiệt.



Hạ lão cư sĩ thông hiểu thông suốt ba tông Thiên, Tịnh, Mật, nhưng vẫn quy hướng Tịnh Độ, lấy việc hoàng dương Tịnh Tông làm lẽ sống. Dù từng bao lượt thăng pháp tòa dạy pháp cho cả Tăng lẫn tục, bao Tăng Ni nhờ Hạ lão cư sĩ khai ngộ bỏ tục xuất gia, suốt đời ông luôn khiêm cung, giữ lễ độ tử tế gia đối với các bậc tôn túc trong Phật Môn. Những người theo học với ông thường suốt đời kính mộ, coi ông như một bậc Đại Sĩ tại gia Bồ Tát. Đề tài diễn giảng của ông rất rộng, bao gồm phần lớn những kinh luận chủ yếu của Phật Giáo Đại Thừa, nhưng mỗi bài diễn giảng đều quy dẫn về Tịnh Nghiệp.

Trong suốt mấy mươi năm ở Bắc Kinh, Hạ lão cư sĩ tích cực hoàng dương Tịnh Tông, đào tạo được nhiều học trò lỗi lạc về hoàng pháp lẫn biên thuật. Người nổi tiếng nhất trong số này là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Các vị tôn túc pháp sư đương đại như Đế Nhân, Huệ Minh, Tỉnh Minh cũng đều hâm mộ, tán thán nồng nhiệt công hạnh hoàng dương Tịnh

Nghiệp, hoàng pháp độ sanh của Hạ đại sĩ. Ngay đến bậc Thái Sơn Bắc Đẩu của nhà Thiển là Hư Vân Đại Lão Hòa thượng cũng ngâm ngùi bảo: “Chẳng biết bao giờ ta mới có dịp gặp được vị đại thiện tri thức ở phương Bắc này!” Tiếc thay vô thường chợt đến, duyên thị hiện hóa độ của bậc Đại Sĩ đã tận. Một ngày mùa Đông năm 1965, Hạ lão cư sĩ chợt cảm thấy không khỏe. Ngay trong đêm ấy, ông an tường quy Tây giữa tiếng niệm Phật, trụ thế 82 năm, để lại sự thương tiếc muôn đời cho các môn nhân.








Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ

Trong các vị cư sĩ hữu danh, thạc đức cận đại của Trung Hoa, ngoài những vị như Lý Bình Nam, Vương Bác Khiêm, Hạ Liên Cư, Mai Quang Hy... cụ Hoàng Niệm Tổ thường được nhắc đến như là một vị đại đức cư sĩ có công rất lớn trong việc hoằng truyền Tịnh Tông đương đại.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, pháp hiệu Long Tôn, ngoại hiệu Tâm Thị, Lạc Sanh, biệt hiệu Lão Niệm, Bất Thoái Ông. Hoàng lão sanh ngày mồng Sáu tháng Ba năm Quý Sửu (1913). Cha mất sớm. Mẫu thân là Mai thái phu nhân một lòng tin tưởng Phật pháp, lễ kính Tam Bảo, tịnh hạnh tốt vời. Ông tánh tình thuần hiếu, ngay từ nhỏ đã khác với những



đứa trẻ khác: không thích đùa nghịch, có ý thức trách nhiệm cao. Cung cách cư xử, ứng đáp, tiến thoái không gì là không đặc thể, không ai là không khen ngợi, ưa mến. Ông thường theo mẹ đi tụng kinh, nghe pháp. Ông được cậu ruột là lão cư sĩ Mai Quang Hy, một vị đại đức trong Tịnh tông thời ấy, răn dạy, hun đúc nên chí thú siêu quần, tỏ rõ tính cách của một con người túc căn phước đức thâm hậu.



Lần đầu đọc đến kinh Kim Cang, ông đã thâm nhập được diệu lý Vô Trụ Sanh Tâm, tâm hồn chấn động lớn lao. Từ đấy trở đi, ông nhiều lượt cảm thấy như được để hồ quán đảnh, thân tâm trong ngoài thanh lương, nhuận trạch. Ông cho rằng: “Muốn dùng tâm phàm phu mà thấu đạt niệם được cảnh giới ấy, ngoài niệם Phật hay trì chú không còn cách nào khác nữa!” Từ đấy về sau, đối với Phật pháp, ông phát lòng sùng kính sâu xa.

Năm hai mươi hai tuổi (1935), ông làm việc trong ngành khai thác than đá. Có một lần, trong giấc mộng, thấy cả nhà đều rỗng không, tâm chợt trở thành một phiến rỗng rang. Đó là lần khai ngộ đầu tiên. Trong thời kỳ kháng Nhật, Trung Hoa chìm đắm trong cơn binh hỏa, ông càng thêm tinh thành học Phật, từng quy y với bậc cao tăng đại đức của Thiên Tông đương đại là Hư Vân Thượng Nhân. Ông cũng quy y với đệ tử đích truyền của Tổ Sư Nặc Na phái Cổ Mật Hồng Giáo (Nyingmapa) là


thượng sư Liên Hoa Chánh Giác Vương và quy y thượng sư Cống Cát của phái Tây Tạng Bạch Giáo (Kargyupa). Về sau, vào năm 1959, ông được truyền thừa ngôi vị Kim Cang A Xà Lê của Liên Hoa Tinh Xá, kế thừa y bát và di chúc của thượng sư Liên Hoa Chánh Giác Vương.

Năm ông 32 tuổi (1944), ông được cụ Mai Quang Hy dẫn đến tham học với bậc Thiền Tịnh đại đức là lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Ông thâm hoạch lợi ích lớn lao, được cụ Hạ coi là đệ tử đặc ý. Hạ đại sĩ thâm hiểu Nho, Phật cũng như dung hội, quán thông sâu xa tông chỉ của các tông Thiền, Tịnh, Mật. Cụ Hạ trước tác rất nhiều, hoàng dương yếu chỉ Tịnh Độ đến chỗ thâm vi. Tác phẩm tâm huyết được đánh giá cao nhất của Hạ lão sư là công trình hội tập năm bản dịch kinh Vô Lượng Thọ mang tựa đề Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh (gọi tắt là Đại Kinh).

Cư sĩ Hoàng đích thân nghe Hạ đại sĩ giảng kinh này nhiều lượt, ghi chép tường tận và bản thân mình cũng thâm đắc pháp yếu của cả Thiền lẫn Tịnh. Vào thập kỷ 1960, ông soạn một bản Đại Kinh Huyền Nghĩa Đề Cương trình lên tôn sư giám định, được cụ Hạ hoan hỷ hứa khả, giao trọng trách chú giải để hoàng dương yếu chỉ của Đại Kinh. Cụ Hạ cũng cho phép cư sĩ Hoàng được tùy ý vận dụng kiến giải của mình để phát huy huyền nghĩa của kinh.



Năm 40 tuổi (1953), cư sĩ Hoàng làm giáo sư tại đại học Thiên Tân. Trong thời gian này, ông càng ra sức tu hành, tham học kinh điển. Có một ngày nọ, bao nhiêu kiến giải chợt dứt bật hết. Trình lên Hạ đại sĩ giám định, ông được Hạ công ấn khả là chân khai ngộ, khen ngợi đã đạt Nhất Tâm. Kế đó, thượng sư Liên Hoa Chánh Giác Vương cũng xác nhận ông đã khai ngộ không còn ngại gì nữa.



Trong cơn biến loạn Cách Mạng Văn Hóa ở Hoa Lục, cư sĩ Hoàng gặp phải nhiều cơn gian nan, thử thách, nhưng không hề biếng trễ việc tu tập. Càng gian nan, khổ khổ, ông càng thêm dũng mãnh tinh tấn, đạt được nhiều lợi ích rộng lớn trên đường Đạo, đúng như cổ đức răn nhắc: “Phải nếm đủ gian nan, khổ khổ mới thành tựu được!” Nhiều phen gặp những hoàn cảnh nguy hiểm tưởng chừng phải mất mạng, ông vẫn an nhiên trì tụng, gác chuyện sống chết sang một bên, hoàn toàn buông bỏ mọi việc, thản nhiên vượt qua hết.

Mang nặng chí nguyện truyền đăng, hoằng dương yếu chỉ Tịnh Độ nhằm cứu vớt quần sanh để báo ân Phật, ân thầy, cư sĩ Hoàng xem khắp các kinh, luận, khổ tâm tham học, nghiên cứu, trăn trở suy lường nghĩa lý để rồi từ năm 1979 đến năm 1981, ông đóng cửa tạ khách, chuyên tâm chú giải Đại Kinh. Đến năm 1981, bản thảo tập 1 tác phẩm Vô Lượng Thọ Kinh Chú Giải được hoàn thành. Năm 1982 hoàn thành bản thảo tập 2. Dù bệnh tình

đang hồi nghiêm trọng, bi tâm càng thêm thiết tha, ông vẫn gắng hết sức hoàn thành bản thảo tập 3. Cho đến năm 1984, toàn bộ bản thảo được hoàn tất và được ấn hành lưu thông khắp trong ngoài nước kể từ năm 1987.

Bản chú giải này thể hiện minh bạch chí nguyện khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến để dẫn dắt quần sanh của đức Thích Tôn và chư Phật, rất khế lý, khế cơ, lý sự viên dung, thâm nhập yếu chỉ của chư Phật, văn từ lưu loát, bóng bẩy, nghĩa lý minh bạch khiến cho những ai đọc đến đều được thẩm ngộ pháp vũ, đạt được lợi ích, pháp lạc sâu xa. Hòa thượng Tịnh Không cũng đánh giá rất cao tác phẩm này nên đã nhiều lượt đề xướng ấn tống bản Chú Giải ấy để tất cả các Phật tử thuộc các chùa viện ở Trung Hoa, Đài Loan và hải ngoại có thể tìm đọc.

Ngoài việc trước thuật, cư sĩ Hoàng còn tích cực diễn giảng Phật pháp hoặc giảng dạy pháp môn Tịnh Độ tại các nơi như Trung Quốc Phật Học Viện, hệ thống các chùa thuộc Cư Sĩ Lâm và đặc biệt là chùa Quảng Hóa. Do biện tài vô ngại, ông từng được đài phát thanh trung ương ở Bắc Kinh cho phép diễn giảng Phật Pháp hằng tuần trên làn sóng điện. Ông cũng từng được mời ra ngoại quốc để giảng pháp tại các Niệm Phật Đường của Hòa thượng Tịnh Không cũng như các hệ thống Niệm Phật Đường, tự viện khác. Đối với cư sĩ Hoàng, Hòa thượng Tịnh Không một mực kính trọng,



khâm ngưỡng, xưng tụng là bậc đại sĩ hoàng dương
Tịnh Tông đương đại và nhận mình là kẻ hậu học.

Ngoài tác phẩm Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ,
cư sĩ Hoàng còn soạn thuật những sách Tịnh Độ
Tư Lương, Cốc Hưởng Tập, Hoa Nghiêm Niệm
Phật Tam Muội Luận Giảng Ký (chú giải cuốn
Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội của cư sĩ Bành
Thiệu Thăng), Tâm Thanh Lục. Ngoài ra, còn rất
nhiều tác phẩm dang dở như Tịnh Tu Tiệp Yếu Báo
Ân Đàm (luận giải tác phẩm Tịnh Tu Tiệp Yếu của
lão cư sĩ Hạ Liên Cư), Thiền Tịnh Mật Tam Pháp
Nhất Vị Luận và Tùy Bút v.v... Tiếc cho chúng sanh
phước bạc chẳng thể đọc được những tác phẩm ấy.

Từ năm 1980 trở đi (nghĩa là trước khi bắt tay
soạn thảo cuốn Chú Giải nói trên), ông đã vương
nhiều trọng bệnh. Bác sĩ nhiều lượt buộc ông phải
ngưng trước tác, giảng dạy để hưu dưỡng cho đến
khi hoàn toàn bình phục. Mang nặng chí nguyện
độ sanh, ông phớt lờ những lời khuyến cáo ấy, vẫn
dốc trọn sức mình trong công cuộc hoằng pháp.
Nhận thấy tứ chúng người Hoa, nhất là hàng tại gia
cư sĩ ở hải ngoại, nhiều người thiếu căn bản Hán
học nên chưa thể lãnh hội trọn vẹn ý chỉ Đại Kinh,
ông bắt đầu trước tác cuốn Đại Kinh Bạch Thoại
Giải nhằm giải thích, diễn giải ý nghĩa từng câu
kinh trong Đại Kinh bằng văn ngôn đương đại. Dù
nhiều phen quên ăn, bỏ ngủ để gắng hoàn tất tác
phẩm ấy, do lòng từ bi quá mạnh, ông vẫn không



ngọt tùy cơ thuyết giáo cho những kẻ hữu duyên. Suốt ngày nhọc nhằn, bận rộn nên đến ngày hai mươi bảy tháng Ba năm 1992, không gượng nổi nữa, cư sĩ Hoàng đã hiện bệnh, vãng sanh. Trước lúc lâm chung, sức tàn không thể nói nổi nữa, ông mỉm cười an nhiên từ biệt đại chúng, quy Tây.

Ngày mồng Bảy tháng Tư năm 1992, đại chúng làm lễ trà tỳ. Di cốt của Hoàng đại sĩ trắng như tuyết. Lúc bốc tro, đại chúng tìm được hơn một trăm viên xá lợi ngũ sắc. Các chùa Quảng Hóa Tự, Quán Âm Điện và Vãng Sanh Đường mỗi nơi xin cung thỉnh một viên xá lợi để tứ chúng chiêm ngưỡng, phụng thờ.

Xét về công hạnh, Hoàng đại sĩ xứng đáng được tôn xưng là bậc tôn sư của Tịnh Tông đương đại. Dù thâm hiểu Thiền Tông, Mật Tông, bác lãm các điển tịch Mật tạng thuộc cả Đông Mật lẫn Tạng Mật, lại còn được kế thừa pháp tọa và y bát của một bậc tôn túc hữu danh, thạc đức trong phái Cổ Mật, ông vẫn dốc chí nơi Tịnh nghiệp, trọn đời hoằng dương Tịnh Độ, dùng pháp môn Tịnh Độ tiếp dẫn chúng sanh. Qua những tác phẩm và những bài thuyết giảng của ông, bao nhiêu người tỏ ngộ huyền nghĩa viên diệu khế lý, khế cơ của pháp môn Trì Danh Niệm Phật trong thời Mật Pháp. Nghe Hoàng đại sĩ giảng xong, rất nhiều thính giả đã chuyên tu Tịnh Nghiệp, thể trọn đời lấy hạnh Trì Danh làm Chánh Hạnh, cũng như phát thệ trọn đời trì tụng Đại



Kinh. Rất nhiều băng giảng ghi âm những lời pháp nhũ của Hoàng đại sĩ cũng như những tác phẩm của ông được lưu hành rộng rãi ở Hoa Lục. Tuy chỉ là một cư sĩ, với chí nguyện độ sanh sâu thẳm, thiết tha, Hoàng đại sĩ đã khéo vận dụng những sở trường của mình về thể học và đạo học khiến cho pháp hóa được tuyên lưu cùng khắp, tăng tục đều được ân triêm lợi ích. Công hoằng dương, giáo hóa ấy nào kém các bậc cao tăng hữu đức đương đại!



Tinh hoa lời dạy của chư tổ Tịnh Độ và các bậc tôn đức

Tổ Liên Tông thứ nhất: Đại Sư Huệ Viễn - đời Tấn

Đại Sư nói: “Thế nào là niệm Phật tam muội? Niệm Phật tam muội là ý chuyên nhất, tưởng vắng lặng. Ý chuyên nhất thì tâm không tán loạn, tưởng vắng lặng thì thần sáng, khí nhẹ. Khí nhẹ thì thân tâm khinh an, thần sáng thì không gì không thấu triệt. Đây chính là diệu dụng tự nhiên của định-tuệ hợp nhất.”


Đối với chỗ chính yếu trong sự tu tập, Đại Sư dạy: “Người phụng hành pháp của bậc hiền Thánh, nên tư duy cho hợp với lẽ phải. Luôn nghĩ thời gian qua mau mà lo tích tụ các công đức, thường phải tẩy rửa thân tâm cho được thanh tịnh, ngày đêm chuyên cần, thậm chí quên cả ngủ nghỉ; có vậy công đức mới được viên dung, thông suốt ba thừa, vượt qua tất cả, có khả năng dẫn dắt kẻ yếu đuối tinh tấn tu tập, làm chỗ nương cho người đời sau.”

Ngài còn dạy: “Thân người như huyễn, nguyện giữ giới luật hoàn toàn thanh tịnh.”



Tổ Liên Tông thứ hai: Đại Sư Thiện Đạo - đời Đường

Đại sư khai thị:



1. “Pháp môn Tịnh Độ là do Phật A Di Đà kiến lập, Thích Ca Mâu Ni Phật đã tuyên dương, mười phương tất cả chư Phật đều cùng khen ngợi đại pháp vô thượng siêu thắng khác biệt. Do lòng tin sâu này, mà phát ra nguyện vọng chân thật, nhằm chán Ta-bà, không sợ chết, bằng lòng xả bỏ tất cả thế gian vô thường; vui cầu Cực Lạc, thích được chết, bằng lòng chết sớm một chút, sớm một chút được vãng sanh Tây phương, thân cận Phật A Di Đà. Chuẩn bị đầy đủ loại tâm tình Tín nguyện này, bất cứ chúng sanh nào trong mười phương, chỉ cần xưng niệm “A Di Đà Phật”, Phật A Di Đà liền sẽ y theo thệ nguyện đích thân tiếp dẫn, dùng Phật lực tiếp độ chúng sanh niệm Phật, vượt khỏi sanh tử, vĩnh thoát luân hồi.”

2. “Đấng đại Thánh xót thương, khuyên người chuyên xưng danh hiệu, bởi vì phép xưng danh rất dễ, nếu có thể giữ mỗi niệm nối nhau, lấy suốt đời làm hạnh, thì mười người tu, mười người vãng sanh, trăm người tu, trăm người vãng sanh. Tại sao thế? Vì không có duyên tạp nên được chánh niệm, vì cùng với bản nguyện của Phật hợp nhau, vì không trái với kinh giáo, vì thuận theo lời Phật.

Nếu bỏ chuyên niệm mà tạp tu trong trăm người may ra được một hai người, trong ngàn người hy vọng được ba bốn người vãng sanh mà thôi”.


3. Có người hỏi: “Vì sao chẳng dạy tu quán mà chỉ dạy thẳng chuyên xưng niệm danh hiệu?”

Đáp: “Chúng sanh chướng nặng, cảnh vi tế mà tâm thì thô phù, thần thức lao chao nên khó thành tựu pháp quán. Vì thế, đức Đại Thánh bi mẫn khuyên ngay nên chuyên xưng danh hiệu, chính là vì danh hiệu dễ xưng, hễ niệm liên tục liền vãng sanh. Nếu có thể niệm niệm liên tục, lấy lúc hết mạng làm hạn thì mười người tu mười người được vãng sanh, trăm người tu trăm người được sanh. Vì sao vậy? Do vì không có tạp duyên bên ngoài nên được chánh niệm, vì tương ứng với bốn nguyện của Phật, vì chẳng trái giáo pháp, vì thuận theo lời Phật.”

4. “Người niệm Phật khi lâm chung chớ nên sợ chết. Phải thường nghĩ rằng: thân này không sạch, chịu nhiều sự khổ, nếu được bỏ huyễn thân mà sanh về Tịnh độ, chính là điều đáng vui mừng! Lúc đau yếu, chỉ nghĩ đến sự vô thường, một lòng niệm Phật chờ chết. Nhớ dặn người thân cận, khi có ai đến thăm nên khuyên vì mình mà niệm Phật, đừng nói chuyện tạp ở thế gian. Nếu bệnh nặng sắp chết, người xung quanh không được khóc lóc, phải đồng thanh niệm Phật đợi chừng nào bệnh như tắt hơi, trong mình lạnh hết rồi mới nên cử ai. Như được



người hiểu rõ lý Tịnh độ thường đến khuyên lớn nhắc nhở cho, đó thật là điều đại hạnh. Dùng theo phương pháp trên đây quyết định sẽ vãng sanh. Việc sống chết luân hồi rất lớn lao, phải tự mình gắng sức mới được, nếu một niệm sai lầm để luống qua, thì nhiều kiếp chịu khổ, có ai thay thế cho mình? Nên suy nghĩ kỹ, nên suy nghĩ kỹ.”



5. “Pháp môn niệm Phật thù thắng đến nước này thì mỗi một đồng tu niệm Phật chúng ta phải nên thống thiết mà phản tỉnh, hổ thẹn mà sám hối. Chúng ta phụ lòng chờ đợi nhớ mong của Phật A Di Đà đã nhiều kiếp! Cũng đã phụ lòng Thích Ca Mâu Ni Phật khẩn thiết dặn dò hết lời khuyên bảo, càng phụ lòng bi tâm kỳ vọng, khuyến tấn tán dương, chứng minh khen ngợi của mười phương tất cả chư Phật! Nghĩ đến chỗ này, mỗi một người niệm Phật phải nên thống thiết mà rơi lệ, không chỗ dung thân! Mỗi một vị dạy bảo người niệm Phật, cũng phải nên phản tỉnh: Tại vì sao đem đại pháp Di Đà nương vào Phật lực, nhất định an tâm, tín nguyện niệm Phật, quyết định vãng sanh thành Phật, thì dạy thành dựa vào tự lực, hoài nghi bất an, không được nhất tâm, không cách gì vãng sanh?”

6. Lại có người hỏi: “Vì sao chúng ta niệm Phật mà không thể vãng sanh?”


Đáp: “Dựa trên lý mà nói pháp môn Tịnh Độ là nhờ Phật lực của Phật A Di Đà cứu giúp, thì bảo

đảm vãng sanh một trăm phần trăm, nhưng vì sao thấy người niệm Phật hiện nay rất nhiều, nhưng người chân thật có thể vãng sanh thì lại rất là ít vậy? Đây là một vấn đề rất quan trọng, mỗi một người niệm Phật phải nghiêm túc đối với việc này, nhất định không được xem thường! Ngày nay chúng ta niệm Phật không cách gì vãng sanh, then chốt là ở “không có Tín Nguyện, hoài nghi bất an, sợ chết, vốn không cầu vãng sanh”. Người niệm Phật ngày nay niệm Phật, chỉ là cầu bảo hộ, cầu tiền của, cầu công danh, cầu bình an, cầu thuận lợi, cầu tiêu tai, cầu khỏi nạn, cầu trị bệnh, cầu sống lâu, cầu tất cả lợi ích của thế gian, nhưng tuyệt đối lại không cầu vãng sanh Tây phương!”



Tổ Liên Tông thứ ba: Đại Sư Thừa Viên - đời Đường

Sư chỉ dùng chuyên nhất pháp môn niệm Phật để khai đạo đồ chúng và chuyên y theo kinh Vô Lượng Thọ mà tu niệm Phật tam-muội để cứu độ quần sanh. Từ đấy, Sư dứt hết các duyên, chuyên tu Tịnh độ.



Vào năm đầu niên hiệu Thiên Bảo, Sư trở về núi Hành Sơn, lập tinh xá lấy hiệu là Di Đà Đài, chỉ an trí kinh tượng. Sư ăn mặc thô sơ, tinh cần tu khổ hạnh, thường thấy Thánh cảnh, lấy việc chuyên trì danh hiệu làm hạnh chính yếu, lấy sự bố thí, trì giới làm hạnh phụ trợ.

Đại Sư không để lại ngôn giáo nào, chỉ là thân giáo miên mật hành trì pháp Trì Danh niệm Phật, cầu nguyện vãng sanh Tây phương để làm y cứ cho người đời sau noi theo.

Tổ Liên Tông thứ tư: Đại Sư Pháp Chiếu - đời Đường

Đại Sư không để lại thánh ngôn nào, duy chỉ có vài kỳ tích do hàng đạo tục quen biết ngài khi ngài còn sinh tiền kể lại, có lược kê trong tiểu sử của ngài. Dưới đây chỉ trích ra vài đoạn ngài đánh lễ thỉnh hỏi hai bậc Đại Sĩ Văn Thù và Phổ Hiền.

Năm Đại Lịch thứ năm, vào ngày mùng sáu tháng Tư, Đại sư cùng đồng bạn mới đến chùa Phật Quang ở huyện Ngũ Đài. Đêm ấy, vào khoảng canh tư, ngài thấy ánh sáng lạ từ xa chiếu đến thân mình, liền nhắm phủng chùng tia sáng mà theo dõi. Đi được năm mươi dặm thì đến một dãy núi, dưới chân núi có khe nước, phía Bắc khe có cửa cổng bằng đá. Nơi cửa có hai vị đồng tử đứng đón chờ, tự xưng là Thiện Tài và Nan Đà. Theo chân hai đồng tử dẫn đường, ngài đến một ngôi chùa nguy nga, biển đề: “Đại Thánh Trúc Lâm Tự”. Nơi đây đất vàng, cây báu, ao sen, lầu các rất kỳ diễm trang nghiêm. Cảnh giới quả đúng như ảnh tượng đã thấy nơi bát cháo khi trước. Ngài vào chùa, lên giảng đường, thấy Đức Văn Thù bên Tây, đức Phổ Hiền bên Đông. Hai vị đều ngồi tòa sư tử báu cao đẹp, đang thuyết pháp cho một muôn vị Bồ Tát ngồi phía dưới lặng lẽ lắng nghe.

Pháp Chiếu bước đến chí thành đánh lễ, rồi quỳ



xuống thưa rằng: “Kính bạch Đại Thánh! Hàng phàm phu đời mạt pháp, cách Phật đã xa, chương nặng nghiệp sâu, tri thức kém hẹp, tuy có Phật tánh mà không biết làm sao hiển lộ. Giáo pháp của Phật lại quá rộng rãi mênh mông, chưa rõ pháp môn nào thiết yếu, để tu hành cho mau được giải thoát?”

Đức Văn Thù bảo: “Thời kỳ này chính là đúng lúc các người nên niệm Phật. Trong các hành môn không chi hơn niệm Phật và gồm tu phước huệ. Thuở đời quá khứ, ta nhờ quán Phật, niệm Phật, cúng dường Tam Bảo mà được Nhất thiết chủng trí. Tất cả các pháp như: Bát Nhã Ba La Mật, những môn thiền định rộng sâu, cho đến chư Phật cũng từ niệm Phật mà sanh. Vì thế nên biết, Niệm Phật là vua trong các pháp môn.”

Ngài Pháp Chiếu lại hỏi: “Bạch Đại Thánh! Nên niệm như thế nào?”

Đức Văn Thù dạy: “Về phương Tây của thế giới này, có Phật A Di Đà giáo chủ cõi Cực Lạc. Đức Thế Tôn đó nguyện lực không thể nghĩ bàn! Người nên chuyên niệm danh hiệu của Ngài nối tiếp không gián đoạn, thì khi mạng chung, quyết được vãng sanh, chẳng còn bị thoái chuyển.”

Nói xong, hai vị đại Thánh đồng đưa tay sắc vàng xoa đầu ngài Pháp Chiếu và bảo rằng: “Do người niệm Phật, nên không lâu sẽ chứng được quả Vô thượng Bồ Đề. Nếu thiện nam tín nữ nào muốn

mau thành Phật, thì không chi hơn niệm Phật. Kẻ ấy nhất định sẽ mau lên ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác.”

Tháng Chạp năm ấy, ngài nhập đạo tràng niệm Phật nơi chùa Hoa Nghiêm định kỳ tuyệt thực tu hành, nguyện vãng sanh về Tịnh độ. Đêm đầu hôm, ngày thứ bảy, đang lúc niệm Phật, Đại Sư bỗng thấy một vị Phạm Tăng bước vào bảo: “Ông đã thấy cảnh giới ở Ngũ Đài Sơn, sao không truyền thuật cho người đời cùng được biết?”. Nói xong, liền ẩn mất.

Hôm sau, trong lúc niệm Phật, vị Phạm Tăng hiện ra, bảo y như trước. Ngài đáp: “Không phải tôi dám giấu kín thánh tích, nhưng chỉ sợ nói ra người đời không tin sanh sự chê bai mà thôi”. Phạm Tăng bảo: “Chính đức Đại Thánh Văn Thù hiện tại ở núi này mà còn bị người đời hủy báng, thì ông còn lo ngại làm chi? Hãy đem những cảnh giới mà ông thấy được truyền thuật với chúng sanh làm duyên cho kẻ được biết, phát khởi tâm Bồ đề”. Ngài tuân lời, nhớ kỹ lại những sự việc đã thấy, rồi ghi chép ra truyền lại cho mọi người.



Tổ Liên Tông thứ năm: Đại Sư Thiếu Khang - đời Đường

Hành nghiệp chính yếu của Sư là luôn nhớ nghĩ nhàm chán cõi ngũ trước như uế, vui thích Tịnh độ, niệm Phật lớn tiếng và hành bố thí. Sư thường dạy chúng: “Các vị phải luôn khởi tâm nhàm chán xa lìa cõi Sa Bà năm uế trước, vui thích miền Tịnh Độ an vui mà cố gắng tu hành tinh tấn. Giờ phút này ai thấy được quang minh của ta, kẻ ấy mới thật là hàng đệ tử”.



Tổ Liên Tông thứ sáu: Đại Sư Vĩnh Minh - đời Tống

Ngài Diên Thọ là người đại biểu cho thời đại hưng thịnh của Thiền Tông. Ngài chủ trương “Phật tổ bất nhị”, “Thiền Giáo nhất thể”, chiết trung về Pháp Tướng, Tam Luận, Hoa Nghiêm, Thiên Thai, rồi dùng Thiền dung hòa tất cả, giữ luật thanh tịnh trang nghiêm, trì chú, niệm Phật vui cầu vãng sanh, nhóm tất cả Phật pháp ở trong một thân, nhưng lấy Nhất thừa của Hoa Nghiêm làm cứu cánh viên diệu, lấy linh minh diệu tâm của chúng ta làm bốn nguyên vạn pháp, đó là lý luận cao viễn hùng dũng. Đây là nét đặc sắc riêng biệt của ngài Diên Thọ, về vấn đề tự học bằng phương pháp tổng hợp so sánh tất cả. Về sau các tông có xu hướng dung hợp cũng theo tư tưởng, đường hướng của ngài Diên Thọ.


Đại Sư lại soạn ra tập Vạn Thiện Đồng Quy. Trong đó lời lẽ chỉ dạy về Tịnh độ rất thiết yếu, đại lược như sau:

1. Hỏi: Cảnh duy tâm Tịnh độ đầy khắp mười phương, sao không hưởng nhập, mà lại khởi lòng thủ xả, cầu về Cực Lạc gửi chắt ở đài sen. Như thế đâu hợp với lý vô sanh, và đã có tâm chán uế ưa tịnh thì đâu thành bình đẳng?

Đáp: Sanh duy tâm Tịnh độ là phần của các bậc đã



liễu ngộ tự tâm, chúng được pháp thân vô tướng. Tuy nhiên, theo kinh Như Lai Bất Tu Nghị Cảnh Giới, thì những bậc chúng Sơ địa vào Duy tâm độ, cũng nguyện xả thân để mau sanh về Cực Lạc. Thế thì biết ngoài tâm không pháp, cảnh Cực Lạc đâu ngoài Duy Tâm? Còn về Phần “Lý vô sanh mà môn bình đẳng” tuy lý thuyết là như thế, nhưng kẻ chí lực chưa đủ, trí cạn tâm thô, tập nhiễm nặng, lại gặp cảnh trần lồi cuốn mạnh mẽ, dễ gì mà chúng nhập được. Những kẻ ấy cần phải cầu sanh Cực Lạc, nhờ cảnh duyên thắng diệu ở đó, mới mau chúng vào Tịnh độ duy tâm và thực hành Bồ Tát.



Đại Sư còn dạy thêm: “Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ nói về chín phẩm có sự cao thấp. Tuy gồm đủ Thượng phẩm và Hạ phẩm nhưng chẳng ra ngoài hai thứ tâm:

1. Định tâm hay định thiện, là những vị tu tập quán pháp thành công, hoặc trì danh hiệu được vào tam muội. Các vị này sẽ sanh về thượng phẩm.
2. Tán tâm hay tán thiện, là những người chỉ niệm danh hiệu chưa được vào tam muội, hoặc tu các công đức lành khác trợ giúp, rồi phát nguyện hồi hướng. Hạng người này cũng được dự vào các phẩm thấp hơn. Nhưng cần phải trọn đời quy mạng Tây phương và chuyên cần tu tập. Lúc ngồi nằm thường xoay mặt về Tây phương. Khi niệm Phật, lúc phát nguyện, phải chí thành không xao lãng.

Tâm niệm khẩn thiết ấy ví như kẻ bị gông xiềng tù ngục cầu mau thoát ly; người lâm cảnh lửa cháy, nước trôi, hoặc giặc cướp rượt đuổi mong được thoát khỏi nạn. Lại phải vì sự sống chết, phát lòng Bồ đề, cầu sanh Tây phương, mau thành Thánh đạo để đền đáp bốn ân, nối thành Tam Bảo, độ khắp muôn loài. Chí thành như thế, quyết chắc sẽ được kết quả.


Trái lại, nếu lời và hạnh không hợp nhau, sức tín nguyện yếu kém, tâm không chuyên nhất, sự tu hành không tương tục thì khó hy vọng thành công. Bởi kẻ biếng trễ như thế e khi lâm chung bị nghiệp chướng trở ngại, chẳng gặp bạn lành, lại thêm thân thể đau nhức, tâm thức hôn mê, không thành chánh niệm. Vì sao? Bởi hiện tại là nhân, khi lâm chung là quả. Cần phải nhân cho chắc thật, quả mới không hư luống, như tiếng hòa nhã thì âm vang dịu dàng, hình ngay tắt bóng thẳng vậy. Nếu muốn khi sắp chết mười niệm thành công, thì ngay lúc hiện tại phải một lòng chí thiết tinh tấn tu hành, tất không còn điều chi lo ngại.

Đại khái, chúng sanh bởi tâm chia thiện ác, nên báo có khổ vui. Do nơi ba nghiệp tạo thành, mới khiến sáu đường luân chuyển. Nếu tâm sân hận, tà dâm, đó là nghiệp địa ngục. Tâm tham lam, bòn sẻn là nghiệp ngạ quỷ. Tâm ngu si, tà kiến là nghiệp súc sanh. Tâm ngã mạn, tự cao là nghiệp A Tu La. Giữ bền Ngũ giới, là nghiệp người. Tiến tu Thập



Thiện là nghiệp Trời. Chúng ngộ nhân không, là nghiệp Duyên Giác. Tu trọn Lục độ, là nghiệp Bồ Tát. Chân từ bình đẳng là nghiệp Phật.

Nếu tâm thanh tịnh niệm Phật, thì hóa sanh về Tịnh độ, ở nơi bảo các hương đài. Như ý mê tối đục như, tất gởi chất côi uế bang, nương cảnh nồng gò hầm hố. Cho nên lìa được tự tâm không còn biệt thể, muốn được quả tịnh, phải trồng nhân mẫu. Như tánh nước chảy xuống, tánh lửa bốc lên, lý thể tất nhiên, có chi mà ngờ vực. Đại Sư lại vì người đương thời còn phân vân giữa Thiện và Tịnh, chưa biết tu môn nào được kết quả chắc chắn, nên làm bài kệ Tứ Liệu Giản để so sánh sự lợi hại như sau:



Có Thiện không Tịnh độ,
Mười người chín chân chừ,
Nếu ám cảnh hiện tiền,
Chớp mắt đi theo nó
Không Thiện có Tịnh độ,
Vạn người tu, vạn đở,
Chỉ được thấy Di Đà,
Lo chi chẳng khai ngộ
Có Thiện có Tịnh độ,
Khác nào hổ thêm sùng,

Đời này làm thầy người,
Đời sau thành Phật, Tổ
Không Thiên, không Tịnh độ,
Giường sắt và cột đồng,
Muôn kiếp với ngàn đời,
Trọn không ai nương dựa
Ấn Quang Đại sư nói:

“Có Thiên là tận lực tham cứu, niệm bất tình mất, thấy tột cùng về mặt sẵn có trước khi được cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh. Có Tịnh Độ là chơn thật phát Bồ Đề tâm, sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây phương.


Nếu như tham Thiên chưa ngộ hoặc ngộ chẳng triệt để thì đều chẳng được gọi là “có thiên”

Nếu niệm Phật mà thiên chấp duy tâm, chẳng có tín nguyện, hoặc có tín nguyện nhưng chẳng chơn thành, thiết tha, chỉ hờ hững, lững lờ, hành qua loa cho có; hoặc hành tuy tinh tấn nhưng tâm mê đắm trần cảnh, hoặc cầu đời sau sẽ sanh trong nhà phú quý, hưởng vui ngũ dục; hoặc cầu sanh lên trời để hưởng vui phước trời; hoặc cầu đời sau xuất gia làm Tăng nghe một ngộ cả ngàn, đắc đại Tổng Trì, hoằng dương pháp đạo, phổ lợi chúng sanh thì đều chẳng đáng gọi là “có Tịnh Độ” vậy.



Còn bảo kẻ “không Thiển, không Tịnh” là nói đến kẻ vui đầu tạo nghiệp, chẳng tu thiện pháp thì thật là lầm lẫn lớn.

Pháp môn vô lượng nhưng chỉ có Thiển và Tịnh là thích ứng với các căn cơ nhất.



Kẻ nào chưa triệt ngộ mà lại chẳng cầu vãng sanh, cứ loay hoay tu đủ các pháp môn khác thì chẳng những đã không thể giữ cho Định và Huệ được cân bằng hòng đoạn hoặc, chứng chân; mà lại còn chẳng nương theo Phật lực để đời nghiệp vãng sanh! Dem công đức tu trì trọn đời mong cảm lấy phước báo trời - người, cây phước làm ác, sẽ đọa địa ngục; muốn có lại thân người thì thật là khó nhất trong những sự khó vậy! Câu “trọn không ai nương dựa” vẫn chỉ là lời nói còn nhẹ lắm do bị hạn cuộc trong âm vận bài kệ đó thôi! Đại sư (Tổ Vĩnh Minh) sợ đời chẳng hiểu nên đặc biệt viết bài liệu giản này để chỉ dạy đời tương lai.

Xin các hành nhân chuyên tâm trì danh, cầu sanh Tây phương thì mới chẳng uổng phí.”

Tổ Liên Tông thứ bảy: Đại Sư Tinh Thường - đời Tống

Sư trì giới luật tinh nghiêm, chuyên niệm danh hiệu Phật, phát Bồ đề tâm, kết xã niệm Phật, động viên khích lệ mọi người tu tập, nổi tiếng bốn phương nhưng ít trước thuật.

Trong sách Phật cư sĩ, Tổ sư Ấn Quang đã giảng giải cho chúng ta hiểu một cách đúng đắn rằng:


“Việc trước tác là tùy theo tâm nguyện của mỗi người, chúng ta nhất định không thể đánh giá phẩm chất đạo đức tốt xấu của người ấy qua việc họ trước tác được nhiều hay ít. Xưa nay, các bậc hiền bày Pháp thân ít dùng ngôn từ câu cú, không có trước tác. Lẽ nào chúng ta lại nghi ngờ được sao? Chúng ta biết rằng muốn thoát ly sanh tử, thật ra chẳng phải ở chỗ nói nhiều, mà chỉ cần một mực thâm tín, nguyện tha thiết, chí thành niệm Phật cầu sanh Tây phương là đủ. Song, cho dù đọc hết Đại tạng kinh đi nữa thì chẳng qua cũng chỉ để hoàn thành việc giải thoát mà thôi.”



Tổ Liên Tông thứ tám: Đại Sư Liên Trì - đời Minh

Dưới đây là pháp ngữ của Đại Sư:

1. Kinh Đại Tập nói rằng: “Thời đại mạt pháp hàng trăm triệu người tu hành, ít có một người đặc đạo, chỉ nương niệm Phật sẽ qua được biển sinh tử”.



Thời đại mạt pháp, căn khí chúng sinh ngu si yếu đuối. Không nương tựa vào sức đại từ, đại nguyện của đức Phật A Di Đà mà có thể đời này thành tựu sự giải thoát sinh tử, trong ức ức vạn người khó có một. Vậy hãy cẩn thận tuân theo lời chỉ dạy của đức Phật. Xin khuyên các vị hãy thành thật niệm Phật, một cửa thâm nhập, bằng không thì khó lo xong việc lớn sinh tử.

2. Đại Sư Thiện Đạo nói rằng: “Nguyên nhân Như Lai ra đời chỉ nói bản nguyện của Phật A Di Đà.”

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại đời ác năm trước nói pháp 49 năm, điều quan trọng nhất là dạy chúng ta niệm Phật một câu “Nam Mô A Di Đà Phật”, giới thiệu cho chúng ta pháp môn Tịnh Độ thù thắng, có thể một đời thành tựu việc giải thoát sinh tử.

3. Người có thể nghe và tin đến được một câu Nam Mô A Di Đà Phật này, họ đã nhiều đời nhiều kiếp đến nay tích lũy bao nhiêu nhân duyên căn lành

phước đức, mới có thể đời nay gặp nghe và thọ trì pháp môn Tịnh Độ. Vì thế, người hay niệm Phật đều có phước báu lớn.

4. Kinh Di Đà nói rằng: “Không thể dùng chút ít nhân duyên căn lành phước đức mà được sinh về cõi Cực Lạc”

Nên người niệm Phật phải thường niệm Phật để làm hạnh chánh, lấy sáu độ và vạn hạnh làm phụ thêm. Không nên để tâm phan duyên. Đối với các duyên xấu cần phải hết sức tránh xa, đối với các duyên tốt cần phải nỗ lực tùy duyên mà làm. Nhưng cần phải có trí tuệ cân nhắc và có chừng mực. Không nên bỏ gốc theo ngọn, các hạnh chánh và hạnh phụ lộn xộn. Chỉ đuổi theo phước báu trời người mà quên mất việc lớn giải thoát sinh tử của chính mình.

5. Thời đại mạt pháp, người học Phật nên dùng tâm thành thật niệm Phật làm phép tắc. Duy chỉ dùng một môn trì danh niệm Phật để thâm nhập. Nhân vì chúng sinh thời mạt pháp căn cơ chậm lụt nên việc quán tưởng và quán tượng chẳng phải người thượng căn thì không thể thành tựu. Chỉ có hết lòng chân thật tụng một câu Thánh hiệu “Nam Mô A Di Đà Phật” sẽ vô cùng bảo đảm.

6. Chúng ta là những người tu học theo pháp môn Tịnh Độ. Đối với thế giới Cực Lạc ở Tây phương, không những chỉ có niềm tin mà cần phải tin cho



thật sâu. Đối với thế giới Tây phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà và pháp tri danh hiệu Phật, có được niềm tin sâu sẽ vãng sanh không nghi. Dù cho bất kỳ sự cản trở phỉ báng nào, đều không dao động đến tín tâm, cầu sanh Tịnh Độ của chúng ta. Được vậy mới gọi là người có niềm tin sâu.

7. Chúng ta đã tin sâu lòng đại từ đại bi không bờ bến của đức Phật A Di Đà. Chúng ta nên phát nguyện cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Không chỉ là nguyện thôi, mà phải nguyện cấp thiết. Trong tâm phải hết lòng thiết thực chán lìa cái khổ vô cùng của thế giới Sa Bà, vui mừng cầu cái vui vô cùng của thế giới Cực Lạc. Lập nên nguyện rộng lớn, chắc chắn cầu sanh về cõi Cực Lạc ở phương Tây. Dù cho bất cứ tiếng tăm và lợi dưỡng nào, hoặc bệnh khổ hành hạ đều không thể thay đổi tâm nguyện cầu sanh Tịnh độ của chúng ta. Được vậy mới gọi là người có nguyện tha thiết.

8. Nếu hiện tại đức Phật A Di Đà hiện thân trước mặt chúng ta, mở rộng cánh cửa của thế giới Cực Lạc ở phương Tây để tiếp dẫn chúng ta đi về với Ngài, ngay tại đây, người có nguyện vãng sanh đã ít lại càng ít. Đây là do người tu học pháp môn Tịnh Độ có niềm tin nhưng không được sâu, có nguyện nhưng nguyện không tha thiết, có thực hành nhưng thực hành không đủ sức, y như cứ quuyến luyến cõi Sa Bà. Đối với danh lợi thế tục, tình duyên con cái nhiều thứ ràng buộc. Vẫn còn



nhiều duyên không buông xuống. Mọi người tự hỏi lương tâm mình. Đối với thế giới Cực Lạc, ba món tư lương “Tín, Nguyện và Hạnh” của các vị đầy đủ được bao nhiêu? Đối với danh lợi trần duyên của thế giới Sa Bà, các vị đã buông bỏ được bao nhiêu?

9. Người hành trì pháp môn niệm Phật cần phải thực hành hai nguyên tắc lớn “chỗ sống chuyển thành chín, chỗ chín chuyển thành sống”, nghĩa là phải đem một câu Nam Mô A Di Đà Phật niệm cho thật nhiều. Luôn thúc giục chính mình trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi; luôn để khởi một câu Phật hiệu. Lâu ngày dài tháng thành thói quen tốt niệm Phật. Đến phút lâm chung rất quan trọng, Phật hiệu tự nhiên liền có thể đề khởi lên được, lúc này nguyện vãng sanh đã có phần nắm chắc trong tay.

10. Học thiền, mật sở dĩ khó thành tựu là do nương tựa ở sức mình. Điều đó chỉ có căn cơ bậc thượng mới có thể thành tựu. Nguyên nhân niệm Phật dễ thành tựu là biết nương vào sức Phật. Đức Phật A Di Đà có đại từ, đại bi. Hãy nương vào bốn nguyện tiếp dẫn chúng sinh của Ngài. Đã nương vào sự gia hộ của Phật, các bậc thượng, trung, hạ căn đều được nhiếp thọ. Cắt ngang sinh tử hèn hạ, một đời thành tựu vượt phàm vào thánh.

11. Bí quyết niệm Phật không gì lạ, chính là cần niệm nhiều. Niệm từ lúc thô sơ cho đến khi thuần



thục, nuôi dưỡng thành thói quen niệm Phật. Dem một câu Nam Mô A Di Đà Phật hết lòng cung kính niệm, ứng dụng vào các việc như ăn mặc, đi đứng thường ngày. Lâu ngày như thế, tự mình có thể biết được sự mâu nhiệm trong câu niệm Phật.

12. Điều tối quan trọng trong cách hành trì của người học Phật là cần phải thâm nhập một môn, thành thật chấp trì Thánh hiệu A Di Đà Phật. Dù cho biến động, núi tan hoặc trải qua thời gian lâu dài, tuyệt không hề thay đổi. Mọi hành vi trong cuộc sống đều không nên sát sinh, ăn chay làm đầu cho hạnh đoạn các điều ác. Lấy việc chuộc mạng phóng sinh làm trước cho hạnh làm các điều thiện.

13. Giúp cha mẹ giải thoát sinh tử, mới tròn bổn phận làm đạo con. Hạnh hiếu lớn nhất ở thế gian không gì hơn khuyên cha mẹ niệm Phật, phát nguyện vãng sinh thế giới Cực Lạc. Giả sử chúng ta cúng dường cha mẹ rất nhiều vàng ngọc châu báu, xây nhà cao đẹp lộng lẫy cho cha mẹ ở, nhưng lúc già chết đến, cha mẹ không thể mang theo được. Trong cuộc sống dẫu nhiều năm được gần gũi bên cha mẹ, ân cần thăm hỏi với tâm mến thương, tất cả đều chỉ là hư giả, tạm thời. Chỉ có khuyên cha mẹ thường niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật mới tròn đạo hiếu thảo. Đây mới thật sự mời đón cha mẹ đến chỗ hoàn toàn lợi ích. Nguyện khắp thiên hạ, những người con có tâm hiếu thảo, cố gắng phụng dưỡng và báo đáp công ơn cha mẹ với tâm hiếu thảo này.

14. Chân thật niệm Phật chính là thành thật đem một câu A Di Đà Phật làm “bốn mạng nguyên thân” của chính mình. Cần phải rành mạch, rõ ràng, miên mật, khít khao mà trì niệm. Tuyệt đối không vì bất cứ phương pháp huyền diệu, thần kỳ nào hay bất cứ người có danh vọng học vấn làm cho dao động.


15. Thiền sư Bách Trượng nói rằng: “Tu hành, dùng pháp môn niệm Phật là vững vàng nhất”.

Thiền sư Bách Trượng là bậc cao đức trong Thiền Tông, vì dạy dỗ đệ tử mà đề xuất ra pháp niệm Phật là con đường tu hành rất an ổn, vì niệm Phật được nương vào sức đại từ đại bi của Phật A Di Đà và sẽ được Ngài nhiếp thọ. Đây là con đường tu hành thành công tuyệt đối có bảo chứng. Tham thiền, học giáo và các pháp môn khác chỉ nương tựa vào sức mình. Chúng sinh thời mật pháp căn cơ ngu đần và yếu đuối, nghiệp chướng sâu nặng, không nương sức bốn nguyện của Phật làm sao mà hành cho thông.



Tổ Liên Tông thứ chín: Đại Sư Ngẫu Ích - đời Minh

Đại Sư khai thị:



1. “Người tín nguyện trì danh, nếu nghiệp chướng tiêu trừ, mang nghiệp vãng sanh thì liền sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư tịnh độ. Người tín nguyện trì danh, nếu đoạn tận kiến hoặc, tư hoặc mà vãng sanh thì liền sanh cõi Phương Tiện Hữu Dư tịnh độ. Người tín nguyện trì danh, nếu phá trừ một phần vô minh mà vãng sanh thì liền sanh cõi Thật Báo Trang Nghiêm tịnh độ. Người tín nguyện trì danh, nếu trì đến chỗ cứu cánh, đoạn tận vô minh mà vãng sanh thì liền sanh cõi Thường Tịch Quang tịnh độ. Cho nên trì danh niệm Phật có khả năng sanh lên bốn cõi, thật chính xác không sai.”

2. Ngài lại dạy: “Pháp môn Tịnh độ không có gì kỳ lạ, chủ yếu chỉ là tin sâu, nguyện tha thiết và nỗ lực hành trì. Chỉ e rằng, người mới có được chút ít niềm tin cao quý và sự an ổn, rồi thủ đắc mà buông bỏ niệm. Nếu ngày đêm quyết định lấy mười vạn, hoặc ba vạn hay năm vạn niệm làm tiêu chuẩn, niệm không thiếu, thể nguyện suốt đời không thay đổi mà khi lâm chung không được vãng sanh thì ba đời chư Phật thành vọng ngữ. Một khi đã vãng sanh thì vĩnh viễn không thoái chuyển, thấu rõ được tất cả các pháp. Phải tránh lối tu theo kiểu hôm nay

Trương Tam, ngày mai Lý Tú (người tu lúc này lúc nọ)... Tu hành như thế làm sao biết được trì danh hiệu A Di Đà Phật đến chỗ cứu cánh thì ba tạng, mười hai bộ loại kinh, tất cả giáo lý đều ở trong này. Một ngàn bảy trăm công án thiền cũng nằm trong này. Ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, ba tụ tịnh giới cũng ở trong đây.”

3. “Được vãng sanh hay không toàn do có Tín, Nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp đều bởi hành trì sâu hoặc cạn.” Ngài lại bảo: “Nếu không Tín, Nguyện, dù trì niệm câu hồng danh cho đến gió thổi không vào, mưa sa chẳng lọt, vững chắc như tường đồng vách sắt, cũng không được vãng sanh.”


4. “Một câu A Di Đà Phật chính là pháp để đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của đức Bổn Sư Thích Ca trong đời ác ngũ trược, nay đem toàn thể Quả Giác này trao cho chúng sanh trược ác. Đó là cảnh giới sở hành của chư Phật, chỉ Phật với Phật mới có thể hiểu cùng tận được nổi, chẳng phải là điều cứu giới dùng tự lực mà tin hiểu được nổi.”

Lại nữa: “Đem pháp giới thể làm thành thân và cõi của Phật Di Đà. Cũng do chính toàn bộ cái Thể ấy làm thành danh hiệu Di Đà. Vì vậy, danh hiệu Di Đà chính là bốn giác lý tánh của chúng sanh”.

5. Công phu Niệm Phật chỉ quý ở tín tâm chân thực. Thứ nhất phải tin rằng: Ta là Phật chưa thành,



Di Đà là Phật đã thành, thể vốn không hai. Kế đó, tin Ta-bà thực sự là khổ, An Dưỡng đích xác đáng quay về, ưa - chán rành rành. Tiếp đó, tin mỗi một hành động hiện tại đều có thể hồi hướng về Tây phương. Nếu chẳng hồi hướng, dù là thượng phẩm thiện vẫn chẳng thể vãng sanh. Nếu biết hồi hướng, dầu trót lầm gây hạnh ác, nhưng nhanh chóng dứt tâm tương tục, khởi lòng trân trọng sám hối; nhờ sức sám hối cũng được vãng sanh. Huống là trì giới, tu phước, bao nhiêu nghiệp thù thắng, há chẳng đủ để trang nghiêm Tịnh Độ ư?



Chỉ vì tín lực chẳng sâu nên thắng nghiệp chìm trong hữu lậu, lại muốn bỏ pháp này để chọn pháp khác, lầm lạc lầm thay! Chỉ nên tăng thêm lòng tin chân thành, chẳng cần phải thay đổi hết thảy các hạnh nghiệp vậy.

6. Biến cả Phật pháp, lấy Tín để vào, lấy Trí để chứng. Nếu có tín tâm nhưng thiếu trí huệ, chỉ e khó tránh phân vân đôi ngã. Phật dạy: “Đời mạt pháp tranh kiên cố, ức ức người học đạo, hiếm có một người chứng quả. Chỉ nương vào niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, mới có thể vượt ngang ra khỏi luân hồi”. Nếu tin tưởng sâu xa niệm Phật, lễ bái là cái nhân chân chánh để thành Phật, thành Tổ thì đích xác là chẳng bị dòng đời xoay chuyển, lại còn là trí huệ đại quang minh, vượt thẳng lên Tịnh Độ, vĩnh viễn chẳng sợ bị lạc đường nữa.

7. Siêu sanh thoát tử nhưng bỏ qua pháp môn Tịnh Độ thì quyết chẳng còn phương tiện hoành siêu, thẳng chóng nào khác nữa. Nhưng muốn sanh về Tịnh Độ mà bỏ pháp Niệm Phật thì chắc chắn chẳng còn công phu “vạn người tu, vạn người đậu” nào nữa! Gần đây, kẻ manh Thiển (thiển mù, tu thiển lơ mơ) lầm bảo chẳng cần phải niệm Di Đà, chẳng cần sanh Tịnh Độ. Bướng bỉnh, mù quáng, hung hăng, sa hãm, sụp hố. Ôi, đêm lúc sắp ngủ, gối chiếu xộc xệch, còn phải xếp lại cho ngay. Ba cõi như nhà cháy nhưng chẳng nghĩ xuất ly há có được chăng?

Sao bằng già dặn, chắc thực niệm Phật, lấy Tín dẫn đường, lại phải phát nguyện chóng ngự lên chín phẩm đài sen, cùng Quán Âm, Thế Chí, Hải Chúng làm quyến thuộc! Ngó lại kẻ ác kiến tà thiển trống rỗng, mượn hư danh Tổ Sư vênh váo một thời, đọa nỗi khổ thực sự: kéo lưới trâu cày trong vạn kiếp, khác gì mây sánh với bùn! Bất luận tán tâm, định tâm, chỉ khắc định khóa trình, trọn đời chẳng khuyết, mỗi ngày càng thêm siêng gắng, thiết tha thì hoa nhụy cõi Tịnh Độ ngày càng tươi tốt thêm.

8. Tin sâu Tịnh Độ, phát nguyện quyết định vãng sanh, lấy Trì Danh làm Chánh Hạnh, lấy Lục Độ v.v... làm Trợ Hạnh. Vạn người tu, vạn người vãng sanh, tuyệt đối bảo đảm. Nếu tâm còn một điểm háo thắng, tu lẩn sang Tham Cứu, cho là “hướng thượng” thì chỗ đặt chân chẳng ổn, mất cả Thiển



lẫn Tịnh! Là bậc trí thì chẳng thể không quyết đoán chỗ mình toan hướng đến.

9. Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chính là một pháp môn gồm thâu trọn vẹn trăm ngàn pháp môn, chứ chẳng phải là để cao một pháp môn, vớt bỏ trăm pháp môn khác! Nhưng phải thâm nhập một môn, lấy Niệm Phật làm Chánh Hạnh, còn hết thấy Giới, Định, Huệ v.v... làm Trợ Hạnh. Chánh - Trợ cùng hành như thuyền thuận gió, lại thêm có dây lèo thì càng chóng đến được bờ.

Pháp Niệm Phật tuy nhiều, nhưng Trì Danh là giản tiện nhất. Pháp Trì Danh tuy nhiều, nhưng phép Ký Số là ổn thỏa, thích đáng nhất. Kẻ tu hành thực sự nào có mong làm gì khác với hạng ngu phu, ngu phụ đâu.

10. Nhặt một phần tình đời, tự nhiên đắc lực thêm một phần Phật pháp. Xem nhẹ chuyện kiếm sống trong cõi Ta-bà một phần, phương tiện sanh về Tây phương ổn đáng thêm một phần. Điều này mình chỉ tự hỏi lòng, đừng hỏi bạn tri thức. Tri thức cũng chỉ khuyên nhặt bớt mùi đời, coi nhẹ chuyện làm ăn, chuyên tu đạo Xuất Yếu mà thôi.

11. Ra khỏi nhà lửa tam giới, có hai đường Dọc và Ngang:

- Dùng Tự Lực đoạn Hoặc để siêu thoát sanh tử gọi là Thụ Xuất Tam Giới (vượt khỏi Tam Giới theo chiều dọc), khó khăn, thành công chậm chạp.

- Dùng Phật Lực tiếp dẫn sanh về Tây phương gọi là Hoàn Siêu Tam Giới (siêu thoát Tam Giới theo chiều ngang), dễ dàng, thành công nhanh chóng. Viễn Tổ (đại sư Huệ Viễn) nói: “Công cao dị tẩn, niệm Phật vi tiên” (công cao mà dễ tiến thì niệm Phật đứng đầu). Kinh dạy: “Mạt thế ức ức nhân tu hành, hãn nhất thành đạo. Duy y niệm Phật khả đắc độ thoát, như sấn thuyền độ hải, bất lao công lực” (Đời mạt thế ức ức người tu hành, hiếm có một ai thành đạo. Chỉ có nhờ vào niệm Phật mới được độ thoát, như nhờ thuyền vượt biển, chẳng mất công sức).

Nếu có thể dốc lòng vào đường tắt Tây phương, chỉ thành phát nguyện, một lòng niệm Phật cầu vãng sanh thì đúng là bậc trượng phu. Nếu vẫn chưa thực sự tin, nguyện chẳng thiết, hành chẳng tận sức, dù Phật có từ bi thả thuyền, chúng sanh chẳng chịu lên thuyền thì biết làm thế nào đây?

12. Tín - Nguyện như mắt, các hạnh như chân. Tín - Nguyện như trâu, các hạnh như xe. Tín - Nguyện như chữ khắc trên con cò, các hạnh như con cò. Vì Tín - Nguyện - Hạnh ba thứ, thiếu một thứ chẳng được, nhưng phải lấy Tín - Nguyện làm chủ đạo. Bởi lẽ, nếu Tín - Nguyện đã chuyên thì mọi thứ điều thiện đều là tư lương Tịnh Độ. Dầu cho vạn phần bất hạnh, trót lầm gây các điều ác, thành tâm sám hối, dứt tâm tiếp nối thì cũng đủ để làm diệu hạnh vãng sanh. Nếu không có Tín Nguyện, dù cho



Giới động trời người, Định cảm cõi Sắc, cõi Vô Sắc thì trí huệ chỉ đạt bằng Nhị Thừa Quyền Quả mà thôi.

13. Nếu muốn mau thoát khỏi nỗi khổ luân hồi thì không gì bằng trì danh niệm Phật, cầu sanh thế giới Cực Lạc. Nếu muốn quyết định được sanh về thế giới Cực Lạc thì lại không gì bằng lấy Tín để dẫn đường, lấy Nguyện để thúc đẩy. Tín xác quyết, nguyện khẩn thiết, dù tán tâm niệm Phật cũng chắc chắn được vãng sanh. Lòng tin chẳng chân thực, nguyện chẳng dững mãi, dù nhất tâm bất loạn cũng chẳng được vãng sanh.

Thế nào là Tín? Một là tin vào nguyện lực của Phật A Di Đà. Hai là tin vào lời dạy của đức Thích Ca Văn Phật. Ba là tin vào lời khen ngợi của sáu phương chư Phật. Phạm là bậc chánh nhân quân tử trong thế gian còn chẳng nói dối, huống hồ là Di Đà, Thích Ca, sáu phương chư Phật há lại vọng ngữ sao? Chẳng tin điều này thì thực chẳng còn cách nào cứu được nữa. Vì thế, trước hết phải sanh lòng tin sâu xa.

Thế nào là Nguyện? Trong hết thủy thời, chán ghét nỗi khổ sanh tử cõi Ta-bà, ưa thích, hâm mộ niềm vui Bồ Đề cõi Cực Lạc. Làm bất cứ điều gì thiện hay ác, nếu thiện thì hồi hướng cầu vãng sanh, ác thì sám nguyện cầu vãng sanh, không còn chí gì khác. Đây gọi là Nguyện.



Tín - Nguyện đã đầy đủ thì Niệm Phật chính là chánh hạnh; cái ác tu thiện đều là trợ hạnh. Tùy theo công sức sâu cạn mà chia thành chín phẩm, bốn cõi Tịnh Độ, mảy may chẳng lạm. Chỉ cần tự kiểm điểm lấy mình, chẳng cần phải hỏi người khác nữa.

14. Có kẻ thiên giả hỏi tôi: “Sư tu tập công phu gì?”
Đáp: “Niệm Phật”. Kẻ ấy hỏi: “Niệm Phật để làm gì?”
Đáp: “Để cầu sanh Tây phương!”
Thiên giả cười khẩy: “Sao chẳng chuyên chú nơi tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ, mà lại dùng cái vọng niệm ấy để vọng cầu làm gì?”
Tôi đáp: “Ông bảo Phật A Di Đà ở ngoài tánh, cõi Cực Lạc ở ngoài tâm ư? Nếu vậy thì tâm tánh quá hạn hẹp rồi. Như vậy lời ông vừa bảo vô cầu vô niệm đó chẳng phải là chấp vào Không một cách xấu ác hay sao?”

Lại hỏi: “Ông do nguyện nào nguyện sanh Tây phương?”
Tôi hỏi: “Là do nguyện nào nguyện vào địa ngục?”
Người ấy đáp: “Là cái tâm nào vậy?”
Tôi đáp: “Tây phương là trên thờ chư Phật, địa ngục là dưới độ chúng sanh. Với Phật thì bắt đầu từ đức Di Đà vì nguyện vương thù thắng. Với chúng sanh thì bắt đầu từ địa ngục vì bi tâm khẩn thiết”.

15. Sanh về Tây phương dùng ba thứ tâm: chí thành tâm, thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm. Do ba tâm này có thể tu thẳng thành Phật. Người trôi lăn cõi tục cũng có ba tâm: tâm khinh, tâm sao



nhãng, tâm tương tục. Do ba tâm này thường qua lại trong năm đường. Ô hô! Ba thú tâm trước trong trăm người họa chẳng có một; ba tâm sau trăm ngàn người chẳng có nổi một người không. Chẳng lạ gì người miệng bảo cầu sanh thì lắm, kẻ thực sự vãng sanh lại ít vậy!



Tổ Liên Tông thứ mười: Đại Sư Triệt Lưu - đời Thanh


Trong tập Tịnh Độ Cảnh Ngữ, Đại Sư khai thị:

1. “Ngày nay, những người tu học Tịnh nghiệp, suốt ngày niệm Phật, sám hối, phát nguyện mà Tây phương đối với họ vẫn còn xa, không bảo đảm là mình được vãng sanh. Vì sao? Vì gốc ái chưa nhỏ, còn bị dây tình buộc ràng. Nếu xem sự ái ân của thế giới Sa Bà này đồng như nhai sáp, thì dù trong lúc bận rộn hay rảnh rang, động hay tịnh, khổ hay vui... đều nung vào câu Phật hiệu vững như núi Tu di, tất cả cảnh duyên không thể làm lay động; hoặc khi cảm thấy mệt mỏi biếng nhác, tập khí hiện khởi, liền dùng kiếm tuệ thiên trường chém đứt ngay trong một niệm, khiến cho tất cả quân ma phiền não tan tác trốn chạy, không còn chỗ dung thân, như ngọn lửa dữ thiêu sạch hết thấy tình thức vô thỉ, thì người như vậy, tuy ở trong cõi ác năm trước, nhưng đã vận thân ngồi trong đài Liên Hoa của cõi Tịnh độ, đâu cần phải đợi Phật A Di Đà đưa tay, Quán Âm dẫn dắt mới tin là mình vãng sanh hay sao?”

2. Khai thị Phật thất ba năm:

Thứ nhất là sanh lòng đau tiếc quang âm dù thời gian ba năm chẳng mấy. Cổ nhân đã ví: “Như bệnh





sốt rét mỗi ngày đều lên cơn, cứ ba lượt nóng lạnh là xong”. Nếu chẳng siêng gắng, đốc thúc thân tâm đua tranh với từng phút giây, sẽ chẳng khỏi thấy thời gian ba năm là dài. Nếu thấy là dài thì năm tháng dằng dặc, tâm sự ngổn ngang, dễ sanh mệt chán, công phu tịnh nghiệp chẳng đạt, chẳng tiến lắm ư? Huống hồ mạng trong hơi thở, nào bảo đảm sống được ba năm? Dù sống hơn được ba năm, nào phải là trường cứu? Như thường nói: “Như tù bị dắt ra chợ, như dê bị đưa đến lò mổ, cứ mỗi bước tiến đến trước là một bước đến gần cái chết”. Ngày đêm đăm đăm, nóng lạnh chẳng sờn, một câu hồng danh không lúc nào gián đoạn; lẽ nào Di Đà chẳng tiếp dẫn, chẳng quyết định sanh về Tịnh Độ sao? Những người đồng hạnh với tôi hãy dè chừng: chớ lúc đầu tinh chuyên, về sau biếng nhác. Hãy xem ba năm như một ngày, như một sát na thì mới nên.

Thứ hai là phải phát tâm chuyên cầu xuất ly. Công hạnh ba năm chẳng những không cầu những phước báo thấp thỏi của thế gian, mà cũng chẳng nên mong cầu công đức, trí huệ, biện tài, ngộ giải hoặc cầu đời đời làm tăng để hưng hiển Phật pháp v.v... Chỉ mong khi chết được sanh sang cõi kia, thoát khổ sanh tử. Nguyên ấy phải hiện hữu trong từng khắc, như xưa có người nọ bị vùi trong cái giếng khô sâu cả ngàn thước, được con cáo dạy cho khẩu quyết theo lỗ hồng mà thoát ra. Do nhất tâm muốn thoát ra, người ấy nhìn vào lỗ hồng tụng

khẩu quyết một lúc lâu, lỗ chẳng lớn thêm, thân chẳng nhỏ đi mà tùy ý bay thoát ra.

3. Xưa kia, Hòa thượng Tịch Thất bảo: “Người đời muốn tu Tịnh nghiệp chẳng thể nói tôi nay bận rộn phải đợi đến lúc nhàn hạ, tôi nay nghèo túng hãy đợi đến lúc giàu có, tôi nay trẻ mạnh hãy đợi đến lúc già cả. Nếu viện cố bận rộn, viện cố nghèo túng, viện cố non trẻ thì là vô duyên tu tập Tịnh nghiệp, lỡ đột nhiên chết mất có hối cũng chẳng kịp! Sao không thừa dịp thân đang mạnh mẽ mà nỗ lực tu đi, lại cứ nói như thế?”

4. Người đời nay, đừng nói là người tin ưa pháp này đã ít, ngay cả những người tin tưởng sâu xa vào pháp môn Tịnh Độ vẫn cứ do dự, lẩn tránh đến nỗi uổng phí một đời, đa phần là như vậy. Hiện tại, hành nhân Tịnh nghiệp suốt ngày niệm Phật, sám hối, phát nguyện, vẫn còn cách xa Tây phương, khó chắc được vãng sanh thì không gì khác hơn là chưa nhỏ được cọc Ái, chưa dứt được dây Tình.

5. Cổ nhân nói: “Ái chẳng nặng chẳng sanh Ta-bà”, lại nói: “Đạo niệm nếu giống như tình niệm thì thành Phật lắm dịp”. Ngũ Thông tiên nhân tinh tấn bao kiếp còn chưa trừ được dục lậu, mắt sạch công hạnh. Vì thế biết rằng: Chưa chứng thánh quả vẫn hiếm ai không bị tình ái gây hệ lụy! Nói chung, phiền não vô tận, nhưng căn bản sanh tử chỉ là tham ái; nó có thể làm cho hành nhân bị chìm đắm,



là pháp chướng ngại vãng sanh. Bởi thế, trước kia, trong các kinh chỗ nào Phật cũng quở trách. Cứ hễ đạu bạc đượ một phần tình ái thì tịnh nghiệp lại đượ thành thực thêm một phần hồng đượ giải thoát nơi bờ sanh tử vậy.

6. Cái nghĩa chữ “lũ” lớn lao thay! Chữ “lũ” chỉ người rong ruổi đường xa tạm nghỉ quán trọ. Kẻ lũ thứ phải có bạn, cũng phải có nơi ở trọ, cũng phải có nghiệp riêng. Nay nhìn khắp tam giới hết như một cuộc lũ du, nhưng mỗi người một nghiệp khác nhau. Bốn nghiệp đã khác nên nơi chốn và bầu bạn cũng khác.

Buồn thay! Từ khi có thức đến nay, đã trải trần sa kiếp, xương chất như núi Phú La, uống sữa quá biển cả. Trong khoảng thời gian ấy, tình trạng lênh đênh, nổi khổ trôi dạt chẳng thể nói xiết. Có lúc làm bầu bạn cùng chủng tánh địa ngục, lấy ác nghịch làm gốc nên các ngục Hữu Gián, Vô Gián là chốn trọ. Có lúc với những kẻ trong đường quỷ làm bạn, lấy keo tham làm gốc nên núi hoang, đầm trống là chốn trọ. Có lúc bầu bạn cùng súc sanh, lấy ngu si làm gốc nên trên cạn, dưới nước, trên không là chốn trọ. Có lúc bầu bạn cùng A Tu la, lấy sân mạn làm gốc nên Tu Di, biển cả là chốn trọ. Có lúc lấy bầu bạn cùng loài người, lấy cương thường làm gốc nên các nước trong bốn châu là chốn trọ. Có lúc bầu bạn với chư Thiên cõi dục, lấy giới thiện làm gốc nên các tầng trời Địa Cư, Không

Cư là chốn trọ. Có lúc bầu bạn cùng trời Sắc Giới, Vô Sắc Giới, lấy thiên đình làm gốc nên Tú Thiên, Tú Không là chốn trọ.

Ở trọ chốn nào bèn chấp vào chốn ấy chẳng biết là quán trọ. Than ôi! Giác mộng quê xưa hãy còn mơ hồ, tạm dung nơi đất khách há là rốt ráo? Chẳng gởi thân nơi An Dưỡng để hoành siêu, chẳng ngộ Tịch Quang để triệt thượng (thấu suốt theo chiều dọc), há có thể vượt khỏi cái nghĩa chữ “lữ” ư?

Hiện tại, chỉ nên lấy An Dưỡng làm chốn nương náu, đừng suốt đời cam phận lữ khách. Nếu như hoa nở thấy Phật, chúng đắc chân thường, lại đoái tưởng Ta-bà, trở vào Ta-bà tạm ngụ để cứu giúp chúng sinh, khuyến dụ quần mê, lại còn phân thân ứng tích trong phương xa cõi khác, ra vào tam giới chẳng chán mệt. Đó mới gọi là bậc Cứu Cánh Lữ. Nếu chẳng hiểu được nghĩa này sẽ ngộ nhận trạm đưa thư, chòi truyền tin là quê nhà, mọi chuyện mưu cầu không chuyện nào chẳng phải là việc trong nhà lửa! Hoặc lại sợ nẻo đường lữ thú lắm nỗi khổ nạn, lắm phen bán khoán đi không trở lại, khiến cho tứ sanh cùng hôn mê trong sáu nẻo còn biết nhờ vào đâu? Nếu như vậy thì đều là chẳng đúng với ý nghĩa chữ Lữ vậy.



Tổ Liên Tông thứ mười một: Đại Sư Thật Hiền Tĩnh Am - đời Thanh

Huấn thị chính yếu của Sư là bản văn Phát Bồ đề tâm, với lời dạy rất chí thiết:

1. “Niệm Phật mà không phát đại tâm Bồ đề thì không tương ứng với đại nguyện của đức A Di Đà, do đó rốt cùng không thể vãng sanh. Nhưng nếu phát tâm Bồ đề mà không chuyên tâm niệm Phật thì cũng không thể vãng sanh. Do vậy, lấy việc phát tâm Bồ đề làm chánh nhân, niệm Phật làm trợ duyên thì sau này mới có thể vãng sanh. Người tu Tịnh nghiệp không thể không biết điều này.”

2. Một chữ nguyện bao gồm cả tín và hạnh. Tín là tin: tự, tha, nhân, quả, sự, lý, không hư dối. Tín tự là gì? Nghĩa là tin tất cả do tâm tạo, mình niệm Phật sẽ được tiếp dẫn. Tín tha là gì? Nghĩa là tin Đức Phật Thích Ca không bao giờ nói dối, Phật A Di Đà không nguyện suông. Tín nhân là gì? Nghĩa là tin niệm Phật là nhân vãng sanh giải thoát. Tín quả là gì? Nghĩa là tin sự vãng sanh thành Phật là kết quả của công phu niệm Phật. Tín sự là gì? Nghĩa là tin cảnh giới Tây phương, tất cả sự tướng đều có thật. Tín lý là gì? Nghĩa lý tánh duy tâm bao trùm cảnh giới Phật. Mỗi điều trên đây đều xác thật nên gọi là không hư dối. Hạnh là chuyên trì danh hiệu Phật không xen tạp, không tán loạn. Nguyện là mỗi




tâm ưa thích, mỗi niệm mong cầu. Trong ba điều kiện này, người tu tịnh nghiệp cần phải đủ, không thể thiếu một mà nguyện là điểm thiết yếu. Người niệm Phật phải nên tinh cần chuyên tâm.”

3. “Câu sinh Tịnh Độ là thế nào? Tu hành cõi này thì sự tiến đạo rất khó, vãng sinh cõi kia thì sự thành Phật cũng dễ. Dễ nên một đời đã có thể thấu đáo, khó nên lắm kiếp vẫn chưa chắc hoàn thành. Do đó mà thánh ngày xưa, hiền ngày trước, ai cũng khuynh hướng; kinh cả ngàn, luận cả vạn, đầu cũng chỉ quy. Quả thật sự tu hành trong thời kỳ mạt pháp này, không có pháp nào hơn pháp ấy.

Nên nhất tâm chấp trì danh hiệu của Phật hơn cả sự bố thí đến trăm năm, nhất niệm phát tâm bồ đề rộng lớn vượt cả sự tu hành trong nhiều kiếp. Lý do là vì niệm Phật vốn mong làm Phật, vậy tâm lớn không phát thì có niệm cũng không làm gì, phát tâm vốn để tu hành, vậy tịnh độ không sanh thì có phát cũng dễ thoái chuyển, nên gieo giống bồ đề, cày bằng cái cày niệm Phật, thì trái hạt tuệ giác tự nhiên lớn lên, ngôi thuyền đại nguyện, nhập vào bể cả tịnh độ thì Tây phương Cực Lạc quyết định vãng sanh.”



Tổ Liên Tông thứ mười hai: Đại Sư Triệt Ngô - đời Thanh



1. “Thật vì sanh tử, phát lòng Bồ Đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật. Mười sáu chữ này là cương tông giềng mối của pháp môn niệm Phật. Nếu không phát lòng chân thật thiết tha vì nỗi khổ sanh tử thì tất cả lời khai thị đều là phù phiếm. Bởi vì tất cả sự khổ trong đời này không gì hơn là việc sanh tử, chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, sống chết, chết sống, ra khỏi bào thai này lại chui vào một bào thai khác, bỏ lớp da này lại mang một lớp da khác, khổ não đã quá nhiều không kham nổi, huống chi tự mình chưa thoát luân hồi, làm sao tránh khỏi đọa lạc? Than ôi, khi một niệm sai lầm liền rơi vào ba đường ác là địa ngục ngạ quỷ súc sanh, dễ tới mà khó lui chân, chịu đọa đầy khổ đau kiếp kiếp! Cho nên đại chúng phải hết sức lo sợ mà nghĩ đến vấn đề sanh tử như chịu tang cha mẹ, như cứu lửa đốt trên đầu mà gắng công chuyên tinh tu tập; ta đã khổ vì sự sống chết mà cầu thoát ly nên phát lòng từ bi liên tưởng đến tất cả muôn loài cũng đau khổ như vậy. Chúng sanh cùng ta đồng một bản thể, là cha mẹ của ta trong nhiều kiếp, là chư Phật đời vị lai, nếu chẳng phát tâm cứu độ, chỉ cầu giải thoát riêng mình thì đối với tình có chỗ chưa an, đối với lý có điều sơ sót. Huống chi chẳng phát đại tâm thì ngoài không thể cảm thông với Phật,

trong không thể khế hợp với tánh chân, trên không thể tròn quả Bồ Đề, dưới không thể độ khắp muôn loài. Như thế làm sao báo đền ân nhân nhiều kiếp, làm sao giải thích oan gia nhiều đời, làm sao thành tựu căn lành đã gieo trồng từ xưa, làm sao sám trừ tội nghiệp oan khiên đã tạo ra về trước? Và như thế thì tu hành chỗ nào cũng gặp chướng duyên, dù có thành tựu cũng là quả vị thấp, cho nên phải xúng táng phát lòng Bồ Đề vậy.”

2. Tám điều thiết yếu cho người niệm Phật:

“Một là thật vì sanh tử mà phát tâm Bồ đề, đó là học đạo chơn chánh.

Hai là lấy tín nguyện thâm sâu, trì danh hiệu Phật làm chánh tông Tịnh độ. Ba là lấy sự nhiếp tâm chuyên chú niệm làm phương tiện hạ thủ công phu.

Bốn là lấy việc chiết phục phiền não đang hiện hành làm sự tu tâm chính yếu.


Năm là lấy sự chuyên trì bốn luật nghi chính yếu làm chỗ căn bản nhập đạo. Sáu là lấy các pháp khổ hạnh làm việc trợ duyên tu đạo.

Bảy là lấy sự nhất tâm bất loạn làm chỗ quay về của Tịnh độ.

Tám là lấy sự trông thấy các linh ảnh tốt đẹp làm chỗ nghiệm chứng vãng sanh.

3. Một câu A Di Đà Phật là thuốc A già đà, không có





bệnh nào mà không trị lành; là vua ngọc châu như ý, không có nguyện nào mà không được thỏa mãn; là thuyền Từ vượt qua biển khổ sanh tử, không có khổ nào mà không được độ thoát; là đèn trí tuệ soi sáng vô minh tăm tối, không có bóng tối nào mà không bị chiếu tan. Chỉ cần một lần nghe qua câu Phật hiệu là đã có duyên, chỉ cần một niệm tín tâm liền có thể tương ứng với Phật. Tín tâm chơn thật, lúc nào cũng nguyện mong được vãng sanh. Trong tâm thường trụ hai pháp tín - nguyện này, như trung thần phụng mạng mật chỉ của minh quân, như đứa con hiếu thảo vâng lời đấng cha lành, nhớ nghĩ không quên làm một việc vô cùng trọng yếu, thì cho dù ở bất cứ hoàn cảnh nào, yên tĩnh hay náo nhiệt, thanh thoi hay bận rộn, niệm nhiều hay niệm ít, nói chung đều là chánh nhân vãng sanh. Chỉ sợ không nhiệt tâm thực hành mà thôi. Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta mãi ở trong vòng sanh tử luân hồi, lẽ nào không phát tâm cầu xuất ly, tu hạnh hướng đạo! Vì chạy theo sự biếng nhác thoái hóa cho nên chúng ta mới ở mãi trong biển sanh tử, chịu vô lượng khổ não. Nay được nghe pháp môn trì danh giản yếu, nhưng nếu vẫn đi theo lối cũ bại hoại, không có tâm huyết chí khí thì sao có thể gọi là bậc Đại Sĩ đệ nhất được!”

4. Niệm Phật nên sanh bốn loại tâm. Những gì là bốn:

Một là nên sanh tâm hổ thẹn, sám hối những nghiệp từ vô thủy đến nay mình đã tạo.

Hai là nên sanh tâm vui thích khi được nghe pháp môn này.

Ba là tự thương xót mình, vì nghiệp sâu dày nên không gặp được pháp môn này sớm.


Bốn là nên sanh tâm cảm kích lòng từ bi như thị của Phật.

Trong bốn loại tâm này, chỉ cần có một tâm thì cũng có thể thành tựu Tịnh nghiệp. Niệm Phật cần phải dài lâu liên tục, không được gián đoạn. Gián đoạn thì Tịnh nghiệp không thể thành tựu. Dài lâu phải nên dững mãi, không được biếng nhác. Biếng nhác thì Tịnh nghiệp không thể thành. Dài lâu mà không dững mãi tức là thoái đọa. Dững mãi mà không dài lâu tức là không tiến bộ.



Tổ Liên Tông thứ mười ba: Đại Sư Ấn Quang - cuối đời Thanh - Dân Quốc

Đại Sư khai thị:



1. Người xưa nói: “Thân người khó được, nước văn minh văn hóa khó sanh, Phật pháp khó nghe, sanh tử khó xong”. Chúng ta may mắn được làm thân người, sanh ở các nước văn minh, được nghe Phật pháp. Điều bất hạnh là tự thẹn nghiệp chướng sâu nặng, không có sức đoạn Phiền Hoặc để mau thoát khỏi ba cõi, liễu sanh thoát tử; nhưng may mắn được nghe đức Như Lai tâm từ bi triệt để, thương các chúng sanh mê trái tự tâm, luân hồi lục đạo, trải bao kiếp dài lâu chưa thể thoát ra. Do vậy, Ngài hưng khởi Vô Duyên Từ, vận lòng Bi đồng thể, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi, nói ra pháp môn Tịnh Độ là pháp đại quyền xảo, phương tiện lạ lùng, khiến cho hàng phàm phu lè tè sát đất được đời nghiệp vãng sanh, thật không còn gì may mắn hơn nữa! Nếu chẳng phải là từ vô lượng kiếp đến nay đã trồng thiện căn sâu dày, làm sao được nghe pháp chẳng thể nghĩ bàn này? Chẳng nên gặp sanh lòng tin chân thành, phát nguyện cầu vãng sanh ư?


2. Hãy nên biết: Chúng ta từ vô thủy đến nay đã tạo ác nghiệp vô lượng, vô biên. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư

không chẳng thể chứa đựng”. Lẽ đâu tu trì lơ mơ, hời hợt, lại tiêu nổi nghiệp u? Bởi vậy, Thích Ca, Di Đà, giáo chủ hai cõi, đầu đầu nghĩ đến chúng sanh không có sức đoạn Hoặc, riêng mở ra một pháp môn nương vào từ lực của Phật để đối nghiệp vãng sanh. Hai Đức Phật, trong những kiếp xưa, đã phát đại thệ nguyện độ thoát chúng sanh. Đức Thích Ca thị hiện sanh trong uế độ, dùng nhơ, dùng khổ để chiết phục, hồng đưa chúng sanh đi. Đức Di Đà thì an cư nơi cõi Tịnh Độ, dùng tịnh, dùng vui nhiếp thọ để lôi kéo, uốn nắn. Lòng hoàng tử đại bi ấy, dù trời đất, cha mẹ cũng chẳng thể bằng được một phần hằng hà sa. Chỉ nên phát lòng thẹn hổ, phát tâm sám hối, thì mới tự có thể được Phật gia bị, nghiệp tiêu, thân an mà thôi.

3. Pháp môn Tịnh Độ, cốt sao có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, liền có thể nương Phật từ lực vãng sanh Tây phương. Đã được vãng sanh, liền nhập cảnh giới Phật, thụ dụng như Phật, hai thứ phạm tình và thánh kiến đều chẳng sanh. Nếu có đủ tín nguyện, dầu là hạng tội ác cực đại, sắp đọa A Tỳ địa ngục, vẫn có thể nương vào sức thập niệm, mau chóng được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh. Thật là ngàn phần ổn thỏa, vạn phần thích đáng, là pháp môn vạn phần chẳng thể bỏ sót vậy. Nay đang lúc Mật Pháp mà bỏ pháp môn này thì không còn có cách nào khác cả.

4. Pháp môn Tịnh Độ nếu tin cho tới nơi, còn gì tốt lành hơn! Nếu trí ta chưa quyết, hãy nên tin





tưởng lời chân thành của chư Phật, chư Tổ, trọn chẳng nên có một niệm nghi tâm. Nghi sẽ chẳng tương ứng chư Phật, làm chung nhất định khó thể cảm thông. Cổ nhân bảo: “Pháp môn Tịnh Độ chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu trọn vẹn. Hàng Đẳng Địa Bồ Tát chẳng biết chút phần”. Hàng Đẳng Địa Đại Sĩ còn chẳng thể biết hết, huống hồ là hạng phàm phu lè tè sát đất mà lại lầm lạc sanh tâm ức đoán ư? Nếu tâm sanh tử thật sự thiết tha, tin tới nơi, tâm chẳng sanh một niệm ngờ vực, dù chưa ra khỏi Sa Bà, đã chẳng còn là khách trọ lâu ngày trong chốn Sa Bà; tuy chưa sanh về Cực Lạc, nhưng đã là khách quý cõi Cực Lạc. Thấy người hiền, ta mong được bằng, gặp điều nhân, ta đừng để lỡ. Há có nên do dự, lười nhác, sao nhãng, để đến nỗi một phen lầm lỡ khiến mình bị lỡ làng mãi mãi ư? Là trang nam nhi có huyết tánh, dứt khoát chẳng chịu sống làm thầy đi, thịt chạy, chết mục nát như cỏ cây. Hãy gắng lên, hãy cố lên.

5. Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn Viên đốn đệ nhất, trên thành Phật đạo, dưới cứu độ chúng sanh của mười phương ba đời chư Phật, nên phải hết lòng tán thán hoằng truyền.

6. Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn cực khó mà cũng cực dễ. Nói nó khó chính là chỗ người đại triệt đại ngộ, thâm nhập kinh tạng còn không tin nổi. Nói nó dễ chính là chỗ kẻ tầm thường ngu dốt cũng thực hành được, nếu chí thành nỗ lực niệm thì khi

lâm chung liền thấy các tướng tốt đẹp xuất hiện, có khả năng vãng sanh Tây phương. Đối với pháp môn này, người đại triệt đại ngộ, thông hiểu kinh luận sâu xa còn chối bỏ, không hướng tâm đến. Vì một bên chuyên nương vào tự lực, bỏ đi Phật lực. Còn một bên chuyên nương vào Phật lực, nhờ Phật lực để phát huy tự lực. Vì biết kế hợp ba pháp: Phật lực, pháp lực và lực sẵn có của tự tâm nên có khả năng siêu phàm nhập Thánh, liễu thoát sanh tử. Tối trọng yếu của pháp môn này chính là tín, hạnh, nguyện. Có tín, nguyện thì chắc chắn đó là người tu hành chơn chánh. Đã tu trì thì nhất định được vãng sanh.

7. Người niệm Phật, niệm niệm không gián đoạn, trải qua số kiếp, tu chúng cần phải phát huy tính cao siêu của nó. Pháp môn này phổ cập cho mọi căn cơ cao thấp, thu nhiếp tất cả các tông như Luật, Thiền, Giáo... Như khi trời mưa, tất cả vạn vật đều được thấm nhuần, như trăm sông cùng chảy ra đại dương. Pháp môn này cũng lại như vậy, trùm khắp hết thấy các pháp đốn, tiệm, không một pháp nào mà không lưu xuất từ pháp giới này. Tất cả các hạnh quyền thật của Đại, Tiểu thừa, không có một pháp nào mà không quy về pháp giới này. Không đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào hàng Bồ xứ, tức ngay đời này viên mãn Bồ đề. Chín cõi chúng sanh lìa pháp môn này thì không thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì không thể lấy gì làm lợi ích cho quần sanh.



8. Nói đến Tín thì phải tin Sa Bà là khổ, khổ không nói nổi. Cực Lạc là vui, vui không thể ví. Cái khổ trong Sa Bà là sanh, lão, bệnh, tử, yêu thương phải chia lìa, chán ghét cứ phải gặp gỡ, cầu không được, Ngũ Ấm hừng hực. Sự vui trong Cực Lạc nếu ước theo căn thân thì hoa sen hóa sanh, trường sanh bất tử, mang thân nam, trọn không có hình dáng nữ, chẳng nghe đến cái tên ác đạo, hưởng gì thật có. Ước theo khí thể giới thì vàng ròng làm đất, bầy báu làm ao, hàng cây kín trời, lầu gác trên không. Nghĩ đến áo bèn có áo, nghĩ đến ăn được ăn, phạm những thứ gì mình thọ dụng không gì chẳng được như ý, nhưng những gì dùng đến đều là hóa hiện; không như cõi này phải do sức người tạo tác mới thành. Di Đà Đạo Sư tướng hảo, quang minh vô lượng vô biên, vừa thấy từ dung liền chứng Pháp Nhãn. Huống hồ còn có Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh hải hội, mỗi vị đều phóng quang cùng tuyên diệu âm. Vì thế, tuy là phạm phu đầy dẫy phiền não, nghiệp lực đầy thân nhưng nếu như tín nguyện chân thành, khẩn thiết liền được Phật từ nhiếp thọ. Vừa vãng sanh, phiền não, ác nghiệp bèn bị tiêu diệt triệt để, công đức, trí tuệ rất ráo hiện tiền. Tin được như thế thì gọi là chân tín. Muốn biết tường tận nên đọc kỹ kinh A Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ, những kinh này được gọi là Tịnh Độ Tam Kinh, chuyên giảng về duyên khởi, sự lý Tịnh Độ.

9. Kinh Đại Tập chép: “Đời Mạt pháp, úc úc người tu hành, hiếm có một người đắc đạo, chỉ có niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử.” Do vậy, biết một pháp niệm Phật chính là đạo để thượng thánh hạ phàm cùng tu, là hạnh chung để hành của mọi người dù ngu hay trí, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng. Do chuyên cậy vào Phật lực, nên lợi ích thù thắng, là đạo pháp siêu việt đường lối thông thường. Người xưa nói: “Học đạo nơi các môn khác như con kiến bò lên núi cao, niệm Phật vãng sanh như căng buồm xuôi gió, thuận nước.” Có thể gọi là khéo hình dung nhất.

10. Đã có chân tín, nguyện thiết, ắt phải chí tâm chấp trì sáu chữ “Nam mô A Di Đà Phật”, bất luận nói năng, đi, đứng, nằm, ngồi, im lặng, mặc áo, ăn cơm, lúc đại tiểu tiện... đều chẳng lìa sáu chữ hồng danh hoặc trì bốn chữ cũng được, ắt phải dốc toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật không hai, tâm - Phật như một. Nếu có thể niệm đầu chú tâm đó, niệm đến cùng cực, bao tình kiến mất hết, tâm không, Phật hiện, thì trong đời này tự có thể chứng được tam muội. Đến lúc lâm chung, sanh vào Thượng Thượng Phẩm, có thể nói là đã tu trì đến mức cùng cực vậy.

11. Niệm Phật cần phải nhiếp tâm, niệm từ tâm khởi, tiếng từ miệng phát ra, đều phải mỗi câu mỗi chữ phân minh rành rẽ. Lại phải lắng tai nghe kỹ, từng câu từng chữ nạp vào trong tâm. Nhĩ căn đã



niếp thì các căn kia không cách chi rong ruổi bên ngoài, mới hòng mau đạt nhất tâm bất loạn.

12. Nếu biết thân người khó được, Phật pháp khó được nghe, pháp môn tịnh độ lại càng khó được nghe hơn, nay may mắn được làm thân đại trượng phu, lại được nghe pháp môn Tịnh độ khó được nghe nhất, có dám để quang âm hữu hạn bị tiêu hao sạch nơi thanh sắc, vật chất, lợi lộc, khiến cho vẫn sống thừa chết uống y như cũ, vẫn bị trầm luân lục đạo, không mong có ngày thoát ra hay sao?


13. Ngày 30 tháng Chạp chính là ngày cuối cùng của một năm, nếu trước đó chưa từng dàn xếp cho khéo thì chủ nợ oan gia lũ lượt kéo đến bức ngặt, há dung cho ông sao? Lúc mạng sắp hết chính là ngày Ba Mươi tháng Chạp của một đời người vậy. Nếu tư lương Tín - Nguyện - Hạnh chưa đầy đủ, ác tập khí tham - sân - si vẫn còn thì oán gia chủ nợ trong vô lượng kiếp đều kéo đến bắt tính sổ, há chịu dễ dãi với ông ư? Đừng nói chi kẻ không biết đến pháp môn Tịnh độ này thì không biết phải làm sao, phải tùy nghiệp thọ sanh; dẫu cho kẻ biết đi nữa nhưng không thật sự chuyên chú tu tập cũng sẽ giống như thế, bị ác nghiệp lôi vào trong tam đồ lục đạo, vĩnh viễn luân hồi. Muốn cầu đường trọng yếu để thoát khổ chỉ có niệm niệm sợ chết và sợ chết đi phải đọa lạc trong tam đồ ác đạo thì niệm Phật sẽ tự thuận, Tịnh nghiệp sẽ tự thành, hết thấy trần cảnh sẽ chẳng thể đoạt được chánh niệm nữa.

14. Dầu thọ trăm năm, khảy tay liền qua. Còn một hơi thở nên cầu đường ra, chớ để đến lúc lâm chung hối không kịp nữa! Thường nhớ kinh dạy: “Thân người khó được, chính giữa đất nước khó sanh, Phật pháp khó nghe, tín tâm khó sanh.” Ông may mắn hội đủ cả bốn điều ấy, càng phải nên nỗ lực như lên núi báu phải được ngọc ma ni. Do còn ở địa vị phàm phu, chưa đoạn Hoặc nghiệp, sanh tử chưa giải quyết khó khỏi đọa lạc. Vì vậy, đức Như Lai cực lực khuyên chúng sanh phát chân tín tâm và tâm nguyện khẩn thiết, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tịnh độ. Mọi công đức như: cúng dường Tam Bảo, trọn đời giữ giới, hết thầy việc làm chớ dùng để cầu phước báu nhân thiên trong đời sau, chẳng cầu đời này trường thọ, mạnh khỏe, bình yên, chỉ cầu lâm chung vãng sanh Tịnh độ, tương kế, tương hợp với thế nguyện của chư Phật, cảm ứng đạo giao nhất định mãn sở nguyện.

15. Quả đúng là “ba cõi không yên, giống như nhà lửa”, đây cũng là lời răn nhắc thiết yếu nhất đối với chuyện tín nguyện niệm Phật vãng sanh Tây phương. Niệm Phật tâm không quy nhất là do tâm sanh tử chưa khẩn thiết. Nếu nghĩ như đang bị nước cuốn lửa đốt, không được cứu giúp, tưởng sắp bị chết, tưởng sắp bị đọa địa ngục thì tâm sẽ tự quy nhất, không cần đến diệu pháp nào khác. Vì thế, trong kinh thường nói: “Nghĩ cái khổ trong cõi địa ngục, phát tâm Bồ Đề.” Đây chính là khai



thị thiết yếu nhất của đức Đại Giác Thế Tôn, tiếc là con người chẳng chịu thật sự suy nghĩ. Cái khổ trong địa ngục so với sự thảm thương của nước - lửa sâu nặng hơn vô lượng vô biên lần. Thế mà nghĩ đến nước dâng lửa đốt bèn run rẩy, nghĩ đến địa ngục lại coi thường là vì một đằng do tâm lực nhỏ nhoi chẳng thể thấu hiểu sự khổ ấy, còn một đằng là chính mắt thấy, bất giác lông tóc đều dựng đứng.



16. Đại sự sanh tử cần phải lo liệu sẵn. Nếu đợi đến lúc ra đi mới tu chỉ sợ bị nghiệp lực đoạt mất. Niệm Phật muốn được nhất tâm, ắt phải phát tâm chân thật vì liễu sanh tử, chẳng vì để được cái danh người đời gọi ta là “kẻ chân thật tu hành.” Lúc niệm phải từng chữ, từng câu từ tâm phát khởi, từ miệng thốt ra, lọt vào tai, một câu như thế, trăm ngàn vạn câu cũng như thế. Làm được như vậy thì vọng niệm không do đâu khởi được, tâm và Phật tự có thể khế hợp. Lại phải khéo dụng tâm, chớ chấp trước quá mức đến nỗi thân tâm chẳng yên, hoặc đến nỗi khởi các ma sự. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, hành theo đó, quyết chẳng bị lầm lạc đi vào đường rẽ.

17. Ngay trong sinh hoạt thường ngày, với tất cả những điều thiện nhỏ nhặt và các thiện căn như tụng kinh, lễ bái... đều đem những công đức ấy hồi hướng vãng sanh. Như thế thì hết thủy hạnh môn đều thành trợ hạnh cho Tịnh độ, như gom các trần thành đất, tụ các dòng nước thành biển, rộng lớn


sâu thăm, ai cùng tốt được. Nhưng phải phát Bồ Đề tâm, thệ nguyện độ sanh, tất cả công đức tu trì hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh bốn ân ba cõi. Giống như đổ dầu vào lửa, như mưa gặp mùa, đã kết pháp duyên sâu xa cùng hết thảy chúng sanh lại còn có thể mau thành tựu hạnh Đại thừa thù thắng cho chính mình. Nếu không biết nghĩa này thì là kiến giải tự lợi của phàm phu, Nhị thừa, dẫu tu diệu hạnh này, chỉ cảm được quả hèn kém.

18. Niệm Phật cần phải nhiếp tâm, niệm từ tâm khởi, tiếng từ miệng phát ra, đều phải mỗi câu mỗi chữ phân minh rành rẽ. Lại phải lắng tai nghe kỹ, từng câu từng chữ nạp vào trong tâm. Nhĩ căn đã nhiếp thì các căn kia không cách chi rong ruổi bên ngoài, mới hòng đạt nhất tâm bất loạn.

19. Tuy hết thảy thời, hết thảy lúc niệm Phật đều không trở ngại, nhưng phải nên thường kiên trì; coi tượng Phật giống như Phật sống, coi kinh Phật, lời Tổ giống như Phật, Tổ đang hướng về mình thuyết pháp, chẳng dám ôm lòng hoài nghi, khinh mạn tí nào. Dẫu hiểu tử đạo di chúc, trung thần vâng sắc chỉ cũng chẳng thể hơn được. Trong lúc bình thời niệm Phật, niệm ra tiếng hay niệm thầm tùy ý, còn lúc ngủ nghỉ hoặc đại tiểu tiện, tắm gội, rửa chân, v.v. và đi qua chỗ hôi nơ, chẳng sạch, chớ nên niệm ra tiếng, chỉ nên niệm thầm. Niệm ra tiếng là không cung kính, niệm thầm công đức cũng như thế. Tôi thường nói muốn được lợi ích



nơi Phật pháp phải hướng về cung kính mà cầu. Có một phần cung kính ắt tiêu một phần tội nghiệp, tăng được một phần phúc tuệ. Có mười phần cung kính, tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng được mười phần phúc tuệ. Nếu trọn chẳng cung kính thì dù có trồng viển nhân, nhưng cái tội khinh nhờn chẳng thể tưởng tượng được. Nay những kẻ tại gia đọc kinh Phật đều phạm phải những bệnh ấy. Vì thế, đối trước những kẻ hữu duyên phải thường ra rả nói.



20. Đại Thế Chí Bồ Tát nói: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam ma địa, ấy là bậc nhất”, chính là chỉ về điều này vậy. Ngài Văn Thù nói: “Quay trở lại nghe nơi tự tánh, tánh thành vô thượng đạo” cũng nhằm chỉ điều này. Chớ bảo pháp Trì Danh là thiểu cận rồi bỏ bê, tu theo những pháp Quán Tưởng, Quán Tượng, Thật Tướng. Phạm trong bốn cách niệm Phật, chỉ có Trì Danh là khế cơ nhất. Trì đến nhất tâm bất loạn thì diệu lý Thật Tướng hiển lộ toàn thể, Tây phương cảnh triệt để phô bày trọn vẹn. Do trì danh chúng được Thật Tướng, chẳng cần quán tưởng vẫn thấy được thấu triệt Tây phương. Một pháp Trì Danh chính là huyền môn để nhập đạo, là đường tắt để thành Phật. Người đời nay giáo lý quán pháp chẳng hiểu rõ. Nếu tu quán tưởng Thật Tướng rất có thể bị ma dựa, khéo quá hóa vụng, cầu thăng hóa đọa. Nên tu hạnh dễ hành, ắt tự cảm được quả chí diệu.

21. Hãy đem ngay một chữ “Tử” dán vào trán. Hề những cảnh chẳng nên tham luyện hiện ra liền biết đấy chính là vạc sôi, lò than của chính mình, quyết sẽ chẳng như con thiêu thân đâm đầu vào lửa, cam chịu đốt mình! Với những sự mình phải nên làm sẽ biết đấy là thuyền tử để thoát khổ, quyết sẽ chẳng đến nỗi gặp việc nhân bèn thoái thác, thấy việc nghĩa chẳng làm! Như thế thì trần cảnh sẽ là duyên để nhập đạo, há cần phải dứt sạch trần duyên mới kham tu đạo chăng? Bởi đã làm chủ được tâm, chẳng bị cảnh chuyển thì trần lao chính là giải thoát.

22. Hết thầy các pháp môn được nói trong giáo pháp một đời của đức Như Lai không pháp nào chẳng nhằm làm cho chúng sinh đoạn phiền hoặc, liễu sinh tử, chúng Vô Sinh nhẫn thành Phật đạo, nhưng căn cơ của chúng sinh bất nhất, cho nên mỗi người đạt được lợi ích khác biệt. Những ai có túc căn sâu dày thì có thể đoạn sạch được Kiến Hoặc - Tư Hoặc ngay trong một đời này, vượt thoát tam giới, tiến lên học theo đạo Bồ Tát “trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh” để cầu viên mãn Bồ Đề, may mắn gì hơn? Nếu như căn cơ kém cõi hơn đôi chút, dẫu có sức thiền định sâu, triệt ngộ tự tâm, nhưng chưa đoạn Kiến - Tư hoặc, ắt vẫn phải luân hồi y như cũ. Huống gì từ đời này sang đời khác, làm sao có thể tự bảo đảm được? Hề bị phúc làm mê, ắt đọa thẳng vào tam đồ. Kẻ kém hơn thì



còn gì để nói nữa. Đây là chỗ khó khăn của việc dùng tự lực để liễu sinh tử vậy.

23. Giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, tránh lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ.

24. Nếu muốn tự được lợi ích thật sự trong đời này, hãy nên nương vào pháp môn Tịnh độ, tín nguyện niệm Phật cầu sinh Tây phương sẽ quyết định liễu sinh thoát tử. Nếu chẳng nương vào pháp môn Niệm Phật, đừng nói chi kẻ chưa đắc chân truyền của Phật giáo chẳng thể liễu, ngay cả người đắc rồi cũng chẳng thể liễu. Vì sao vậy? Vì được chân truyền chỉ là bậc đại triệt đại ngộ, chưa phải là thật chứng. Có chứng mới liễu được, còn ngộ thì chưa thể liễu. Tu các pháp môn khác đều phải đoạn Hoặc chứng Chân mới có thể liễu sinh tử. Pháp môn Tịnh độ chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha trì danh hiệu Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, hành cả Chính Hạnh lẫn Trợ Hạnh thì chẳng những quyết định vãng sinh mà phẩm vị còn ưu thắng. Không riêng gì kẻ tinh ròng, thuần thành, sốt sắng quyết định được vãng sinh, mà ngay cả phường Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung, nếu có thể sinh lòng hổ thẹn lớn lao, sinh lòng lo sợ lớn lao, chí tâm niệm Phật mấy tiếng, ngay khi đó bèn mệnh chung, cũng quyết định được vãng sinh. Do lòng Từ của Phật rộng lớn, chuyên chăm chú độ sinh, nhất niệm hồi




quang liền được Phật nhiếp thọ. Đấy gọi là “cây vào từ lực của Phật, đời nghiệp vãng sinh.” Chúng sinh đời Mạt chẳng y vào Tịnh độ, tu các pháp môn khác, chỉ được phúc báu trời người và thành nhân duyên đắc độ lâu xa trong tương lai mà thôi. Do không có sức đoạn Hoặc nên cội rễ sinh tử vẫn còn, sao không nảy mầm sinh tử cho được?

25. Tham có nghĩa là thấy cảnh bèn dấy lòng yêu thích. Chúng sanh trong Dục giới đều do dâm dục mà sanh. Dâm dục do ái sanh. Nếu có thể quán sát mỗi mỗi kỹ càng thân mình, thân người từ ngoài vào trong thì chỉ thấy hờm đất, mồ hôi, đờm rãi, máu mủ, tóc, lông, móng, răng, xương, thịt, đại tiện, tiểu tiện, thối như xác chết, bản như chuồng xí, ai có thể sanh lòng tham ái đối với vật này cho được. Tham ái đã dứt thì tâm địa thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh niệm danh hiệu Phật, như chất ngọt được trộn lẫn, như vải trắng ăn màu, dùng Nhân Địa Tâm khế hợp Quả Địa Giác, sự giảm được nửa mà công gấp bội, lợi ích khó nghĩ suy.

26. Sân là thấy cảnh khởi tâm bực bội, chán ghét. Người phú quý thường hay nóng giận. Phàm mọi chuyện muốn được như ý phải có người để sai bảo, hễ hơi chút sai trái liền sanh phần nộ, nhẹ thì buông lời dữ ác, nặng thì roi vọt vọt đánh, chỉ cốt khoái ý mình, chẳng đoái hoài người khác đau lòng. Lại nữa, tâm sân nếu khởi lên thì vô ích cho người, tổn hại cho mình, nhẹ thì cũng khiến cho tâm ý



bực bội, xáo động; nặng thì gan lẫn mắt đều bị tổn thương. Hãy nên giữ sao cho trong tâm thường có một khối nguyên khí thái hòa thì bệnh tật tiêu diệt, phước thọ tăng trưởng. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Một niệm sân tâm khởi, trăm ngàn cửa chướng mở. “Cổ đức nói: “Sân là lửa trong tâm, cháy rụi rừng công đức. Muốn học đạo Bồ Đề, nhẫn nhục phòng tâm sân.”



27. Như Lai dạy chúng sanh nhiều tâm sân tu Từ Bi quán như sau: Xem hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Đã là cha mẹ trong quá khứ thì nên nghĩ đời trước họ có ân đức sanh thành, dưỡng dục, thẹn chưa thể báo đáp, há có nên vì chuyện trái ý nhỏ nhặt bèn ôm lòng phẫn nộ ư? Đã là vị lai chư Phật ắt sẽ rộng độ chúng sanh. Nếu ta chưa giải quyết được sanh tử, vẫn mong họ đến độ thoát. Chẳng những chuyện trái ý nhỏ nhặt không nên nổi nóng, dẫu là chuyện táng thân mất mạng cũng chỉ sanh lòng hoan hỷ, chẳng sanh tâm sân hận. Vì vậy, lúc Bồ Tát xả đầu, mắt, tủy, não, đều xem người xin những thứ ấy như thiện tri thức, coi như ân nhân, coi như người thành tựu đạo Bồ đề vô thượng cho mình. Xem phẩm Thập Hồi Hương trong kinh Hoa Nghiêm sẽ tự biết. Lại nữa, một niệm tâm tánh của chúng ta và chư Phật không hai. Chỉ vì mê trái bốn tâm, chấp chặt Ngã Kiến nên hết thấy các duyên đều thành đối đãi. Như cái bia để bắn đã lập thì

các mũi tên đều nhắm vào. Nếu biết được tâm ta vốn là tâm Phật, Phật tâm không, vô sở hữu. Giống như hư không: Sâm la vạn tượng không gì chẳng bao gồm. Cũng như biển cả: Trăm sông mọi nguồn nước không gì chẳng dung nạp. Như trời che chở khắp, như đất nâng bình đẳng, chẳng coi chuyện chở che, nâng đỡ là đức. Nếu ta do chuyện nghịch ý nhỏ nhặt bèn sanh lòng nóng giận thì chẳng những khiến cho tâm lượng chính mình thành hẹp hòi, mà còn tự đánh mất cả đức. Tuy có đủ Phật tâm lý thể nhưng khởi tâm động niệm toàn là xử sự theo phàm tình, coi vọng là chân, biến tở thành chủ; suy nghĩ như thế há không hổ thẹn ư? Nếu bình thời thường nghĩ như thế thì tâm lượng sẽ rộng lớn, không gì chẳng dung được, coi muôn loài như chính mình, chẳng thấy đây - kia. Điều nghịch xảy đến còn thuận chịu được, huống gì những chuyện trái ý nhỏ nhặt mà lại sanh nóng giận ư?


28. Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải hướng về cung kính mà cầu. Có một phần cung kính thì tiêu tội nghiệp một phần, tăng phước huệ một phần. Có mười phần cung kính, thì tiêu tội nghiệp mười phần, tăng phước huệ mười phần. Nếu không cung kính đến nỗi khinh nhờn thì tội nghiệp càng tăng, phước huệ càng giảm.



Đại Sư Hám Sơn khai thị

Những điểm thiết yếu khi niệm Phật

1. Pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh cõi Tây phương Cực Lạc, vốn là đại sự cắt đứt dòng sanh tử. Vì vậy bảo rằng niệm Phật liễu được sanh tử. Người đời nay phát tâm niệm Phật vì muốn cắt đứt dòng sanh tử. Chỉ cần xưng danh hiệu Phật là có thể cắt đứt dòng sanh tử.



Song, nếu không biết cội gốc của sanh tử, niệm Phật mãi thì rốt ráo sẽ đi về đâu? Nếu niệm Phật mà không đoạn được cội gốc của sanh tử thì làm sao cắt đứt dòng sanh tử? Cội gốc của sanh tử là gì? Cổ nhân nói: “Nghệp bất trọng bất sanh Ta-bà. Ái bất đoạn bất sanh Tịnh độ.”

Thế nên, biết rõ ái dục là cội gốc của sanh tử. Khiến tất cả chúng sanh thọ khổ sanh tử đều do ái dục. Cội gốc ái dục này không phải chỉ hiện hữu trong một hoặc hai, ba, bốn đời, mà nó đã tự có sẵn từ đời vô thủy cho đến ngày nay. Sanh sanh thế thế, xả thân thọ thân, đều do lưu chuyển theo ái dục. Ngày nay, suy nghĩ nhìn lại, xem coi lúc nào có một niệm tạm đoạn cội gốc ái dục này đâu. Hạt giống ái căn, bao kiếp tích lũy sâu dày, nên khiến sanh tử không cùng tận. Ngày nay vừa phát tâm niệm Phật, nếu chỉ vọng không cầu sanh Tây phương mà danh tự

ái dục tức cội gốc của sanh tử lại không biết đến, thì khi nào mới có niệm đoạn được nó? Không biết cội gốc của sanh tử, nên một bên niệm Phật, một bên cội gốc sanh tử lại càng sanh trưởng nhiều hơn. Cả hai việc niệm Phật và cội gốc sanh tử chẳng quan hệ với nhau. Dầu niệm cách nào đi nữa, đến lúc lâm chung quý vị chỉ thấy sanh tử ái căn hiện tiền. Khi đó lại cho rằng Phật hoàn toàn không đắc lực, nên liền oán trách niệm Phật không linh nghiệm, dầu sau này có hối hận cũng không kịp.

2. Khuyên người niệm Phật thời nay, đầu tiên phải biết ái dục là cội gốc của sanh tử. Ngày nay dốc lòng niệm Phật, thì niệm niệm phải đoạn ái căn này. Trong cuộc sống hằng ngày, ở nhà niệm Phật; mắt thấy vợ con cháu chắt, gia duyên tài sản, đều không nên đắm trước ái nhiễm, thì làm việc nào và niệm niệm nào cũng đều vì sanh tử, như toàn thân đang đứng trong hầm lửa. Lúc chưa biết cách chân chánh niệm Phật, thì niệm ái dục trong tâm chưa có thể xả bỏ. Lúc chân chánh niệm Phật, chỉ bảo rằng niệm không thiết tha và chẳng biết ái dục là chủ tử, nên chỉ niệm Phật ngoài da. Nếu như thế thì Phật chỉ nghe niệm, còn ái dục thì lại tăng thêm. Lúc cảnh tình của vợ con hiển hiện, phải xoay nhìn vào tâm. Nếu một danh hiệu Phật có thể đối địch với ái dục, thì sẽ cắt đoạn được ái căn. Nếu không cắt được ái dục thì làm sao đoạn được sanh tử. Do tập khí của duyên ái trong bao đời đã chín muối mà



nay chỉ mới bắt đầu niệm Phật, lại không thiết thực niệm Phật, thì không thể niệm Phật đắc lực được. Nếu trước mắt không thể kềm chế được ái cảnh thì khi lâm chung quyết không thể tự làm chủ được.

Vì vậy khuyên người niệm Phật, việc thứ nhất là phải biết vì sanh tử mà thiết tha niệm Phật, phải có tâm thiết tha đoạn sanh tử, phải dùng niệm niệm mà đốn đoạn cội gốc sanh tử. Lúc niệm niệm đều liễu được sanh tử thì cần gì đợi đến ngày ba mươi tháng Chạp! Nếu đợi đến lúc đó thì đã trễ lắm rồi!

Do đó bảo rằng trước mắt luôn nghĩ đến sanh tử đại sự. Trước mắt liễu được sanh tử vốn không. Niệm niệm thiết thực, thì đao đao đều chặt đứt. Dụng tâm như thế, nếu không vượt khỏi sanh tử thì chư Phật bị đọa vì tội vọng ngữ!

Do đó người xuất gia kẻ tại gia, biết rõ tâm sanh tử tức là biết rõ thời tiết xuất ly sanh tử, sao còn diệu pháp nào khác nữa.

3. Khai thị cho Ngô Khải Cao:

Thế nhân nếu có một niệm, biết là Vô thường, khổ, không, mà phát tâm cầu xuất ly, tức là người đại trí huệ. Lại nữa, nếu có một niệm phản tỉnh, phát khởi tâm chán khổ, tức là bước trên con lộ xuất ra khỏi khổ đau. Ngoài ra, nếu có một niệm nguyện cầu sanh Tịnh độ, tức là căn bản thành Phật.

Cư sĩ hôm nay đã biết rõ việc này mà phát tâm đó,



nên mọi việc làm đều là hạnh xuất thế. Tuy chưa xuất gia, mà đã có danh Phật tử. Từ nay nếu dùng tâm trì giới và niệm Phật, tịnh trừ tập nhiễm xưa trong tâm, tức tham sân si ái, bao loại phiền não, thì tâm địa sẽ được thanh tịnh. Dùng tâm tịnh niệm Phật, niệm niệm không quên, tâm tâm chẳng đoạn, tức ngay nơi công việc thường ngày, sự sự đều là nhân Tịnh độ. Bồ thí bao loại đồ vật, và tú sự cúng dường Tam Bảo, để làm tư lương trang nghiêm Tịnh độ. Vì vậy bảo rằng tâm tịnh tức cõi Phật tịnh. Duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di Đà nguyên vốn không rời một niệm. Đây là pháp hạnh chân thực, nên mới có pháp danh chân chánh là Phước Thường. Do tịnh tâm bên trong, nên mới có hiệu là Tịnh Tâm. Quả như cư sĩ tin chắc không nghi, sao còn câu Phật pháp nào chi nữa! Nếu không hằng làm những việc tầm thường ở thế gian, thì trước mắt đạo tâm tự kiên cố, tín tâm ngày càng tăng trưởng. Trân trọng. Trân Trọng.

4. Khai thị về ông Tây Ấn Tịnh chuyên tu Tịnh độ

Đại sĩ phu trong đời cận thế đa số đều hướng về tai miệng, phóng túng đàm luận ngọn ngành, đều tôn trọng việc tham thiền là hướng thượng, nên bài bác không tu theo Tịnh độ. Cho đến những đệ tử lớn của tôi, đa phần tập tành theo những ngôn cú của chư cổ đức, chỉ có miệng lưỡi lạnh lợi, chỉ hướng theo danh tướng, nên pháp môn ngày càng suy vi. Không những thực hành chẳng được gì mà



lại phỉ báng kinh điển đại thừa cho là văn tự, không muốn thân cận. Gặp những người vô minh nhận tri thức thì làm sao tránh được những những làn sóng cuồng. Thực rất đáng sợ!

Muốn xuất khỏi sanh tử, niệm Phật chẳng phải là pháp xuất ly sanh tử sao? Tham thiền đa số khó xuất ra khỏi sanh tử, mà niệm Phật thì chắc chắn sẽ xuất khỏi sanh tử, không nghi ngờ chi. Tham thiền phải rời bỏ vọng tưởng. Niệm Phật thì chuyên giữ tại tư tưởng. Chúng sanh đã lâu nhiễm sâu trong vọng tưởng, nên muốn xa rời chúng lại rất khó. Nếu chuyển được vọng niệm ô uế thành vọng niệm thanh tịnh thì đó là cách dùng độc trị độc, tức là pháp hoán đổi. Tham cứu thiền rất khó ngộ, mà niệm Phật lại dễ thành. Nếu như tâm thiết tha vì sanh tử, dùng tâm tham cứu mà niệm Phật, thì sao lo gì một đời không cắt được sanh tử!

5. Khai thị cho Ưu bà tắc kết niệm Phật xã:

Phật là giác, tức là Phật tánh của chúng sanh. Vì mê mà làm chúng sanh. Nếu ngộ thì gọi là Phật. Ngày nay niệm Phật, tức tự tánh Di Đà. Cầu vãng sanh cõi Tịnh Độ, tức duy tâm Cực Lạc. Quý vị nếu thường niệm niệm mà chẳng quên mất, thì tâm tâm Di Đà sẽ xuất hiện, và từng bước lần lần sẽ đến quê hương Cực Lạc. Cần gì vọng mong nơi ngoài mười vạn ức cõi nước, còn có cõi Tịnh Độ để quy hướng! Thế nên, đạo tâm tịnh thì cõi nước thanh

tịnh. Tâm cấu uế thì cõi nước uế trước. Do đó, một niệm ác vừa dấy khởi, thì rừng kiếm cây đao liền vung dậy. Một niệm lành sanh, thì đất báu hồ sen liền hiện rõ. Thiên đường địa ngục, sao lại ngoài tâm này ư!


Chư thiện nam tử! Xin hãy suy nghĩ chính chắn, phải luôn thống niệm sanh tử đại sự, Vô thường mau mắn. Một khi mất thân này, thì muôn kiếp khó hoàn phục lại. Mặt trời mặt trăng luôn xoay chuyển, và thời gian chẳng đợi mình. Nếu phụ duyên này, thì quá sai lầm. Khi đại hạn đến, hối hận chẳng kịp. Quý vị mỗi mỗi hãy nỗ lực. Trân trọng! Trân trọng.

6. Khai thị pháp môn tu Tịnh Độ

Ngày nay tu hành tịnh nghiệp, thì phải lấy việc thanh tịnh thân tâm làm gốc. Muốn tịnh tự tâm, thứ nhất là phải thanh tịnh giới căn. Vì mười việc ác của thân miệng ý vốn là nhân khổ của ba đường ác, nên nay phải cẩn trì giới, khiến cho ba nghiệp được thanh tịnh, tức tâm tự tịnh. Nếu thân không giết hại, ăn cắp, tà dâm, nói láo thì thân nghiệp thanh tịnh. Nếu miệng không nói láo, nói lười hai chiều, nói lời ác độc, nói lời thù dật thì khẩu nghiệp thanh tịnh. Nếu ý không tham lam, sân hận, si mê, thì ý nghiệp thanh tịnh. Mười việc ác này mãi đoạn dứt, ba nghiệp trong xanh, đó là điều thiết yếu của sự tịnh tâm.

Trong lúc thanh tịnh thân tâm, phải dấy khởi tâm





chán khổ nơi cõi Ta-bà, mà phát nguyện vãng sanh về miền an dưỡng; lập chánh hạnh niệm Phật; tâm niệm Phật phải thiết tha vì sanh tử. Đầu tiên, ngoài đoạn ngoại duyên. Kế đến, bên trong đơn độc để khởi nhất niệm. Dùng một câu A Di Đà Phật làm mạng căn. Niệm niệm không quên, tâm tâm chẳng đoạn. Trong hai mươi sáu thời, đi đứng nằm ngồi, cử động gân cốt, xoay mình cúi ngửa, động tịnh đều quên. Trong mọi thời, không u mê không ngu muội, lại chẳng làm duyên khác. Dụng tâm như thế, lâu ngày thuần thực, cho đến trong mộng, cũng không quên mất; thức ngủ như nhau, tức công phu miên mật, dật thành một phiến, tức là lúc công phu đắc lực.

Nếu niệm đến nhất tâm bất loạn, thì lúc lâm chung, cảnh giới Tịnh Độ hiện ra trước mắt; tự nhiên không bị sanh tử trói giữ, bèn cảm Phật A Di Đà phóng quang tiếp dẫn. Đây là việc chứng nghiệm quyết định vãng sanh.

Nếu miệng thuyết niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh Độ, mà không trì tịnh giới, phiền não không thể đoạn trừ, tâm địa vẫn còn cấu uế, thì Phật bảo người này, mãi chẳng thành tựu. Vì vậy hành nhân, việc thiết yếu bậc nhất là phải trì giới làm căn bản; phát nguyện làm nhân duyên phụ trợ; niệm Phật và quán tưởng làm chánh hạnh. Tu hành như thế, nếu không được vãng sanh, thì Phật sẽ đọa vọng ngữ.

7. Khai thị cho Phùng Sanh Văn Nhụ

Người học đạo, đầu tiên nhất phải quyết định phát khởi ý chí tu hành dài lâu. Đến suốt cuộc đời, mãi tới ba đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, muôn ngàn đời, cùng đến sanh sanh kiếp kiếp, nhất định tới khi nào đại ngộ mới thôi. Không đại ngộ được tâm này thì quyết chẳng ngơi nghỉ. Dầu có đọa lạc vào ba đường khổ địa ngục, hay nhập thai lửa vào bụng ngựa, thì chí nguyện thành Phật cũng quyết không xả bỏ. Lại nữa, ngày nay không vì bao khổ não bức bách mà thoái thất tín tâm.


Ngoài ra, khi đã có ý chí kiên quyết rồi, cần phải có tri kiến chân thực. Nếu tri kiến không chân thực thì chí nguyện không thể hướng tới, hạnh nguyện không thể hành đến được, cũng lại uổng phí công phu. Chúng ta đã có chí nguyện cầu đạo, thì phải tin tự tâm, thể vốn là Phật, bản lai thanh tịnh không chứa một vật, và bản lai vốn sáng soi bao la.

Ngay tại công việc hằng ngày mà chưa đắc được thọ dụng chỉ vì bị các huyễn vọng làm mê muội, và bị bốn đại làm che mờ, cùng vọng tưởng tâm phù làm chướng ngại, nên khó được thấu triệt. Qua được cửa ải sanh tử không chỉ là ngàn đời vạn kiếp thôi.

Chúng ta đã biết tâm này, thì phải tin chắc chẳng nghi. Ngày nay phát tâm, quyết lấy sự đắc ngộ làm kỳ nhật, rồi từ đó phát khởi công phu, tức là đã đi ra cửa một bước. Bây giờ thân cận và thừa sự



những lời chỉ dạy của thiện tri thức, tức là đã xuất phát đi. Xuất phát khởi hành, trên đường gặp bao cảnh giới, bao khó khăn, bao việc trì hồi chậm trễ, bao việc bịn rịn không bịn rịn, bao việc thoái lui không thoái lui. Tất cả đều do học nhân tự đặt bước suy xét xem coi có hợp với bốn phận sự của mình không, chứ thiện tri thức chẳng giúp gì được hết.



8. Pháp môn này, nếu suốt đời tinh tấn khẩn thành tu trì thì chắc sẽ được sanh qua cõi đó, đốn thoát sanh tử, mãi mãi xuất ra khỏi luân hồi. Pháp môn trực tiếp như thế, sao lại lo sầu mà không chịu tu, lại còn khinh bạc! Tham thiền liễu sanh tử rất khó. Niệm Phật cắt đứt sanh tử dễ dàng, chỉ cần phải nhất niệm chân thực khẳng khái thiết tha. Từ xưa, người được vãng sanh qua cõi Tịnh Độ thực vô lượng vô biên. Thế nhân mắt thấy mà không tin, vậy tin vào pháp nào.

9. Tất cả nghiệp hạnh ở thế gian, đều là Vô thường, và rốt ráo đều là nhân khổ. Cảm sanh đến cõi Ta Bà, chúng sanh hội tụ, nên gọi là kham nhẫn. Kẻ ngu mê, lấy khổ làm vui, chuyên thêm tham ái, lại tăng gốc khổ, mà không biết sự thiết yếu của việc xuất ra biển khổ, thực là điên đảo.

Người đời nếu có một niệm, biết là Vô thường, khổ, không, mà phát tâm cầu xuất ly, tức là người đại trí huệ. Lại nữa, nếu có một niệm phản tỉnh, phát khởi tâm chán khổ, tức là bước trên con lộ xuất ra khỏi

khổ đau. Ngoài ra, nếu có một niệm nguyện cầu sanh Tịnh Độ, tức là căn bản thành Phật.

Phật thuyết giới pháp, dạy người ngưng ác tu thiện. Ác ngưng tức tâm tịnh. Tu thiện tức khổ diệt hết. Khổ diệt hết tức tăng phước. Tâm tịnh tức làm nhân cho cõi tịnh. Khổ diệt hết tức làm gốc cho cực lạc. Tăng phước tức làm quả cho thường lạc. Thế nên, biết rõ một niệm phát khởi tâm thọ giới, tức chúng khổ có thể đoạn trừ, chúng phước lành có thể hội tụ, sanh tử có thể xuất khỏi, Tịnh Độ có thể vãng sanh. Tất cả đều do từ một niệm tối sơ, phát tâm làm nhân địa.

10. Phật dạy rằng sanh tử của chúng sanh, ngày đêm dài lâu tương tích, bao số kiếp luân chuyển, không ngừng không nghỉ, do niệm niệm vọng tưởng phan duyên, chưa từng có một niệm ngừng nghỉ. Vọng tưởng không đoạn, nên sanh tử không cùng tận, bao kiếp lâu dài bị lôi kéo luân chuyển không dừng, vì do từ đó. Phật thuyết bao phương pháp chế ngự tâm, đều là muốn dừng bánh xe luân hồi. Pháp môn tuy nhiều, nhưng vì chúng sanh trần cấu nặng nề, tâm thức mê muội khó nhiếp nhập, nên chỉ có pháp môn niệm Phật là thẳng tắt và cần yếu nhất. Thế nên bảo rằng nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền và tương lai, tất định thấy Phật.

11. Niệm niệm phiền não vốn là gốc khổ sanh tử. Nay dùng niệm Phật để tiêu diệt phiền não, tức là



nơi Phật cứu độ khổ não sanh tử. Nếu niệm Phật mà tiêu được phiền não, thì có thể cắt đứt sanh tử, chứ chẳng còn pháp nào khác. Niệm Phật cho đến lúc làm chủ được phiền não, thì ngay trong mộng cũng tự làm chủ được. Nếu trong mộng tự làm chủ được, thì ngay trong bệnh khổ cũng tự chủ được. Nếu trong bệnh khổ mà tự chủ được, thì lúc lâm chung phân minh rõ ràng, bèn biết nơi sắp đến. Việc này hành không khó, chỉ thiết yếu là tâm phải tha thiết vì sự sanh tử. Đơn đơn nương tựa một câu niệm Phật, lại không hướng ra ngoài nghĩ ngợi những chuyện khác. Lâu ngày thuần thực, tự nhiên đắc đại tự tại an lạc, và đắc đại hoan hỷ thọ dụng, mà dục lạc thế gian không thể nào sánh bằng.



Hòa thượng Hư Vân khai thị

1. Tin sâu lý nhân quả

Người muốn dụng công tu đạo, việc đầu tiên là phải tin sâu lý nhân quả. Nếu không tin nhân quả, thì làm những việc hàm hồ. Chẳng những việc tu đạo khó thành công mà ba đường ác cũng không thể thiếu mình.

Phật dạy: “Muốn biết nhân đời trước, phải nhìn đời này mình thọ quả báo gì. Muốn biết quả đời tương lai, phải xem đời này mình đang gieo nhân gì.”

Phật lại bảo: Giả sử nghiệp tội đã tạo trong trăm ngàn kiếp chưa tan, khi nhân duyên đến, quả báo phải tự thọ.


2. Nghiêm trì giới luật

Đối với công phu tu đạo, việc đầu tiên là phải trì giới. Giới là gốc của đạo Bồ Đề vô thượng. Do giới mà sanh định. Do định mà phát huệ. Nếu không trì giới mà muốn tu hành thì không thể được. Kinh Lăng Nghiêm nói đến việc đức Phật răn nhắc chúng ta về bốn hạnh thanh tịnh. Chẳng trì giới mà muốn tu chánh định thì không thể nào thoát khỏi trần lao. Lại nữa, dấu hiện tại có phát sanh trí huệ hay thiền định, nhưng vẫn bị lạc vào tà ma ngoại đạo. Vì vậy, biết rõ việc trì giới rất quan trọng. Người trì



giới luôn được chư long thần ủng hộ, tà ma ngoại đạo kính phục nể sợ. Người phá giới thì quý gọi là kẻ cướp, nên chúng thường đi theo xóa dấu chân họ.

3. Tín tâm kiên cố



Muốn dụng công tu đạo, đầu tiên phải có tín tâm kiên cố. Niềm tin là mẹ của tất cả công đức. Dầu là việc gì, nếu không có tín tâm thì làm không thể xong. Chúng ta nếu muốn thoát khỏi sanh tử, thì phải cần có tín tâm kiên cố. Phật bảo rằng chúng sanh trên cõi đất đều có đức tướng trí huệ của Như Lai. Chỉ vì vọng tưởng chấp trước, nên không thể chúng đắc. Vì thế, Phật mới thuyết bao pháp môn sai biệt, để đối trị tâm bệnh của chúng sanh. Chúng ta phải tin tưởng rằng lời Phật dạy không bao giờ là hư ngữ rỗng tuếch. Phải tin rằng chúng sanh đều có thể thành Phật. Tại sao chúng ta chưa có thể thành Phật? Do vì chúng ta không y theo pháp mà quyết chí hạ thủ công phu.

4. Thích Ca Như Lai thuyết pháp trong bốn mươi chín năm, đàm kinh hơn ba trăm hội, quy nhiếp tại ba tạng, mười hai bộ. Ba tạng tức là tạng kinh, tạng luật, tạng luận. Toàn bộ ba tạng không ngoài ba học, giới định huệ. Tạng kinh thâm nhiếp định học. Tạng luật thâm nhiếp giới học. Tạng luận thâm nhiếp huệ học. Nói chung, hai chữ nhân quả bao gồm tất cả lời thuyết pháp của Phật. Tất cả phàm

thánh, thế gian, xuất thế gian, đều không vượt ngoài hai chữ nhân quả. Nhân tức là nhân duyên. Quả tức là quả báo.

Bồ Tát sợ nhân, phàm phu sợ quả. Phàm phu chỉ sợ quả ác, mà nào biết đến quả ác phát khởi từ nhân xấu. Bình thường, tự ý làm những việc hàm hồ ngu xuẩn; mưu đồ hưởng sung sướng trong nhất thời, mà quên rằng sung sướng vốn là nhân khổ. Bồ Tát chẳng như thế. Bình thường, nhất cử nhất động, hộ trì thân tâm cẩn trọng, và luôn lấy việc giữ giới làm đầu, nên chẳng gieo nhân xấu, thì làm sao quả ác đến? Bị quả ác trói buộc, do vì đã trồng nhân xấu bao đời xa xưa. Trước kia đã từng trồng nhân nào, thì ngày nay khó mà trốn chạy quả báo đó. Khi cảm thọ quả báo, phải an nhiên lãnh thọ, chẳng nên lui sụt sợ hãi. Đây mới gọi là minh Nhân thức Quả.

5. Người xưa xem sanh tử là việc lớn, nên không quản khổ nhọc, bôn ba trèo non lội suối, vượt núi băng sông, để tầm sư học đạo. Chúng ta từ đời vô thủy đến nay, bị bao vọng tưởng che lấp, trần lao trói buộc, quên mất bản lai diện mục của mình. Ví như tấm kính, vốn tự chiếu soi khắp cả trời đất, nhưng vì bị bụi bặm trần cấu bám vào, khiến nó không thể chiếu sáng. Chúng ta chỉ việc dùng công phu lau chùi, thì tự tánh chiếu soi xưa kia, tự nhiên hiển hiện. Tâm tánh của chúng ta cũng như thế. Trên đồng với chư Phật không hai không khác, không thiếu không thừa. Song, tại sao chư Phật



đã thành Phật rồi, mà chúng ta vẫn còn làm phàm phu, nằm trong biển khổ sanh tử? Chỉ vì tâm tánh của chúng ta, bị bao tập khí vô minh phiền não che lấp, nên tâm tánh này tuy cùng Phật không khác, nhưng không thể dùng được.

6. Ngày nay, chúng ta đã xuất gia, đồng là con Phật, thì phải cố gắng minh tâm kiến tánh, xoay về cội nguồn, chẳng ngại khổ nhọc, vận dụng công phu. Người xưa chịu muôn ngàn khổ nhọc, tham tâm thiện tri thức, chỉ vì muốn hiểu rõ chính mình. Hiện tại là đời mạt pháp, thời thánh giáo đã qua, Phật pháp ngày càng suy vi, người nhiều biếng nhác, nên chẳng có thể cắt đứt dòng sanh tử. Ngày nay đã biết tự tâm tương đồng với chư Phật, phải nên phát tâm tu hành dài lâu, tâm kiên cố, tâm dững mãnh, tâm hổ thẹn. Từ sáng đến tối, trong mười hai thời, như mài như giũa, như cạo như chùi, nỗ lực tinh tấn, dụng công tu đạo, chớ để thời gian trôi qua vô ích.

7. Người sơ phát tâm tu đạo, cung cách bên ngoài phải nên cẩn thận. Rất nhiều vị lão tăng, cung cách diện mạo cũng chưa hợp với đạo cho lắm. Nếu một đời chất trực, tinh tấn chuyên hóa, hun đúc thân tâm, mọi nơi mọi thời đều không để phạm giới, thì mới được xem là tỳ kheo thanh tịnh. Trong giới luật, tuy có phân tánh giới, giá giới, nặng nhẹ, nhưng chớ phạm giới nào. Trì giới thanh tịnh như trăng sáng mùa thu, thực không dễ dàng, phải nên chú ý.




Quý vị chớ quên bốn phạm xuất gia. Biểu hiện tướng xuất gia không khó, chỉ việc cạo tóc đắp y ca sa liền được gọi là Tăng sĩ. Hiện tại, có nhiều cư sĩ thường cạo đầu. Thế thì ai là Tăng sĩ chân thực? Như người uống nước, tự biết lạnh nóng. Hy vọng mọi người hãy nên tinh tấn.

8. Đức Thế Tôn thuyết pháp, giảng giải tiền tài mê hoặc người đời, thực không gì diễn tả hết. Đa số người xuất gia cũng bị tiền tài làm mê hoặc. Xưa đồng tiền, nay là giấy bạc. Chúng trói buộc con người đến chết. Rồi chúng thì chẳng sống được qua ngày. Quý vị muốn trồng trọt, làm ruộng vườn thì phải có công cụ cuốc xẻng. Không tiền thì không thể mua được dụng cụ cuốc xẻng, nên không thể trồng trọt chi hết. Chúng ta bận rộn suốt ngày, có phải chỉ vì tiền bạc thôi sao?

Người thế tục ăn mặc nếu đầy đủ rồi, lại tham đắm sắc dục. Chữ sắc này đã hại không biết bao nhiêu người. Xưa kia, các vua chúa đế vương, chỉ vì tham sắc mà mất nước không ít. Lợi và danh đi liền với nhau. Danh có tốt có xấu, hoặc lưu tiếng thơm trăm đời, hay để vết nhơ muôn thuở. Danh này cũng hại người. Nếu mình được khen là giỏi, có đạo đức, hoặc thường làm những việc khó làm, thì sanh tâm vui thích; đó là háo danh. Bị chửi mắng khiến không vui, cũng vì danh. Được khen hay chê dở, nói chung đều bị danh xoay chuyển.





Ăn uống cũng rất lợi hại. Quân tử ăn không cầu no, ở không cầu an. Người xưa nhất tâm tại đạo, ăn rau dại để no lòng. Tâm định thì rau tươi cỏ dại đều có mùi vị. Người thế gian tham ăn, chấp trước mùi vị ngọt chua cay mặn nồng. Ai ai cũng thích mùi ngon vật lạ, nên sát sanh hại mạng, để thỏa thích miệng mồm bao tử. Người thích ăn chay, nhưng khi nấu nướng lại bỏ hành tỏi mỡ gà mỡ heo, để món ăn ngon hơn; chẳng bỏ được tập khí giết sanh hại mạng, vì tâm tánh giết hại vẫn còn. Tuy không ăn thịt, nhưng lại dùng dầu mỡ động vật cùng hành tỏi, thì vẫn phạm giới. Dầu thức ăn ngon hay dở, một khi đã xuống bao tử rồi thì thành phần ứ. Sao lại tham cầu cao lương mỹ vị, tranh nhau không ngừng! Ăn càng nhiều thì thải bỏ phần ứ càng nhiều, có hay ho chi đâu!

Ngủ lại không thể bàn hết. Một năm có ba trăm sáu mươi ngày. Một ngày có hai mươi bốn tiếng. Ban ngày làm việc, tối đến mơ mộng. Bình thường, một năm ngủ khoảng một trăm tám mươi ngày. Việc ngủ nghỉ chiếm rất nhiều thì giờ, thực hại chết người. Người chân chánh tu hành, rất mến tiếc thời gian. Kinh Di Giáo bảo: “Ban ngày chuyên cần tu tập pháp lành, không để mất thời gian. Đầu hôm cuối hôm, cũng chớ bỏ phế công phu. Giữa đêm tụng kinh, lấy đó làm việc nghỉ ngơi. Nếu cứ mộng寐 vô cơ, thì một đời trải qua vô ích, không đắc được gì cả”.

Hy vọng, người có tâm cầu đạo, nguyện vượt ra sanh tử, chớ để năm món dục lạc, cùng thất tình xoay chuyển. Hãy nỗ lực chuyên cần tu hành, chớ để thời gian trôi qua vô ích.

9. Người xưa bảo:

- Chớ đợi đến già mới học đạo. Một phần đầy cả thiếu niên!

Lúc đến tuổi già, bị trăm thứ bệnh khổ. Tai không nghe được. Mắt không thấy rõ. Bốn cơ chi không còn sức lực. Ăn không được, ngủ không yên, đi không nổi. Những nỗi khổ này, người trẻ chưa nếm qua. Đối với người già, ngày này luôn khác với ngày nọ. Khi bị bệnh, thì cứ mãi nằm trên giường bệnh, bị bao khổ não bức bách. Sáng tối nghĩ suy, đường lộ hoang mang, đạo nghiệp chưa thành, sanh tử chưa đoạn; mở miệng chẳng ra lời, chắc phải bị đầu thai. “Muôn thuyền đẩy không nổi, chỉ theo nghiệp mà thọ sanh”.

Lúc còn trẻ không thì chịu tu, để hôm nay đợi đến già mới ra nông nỗi này. Hôm nay, chúng ta có dung mạo tăng tướng đàng hoàng, đều do kiếp xưa đã trồng căn lành, nên mới được báo thân đoan trang, chớ nên làm hư hạt giống lành.

10. Nếu hiểu rõ được việc sanh tử tức không còn nhân địa ngục. Địa ngục chưa hẳn là khổ, vì chưa hiểu rõ tụ tâm mới là khổ nhất. Muốn hiểu được



việc sanh tử, phải thường nỗ lực tinh tấn, chớ xao lãng khinh xuất, lo lắng bận bịu mãi, khiến phí mất thời giờ. Ban ngày, ứng duyên gặp cảnh, phải luôn làm chủ. Ban ngày làm chủ được thì trong mộng cũng tự chủ được. Trong mộng tự chủ được thì lúc bệnh hoạn, cho đến lúc sắp mất cũng tự làm chủ được. Làm chủ được vì bình thường tự chủ được chính mình. Tự chủ chính mình tức là dễ dàng ngộ đạo, cắt đứt sanh tử. Chưa ngộ đạo thì sanh tử khó cắt đứt. Ngộ đạo không khó, chỉ quan trọng là luôn khởi tâm thống thiết vì sanh tử, luôn hướng về đạo, và đầy đủ tâm dài lâu, cùng tâm kiên cố, cho đến chết cũng chẳng thoái chuyển. Tuy chưa ngộ đạo, nhưng đời nay không thoái chuyển, và đời sau sẽ lại nỗ lực tinh tấn, thì có lý do gì không ngộ đạo?

11. Khi bệnh thì nhớ đến đạo. Lành bệnh thì quên mất đạo. Khởi vô minh như bị bệnh sốt rét. Vì vậy, phải nên nỗ lực tinh tấn, sanh tâm sám hối, khởi tâm kiên cố, chớ nên chỉ tu hành trong vài ngày rồi nghỉ ngơi. Tu hành phải thâm nhập vào một pháp môn, tức dùng pháp môn đó làm chính, còn các pháp môn khác làm phụ.

12. Pháp tu đạo, nói khó thì rất khó, bảo dễ thì cũng rất dễ. Khó cùng dễ là hai pháp đối đãi. Người xưa chân thực dụng tâm, nên không cảm thấy khó chút nào, vì việc này vốn đã hiện thành. Tại sao khó? Lòng tin không đủ nên khó. Nếu chân chánh vì cầu thoát khỏi sanh tử, xem thường thân mạng, biết nó

là huyền hóa, cùng thấu suốt tất cả sự tình, không bị cảnh chuyển, thì tu đạo rất dễ. Không thích tu học siêng năng, lại muốn làm thánh hiền, cùng sợ cảnh địa ngục. Song, muốn là một chuyện, còn làm là một chuyện. Có nhiều người khi tu hành thì cảm thấy rất khó khăn. Vì sao? Do không xả chấp nổi. Ví như người thế tục, đối với những lời hay ho tốt đẹp, như chúc tụng phát tài, được vinh hoa phú quý, thì ai ai cũng đều thích nghe. Đối với những lời không tốt như nhà tan người chết, thì mọi người đều không muốn nghe. Chứng minh rằng mọi người đều thích những việc tốt lành, nhưng còn những việc không may, xấu xa, hư hoại thì bỏ chạy hết sao! Tất cả đều do không thể phóng xả được.


Người thế tục si mê, tạo bao nghiệp ác mà không thường hành việc lành, nên phải chiêu vùi quả khổ. Người xuất gia có muốn thoát khỏi vòng khổ lụy không? Nếu không muốn, thì cần gì nhập vào cửa Không? Nhập vào cửa Không tức là chẳng có một vật gì để chứng đắc, đều ngưng, sao còn có thiên đường địa ngục?



Khai thị của Hòa Thượng Quảng Khâm

1. Tây phương có Phật hiệu A Di Đà

Chúng ta chỉ biết mình do cha mẹ sanh ra. Song trước khi được cha mẹ sanh ra, mặt mũi mình ra sao? Sau khi chết đi, mình sẽ về đâu?



Nay do nghe Phật Pháp, biết có Đức Phật hiệu A Di Đà là vị đã phát 48 lời nguyện, rằng ai niệm danh hiệu của Ngài thì sẽ được tiếp dẫn về Tây phương. Nếu Phật có nguyện vậy, thì ta cũng phải phát nguyện: nguyện vãng sanh Cực Lạc.

Ta phải tin chắc rằng thật có thế giới Cực Lạc, có Đức Phật Đại Từ Đại Bi A Di Đà; rồi phải luôn luôn niệm Phật để đến lúc lâm chung, ta mới có chánh niệm. Khi hấp hối mà có khả năng niệm Phật, thì Đức A Di Đà ắt sẽ đến tiếp dẫn. Song le, nếu vẫn còn ý nghĩ lưu luyến bất kỳ thứ gì, dù nhỏ như đầu kim, ngọn cỏ ở cõi Sa Bà này, ta sẽ lại rớt vào vòng luân hồi.

2. Ta đã hồ đồ, mê muội lúc đầu thai. Giờ đây, ta cần phải sáng suốt tìm đường đi lúc chết – con đường ấy chính là Niệm Phật A Di Đà.

3. Tây phương ở đâu? Ở trong tâm mình – khi tâm vô sự, không phiền não, thì đó tức là Tây phương.

Tuy rằng thân ta hiện sinh ở cõi Ta-bà, song nếu

mình niệm Phật mà niệm tới lúc tâm tịnh, thì cõi Phật sẽ tịnh. Nghĩa là khi tâm thanh tịnh, không phiền não, không vọng tưởng; thì đó là Tịnh Độ – cõi Tịnh Độ ở ngay giữa Ta-bà – mà tâm tức là Tây phương.

Tây phương Cực Lạc ở tâm ta. Ta cần phải niệm Phật cho tới chỗ tâm thanh tịnh; niệm một cách đầy chú ý, tập trung. Khi niệm Phật, chúng ta cần phải phát nguyện vãng sanh Tây phương, rồi bỏ trần gian khổ lụy. Chớ nên quá yêu quý, nâng niu cái thân xác thịt này.

4. Niệm Phật, tụng kinh, xem kinh và nói chuyện là bốn việc mà người tu đạo chắc chắn làm hằng ngày. Tốt nhất là ít nói chuyện. Thời gian tụng kinh và xem kinh sách không nên nhiều hơn thời gian niệm Phật là tốt nhất. Niệm Phật vẫn là chủ chốt. Phạm gặp việc gì, cứ một câu “A-Di-Đà Phật” là được. Để tránh chuyện thị phi, cứ một câu “A-Di-Đà Phật”

5. Hãy yên lặng, lắng lòng mà niệm Phật; niệm tới lúc ngủ thiếp luôn càng tốt. Khi tâm tới chỗ chuyên nhất – chỉ một niệm – thì có thể siêu xuất Tam Giới, thẳng tới Tây phương. Khi tu hành, cần phải tập: mắt nhìn mà giả lơ như không thấy, tai nghe mà giả ò ò như không biết; chỉ thành thật niệm Phật.

6. Không cần phải xem nhiều sách vở, chỉ cần niệm Phật cho nhiều. Khi trí huệ khai mở, tất cả Kinh



Tạng tự nhiên sẽ ở tại tâm mình. Đi, đứng, nằm, ngồi, đều nên ở trong phạm vi niệm Phật. Việc quan trọng nhất khi niệm Phật là phải nghe tiếng niệm cho rõ ràng.

7. Khi sinh ra, ta đã mang theo trong người đầy đầy nghiệp chướng. Do đó, chớ tạo thêm nghiệp mới để chết rồi lại mang đi; chẳng lợi ích chút nào cả.

8. Khai thị lúc Phật thất:

Mục đích đả Phật thất là để độ chúng sanh vãng sanh Thế giới Cực Lạc.

Niệm Phật thì phải niệm niệm không xa rời Phật. Niệm cho rõ ràng, nghe cho phân minh, mỗi chữ mỗi chữ đều phải rõ. Tâm nhớ tưởng, tai lắng nghe, miệng thầm niệm – cú thể mà nhiếp tâm chuyên chú nơi Phật hiệu. Hãy buông bỏ mọi chuyện bên ngoài; cứ nương theo tiếng niệm thì tâm sẽ tập trung, chuyên nhất. Bất kể là “người niệm” hay “tiếng niệm”, bất kể là “tôi niệm” hay “bạn niệm”; đại chúng ai cũng nương theo tiếng niệm Phật thì tâm sẽ chuyên nhất. Tây phương Cực Lạc lại cũng dựa theo tiếng niệm Phật này.


Thiền sư Thiên Như Duy Tắc khai thị

1. Tịnh độ là pháp dễ tu dễ chứng, song cũng là môn khó nói khó tin. Cho nên khi còn tại thế, đức Thích Ca Từ Phụ vì hàng đệ tử nói kinh A Di Đà đã dự biết chúng sanh đời Mạt Pháp khó sanh lòng tin tưởng, mới dẫn lời thành thực của sáu phương chư Phật để phá mối nghi và phát khởi tín tâm cho người sau. Lúc thuyết kinh gần xong, nhân nói đến chư Phật khen ngợi mình, đức Bổn Sư lại bảo: “Nên biết ta ở nơi đời ác năm trước làm việc khó nầy đắc quả Vô Thượng Bồ Đề vì tất cả thế gian nói pháp khó tin đây, thực là một điều rất khó!” Ấy đều là những lời tha thiết, cặn kẽ dặn dò để khuyên người tin tưởng vậy. Và Đấng Thế Tôn đã rủ lòng đại bi, cứu đời trong kiếp mạt, khi kim khẩu nói ra một câu một kệ, hàng như phi như đều tín thọ phụng hành, nhưng riêng về thuyết Tịnh độ, thế gian có xen lẫn lòng nghi, là tại sao? Bởi giáo môn Tịnh độ cực rộng lớn, mà pháp tu Tịnh độ lại quá giản dị, hai điểm ấy dường như cách biệt, khiến cho người nghe khó nén lòng nghi.

2. Tôi thấy hàng Thiền giả đời nay phần nhiều không xét liễu nghĩa của Như Lai, chẳng rõ huyền cơ của Đạt Ma, bụng rộng lòng cao, tập quen thành bệnh cuồng vọng. Khi thấy người tu Tịnh độ, họ khinh thường và cười bảo: “Đó là việc làm thấp kém của hàng ngu phu ngu phụ!” Tôi thường cho



đó không phải khinh hạng ngu phu, ngu phụ, mà chính là khinh các Ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ; đó chẳng những tự mê chánh đạo, tự làm mất căn lành mà còn tự bỏ quên huệ thân và tự để tiêu Phật chủng. Đó cũng là tự gây ra tội báng Chánh Pháp, tự kết thành nghiệp khinh Thánh Tăng. Chư Phật, Tổ xem những kẻ ấy là hạng người đáng thương xót!



3. Có người hỏi: - Không tu tịnh nghiệp tất khó vãng sanh, đó là điều chắc chắn. Nhưng tại sao hàng phàm phu nghịch ác khi lâm chung cũng có thể vãng sanh? Điểm ấy tôi còn chưa hiểu và có chỗ nghi ngờ, mong Đại Sư chỉ dạy rành rẽ?

Đáp: - Trong Quán Kinh đã dạy: “Hạ phẩm hạ sanh là như có người tạo tội ngũ nghịch, thập ác, làm đủ các việc không lành, do vì ác nghiệp, nên đáng lẽ phải bị đọa vào ác đạo, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng! Nhưng khi lâm chung, kẻ ấy được gặp thiện tri thức an ủi và thuyết pháp cho nghe, khuyên phải nhớ tưởng đến Phật; song đương nhơn vì bị sự khổ bức bách nên không nhớ tưởng được. Thiện hữu lại bảo: “Nếu ông không thể nhớ Phật thì hãy chí tâm sám hối và niệm liên tiếp tôn hiệu Nam Mô A Di Đà Phật.” Người ngu ác kia vâng lời hết lòng sám hối tội lỗi, chí tâm niệm Phật, nên trong mỗi niệm diệt được tội nặng nơi đường sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Do lòng chí thành chí thiết sám hối, tin tưởng sâu xa, cộng thêm công

đức của Phật hiệu, nguyện lực của Di Đà, nên khi lâm chung kẻ nghịch ác mới thắng được tội khiên, sanh về Cực Lạc.

4. Có một tăng sĩ hỏi: - Kẻ một đời tạo ác, khi lâm chung duy niệm Phật, đã được đơi nghiệp vãng sanh, lại còn không thoát chuyển; nguyện lực của Đức A Di Đà thâm diệu, thực không thể nghĩ bàn! Vậy thì bây giờ tôi tạo tác theo duyên đời, đơi khi sắp chết rồi sẽ niệm Phật có được chăng?

Đáp: - Khổ thay! Lời ấy rất ngu muội sai lầm, còn nguy hiểm hơn thứ rượu độc, đã hại mình lại làm hại lây đến hàng tăng ni, người, thiện tín trong đời nữa! Sở dĩ hàng phàm phu nghịch ác khi lâm chung biết niệm Phật, là do từ trước họ đã có căn lành, phước đức, nhân duyên, nên mới được gặp thiện tri thức, mới khởi lòng tin tưởng và phụng hành. Đó là việc cầu may trong muôn một, đâu phải mỗi người đều được như thế?

5. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Muốn sanh về Cực Lạc, phải tu ba thứ phước:

a. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm từ bi không giết hại, tu mười nghiệp lành.


b. Thọ trì Tam Quy, giữ kỹ các giới, không phạm oai nghi.

c. Phát lòng Bồ Đề, tin lý nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại Thừa, khuyến tấn người tu hành.



Ba thứ phước này là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai.” Đây là nói về dùng phước lực để vãng sanh.

Ngoài ra những kẻ cất chùa, xây tháp, tạo tượng, lễ bái tán tụng, giữ gìn trai giới, đốt hương, rải hoa, cúng dường tràng phan, bảo cái, trai tăng, bố thí, nếu hạnh lành thuần thực, dùng lòng tin nguyện hồi hướng, đều có thể vãng sanh.



6. Hỏi: - Sống trong đời ác năm trước, mỗi người đều có tội; giả sử không tạo tội nặng ngũ nghịch thì cũng vướng vào các lỗi khác. Nếu có người không sám hối, hoặc sám hối mà tội chưa tiêu diệt hết, khi bình thời và lúc lâm chung đều chí tâm niệm Phật thì có được vãng sanh hay chăng?

Đáp: - Những kẻ hành trì như thế đều được vãng sanh, do nhờ sức đại nguyện không thể nghĩ bàn của Đức A Di Đà. Kinh Na Tiên nói: “Như đem tảng đá thực to để trên thuyền, do nhờ sức thuyền nên đá không bị chìm và được chuyển sang bờ bên kia. Nếu không có thuyền thì dù đem hạt cát để xuống nước, hạt cát ấy cũng vẫn bị chìm.” Tảng đá to dụ cho người nghiệp nặng, hạt cát dụ cho người nghiệp nhẹ, chiếc thuyền dụ cho nguyện lực của Phật. Người dù nghiệp nặng bao nhiêu mà biết ăn năn chí tâm niệm Phật thì cũng được Phật tiếp dẫn, ví như tảng đá to được thuyền chở qua bờ bên kia. Kẻ nghiệp tuy nhẹ mà không niệm Phật, khi mạng

chung sẽ tùy nghiệp chịu khổ luân hồi, ví như hạt cát bị chìm, bởi không thuyền chuyên chở. Cho nên trong nhà Phật có thuyết “đổi nghiệp vãng sanh” là còn mang nghiệp mà được sanh về Tây phương, chính ý nghĩa đó.


7. Tử Tâm Thiên Sư bảo: “Trong đời, những người tiền của như núi, thè thiệp đầy nhà, đâu phải họ không muốn trẻ mãi để ngày đêm hưởng phước báo thế gian?”

Nhưng vì mạng sống có hạn, tháng năm thúc giục tuổi già, cái chết há thiên vị kẻ giàu sang, sức nghiệp đâu nề kiêng người tài trí? Chùng ấy tội hành nghiệp cảm, còn chi là thói phong lưu; kiếp trả đền vay, lưỡng hối cho một đời phóng dăng!

Những việc vừa nói, thế nhân hầu hết mắt đã từng thấy và tai cũng đã từng nghe. Người đời thường lẫn lộn chờ khi lớn tuổi, việc nhà xong xuôi rồi sẽ niệm Phật, nhưng cái chết đâu có hẹn trẻ hay già, và tuy nói như thế, đã mấy ai tuổi cao mà biết lo niệm Phật? Cổ nhơn bảo: “Chớ đợi đến già rồi niệm Phật. Đồng hoang mồ trẻ đã nhiều đây!” Lại nữa, con người từ lúc còn trẻ, có gia đình rồi đến nuôi con cái, trong cuộc sinh sống phải chịu biết bao là nỗi khổ nhọc đắng cay! Khi hơi thở đã tàn thì gia đình, tiền của, tất cả đều bỏ lại hết, chỉ theo nghiệp mà đi. Nếu là đứa con có hiếu nghĩa thì nó khóc cho ít tiếng, đốt cho mấy xấp giấy tiền, rước



thấy tụng cho năm ba bộ kinh, rồi đến ngày lại sắm cơm canh cúng quải; đó gọi là còn biết tưởng nhớ đến mẹ cha. Rủi gặp đứa con bất hiếu thì cha mẹ vừa nhắm mắt, đầu xương chưa lạnh, nó đã lo tranh nhà, giành đất, cãi cọ, kiện thưa, khi được phần rồi lại phung phí ăn chơi, thậm chí lãng quên ngày cúng giỗ. Việc đời kết cuộc bất quá chỉ như thế, có điều chi đáng hẹn chờ! Cho nên bậc hiểu rộng thấy xa, phải sớm niệm Phật tu hành, con cháu mỗi người tự có phước riêng, kẻ làm cha mẹ chỉ lo bổn phận phần nào mà thôi, chớ vì nó suốt đời làm thân trâu ngựa!



8. Kiếp người mong manh ngắn ngủi, như lửa nháng thân đá, như chớp giạt lưng trời, mới còn đó đã mất đi, có chi là trường cửu? Phải nhận định cho chắc, rồi thừa lúc chưa già chưa bệnh, gác qua thế sự, rũ sạch thân tâm, được một ngày quang âm lo một ngày niệm Phật, được một khắc rồi rảnh tu một khắc công phu, đến lúc lâm chung mọi việc đã an bài, trời Tây cũng sẵn mở lối đường quang đặng! Bằng chẳng thế, khi duyên nghiệp đáo đầu, chùng ậy ăn năn đã muộn! Nên suy nghĩ kỹ.


9. Người tu có những ân trọng. Hãy tạm gác qua ân Phật ân thầy, như chúng ta đây là phận xuất gia, công ơn sanh dưỡng của cha mẹ há chẳng phải là sâu nặng ư? Chúng ta đã lìa tục xuất gia, vì đi học đạo nên phải xa cách quê quán nhiều năm, cha mẹ nhọc nhằn cực khổ, ta cũng không biết, khi già

yếu đau bệnh lại cũng không hay mà săn sóc thuốc thang. Đến lúc cha mẹ mãn phần, ta không biết, hoặc có được tin thì về cũng đã trễ muộn. Khi ta còn nhỏ, có khi cha mẹ vì nuôi nấng thương lo cho con mà gây ra nhiều tội nghiệp, lúc chết rồi hoặc bị đọa vào nẻo khổ, hy vọng được ta cứu độ như khát chờ uống, như hạn trông mưa. Nếu ta tu hành lơ láo tất Tịnh nghiệp không thành; đã không thành thì tự cứu chưa xong, làm sao cứu được cha mẹ? Đối với song thân, ta đã lỗi phần phụng dưỡng về thể chất, mà còn không cứu độ được phần hương linh, tức là phụ nghĩa quên ân, là người đại bất hiếu. Kinh nói: “Phạm tội bất hiếu, sẽ bị đọa vào địa ngục.” Thế thì tâm niệm gián đoạn không chuyên tu, chính là nghiệp địa ngục vậy.

10. Lại nữa, hàng xuất gia không dệt mà mặc, không cày mà ăn. Phòng, nhà, chăn, gối, cơm áo, thuốc thang đều do đàn việt cúng dâng. Tổ Sư từng răn dạy: “Hàng thiện tín vì sùng kính Tam Bảo đã chia cắt bớt phần ăn của gia đình đem đến cúng dường. Nếu người tu đạo hạnh không tròn thì dù là tấc vải, hạt cơm, kiếp sau cũng phải đền trả. Muốn báo ân đàn việt, chúng ta phải lo chuyên tu Tịnh nghiệp để độ mình độ người. Nếu sanh khởi một niệm gián đoạn không chuyên, tất đã có phần trong kiếp luân hồi vay trả. Và tâm niệm ấy chính là nghiệp hạ tiện hoặc súc sanh vậy.



11. Lại nữa, nếu người tu ý chí không quyết định thì không thể gìn giữ giới căn. Do ý niệm phân vân nên không thể thâm nhiếp thân và khẩu. Kinh nói: “Thà lấy nước đồng sôi rót vào miệng, nguyện không để miệng phá giới nầy thọ các thức ăn uống của tín tâm đàn việt. Thà dùng lưới sắt nóng quấn thân thể mình, nguyện không để thân phá giới nầy thọ những y phục của tín tâm đàn việt.” Phương chi, do các giới không trang nghiêm nên tâm càng vọng động; nhân sự vọng động ấy mà phần chuyên tu bị gián đoạn. Thế thì một niệm gián đoạn, đâu chỉ là nghiệp nhân của lưới sắt nóng và nước đồng sôi ư?



Và nếu người tu ý chí không quyết định, tất không nhận rõ tướng đời giả huyễn, dễ chạy theo danh lợi hư phù. Khi danh lợi thuộc về mình thì sanh lòng mê đắm, danh lợi thuộc kẻ khác lại sanh lòng ganh ghét hơn thua. Cổ đức bảo: “Tham đắm danh lợi đi về nẻo súc, đường quý, buông lòng thương ghét đồng vào hầm lửa vạc dầu!” Thế thì một niệm gián đoạn chính là nạ quý, hầm lửa vậ.

12. Người đã tu Tịnh nghiệp nên cố gắng làm sao cho có sự ứng nghiệm. Kiếp người mong manh, Vô thường chẳng hẹn. Như chúng ta nay tóc đã điểm bạc, da đượm nét nhăn, tướng suy tàn hiện rõ, kỳ lâm chung phỏng còn được mấy ngày? Vậy phải cố gắng chuyên tu, làm sao cho có triệu chứng vãng sanh chắc chắn. Như khi xưa, Huệ Viễn Pháp Sư ở

Lô Sơn, ba phen thấy Phật xoa đầu. Lại như Hoài Cảm Pháp Sư chí thành xưng danh hiệu Phật, liền thấy Đức A Di Đà phóng ánh quang minh, hiện ra tướng hảo. Những sự ứng nghiệm như thế có đến muôn ngàn. Nếu tâm không gián đoạn thì thấy Phật rất dễ; như còn gián đoạn, tất khó thấy Phật. Đã không thấy Phật thì cùng với Phật vô duyên. Và đã vô duyên quyết khó sanh Tịnh độ. Khi không được sanh về Tịnh độ tất sớm muộn gì cũng bị đọa vào ác đạo. Thế thì một niệm gián đoạn chính là nghiệp tam đồ vậy. Phải nên răn dè và suy nghĩ kỹ.



Đại sư Trí Giả khai thị

1. Hỏi: Tất cả cõi Tịnh độ của chư Phật ở mười phương công đức đều bình đẳng, pháp tánh cũng như vậy. Người tu nên nhớ nghĩ khắp tất cả công đức của chư Phật, cầu về các cõi tịnh ở mười phương mới phải, sao nay lại riêng cầu Tịnh độ của một đức Phật? Như thế chẳng là trái với lý bình đẳng cầu sanh ư?

Đáp: - Tất cả cõi tịnh của chư Phật thực ra đều bình đẳng. Nhưng vì chúng sanh ở cõi này phần nhiều là kẻ độn căn trước loạn, nếu không buộc tâm chuyên vào một cảnh thì Tam Muội khó thành. Chuyên niệm Phật A Di Đà, tức là Nhất Tướng Tam Muội, vì tâm chuyên nhất nên được sanh về cõi kia.

Như trong Kinh Tùy Nguyên Vãng Sanh, Phật bảo ngài Phổ Quang: “Chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề phần nhiều tâm trước loạn, vì thế ta chỉ tán thán một Tịnh độ ở Tây phương khiến các hữu tình chuyên tâm vào một cảnh để cho sự vãng sanh được dễ thành tựu. Nếu nhớ niệm tất cả chư Phật, vì niệm cảnh quá rộng, nên tâm mệnh mang tán lạc, Tam Muội khó thành, không được vãng sanh. Lại sự cầu công đức của một vị Phật cùng sự cầu công đức của tất cả Phật không khác nhau, vì chư Phật đồng một pháp tánh. Cho nên niệm Phật A Di Đà tức là niệm tất cả Phật, sanh Tây phương Tịnh độ, tức là sanh tất cả Tịnh độ.

Tóm lại, người có trí huệ nương nơi thí dụ trên sẽ hiểu được lý một tức tất cả, tất cả là một. Khi hiểu được lý này, thì niệm một Đức Phật, chính là niệm tất cả chư Phật vậy.

2. Hỏi: Mười phương đều có chư Phật và Tịnh độ. Nếu vì lẽ chúng sanh ở cõi này tâm tánh trước loạn, niệm nhiều vị Phật e Tam Muội khó thành, tại sao người tu không tùy ý niệm một đức Phật, tùy nguyện cầu sanh về một Tịnh độ nào khác, hà tất phải riêng niệm Đức A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc?

Đáp: Phàm phu vô trí phải theo lời Phật dạy, chẳng nên tự chuyên, vì thế xưa nay những người tu Tịnh độ đều chuyên niệm Phật A Di Đà.

Theo lời Phật dạy là thế nào? Đức Thích Ca Thế Tôn một đời thuyết pháp, hằng khuyên chúng sanh niệm Phật A Di Đà cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Lại nữa, đức Phật A Di Đà có bốn mươi tám điều đại bi nguyện lực để tiếp độ chúng sanh.


Nên biết Phật A Di Đà đối với cõi này có nhân duyên lớn. Như kinh Vô Lượng Thọ nói: “Trong thời mạt, khi các kinh khác đã diệt hết, chỉ còn kinh này lưu trú ở đời một trăm năm để tiếp độ loài hữu tình vãng sanh về cõi kia.” Đây là điểm chứng minh Phật A Di Đà đối với chúng sanh ở cõi trước này có đại nhân duyên.

Về các Tịnh độ khác, tuy một, hai bộ kinh có lược



khuyên vãng sanh, song chẳng bằng cõi Cực Lạc là tiêu điểm mà các kinh, luận đều ân cần khuyến hướng.

3. Hỏi: Chúng sanh từ vô thủy đến giờ tạo vô lượng tội; đời nay lúc bé đến già, do không gặp thiện tri thức, lại gây thêm nhiều nghiệp ác. Như thế làm sao lại bảo: “Khi lâm chung mười niệm thành tựu liền được vãng sanh?” Và cái lý “vượt qua kiết nghiệp ba cõi” làm sao giải thích cho thông?”



Đáp: Những nghiệp chủng lành dữ của chúng sanh từ kiếp vô thủy đến nay, hoặc ít hoặc nhiều, hoặc yếu hoặc mạnh thực ra vẫn khó biết. Nhưng nếu người nào khi lâm chung gặp thiện tri thức và thành tựu mười niệm, tất cả ấy đã có túc thiện nghiệp. Nếu chẳng thế thì thiện tri thức còn không được gặp, huống chi là thành tựu mười niệm? Như ông cho rằng ác nghiệp từ vô thủy là nặng, mười niệm khi lâm chung là nhẹ; tôi xin đem ba đạo lý để giải thích sự vãng sanh ấy không thuộc về trường hợp khinh trọng, không phải tại công hạnh nhiều ít hay thời gian lâu mau.

Ba đạo ấy là: Do bởi tâm, do bởi duyên, và do bởi quyết định.

a. Do bởi tâm là loài hữu tình khi tạo tội đều từ nơi vọng niệm điên đảo mà sanh, còn lúc niệm Phật lại từ nơi nghe danh hiệu công đức chân thực của Phật A Di Đà mà khởi; một bên hư, một bên thực đầu

thể sánh nhau! Ví như một gian thạch thất đóng kín để tối muôn năm, nếu được người mở ra cho ánh sáng mặt trời soi vào, sự tối ấy liền mất; đâu phải vì do tối tăm đã lâu mà không được sáng ư? Người tạo ra tội nhiều kiếp, khi lâm chung thành tựu mười niệm được vãng sanh cũng lại như vậy.

b. Do bởi duyên là loài hữu tình khi tạo tội đều từ nơi vọng niệm tối tăm điên đảo, duyên theo cảnh giới hư huyền mà sanh; lúc niệm Phật lại từ nơi nghe danh hiệu công đức chân thực thanh tịnh của Phật Di Đà duyên theo Bồ Đề tâm mà khởi. Ví như có người bị trúng tên độc, tên ghim sâu, sức độc mạnh, xương thịt nhiễm trọng thương, nếu được nghe được tiếng trống thần dược thì tên tự bắn ra, độc tiêu tan hết; đâu phải vì do tên sâu độc nặng mà không được an lành ư? Người tạo tội nhiều kiếp, khi lâm chung thành tựu mười niệm mà được vãng sanh cũng lại như vậy.

c. Do bởi quyết định, là loài hữu tình khi tạo tội đều từ nơi gián tâm hoặc hậu tâm; lúc lâm chung niệm Phật lại không có hai tâm đó, mà từ nơi một niệm mãnh liệt trì danh rồi xả mạng, nên được siêu thoát. Ví như sợi dây cực to, cả ngàn người bứt không đứt, nếu có đứa bé cầm gươm Thái A mà chém, dây liền đứt đoạn. Lại như đồng củi rất lớn chứa góp từ cả ngàn năm, nếu có người dùng một đống lửa mà đốt, củi liền cháy hết.



Nghiệp ác vẫn hư vọng, mà do bởi tâm niệm quyết liệt, còn có thể lấn lướt nghiệp lành một đời, khiến cho chúng sanh bị đọa vào ác đạo; huống chi sự niệm Phật là nghiệp lành chân thực, có người khi lâm chung dùng tâm mãnh liệt trì danh, lại không thể lấn áp ác nghiệp từ vô thủy ư? Cho nên người tạo tội nhiều kiếp, khi lâm chung dùng tâm mãnh liệt thành tựu mười niệm mà không được vãng sanh, quyết không có lý đó.

4. Hỏi: Trong luận Vãng Sanh nói: “Người nữ, kẻ căn thiếu. Nhị thừa chúng không sanh.” Đã có lời ấy thì người nữ và kẻ sáu căn không toàn vẹn chắc là không được vãng sanh?

Đáp:- Câu: “Người nữ, kẻ thiếu căn. Nhị thừa chúng không sanh” là ý nói người nữ khi sanh về Cực Lạc sẽ chuyển thành nam, kẻ thiếu căn lúc về đó các căn sẽ đầy đủ, và tất cả đều được ba mươi hai tướng tốt; chớ không phải bảo người nữ cùng kẻ thiếu căn không được vãng sanh. Nếu quả như thế thì bà Vi Đề Hy và năm trăm thị nữ đâu được Phật thọ ký cho sanh về Cực Lạc? Thế nên, người nữ cùng kẻ đui điếc câm ngọng ở cõi này, nếu niệm Phật A Di Đà, tất đều được vãng sanh. Đến như hàng nhị thừa, nếu chịu hưởng về Đại Thừa tin môn Tịnh độ, nguyện về Cực Lạc, niệm Phật A Di Đà, quyết định đều được vãng sanh, và khi đã về cõi ấy không còn chấp theo tâm lượng hẹp hòi của nhị thừa nữa.

Tóm lại, hai câu trên đại ý chỉ luận ở cõi Cực Lạc không có người nữ, kẻ thiếu căn, cùng hạng chúng tử nhệ thừa mà thôi.

5. Muốn quyết định được sanh về Tây phương phải có đủ hai hạnh: yếm ly và hân nguyện.

Nói yếm ly là hàng phạm phu từ vô thủy đến nay bị ngũ dục buộc ràng nên luân hồi trong sáu đạo, chịu không biết bao nhiêu nỗi khổ!

Trong vòng lẩn quẩn ấy, nếu không chán lia ngũ dục thì làm sao có thể thoát ly? Cho nên người tu Tịnh độ phải thường xét thân này là một khối thịt xương máu mủ, chứa đựng đàm dãi, đại tiểu tiện và các thứ như nhớp hôi tanh. Vì thế, hành giả ở trong các oai nghi hoặc khi nằm nghỉ, lúc thức giấc, nên thường quán sát thân này chỉ có khổ không chi vui, mà thâm tâm sanh niệm chán lia. Như thế, dù cho không dứt liền được việc nam nữ, cũng có thể lẩn khởi tâm nhàm chán.


Lại nên phát nguyện cầu cho mình vĩnh viễn thoát ly thân nam nữ mê nhiễm, tạp thực, không sạch của ba cõi, mà được thân pháp tánh Tịnh độ. Trên đây là đại lược về Yếm Ly môn.

Về hạnh hân nguyện, đại khái có hai điều kiện:

a. Phải nhận rõ mục đích cầu sanh: Sở dĩ chúng ta cầu về Tịnh độ là vì muốn thoát sự khổ cho mình và tất cả chúng sanh. Hành giả phải nghĩ rằng: Súc



mình yếu kém, còn bị nghiệp ràng buộc, mà ở cõi đời ác trược này cảnh duyên nào phiền quá mạnh. Ta cùng chúng sanh bị chìm đắm nơi dòng mê, xoay vần trong sáu nẻo, trải qua trần kiếp từ vô thỉ đến nay, cũng vì lẽ ấy. Bánh xe sống chết quay mãi không ngừng, ta làm thế nào để tìm con đường độ mình độ người một cách yên ổn chắc chắn? Muốn được như thế, duy có cầu sanh Tịnh độ, gần gũi Phật, Bồ Tát, nhờ cảnh duyên thắng diệu bên cõi ấy tu hành chúng Vô Sanh Nhẫn, mới có thể vào nơi đời ác cứu khổ cho hữu tình.



b. Nên quán tưởng y báo, chánh báo cõi Cực Lạc: Hành giả nên quán tưởng báo thân của Phật A Di Đà sắc vàng rực rỡ, có tám muôn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám muôn bốn ngàn vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp có tám muôn bốn ngàn tia sáng, soi khắp pháp giới, nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật. Lại nên quán cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm như các kinh Tịnh độ đã nói. Ngoài ra, người niệm Phật khi bố thí, trì giới, cùng làm tất cả hạnh lành, đều phải hồi hướng cầu cho mình và chúng sanh đồng sanh Cực Lạc.

Nếu thực hành hai điều trên, hành giả sẽ phát tâm khát ngưỡng Tây phương, quyết định sẽ được vãng sanh. Và đây là Hân Nguyên Môn.

Tuyết Lư Lão Nhân khai thị

1. Rất đáng thương thay! Người chết chẳng phải là hết vì thân tuy chết đi, thần thức chẳng diệt. Có sáu cảnh giới là thiên, nhân, a tu la, súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ. Thần thức hoàn toàn chẳng thể vượt ra khỏi phạm vi của sáu cõi này. So trong lục đạo, cõi trời, cõi người còn khá, nhưng vẫn có sanh tử, xoay vần qua qua, lại lại; hốt nhiên mang thân trời, người, hốt nhiên sanh trong địa ngục, súc sanh. Ngàn lần sống, vạn lần chết, luân chuyển như thế; xương vùi cao như núi, lệ trào nhiều như biển, thực quá cực khổ! Thử hỏi ai có phương pháp nào trốn tránh sự luân hồi ấy ngõ hầu được trường sanh an tịnh chẳng?

2. Sự khổ vui của mỗi người vốn là một thứ quả báo, phải vận dụng cả ba đời để quán sát. Nếu chẳng hiểu rõ đạo lý này, làm sao thông hiểu được? Hiện tại chúng ta gặp phải nghịch cảnh, mắc phải tai nạn, đương nhiên là có dính líu đến nhân quả. Cách để chuyển biến, tiêu trừ chúng nhanh nhất chính là Niệm Phật. Trong kinh từng nói chí tâm niệm Phật một câu, tiêu trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Nếu đã tiêu trừ được tội thì nào còn có nghịch cảnh, tai nạn gì nữa! Kinh còn dạy người niệm Phật A Di Đà được vô lượng vô biên chư Phật ở bốn phương, thượng, hạ hộ niệm. Phật là bậc pháp lực vô biên vạn đức, vạn năng, đã được Phật gia bị thì còn sợ gì tai nạn cơ chứ?



3. Niệm Phật vãng sanh Cực Lạc là một phương pháp đặc biệt ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn của Phật, được gọi là “môn dư đại đạo” (đạo lớn nằm ngoài các pháp môn). Sự tuy đơn giản, lý thực thâm áo, chẳng thể dùng dăm ba câu trình bày tường tận được.

Cần phải biết là đức Phật đạo đức tối cao không ai bằng được, lời Ngài nói ra tuyệt không dối người. Chỉ nên tin thực có cõi Cực Lạc, niệm Phật được sanh về đấy. Đó chính là yếu quyết thành công thứ nhất.

Lại phải chịu nhận rõ đời ác ngũ trược đây, phát khởi tấm lòng chân thực, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc. Đây chính là yếu quyết thành công thứ hai.

Đã tín, nguyện rồi lại nên theo đúng phương pháp, mỗi ngày định giờ giấc thực hành công khóa. Đây chính là yếu quyết thành công thứ ba.

4. a) Một câu “Nam Mô A Di Đà Phật” là Pháp Giới Tạng Thân, bao gồm cả thập phương tam thế chư Phật.

b) Một câu “Nam Mô A Di Đà Phật” bao trùm cả mười hai bộ loại kinh điển trong Tam Tạng, tức là chữ A đã bao gồm toàn bộ giáo pháp của Tam Tạng.

c) Sáu chữ hồng danh là vua của các chú, sáu chữ



“Nam Mô A Di Đà Phật” là chữ bí mật, chẳng phiên dịch. Pháp này cao tột, thù thắng hơn trì tụng bất cứ chú ngữ nào khác.

5. Niệm Phật chuyển biến nghịch cảnh, tiêu trừ tai nạn, sanh về Cực Lạc, còn sự nào lớn lao hơn pháp này nữa, nhưng lại xem rất thường. Phần nhiều người đời hay viện mấy lý do như quá bận rộn, không có thời gian để cự tuyệt pháp đại tiện nghi vạn kiếp khó được gặp gỡ này, thực đáng tiếc quá!

Có thực sự bận rộn hay chẳng? Tôi chẳng thấy vậy. Niệm Phật thì đi, đứng, nằm, ngồi đều làm được; dù là sĩ, nông, công thương đều chẳng trở ngại gì. Nếu chẳng tin thì dưới đây tôi sẽ dẫn một bài ca ngắn để người đời đối với những sinh hoạt thường nhật có thể phân tích rõ ràng. Tôi tin rằng sau khi xem bài ca này xong, nhất định quý vị sẽ chẳng còn cười được nữa.

Bài ca chẳng nhàn

Biết ngài vốn chẳng bận,

Cứ cố nói chẳng nhàn,

Trong hai mươi bốn giờ,


Nằm ngủ mất tám giờ,

Ba bữa ăn ba tiếng

Lại uống trà, hút thuốc

Chải gỡ, đại tiểu tiện,





Phí mất khoảng một giờ,
Đi ra ngoài uống rượu
Về chuyện gẫu cùng vợ
Ít nhất vài ba giờ,
Lại e lòng bạn bậu,
Thân mệt tính ngủ trưa,
Ngủ hai giờ chẳng đã,
Mất đi mười sáu giờ,
Uống phí hơn quá nửa,
Trong tám giờ còn lại,
Chưa chắc đã bận thực.

Niệm Phật được nửa tiếng
Đã kêu lâu lắm rồi
Hãy xem người xưa nay,
Mấy ai bảy mươi tuổi,
Đừng đem khổ sanh tử,
Vất ra đằng sau ót,
Việc chân chánh của mình,
Vạn vạn lần khẩn cấp,

Xin hãy gấp tỉnh ngộ,

Mau trông chín phẩm sen.

6. a) Có người nói: Chúng tôi là công chức, giáo chức, ở cư xá công cộng thì cúng Phật, lễ Phật, đương nhiên là bất tiện, niệm Phật cũng làm phiền người khác bất an, tôi chẳng biết làm sao?

Đáp: Chốn công cộng đúng thực là có nhiều nỗi bất tiện, nhưng việc gì cũng có cách để dung thông cả. Nếu như đã biết niệm Phật là đại sự thì cứ thành tâm thâm niệm, ắt có hiệu quả lớn. Bởi lẽ tâm niệm còn càng khẩn mật hơn miệng niệm, bất tất phải cúng Phật, lễ Phật ra tiếng.

b) Có người nói: Niệm Phật tuy tốt, nhưng phải đến chùa, miếu, liên xã hay trai đường, tôi không có thời gian.

Đáp: Không nhất định phải đến những nơi đó, không có thời gian đi ra ngoài, nhưng chẳng lẽ ở nhà không có thời gian nào rảnh sao? Cứ ở nhà niệm Phật nào có trở ngại chi.

c) Có người nói: Niệm Phật là việc của kẻ có tiền, tôi không có tiền bạc dư dả!

Đáp: Thế là lại càng lầm hơn nữa! Niệm Phật chẳng tốn tiền mấy. Ba cây nhang đáng giá là bao? Dù chẳng đốt lấy một cây nhang cũng chẳng quan hệ gì. Chỉ cốt sao trong tâm cung kính là đủ.



d) Có người nói: Niệm Phật là phải ăn chay, tôi không làm được, cho nên tôi không thể niệm Phật?

Đáp: Tạm thời bắt tất phải ăn chay, chỉ nên kiêng sát sanh thì cũng có công đức lớn. Có thể tập ăn ba thứ tịnh nhục, tức là: không vì mình mà giết, chẳng thấy con vật bị giết, chẳng nghe nó bị giết. Cá, thịt ngoài chợ làm sẵn rất nhiều, đủ để cho quý vị ăn rồi.

7. Hỏi: Niệm Phật không chỉ là dùng miệng niệm mà phải chú tâm đúng không?

Đáp: Có nhiều người miệng tuy niệm Phật nhưng chẳng để tâm vào đó, trong lòng toàn là suy xăng nghĩ loạn. Niệm như vậy cũng vô dụng. Miệng niệm Phật thì tâm phải tưởng Phật, tâm khẩu nhất như. Ngoài trừ một câu niệm Phật ra không còn nghĩ đến gì khác nữa, không còn có ý niệm nào khác khởi lên. Có vậy mới gọi là “Nhất Tâm Bất Loạn”, từ đó mới dễ thành công.

8. Một câu Phật hiệu tiêu diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử (thuộc về quá khứ).

Một câu Phật hiệu tiêu diệt phiền não của nhân sanh, tiêu tai, diệt thọ, hưởng phước huệ (thuộc về hiện tại).

Một câu Phật hiệu khiến ta thoát khỏi lục đạo luân hồi, vãng sanh thế giới Cực Lạc, vĩnh viễn trường sanh bất diệt (thuộc về tương lai).



9. Câu “đổi nghiệp vãng sanh” là chỉ người tu Tịnh Độ mà nói; đối với các pháp môn khác nếu đổi nghiệp thì tuyệt đối chẳng thể giải thoát, chẳng thể liễu sanh tử. Nhưng đa phần người tu Tịnh Độ hiểu lầm là dù còn tạo tội nghiệp vẫn có thể vãng sanh, vẫn có thể thành tựu. Do nói như vậy nên trong mười người tu, tám chín người chẳng thành công được.

Ý nghĩa chân thực của việc “đổi nghiệp vãng sanh” là như sau:

a. Đổi nghiệp là chế phục nghiệp hoặc chẳng cho chúng khởi dậy.

Nếu chưa đoạn được Hoặc thì chẳng thể giải thoát. Vì thế đức Thích Ca Mâu Ni đại từ, đại bi nói ra pháp môn Tịnh Độ, dạy chúng sanh niệm A Di Đà Phật, chẳng cần phải đoạn Hoặc, chỉ cần chế ngự được Hoặc liền có thể giải thoát.

Đoạn Hoặc và Phục Hoặc (chế ngự Hoặc) khác nhau như thế nào? Đoạn Hoặc giống như trong chén đã thanh tịnh, vô nhiễm, dù có nghiêng đi cũng chẳng đổ cát bụi ra. Phục Hoặc giống như trong chén có cát bụi, dùng vật khác đập lên, có nghiêng chén cũng chẳng đổ bụi ra, nhưng cát bụi vẫn còn chứa bên trong. Nghiệp tận chẳng bị luân hồi, tu Tịnh phục Hoặc thì cũng chẳng lọt trong lục đạo.



Nhưng Hoặc vẫn còn thì phải làm sao? Luôn luôn dùng sáu chữ hồng danh đè nén chúng, lâu ngày thuần thực, đến lúc mạng chung, nếu khởi tâm niệm Phật thì các tạp niệm bị chế phục chẳng khởi lên nên có thể mang theo nghiệp đi vãng sanh (đời nghiệp vãng sanh). Sanh qua cõi kia rồi mới đoạn Hoặc, chỉ mấy ngày là thành công. Đây là Phục Hoặc. Chỉ cần chế phục Hoặc sẽ chẳng tạo nghiệp nữa, nên sẽ cảm ứng đạo giao cùng Phật. Đây chính là ý nghĩa chân thực của “đời nghiệp vãng sanh”, tuyệt đối chẳng phải là vừa niệm Phật, vừa tạo tội vẫn được vãng sanh.

10. Các pháp môn thông thường chẳng kể Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều dùng tự lực. Pháp môn đặc biệt thì ngoài tự lực còn có thêm Phật lực trợ giúp, gọi là Nhị Lực Pháp môn. Cũng như đi lên lầu cao nếu có người phụ giúp thì sẽ dễ dàng hơn nhiều. Tại sao pháp môn đặc biệt có thể nhờ Phật lực, còn pháp môn thông thường chẳng được Phật lực giúp đỡ? Pháp môn thông thường phải tự thực hành, pháp môn đặc biệt cũng phải tự lực nhưng được Phật lực gia trì thêm. Pháp này chẳng thể nghĩ bàn, người tu hành chưa thành Phật đều chẳng hiểu rõ ráo. Không những người thường chẳng hiểu, ngay cả những người học vấn cao sâu, tu học đã lâu cũng đều chẳng tin, vì vậy nên gọi là pháp khó tin, nhưng nếu ai chịu tin theo và tu hành thì đều có thể liễu sanh tử, thoát ly luân hồi.

11. Tại sao chúng sanh tu hành theo tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng thể thành tựu? Vì có ba chướng ngại:

a) Thứ nhất là “vô nhân hy quả”: [tức là] tâm chúng sanh thường mong mỗi chẳng nhọc nhằn chi cả mà đạt được kết quả tốt đẹp; lúc còn sống chẳng chịu tu hành nhưng mất đi rồi hy vọng được sanh vào cõi lành, thân quyến của tang chủ thường tụng kinh siêu độ cho người mất hy vọng được siêu sanh, hoặc treo tràng phan chúc thọ Tây phương tiếp dẫn. Hoặc khi nằm mộng, mơ thấy chết rồi sanh làm quỷ thần, được trường sanh bất diệt, đây đều là sự hiểu biết lầm lạc của chúng sanh.

b) Thứ hai là “phóng dật, sợ phải học”: chúng sanh học Phật khó thành là vì ưa thích buông lung, chán ghét lao nhọc, chỉ biết cầu phước, chẳng hiểu chỗ diệu dụng của Phật pháp. Kinh nói: “Đức Phật vì một đại sự nhân duyên xuất hiện ở thế gian này”. Đại sự nhân duyên là gì? Là để giải quyết vấn đề sanh tử trọng đại, vấn đề này chúng sanh trong lục đạo chẳng ai có khả năng giải quyết. Đức Phật vì đại sự này thị hiện trên thế gian, chúng sanh chỉ cầu mong tiêu tai diên thọ; khuyên người liễu sanh tử đâu có ai nghe, dù có nghe cũng chẳng giác ngộ.

c) Thứ ba là ham muốn dục lạc, làm biếng tu hành. Ngày nay người ta tôn sùng văn hóa Âu Tây, chạy theo dục vọng cuồng hoan, mê hoặc trong sự



hưởng lạc, thân vùi trong ngũ dục lục trần, tâm tán loạn, nếu khuyển họ tu pháp xuất thế, họ không có đủ nhẫn nại chịu đựng khổ nhọc dài lâu.

Con người có ba chướng ngại kể trên nếu không giác ngộ sẽ mờ mịt cả đời, lúc lâm chung tùy theo nghiệp dẫn dắt. Khi đã giác ngộ chẳng ai không cảm thấy đau khổ cùng cực, đời người ngắn ngủi như trong chớp mắt, phước báo hưởng hết rồi, lúc mạng chung liền đọa tam đồ. Bởi vậy nên người có trí chẳng ai không thiết tha đến sự Vô thường của đời người và mau mau tìm đường giải thoát. Nhưng thường vì công phu tu hành chẳng sâu dày, một khi chuyển thế liền mê mất, lại tiếp tục tạo ác nghiệp.

Ngày nay chúng ta rất may mắn nghe được Phật pháp, nếu chẳng cầu thoát ly thì còn đợi đến lúc nào nữa? Muốn cầu thoát ly nhưng lại khổ nhọc vì chẳng trừ khử được ba thứ chướng ngại kể trên, hỡi ôi, phải làm sao đây.

12. Tín Nguyện Hạnh là ba yếu quyết của sự tu hành, cũng là ba món tư lương cho sự vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Đó là chánh hạnh, ngoài chánh hạnh ra còn phải cần trợ hạnh, tức là đừng làm các việc ác, vâng làm các việc lành. Cả hai chánh và trợ đều song tu, giống như hai cánh của con chim, chẳng thể thiếu thứ nào. Niệm Phật cũng như quét nhà, tham Hoặc ví như rẩy bụi, vừa quét vừa rẩy

bụi, vậy thì làm sao cảm ứng đạo giao cùng Phật, làm sao minh tâm kiến tánh cho được. Do đó cần phải chánh trợ song tu thì mới đầy đủ.

13. “Học Phật” chẳng giống “Phật học”. Học Phật là chúng ta y theo lời dạy của đức Phật mà làm. Phật học nghĩa là tìm hiểu kinh điển Phật pháp, tuy là hiểu rõ nhưng chẳng học và làm theo. Ngày nay có rất nhiều người nghiên cứu Phật học, người học Phật thì chẳng nhiều, giống như nói về thức ăn, đếm của báu, chẳng có ích gì hết. Cho nên hiểu Phật, học xong thì phải làm, phải tu.

14. Tịnh độ là pháp dễ hành khó tin. Khó tin vì lòng tin phải vững chắc, Bồ Tát Bất Động Địa trở lên mới chẳng lung lay lòng tin. Vì vậy, chúng sanh phải tin tưởng vào lời dạy của Phật, nương vào nguyện lực của Phật, thiết thực tu hành. “Một nguyện lực, một thực tu”, đây là điều trọng yếu nhất. Để hành nghĩa là chỉ cần làm theo lời dạy của Phật thì nhất định sẽ thành công. Sáu chữ “Nam mô A Di Đà Phật” bao gồm Tam Tạng mười hai bộ kinh, chẳng thể dùng hai, ba ngày mà có thể giải thích rõ ràng hết được. Tu hành không thể tu một chút xíu rồi thôi. Người xưa nói: “Muốn biết đường xuống núi, phải hỏi người đã từng đi qua.” Người đã từng trải qua dạy ta làm như thế nào, ta phải làm như vậy thì sẽ thành công.

15. Niệm Phật tức là mỗi lúc khởi tâm động niệm đều là A Di Đà Phật, đương nhiên đây đều là



tịnh niệm. Nhưng như vậy thì công việc gì cũng không cần phải làm nữa hay sao? Còn một phương pháp khác, đó là “Nhớ Phật”; trong tâm luôn nghĩ đến Phật, chẳng quên được. Niệm Phật là “niệm tại đâu, chú tâm vào nơi đó.” Nhớ Phật là nhớ rõ chẳng quên, dấu thẩm lặng tức là niệm không ra tiếng nhưng vẫn nhận biết trong tâm luôn tưởng Phật. Thí dụ như chúng ta, ai ai cũng không quên tiền bạc, ai ai cũng không quên ăn cơm; như thế đem cái tâm ham tiền, cái tâm nhớ ăn cơm đó biến thành tâm tưởng nhớ Phật; cái gì cũng biến thành A Di Đà Phật. Cứ như vậy tuy trong tâm chẳng nói nhưng có ấn tượng, đó là nhớ Phật. Mọi người phải hiểu rõ bốn chữ “Niệm Phật, Nhớ Phật” này thì sẽ đạt được lợi ích to lớn.

Khai thị của Hòa thượng Diệu Liên

1. Quý vị có biết lợi dụng thời gian mà tu hành không?

Nếu quý vị lấy thời gian coi ti vi, tới và rời sở làm, ngồi xe, đi bộ mà niệm Phật, lấy thời gian đọc sách ngày thường mà đọc kinh Phật, tu hành như vậy là đủ rồi, ai nói không có thời gian rảnh rỗi vậy?

2. Làm thế nào mà tránh khỏi người nhà sanh ly tử biệt?

Phật pháp có tình người nhất, chỉ cần cả nhà quý vị già trẻ đều niệm Phật thì trong tương lai sẽ cùng sanh Tây phương, vĩnh viễn ở với nhau mà không bị nhận chịu nỗi khổ sanh ly tử biệt, đời đời tu với nhau trong cùng một cõi mãi đến khi thành Phật đạo.

3. Làm sao cho tà thần, ác quỷ đừng tới nhà quý vị?

Trong nhà thường vắn máy niệm Phật hiệu, hào quang của Phật chiếu vào thì tà thần, ác quỷ sẽ không dám tới nhà! Không những tà thần, ác quỷ sợ mà ngay cả Diêm Vương chính trực vô tư cũng không muốn người ta đi gặp mình, ông ta rất thích chúng ta được gặp Phật A Di Đà.

4. Tại sao phải niệm Phật khi làm việc?



Nếu không niệm Phật lúc làm việc thì sẽ hay có vọng tưởng, hai người với nhau sẽ tán dóc, uống phí thời gian! Tại sao không vừa làm việc, vừa niệm Phật thì không những sẽ làm tốt công việc, mà đồng thời cũng được trau dồi phước huệ, một công đôi ba việc, quá tốt rồi còn gì!

5. Quý vị có biết không cần xài tiền mà sẽ tiêu trừ được tai nạn không?

Niệm một câu Phật hiệu sẽ tiêu trừ được tội nặng của tám tỷ kiếp, quý vị có nghiệp chướng thì hãy cứ liểu mình niệm mãi một câu “A Di Đà Phật” là được; anh có khổ nạn thì kêu “Quan Thế Âm Bồ Tát Cứu Khổ Cứu Nạn”, hãy nhất tâm xưng niệm là được rồi.

6. Quý vị có muốn uống một thang thuốc nhiệm mầu để giải thoát tất cả các độc tố không?

Thánh hiệu Phật, Bồ tát tức là loại thuốc giải độc, trong lòng có ba độc phiền não tham - sân - si, chỉ cần trong lòng có thánh hiệu Phật, Bồ tát, tuy rằng có phiền não, nhưng sẽ không làm những chuyện sát sanh, trộm cướp và tà dâm; giống như độc tố mà có thuốc giải thì sẽ không hại chết người được.

7. Quý vị có muốn được thanh tịnh không?

Thường niệm Phật hiệu, diệt bớt thất tình lục dục, dòng nước trong lòng sẽ được trong sạch hơn; lúc tâm vô cùng thanh tịnh sẽ thấy sáng sủa thông đạt, phước huệ cùng lúc đó cũng được đầy đủ rồi.



8. Quý vị có biết thời gian nào mình được vãng sanh không?

Chỉ cần tinh tấn niệm Phật với lòng thành kính sẽ biết trước giờ khắc, Phật A Di Đà sẽ nói cho biết là ngày giờ nào đến tiếp dẫn quý vị.

9. Làm sao khỏi phải trình diện Diêm Vương?

Chỉ có những người luôn biết cảnh giác là mạng người Vô thường, thành tâm niệm Phật mới có thể không bị đau khổ lúc lâm chung và khỏi phải trình diện Diêm Vương, bằng không thì không có cách nào mua chuộc được Diêm Vương hết.

10. Tại sao chuyện nào cũng không vừa ý mình vậy?

Chuyện nào cũng không vừa ý là vì quả báo từ xưa đến nay hay gây gỗ, chướng ngại người ta mà chiêu cảm ra. Phải thường sanh lòng hổ thẹn và thường xuyên niệm Phật, lạy Phật để tiêu diệt nghiệp chướng của mình, sau đó phải tu rộng phước báo thành tựu người khác. Như vậy thì ở đâu cũng sẽ được vui vẻ tự tại, đó chẳng phải là mọi việc sẽ như ý, thuận lòng hay sao?


11. Làm sao mới có thể thực sự thoát khỏi cái khổ của nghèo hèn?

Chỗ khổ não của chúng sanh - Vô phước, vô huệ, đây mới là nghèo hèn thực sự! Chỉ cần gắng công niệm Phật, phước huệ trang nghiêm thì sẽ xa rời



cảnh nghèo hèn. Nếu có thể khuyên người niệm Phật, đó mới là việc thiện lớn thực sự cứu người ta khỏi nghèo hèn. Chuyện lợi mình, lợi người này nếu mà không làm thì thực là uống thay cho một kiếp người.

12. Quý vị có biết mình đang bị bệnh nặng phải trị ngay không?



Nghiệp chướng và thói quen xấu là bệnh nặng từ thuở kiếp vô thủy đến nay, không phải chỉ hai, ba thang thuốc mà trị được. Phải dùng liều thuốc nặng và thường xuyên uống - tức là phải niệm Phật và lạy Phật, siêng tu vạn hạnh, thì bệnh mới khỏi, mà nghiệp mới sạch.

13. Tâm phàm làm sao trở thành tâm Phật?

Tinh tấn niệm Phật, phàm tâm buông xả tức là Phật tâm; giống như chùi sạch bụi nhơ trên kiếng thì quang minh sẽ hiện ra. Sợ nhất là anh không chịu xả bỏ ham muốn phàm phu, không thích niệm Phật thì tâm anh mãi mãi là phàm, sao có thể thành Phật?

14. Sợ chết thì phải làm sao?

Chúng ta ở thế giới Ta-bà này có sanh thì ắt sẽ có tử, nếu quý vị sợ chết thì phải cố gắng niệm Phật cầu sanh Tây phương, sanh đến Tây phương rồi thì vĩnh viễn xa rời sáu đường luân hồi, khỏi chịu cái khổ sanh tử, đó mới là an lạc thực sự. Khi chưa

thoát khỏi sanh tử thì tất cả chuyện sống chết của quý vị đều nằm trong tay Diêm Vương, vậy bản lĩnh của quý vị ở đâu? Thế anh vui về cái gì? Cứ coi như giàu sang thì sao nào? Diêm Vương mà sợ quý vị sao? Có kẻ giàu sang nào mà có thể thoát khỏi tay Diêm Vương chứ?

15. Quý vị có biết báu vật nào mới thực sự là vô giá không?

Thánh hiệu Di Đà đầy đủ vạn đức chính là báu vật vô giá. Một ngày bạn kiếm được mười ngàn, một triệu hay vài chục triệu đồng tiền cũng không bằng công đức niệm Phật trong một phút. Một bên là tiền tài thế gian, một bên là công đức xuất thế gian, làm sao mà so sánh được?

16. Người như thế nào thì phước báo lớn nhất?

Người niệm Phật phước báo lớn nhất, bởi vì niệm Phật có thể thành Phật mà! Phải tin nhận và làm theo như vậy.

17. Quý vị có biết không chạy nạn thì sẽ chẳng còn kịp nữa không?

Tu hành giống như tỵ nạn, thừa lúc kẻ thù nghiệp chướng chưa bắt được bạn, cũng chính là lúc quả báo chưa hiện ra trước mặt thì phải chạy trốn đi cho nhanh, chạy tới Tây phương Cực Lạc cầu xin Phật A Di Đà, kéo không kịp thì lại phải đi gặp Diêm Vương rồi!



18. Quý vị có biết chiêu bài trước cửa nhà cũng có thể độ chúng sanh không?

Treo trước cửa nhà quý vị chiêu bài Phật hiệu “Nam Mô A Di Đà Phật”, “Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát” để chúng sanh thấy được Thánh hiệu đó, đây chính là giúp cho họ gieo trồng giống Phật. Gọi là “Một lần mắt được thấy qua, mãi mãi thành giống đạo”. Nhất là buổi tối treo cái đèn lồng có Phật hiệu, như thể vừa ấm áp và mạnh mẽ biết bao, lại còn như hào quang Phật chiếu khắp. Hãy thay Phật tuyên truyền độ chúng sanh như vậy, chuyện này chẳng phải là việc khó làm đúng không quý vị? Hãy làm nhanh lên!

19. Tại sao niệm Phật mười mấy năm mà vẫn không đạt được lợi ích của Phật pháp?

Việc tu hành phải hòa hợp với cuộc sống hàng ngày, ngày thường không kiểm thảo hành vi, tật xấu cũng không chịu sửa, khi thói quen xấu càng nhiều thì chướng ngại sẽ càng nhiều lên. Như vậy thì niệm Phật còn không đủ sức để tiêu trừ nghiệp chướng, đâu thể tăng phước huệ được? Phải trừ bỏ những suy nghĩ tà ác, thay đổi tật xấu, hoàn thiện nhân phẩm thì tu lúc nào được lợi ích lúc ấy. Tuy rằng bây giờ có thể bạn chưa thấy rõ mặt tốt, nhưng giống Tịnh nghiệp đã được trồng sâu rồi, chỉ đợi đến khi hoa nở gặp Phật.

20. Già rồi thì vô dụng phải không?



Đừng tưởng rằng già rồi thì vô dụng, người già cả niệm Phật là hữu dụng nhất rồi! Vì năm tháng chẳng còn bao nhiêu nữa, có thể nhìn thấu và buông xả tất cả việc thế gian mà niệm Phật cầu sanh Tây phương, đây chính là cái khả dụng lớn nhất.

21. Cách tu hành gì là chắc ăn nhất?

Trì giới, niệm Phật, lạy Phật, kinh hành, ngồi thiền, không tranh giành với người, kết duyên lành với người.

22. Làm sao nhờ một câu nói mà tránh khỏi phiền não thị phi?

Anh có phiền não thì liền niệm một câu “A Di Đà Phật”, người ta mắng chửi anh, anh cũng một câu “A Di Đà Phật”, người ta đánh anh vẫn một câu “A Di Đà Phật” như vậy thì có thể tránh khỏi biết bao phiền não thị phi.

23. Bồ thí công đức cho người ta thì mình có bị giảm bớt đi?

Dùng công đức niệm Phật, trì giới, tu phước hồi hướng cho người ta là bồ thí pháp công đức. Công đức chẳng những không bị giảm bớt mà còn nhiều thêm! Không bồ thí thì giống như hạt giống đem chứa trong nhà kho sẽ không lớn được. Nếu có thể bồ thí thì giống câu “Gieo một hạt giống mùa xuân, mùa thu thu vạn tạ”, càng bồ thí càng có phước.



24. Cái gì khởi tổn tiền mà dùng hoài không hết?

Cúng dường tiền bạc thì luôn có hạn, bố thí vô úy thì không phải ai cũng làm được; niệm thánh hiệu Phật Bồ tát hồi hướng cho người ta gọi là loại bố thí pháp trong việc bố thí; lấy mãi không cạn, dùng hoài không hết. Loại bố thí nhu hòa này vui biết bao mà sao không làm? Phàm những người có duyên đọc được quyển sách này, tôi đều chúc phúc cho các bạn niệm Phật bố thí, được phước xuất thế gian!

25. Làm thế nào để hóa giải phiền não trong nhà?

Đầu tiên bản thân mình phải làm được việc nhường nhịn. Khi có thị phi, nhẫn nhịn một câu thì khói tan mây tạnh; khi khởi tranh chấp lên, lùi một bước thì biển rộng trời cao. Còn phải tụng kinh nhiều để mở mang trí tuệ, đồng thời niệm A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát nhiều, cầu Phật Bồ Tát gia hộ cho người nhà nghiệp chướng được tiêu trừ, tăng trưởng thiện căn. Cũng phải nên cúng dường Tam Bảo cầu phước huệ, có phước huệ rồi gia đình sẽ hòa hợp vui vẻ, thì sẽ chẳng còn kinh nào khó đọc.

26. Như thế nào mới là hiếu thảo thực sự với cha mẹ?

Hoàn toàn không phải việc dâng trà, cơm nước cho cha mẹ là hiếu thảo, đó là chuyện đương nhiên nên làm! Cũng đừng có tưởng rằng giết gà mua thịt cho

cha mẹ ăn chính là hiếu, phải biết rằng, đây là khiến cho cha mẹ tạo tội nghiệp! Phật pháp nói: “Cha mẹ lìa xa bụi dơ thì đứa con hiếu thảo mới được thành tựu”, Tổ Sư Ấn Quang cũng nói “Khuyên người thân tu Tịnh nghiệp, phải khuyên lơn cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tây phương, khiến cho linh hồn họ được an vui, mới là hiếu thuận thực sự.”

27. Làm thế nào mới có thể đem tiền tài đến đời sau?

Cái gọi là “Muôn thứ đem theo không được, chỉ có nghiệp theo thân”, tạo ác thì sẽ đem nghiệp ác xuống địa ngục; anh dùng tiền bạc để tạo phúc cho xã hội quốc gia, cúng dường Tam Bảo, tiền này biến thành tiền công đức, đời sau anh có thể đem lên thiên đường, đem về thế giới Tây phương Cực Lạc.

28. Làm thế nào để có thể thường xuyên nghe được pháp nhiệm mầu cao nhất?

Thánh hiệu Di Đà đầy đủ vạn đức, chính là pháp diệu kỳ cao nhất. Bất luận là tự mình niệm Phật hay là nghe người khác niệm Phật, dùng tai tập trung lắng nghe, đây chính là dùng cách nghe để nhiếp thọ vạn đức. Lúc bình thường nghe được Thánh hiệu thì nghiệp chướng được tiêu trừ, phú quý sẽ được tăng trưởng. Đây là sự giàu sang xuất thế gian, chỉ có vui không có khổ, không giống như cái giàu sang của thế gian, trong vui có khổ.



29. Bí quyết để lái xe được bình an là gì?

Nếu anh lái xe mà nghe bằng niệm Thánh hiệu Phật A Di Đà hoặc Quan Thế Âm Bồ Tát, vừa lái xe vừa niệm Phật, xe của anh tuyệt đối đảm bảo là được bình an. Cứ cho là nếu có định nghiệp đặc biệt làm cho xe bị lật, thân thể cũng sẽ được bình an. Giả sử nói một cách xui xẻo hơn nhiều, đó là xảy ra tai nạn xe mà bị chết, cũng sẽ nhờ công đức niệm Phật, mà được Phật A Di Đà đến tiếp dẫn sanh về Tây phương.

30. Gặp phải kẹt xe thì phải làm sao?

Đã đành là tiến lùi đều không được, thì hãy thản nhiên mà niệm Phật trên xe đi! Anh muốn gấp gáp thì cũng có ích gì? Chiếc xe đó có thể bay lên được không? Bay lên không nổi à! Chi bằng niệm Phật nhiều để tiêu nghiệp tăng phước.

31. Làm sao để biết hoa sen của mình trong ao tám đức của cõi Tây phương mọc như thế nào?

Niệm Phật A Di Đà trong cõi Ta-bà, trong ao tám công đức cõi Tây phương liền mọc lên một đóa hoa sen của quý vị. Quý vị niệm Phật tinh tấn, hoa sen liền nở to ra, ánh sáng tươi tắn đẹp đẽ; quý vị lười biếng, thì hoa sen liền khô héo, không có hào quang; nếu như làm việc thẹn với lương tâm mà phạm giới luật căn bản thì hoa sen sẽ bị đứt gãy, chết mất luôn.

32. Làm thế nào để thường được sanh vào đời có Phật?

Trong thế giới Ta-bà của chúng ta, sanh nhằm vào đời có Phật là rất khó khăn, đợi đến khi Phật Di Lạc giáng sinh còn phải đến bảy mươi tỷ năm nữa, còn quá lâu! Nhưng chúng ta kiếp này y theo lời dạy của Phật Thích Ca Mâu Ni, cố gắng niệm Phật sinh về thế giới Cực Lạc Tây phương, thì liền có thể luôn luôn gặp Phật, lúc nào cũng được gần gũi Phật A Di Đà, nghe Phật thuyết pháp.

33. Lúc ở nhà làm thế nào để tận dụng thời gian mà tu hành?

Lúc lái xe mở băng niệm Phật hiệu mà niệm Phật theo; lúc đi đứng thì mỗi bước một câu A Di Đà Phật; người phụ nữ trong gia đình lúc thái rau thì mỗi một nhát dao là một câu A Di Đà Phật, cho đến bất kỳ lúc nào đều không quên niệm Phật.

34. Làm thế nào để tránh khỏi lúc lâm chung bị tiểu quỷ dùng gông cùm xiềng xích trói tay lôi đi?

Anh không niệm Phật, lúc mạng hết Diêm Vương sẽ kêu tiểu quỷ dùng gông cùm xiềng xích trói anh vào tròng mà lôi đi; nếu anh sợ, thì hãy cố gắng niệm Phật. Diêm La Vương cái gì cũng chẳng sợ, chỉ sợ nhất là Phật A Di Đà. Nếu anh muốn đi đến chỗ của Phật A Di Đà, ông ta chỉ còn cách trừng hai con mắt nhìn anh, nói rằng: “Ồi! Người này được



Phật A Di Đà đón đi rồi.” đây là được đón đi chứ không phải là dùng xiềng xích mà trói lòi đi đâu.

35. Quý vị có biết lúc lâm chung ai sẽ đến đón mình không?

Người niệm Phật lúc lâm chung, Phật A Di Đà đem hoa sen đến tiếp dẫn quý vị; quý vị không niệm Phật thì Diêm Vương liền sai tiểu quỷ đem gông xiềng đến trói lòi quý vị đi. Đến địa ngục rồi, những con gà, vịt, cá mà anh đã từng ăn đều đến để tìm anh tính sổ: “Ồ! Anh đến rồi hả, chúng tôi đợi anh lâu lắm rồi đấy!”

35. Khi phiền não đến làm sao đoạn dứt?

Một phương pháp tốt đó là: “Đừng có quan tâm đến nó, cứ gắng vượt qua mà niệm thẳng một mạch A Di Đà Phật là được rồi.”

36. Như thế nào là cứu giúp người nghèo khổ một cách chân chính?

Nhìn thấy người nghèo khổ, khởi lên tâm từ bi, bố thí, hỷ xả cho họ, đồng thời còn nên dạy họ niệm Phật; nếu họ không niệm thì quý vị hãy niệm một tiếng A Di Đà Phật cho họ nghe, đây chính là có tài thí lại có pháp thí. Bố thí cho họ tiền tài, có thể giải trừ cái khổ sắc thân của họ; dạy họ niệm Phật có thể khiến cho pháp thân của họ được giải thoát.

37. Đâu là lời nói hay nhất trong tất cả những lời hay?



Niệm Phật chính là lời nói hay nhất trong những lời hay, Phật hiệu đầy đủ công đức vạn hạnh mà! Cho nên phải ít nói chuyện mà niệm Phật nhiều. Niệm Phật cũng là tiêu trừ khẩu nghiệp kỳ diệu nhất, là cách tốt nhất; niệm Phật có hương thơm vi diệu, danh hiệu Phật niệm được nhiều rồi, miệng liền không nói lời xấu xa, tự nhiên sẽ nói lời tốt lành.

38. Niệm một câu Phật hiệu thì công đức lớn nhường nào?

Chí thành niệm Phật một tiếng, có thể diệt trừ tội nặng sanh tử trong tám mươi triệu kiếp. Quý vị có nghiệp chướng, câu niệm Phật này sẽ tiêu trừ tội nặng trong tám mươi triệu kiếp của quý vị; quý vị không có nghiệp chướng thì sẽ được tăng trưởng công đức trong tám mươi triệu kiếp.

39. Người niệm Phật chủ yếu cầu xin điều gì?

Quan trọng là ở việc muốn cầu sanh Tây phương. Nguyện lớn từ bi của Phật A Di Đà là hy vọng tiếp dẫn chúng sanh đến thế giới Tây phương Cực Lạc, quý vị niệm Phật nếu có tâm cầu sanh Tây phương thì liền tương đồng với nguyện của Phật, đây chính là tương ứng. Nếu quý vị niệm Phật chỉ là cầu làm ăn có thể kiếm tiền, tình cảm vợ chồng tốt, con cái nghe lời, toàn là những tình cảm phàm phu này, như vậy thì việc niệm Phật và nguyện của Phật không tương hợp, thì làm sao sanh Tây phương được?



40. Gia đình thực sự của quý vị ở đâu?

Gia đình hiện tại của quý vị là nhà khách trú ngụ tạm thời, bất cứ lúc nào cũng sẽ bị hư hoại, không phải là gia đình cứu cánh của quý vị đâu; nơi trở về đáng tin cậy và an lạc chân thực chính là gia đình cũ của quý vị - Thế Giới Cực Lạc. Quý vị bỏ nhà cũ, nhận chịu vô lượng khổ luân hồi trong ba cõi, tội nghiệp xiết bao! Hãy mau mau niệm A Di Đà Phật để về nhà cũ đi!

41. Người phạm tội ngũ nghịch thập ác cũng có thể sanh Tây phương không?

Đức Phật yêu thương chúng ta cũng giống như cha mẹ yêu thương con cái, cho dù con cái có hư hỏng đến thế nào, hay là cặn bã của nhân gian, thì cha mẹ vẫn coi chúng như là bảo bối. Đức Phật cũng giống như vậy, đối với người phạm tội ngũ nghịch thập ác, chỉ cần hồi tâm niệm Phật, không tạo ác nữa, Từ Phụ Di Đà vẫn tiếp dẫn quý vị đi Tây phương.

42. Tại sao phải đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ?

Đọc kinh Vô Lượng Thọ mới biết tại sao phải niệm Phật, những quả báo tốt nhận được sau này như thế nào. Quyển Thượng của bộ kinh này nói về quốc độ của Phật A Di Đà được thành tựu như thế nào, khiến chúng ta hân hoan cầu về Cực Lạc; quyển Hạ toàn bộ nói về cái khổ của thế gian, khiến chúng ta chán ghét muốn lìa xa cõi Ta-bà, nhất định phải cầu sanh Tây phương.

43. Người học Phật tại sao không sợ chết?

Người bình thường tu thiện nghiệp trong kiếp này ít, vì miếng ăn cái mặc mà ra sức tạo ác nghiệp, vậy thì kiếp này vừa hết, thì phải đi vào ba đường ác, đương nhiên sẽ sợ chết; người học Phật đoạn ác tu thiện, thì chẳng sợ chết, vì có nơi tốt để đến mà! Nhất là người niệm Phật như chúng ta, chết rồi thì đến Tây phương, tốt biết bao!

44. Quý vị có biết có một việc gì từ trước đến nay mình chưa từng làm không?

Chúng ta luân hồi trong sáu đường từ vô lượng kiếp đến nay, trên mặt làm người, thì loại người nào anh chưa làm qua? Ngay cả đại hoàng đế, hoàng thái hậu đều đã làm qua, đương nhiên ba đường ác và địa ngục cũng đã đi qua. Nhưng chính là còn một việc chưa từng làm qua - Cực Lạc Thế Giới chưa từng đi qua, Phật chưa từng thành qua.

45. Dùng thịt gà, vịt, cá để cúng bái tổ tiên có thể khiến cho họ được lợi ích chăng?

Nếu quý vị làm như vậy, đó là đang giúp cho tổ tiên mình tạo tội nghiệp! Phải dùng thức ăn chay cúng bái tổ tiên, lại còn niệm Phật, tụng kinh để siêu độ cho họ, mới có thể khiến cho họ có được lợi ích chân chính.

46. Tại sao có người vừa sinh ra đã có muôn triệu tài sản?



Bởi vì kiếp trước họ hành đại bố thí, kiếp này mới có đại phước báo, tiền bạc chẳng bao giờ đi đường vắng người đâu. Chẳng qua nếu có giàu hơn nữa, vẫn là xoay vần trong sáu đường, chỉ có sanh về Tây phương mới có thể rốt ráo lìa khổ được vui.

47. Ai có thể độ chúng ta thoát ly biển khổ sanh tử?

Chỉ cần quý vị quy y Tam Bảo Phật - Pháp - Tăng, thường niệm A Di Đà Phật, Quan Thế Âm Bồ Tát, tu tất cả thiện, đoạn tất cả ác, đem công đức Tam Bảo sau này sanh về Tây phương, đây chính là “Biển khổ vô biên, quay đầu là bờ”. Nếu rời khỏi chiếc thuyền lớn từ bi của Tam Bảo, thì làm sao có thể thoát khỏi biển khổ?

48. Bạn niệm Phật là niệm Phật đang sống hay Phật đã chết?

Niệm Phật, lấy tâm giác ngộ để làm đạo Bồ Đề cầu sinh Tịnh độ, đây chính là niệm Phật đang sống; Niệm Phật mà còn cầu danh lợi giàu sang thì tâm vẫn mê mà không giác, đây chính là niệm Phật đã chết.

49. Quý vị cho rằng mình không có của báu sao?

Thực ra anh có vô lượng của báu đó! Đó chính là Thánh hiệu Di Đà. Xưng niệm Thánh hiệu là công đức vô lậu, có thể giải thoát rốt ráo. Quý vị hãy đem công đức này bố thí cho chúng sanh, hồi hướng về Phật đạo, tương lai mọi người cùng thành Phật, vậy thì tốt biết mấy!




Tâm niệm Phật là chạy về phía Tây phương, tâm
nghĩ tài sắc là chui đầu vào địa ngục khổ.

Tu lục độ vạn hạnh là giàu nhất, ra khỏi sinh tử
luân hồi là sang nhất.



Khai thị của Hòa Thượng Thiên Tâm

1. Trong nẻo sống chết luân hồi, có nhiều hiểm nguy chướng nạn cho đường tu. Muốn thoát cảnh hiểm luân hồi để bảo đảm tâm Bồ Đề không thoái thất, phải cầu sanh Tịnh độ. Đây là sự kiện thiết yếu trước tiên, mà hành giả cần lưu ý.



2. Tiên đức hàng răn nhắc: “Nếu tu mà không chuyên cầu giải thoát, thì sự tu nơi kiếp này là mối thù trong kiếp thứ ba (oán gia đời thứ ba).” Sở dĩ có việc ấy, bởi kiếp thứ nhất lo kham khổ tu hành, nên chuyển sanh qua kiếp thứ nhì được hưởng quả báo thông minh giàu sang quyền thế. Trong kiếp thứ hai này, do giàu sang nên dễ mê theo cảnh quyền quý, vợ đẹp con xinh, cùng các thú vui vật chất nơi cõi trần. Đã nếm mùi dục lạc tất dễ sanh đắm nhiễm, càng đắm nhiễm càng đi đến chỗ sa đọa tối tăm, dám làm nhiều điều ác để củng cố lợi quyền và thỏa lòng tham vọng. Kiếp thứ nhì đã gieo nhân như thế, kiếp thứ ba làm sao khỏi bị đọa lạc tam đồ?

Có kẻ gạn: “Kiếp trước đã có công tu gieo nhân tốt, không lẽ sang kiếp thứ nhì trí huệ căn lành đều mất, để đến nỗi phải bị đọa hay sao?” - Xin đáp: “Căn lành tuy có, nhưng nghiệp ác từ vô lượng kiếp chưa phải đã tiêu trừ. Mà trong cảnh trần, việc lành rất khó làm như leo lên cây cao, điều ác rất dễ

phạm như tuột xuống dốc lở. Người xưa đã chẳng bảo: Trọn đời làm lành, lành còn chẳng đủ; một ngày làm ác, ác tự có dư đó ư? Như những người giàu sang quyền thế mà chúng ta hiện thấy, kiếp trước họ đều có ít nhiều công đức bố thí tu phước làm lành, nhưng kẻ hướng về nẻo thiện không bao nhiêu, người say đắm danh lợi vinh hoa lại chiếm phần đa số. Thử hỏi có mấy vị đỗ cao quyền quý chịu xuất gia, sống một cuộc đời khắc khổ đạm bạc, hướng về mục đích giải thoát thanh cao? Ngay như người xuất gia, khi chưa có địa vị còn kham nhẫn tu hành, lúc đã được quyền danh, nhiều kẻ lễ bái tôn trọng cúng dường, lại dễ bị cảnh phù trần ràng buộc. Hiện tại ta thấy có biết bao hàng tăng ni thiện tín, trước còn tinh tấn hành trì, sau lần lần biếng trễ bỏ tu hoặc hoàn tục thoái Bồ đề tâm, nói chi đến kiếp sau?”

3. Trong thời mạt pháp, nếu chỉ tu môn khác không kiêm cầu Tịnh độ, tất khó giải thoát ngay trong một đời. Nếu đời này không được giải thoát bị mê trong nẻo luân hồi, thì tất cả tâm nguyện sẽ thành hư tưởng. Các hành giả tu theo những pháp môn khác, duy trọng về tự lực, lập tâm trường cửu, quan niệm mỗi đời cứ tiến tu, dù đời này không được giải thoát, trong những kiếp sau cũng sẽ thành đạo. Nhưng có một điều cần để ý, là liệu đời sau sẽ được bảo đảm chắc chắn cho ta tiếp tục tu nữa chăng? Bởi khi chưa là bậc đắc đạo, lúc chuyển sanh tất



phải hôn mê, dễ quên tâm nguyện tu hành kiếp trước. Nơi cảnh trần duyên tiến đạo thì ít, duyên thoái đạo lại nhiều. Biết bao vị xuất gia lúc chuyển sanh không thể tiến tu, như các sự tích đã lược trần.

4. Đời mặt pháp, người tu có mấy ai ngộ đạo? Ngộ đạo không phải là dễ. Như thuở xưa, Hương Lâm thiền sư dụng tử công phu trong bốn mươi năm mới dung luyện thành một khối. Ngài Trường Khánh Nhân ngồi rách mười mấy chiếc bồ đoàn mới được thấy tánh bản lai. Người đời nay, trừ một vài vị Thánh như ứng thân thị hiện để làm mô phạm cho quần chúng, ngoài ra các vị khác tu thiền, chỉ tạm được thân tâm an tĩnh hoặc thấy thiện cảnh giới là cùng! Dù đã ngộ đạo, khi chuyển sanh vẫn còn có thể bị chướng nạn như những điều đã kể trên. Đường sanh tử có nhiều nguy hiểm đáng e ngại với kẻ chưa đắc đạo là thế. Cho nên nếu bảo không sợ sanh tử, đó là chỉ lối suy tư của người thiền cận mà thôi.

Hơn nữa, hiện tại chánh pháp đã lần lần ẩn diệt. Đã có nhiều nơi chùa chiền bị hủy phá, kinh sách bị thiêu đốt, tăng ni phải hoàn tục, hàng thiện tín không được tu. Dù cho ngày kia có được phục hồi, cũng phải bị biến thể và tiêu hao một phần lớn. Mong chuyển sanh để tiếp tục tu hành với một nền đạo suy tàn, thiếu bậc cao tăng dìu dắt, lấy đâu làm duyên tốt tiến đạo để giải thoát trong tương lai? Cho nên muốn bảo đảm tâm Bồ Đề không bị thoái




thất, phải tu Tịnh độ. Dù tu các môn khác cũng nên kiêm niệm Phật phát nguyện vãng sanh về Cực Lạc.

Đây là lời khuyến tấn chung của các bậc tiên đức, như các ngài: Liên Trì, Ngẫu Ích, Ấn Quang, Kiên Mật.

5. Yếu chỉ của môn Tịnh độ là Tín, Nguyện, Hạnh. Muốn vào cửa pháp này, trước tiên hành giả phải tin cõi Cực Lạc có thực, và đức A Di Đà luôn luôn hộ niệm, sẵn sàng tiếp dẫn chúng sanh nào quy kính, niệm sáu chữ hồng danh kêu gọi đến Ngài. Lòng tin như thế gọi là Tín. Sau khi đã có lòng tin, hành giả phải phát tâm chơn thiết cầu thoát ly cõi Ta-bà đầy khổ lụy chướng duyên, mong muốn sanh về miền Cực Lạc an vui, sự thanh tịnh trang nghiêm vô lượng, để tu tiến hoàn thành mục đích tự độ độ tha. Đó gọi là Nguyện. Và khi đã phát nguyện như thế, lại cần phải thiết thực xưng niệm danh hiệu đức A Di Đà cho đến trình độ tâm Phật tương ứng, để được tiếp dẫn. Đây gọi là Hạnh. Ví như người đi xa phải cạy bị chặn mùng thuốc men, thức ăn mặc, và tiền bạc, để có đủ sự cần dùng khi lên đường. Người tu Tịnh độ cũng thế, thiếu lòng tin không thể phát Nguyện. Có Tín, Nguyện mà chẳng thực hành, tức tu phần Hạnh, chỉ là Tín, Nguyện suông. Và nếu Hạnh đầy đủ mà thiếu sót Tín, Nguyện thì sự thực hành đó lạc lõng, không có tiêu chuẩn, đường lối. Cho nên Tín, Nguyện, Hạnh là tư lương



của kẻ đi đường xa về Cực Lạc. Đối với sự vãng sanh, ba điều này có tánh cách liên đới nhau, thiếu một, tất không thành tựu.



6. Chúng ta nên biết tu các pháp môn khác chỉ hoàn toàn nương nơi tự lực, cho nên phải khó. Riêng đường lối Tịnh độ có hai năng lực, đó là tự tâm lực và Phật tiếp dẫn lực, nên sự thành công rất dễ. Ví như một người chân yếu, muốn tự mình lên tận đỉnh núi cao là điều rất khó. Nhưng nếu kẻ ấy được một vị đại lực sĩ khoác cánh tay phăng phăng đưa bước tiến lên, thì kết quả đặng phong nào có khó chi! Về môn Tịnh độ cũng thế, khi ta chuyên tâm niệm Phật tức là lúc tâm lực phát triển. Niệm đến một lòng không loạn, là lúc tâm lực hoàn toàn hiện bày. Đang khi ấy nghiệp lực bị hàng phục không còn làm chướng ngại, lại được thêm Phật lực tiếp dẫn nên tuy nghiệp chưa trừ dứt, mà được vãng sanh. Khi sanh về Tây phương rồi, sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, sự không thoái chuyển cho đến khi thành Phật là một điều hiển nhiên dễ hiểu.

7. Về vấn đề tự lực tha lực, nếu như hiểu môn Tịnh độ chỉ hoàn toàn nương nơi tha lực là lầm. Người niệm Phật phải đem hết tự lực dứt trừ phiền não, trì niệm cho đến cảnh giới tâm mình, và tâm Phật tương ứng. Từ cảnh giới đó, hiện thời hành giả được Phật phóng quang thẩm nhiếp thọ, khi mạng chung sẽ được tiếp dẫn vãng sanh. Sự tiếp dẫn mới

là yếu tố chánh của tha lực, vì thế giới Cực Lạc cách xa cõi Ta-bà này đến mười muôn ức Phật độ, còn không phải sức thần thông đạo lực tầm thường có thể đến được, huống nữa là phàm phu! Vì thế cần phải nhờ tha lực tức thần lực của Phật hoặc chư thánh tiếp dẫn. Ví như một học sinh, tự mình biết gắng hết sức chuyên học, dĩ nhiên là điều đáng quý. Nếu trên sự chuyên học ấy, lại được vị giáo sư giỏi kèm theo chỉ dạy, tất mức học vấn càng cao thâm, kết quả thi đỗ sẽ là phần bảo đảm. Trên tự lực của hành giả, thêm tha lực của Phật gia bị tiếp dẫn cũng lại như thế. Vậy sự kiện chính mình đã gắng hết sức để tu, lại cầu thêm tha lực cho được kết quả mau chóng, có phải là một điều hèn yếu lỗi lầm chăng?

Sự cao diệu của môn Tịnh độ, chính các bậc đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ; các vị Tổ Sư như Vĩnh Minh, Trí Giả, Triệt Ngộ, Liên Trì, cho đến nhiều đấng tôn túc ở các tông, đều khuyến nguyện vãng sanh. Chê Niệm Phật là thấp kém chỉ để cho bậc hạ căn tu hành tức là chê chư Bồ Tát, Tổ Sư và các vị cao đức đã nói trên. Bảo niệm Phật là hèn yếu, chỉ nương nơi tha lực, tức là chưa hiểu biết chi về môn Tịnh độ.

8. Điểm thiết yếu của môn Niệm Phật là phải phát nguyện vãng sanh. Nếu nghĩ rằng: “Ta chỉ cần niệm hồng danh muôn đức của Phật A Di Đà cho thực nhiều, tự nhiên sẽ có vô lượng công đức; dù không vãng sanh, công đức ấy cũng chẳng mất.” Nghĩ như



thế là sai lầm nguy hiểm và thiếu trí huệ. Bởi có hạnh mà không nguyện thì công đức ấy sẽ biến thành phước báo ở đời sau. Đời thứ hai đã hưởng si phước tất dễ tạo nghiệp, sang đời thứ ba nhất định phải bị đọa lạc tam đồ, đó là điều sai lầm, nguy hiểm! Vì thế, mới gọi tín nguyện là “huệ hạnh.”

9. Đã có đủ Tín Nguyện mà thiếu phần Hạnh, ví như chiếc thuyền có lái không chèo, cũng không thể vãng sanh. Có kẻ nghe nói: “Chỉ cần tín nguyện chân thiết, khi lâm chung mười niệm hay một niệm cũng quyết được sanh Tây phương”, thì liền nghĩ rằng: “Nếu như thế cần chi phải vội gấp, để lúc sắp chết niệm Phật cũng được!” Ý niệm này cũng sai lầm, bởi vì quá xem thường hành môn Niệm Phật. Phải biết, điểm quan yếu để vãng sanh, theo trong kinh vẫn là: “Người ấy khi lâm chung lòng không điên đảo”. Như quả lúc lâm chung lòng không điên đảo, thì niệm mười niệm hay một niệm cũng được vãng sanh. Nhưng ai dám bảo rằng: mình khi lâm chung lòng không điên đảo?

Nếu lúc bình thời không tinh chuyên dụng công, đến khi mạng chung bốn đại phân ly, sức nghiệp dồn dập, thân tâm bị sự khổ làm cho kinh hoàng mê loạn, sợ e một niệm cũng không thể thực hành hưởng chi mười niệm? Như muốn cho khi lâm chung có phần bảo đảm, lúc bình thời hành giả phải tinh chuyên niệm Phật cho nhiều, và gắng tu tập trình độ “nhứt tâm bất loạn”. Bằng chỉ đợi khi




sắp chết mới niệm, trên đạo lý nói ra thì cố nhiên suốt thông, nhưng lại e trên sự thực chẳng phải là đơn giản. Cho nên các hành giả niệm Phật phải gắng dụng công, đừng lơ là khinh thường sự hành trì, mà rước lấy nỗi thất bại.



Trưởng Lão Cư Sĩ Hoàng Niệm Tổ khai thị

1. Pháp môn Tịnh độ là Nhất Thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng quy, thích ứng khắp ba căn, thâm trọn phàm thánh, thoát khỏi ba cõi theo chiều ngang (hoành siêu tam giới), nhanh chóng bước lên bốn cõi Tịnh Độ, cực viên, cực đốn, là pháp môn vi diệu chẳng thể nghĩ bàn.



2. Pháp môn Trì Danh Niệm Phật rất viên mãn, thẳng chóng, là phương tiện rốt ráo nhất siêu trực nhập, viên đốn cùng cực. Dùng biển nguyện Nhất Thừa của đức Di Đà, sáu chữ hồng danh của Quả Giác rốt ráo để làm cái tâm phát khởi cầu thành Phật quả cho bọn chúng sanh ta. Dùng quả làm nhân, nhân quả đồng thời; từ quả khởi tu, nên tu cũng chính là quả. Tâm tu cầu thành Phật chính là cái tâm thành Phật chẳng thể nghĩ bàn.

Vì vậy, sách Di Đà Yếu Giải của Tổ Sư Ngẫu Ích viết:

“Một câu A Di Đà Phật chính là pháp để đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của đức Bổn Sư Thích Ca trong đời ác ngũ trược, nay đem toàn thể Quả Giác này trao cho chúng sanh trược ác. Đó là cảnh giới sở hành của chư Phật, chỉ Phật với Phật mới có thể hiểu cùng tận được nổi, chẳng phải là điều cứu giới dùng tự lực mà tin hiểu được nổi”.

Lại viết: “Đem pháp giới thể làm thành thân và cõi

của Phật Di Đà. Cũng do chính toàn bộ cái Thể ấy làm thành danh hiệu Di Đà. Vì vậy, danh hiệu Di Đà chính là bốn giác lý tánh của chúng sanh.”


3. Điểm mấu nhiệm của Tịnh tông là “chẳng lia Phật pháp mà hành thế pháp, chẳng bỏ thế pháp mà chúng Phật pháp”. Bởi pháp Trì Danh thực là tiện lợi, tu chỗ nào cũng được, nào phải ẩn cư rừng núi, lúc nào cũng niệm được, chẳng phiền phải bề quan, ngồi yên, chỉ cần phát khởi cái tâm rộng lớn, một bề chuyên niệm, thậm chí mười niệm, một niệm cũng được vãng sanh, chẳng trở ngại công việc thế gian, vẫn như cũ mà chóng thoát sanh tử. Lại có thể tự giác, giác tha, rộng độ chúng sanh đời vị lai. Đây cũng là ta, người cùng lợi, tạo phước cho xã hội ngay hiện tại.

4. Pháp môn Trì Danh Niệm Phật thích hợp khắp cả ba căn, thâm trọn phạm thánh. Trên thì như Pháp Thân Đại Sĩ: Văn Thù, Phổ Hiền cũng đều phát nguyện vãng sanh. Dưới đến Ngũ Nghịch, Thập Ác lâm chung niệm Phật cũng đều tùy nguyện vãng sanh. Vượt ngang khỏi ba cõi, chúng trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, chóng sát cánh cùng Quán Âm, Thế Chí, mới thấy phương tiện rốt ráo của pháp môn này thực thích ứng khắp mọi căn cơ.

5. Chương Lăng Nghiêm Thế Chí Viên Thông nói: “Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai, quyết định thấy Phật, chẳng nhọc



phương tiện, tự được tâm khai” và “Chỉ cần niệm A Di Đà đã là vô thượng thâm diệu thiên”. Tịnh tông cũng chính là Mật, một câu Di Đà chính là chơn ngôn. Hơn nữa, “tiếng và chữ chính là Thực Tướng”. Bởi thế, trì danh chẳng khác gì trì chú, niệm Phật chính là niệm Thực Tướng, thẳng đến cứu cánh chẳng thể nghĩ bàn.



6. Phật pháp như chiêm đàn cắt thành miếng, miếng nào cũng thơm; như đổ thủy ngân ra, giọt thủy ngân nào cũng tròn xoe. Nếu luận về mặt thích ứng căn cơ thì thiên sai vạn biệt, khó để cả một trời một vực, trong đại bình đẳng hiển lộ sự sai biệt đến tột cùng. Trong ngàn muôn viên châu, chỉ có một viên ngọc Tịnh pháp đối với kẻ phàm phu còn đầy dẫy phiền não là dễ nghe, dễ biết, dễ tin, dễ nhập. Trong hết thủy pháp, Tịnh Độ là pháp dễ hành nhất.

7. Pháp môn Tịnh Độ lại gồm trọn muôn pháp, đốn siêu tam thừa, tâm này làm Phật, tâm này là Phật, đương hạ cứu cánh. Niệm Phật chính là có công tu đức thì Phật hiệu chính là tánh đức mới hiển. “Bằng với chư Thánh trong một lời, vượt khỏi ba a tăng kỳ trong một niệm”, nhiếp khắp muôn loại, hội quy Nhất Thừa, vượt ngang khỏi tam giới, chúng trọn bốn cõi Tịnh Độ. Vì thế, trong hết thủy pháp, trước hết phải hoằng dương Tịnh Độ. Pháp môn vi diệu thù thắng như vậy “chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo”.

Khai thị của Hòa Thượng Tuyên Hóa

1. Vì sao lúc bình thường chúng ta cần phải niệm Phật? Lúc bình thường chúng ta thường niệm Phật là để chuẩn bị cho lúc lâm chung.

Thế thì tại sao không đợi đến lúc lâm chung rồi hãy niệm Phật? Tập quán là thói quen được huân tập qua nhiều ngày, nhiều tháng. Cho nên, nếu bình thường các bạn không có tập quán niệm Phật thì đến lúc lâm chung các bạn sẽ không nhớ ra là mình cần phải niệm Phật. Do đó, lúc bình thường mình cần phải học niệm Phật, tu Pháp môn Tịnh Độ, đến lúc lâm chung mới không hoảng hốt, luống cuống, mà trái lại, sẽ an nhiên vãng sanh Thế Giới Cực Lạc!

Vì sao chúng ta cần phải vãng sanh về Thế Giới Cực Lạc? Là vì khi Đức Phật A Di Đà ở nhân địa tu hành làm thầy tỳ kheo, Ngài đã từng phát bốn mươi tám đại nguyện mà trong đó có nói rằng:


“Sau khi tôi thành Phật, nếu trong mười phương có chúng sanh nào niệm “A-Di-Đà Phật,” danh hiệu của tôi, thì tôi nhất định sẽ tiếp dẫn người đó tới thế giới của tôi, và trong tương lai, vị ấy sẽ được thành Phật. Ở thế giới của tôi, ai ai cũng đều hóa sanh từ hoa sen, nên thân thể của họ hoàn toàn thanh tịnh vô nhiễm.”



Bởi Đức Phật A Di Đà đã phát nguyện lớn như vậy, nên tất cả chúng sanh đều nên tu Pháp môn Niệm Phật, một Pháp môn rất hợp với căn cơ của mọi người và cũng rất dễ tu.

2. Như thị nhân, như thị quả.

(Nhân nào thì quả nấy.)



Hễ trồng thiện nhân thì được thiện quả, gieo ác nhân thì gặp ác báo - đó là định luật “thiên kinh địa nghĩa,” là định luật muôn thuở của trời đất. Nếu trồng cái nhân trọn vẹn thì khi kết trái sẽ được quả trọn vẹn, trồng cái nhân nửa chừng hay lơ dờ thì sẽ sanh ra quả nửa chừng hay lơ dờ. Mọi người cần phải thực sự thấu suốt điểm này, chớ nên thờ ơ, xem như gió thoảng qua tai!

3. Đòi Mạt Pháp, một ức người tu hành hiếm khi có được một người đắc Đạo; duy có tu Pháp môn Niệm Phật là ai cũng được độ thoát.

Ý nói rằng trong số một ức người tu hành, hiếm hoi lắm mới có một người đắc Đạo; chỉ có Pháp môn Niệm Phật là có thể giúp mọi người vãng sanh về Thế Giới Cực Lạc và do đó được độ thoát. Đặc biệt là trong thời Mạt Pháp hiện tại, niệm Phật chính là pháp môn hợp với căn cơ của mọi người nhất.

4. Người tu pháp môn Niệm Phật phải nhớ lúc nào cũng chỉ niệm một câu “Nam Mô A Di Đà Phật,” không được ngừng nghỉ. Lúc thức niệm, ngủ cũng

niệm. Phải niệm sáu chữ hồng danh “Nam Mô A Di Đà Phật” sao cho chẳng thứ gì có thể làm gián đoạn, dù dùng kiếm cũng chẳng chặt đứt được. Sức mạnh của niệm Phật phải kiên cố vượt hẳn sự cứng rắn của kim cương. Khi quý vị không thể dùng cách gì để phá hoại được tiếng niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” thì lúc ấy mới gọi là “Niệm Phật Tam-muội.”

5. Người ta sống cùng một nơi với nhau tức là có duyên với nhau, do đó đừng nên sanh lòng bực bội, tức giận, và càng không nên mắng chửi lẫn nhau, các hành vi như thế hoàn toàn không thích hợp và không thể chấp nhận được. Hy vọng mọi người đều có được công phu tu dưỡng và phong độ của bậc quân tử.

Trong Lục-độ, pháp môn Nhẫn-nhục quan trọng bậc nhất. Mọi người phải tu tập pháp môn Nhẫn-Nhục cho viên mãn thì mới có sự thành tựu. Người tu đạo tuyệt đối không được “nhóm lửa trong gan,” không được nổi giận, cần phải nhẫn nhịn mọi chuyện, bởi có câu rằng:

Vô minh hỏa thiêu tận công đức lâm.

(Lửa vô minh (sự nóng giận) đốt sạch rừng công đức)

Do đó các vị phải ghi nhớ điểm này bằng mọi giá!

6. Nhân Nào Quả Nấy



Con người ở thế gian này gặp đủ thứ chuyện kỳ lạ, vì sao? Đó là vì trước kia người ta đã trót trồng cái nhân kỳ lạ nên bây giờ mới sanh ra cái quả kỳ lạ. Nếu các bạn chẳng gieo loại nhân ấy thì sẽ không gặt phải loại quả này. Vì thế, nếu mọi người hiểu được đạo lý nhân quả thì hãy:

Chư ác mạc tác,

Chúng thiện phụng hành.

(Chớ làm điều ác,

Chỉ làm việc lành.)

Trên thế gian này, con người không thể nào tách rời khỏi nhân quả; song le, vì ai nấy đều chỉ thấy quả chứ chẳng thấy nhân nên khi quả báo xảy tới thì cuống quýt, hoang mang, không biết nên như thế nào cho phải nữa! Đó đều là do khi trồng nhân, người ta đã không biết thận trọng, đợi đến lúc phải nhận lãnh những quả báo quái lạ thì họ mới giật mình, sùng sốt!

7. Mỗi người chúng ta đều có thể thành Phật, nhưng thành Phật hay không là cần phải xem chúng ta có thực tâm chịu khó dụng công hay không. Ai chịu nghiêm chỉnh tu hành tức sẽ thành Phật, còn như không chịu khó thì sẽ không thành Phật được. Cho nên, ông tu thì ông được, bà tu thì bà được, còn không tu tức sẽ không được. Chúng ta nên biết quý tiếc thời gian, đừng để nó trôi qua một cách luống không. Một khi nó đã qua rồi, có muốn tìm trở lại




cũng không phải là chuyện dễ đâu.

8. Vì sao niệm Phật sẽ thành Phật? Bởi từ vô lượng kiếp trước, đức Phật A Di Đà đã phát bốn mươi tám đại nguyện. Và trong bốn mươi tám nguyện đó, có một nguyện bảo rằng: “Nếu có chúng sanh nào niệm danh hiệu ta, mà không sanh về cõi Cực Lạc, ta sẽ không thành Chánh Giác.” Đức Phật A Di Đà phát ra những nguyện lực này, nguyện nguyện đều là nhiếp thọ chúng sanh về cõi Tây phương Cực Lạc, nhưng chỉ với điều kiện là chúng sanh phải có lòng tin. Tin là thực có đức Phật A Di Đà đang ngự tại cõi Tây phương Cực Lạc, mà phát nguyện sẽ sanh về cõi Cực Lạc để làm đệ tử của Ngài, và thực lòng tha thiết xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Chúng ta phải có tín, nguyện và hành, một khi đầy đủ ba thứ tư lương này, tất sẽ sanh về Tây phương.

Thế giới Cực Lạc không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui và không có ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Mặc dù nơi đó có bạch hạc, khổng tước, anh vũ, xá lợi, ca lăng tần già, chim cội mạng; nhưng những giống chim đó đều do đức A Di Đà vì muốn làm cho tiếng pháp được tuyên lưu mà biến hóa ra. Đây là do cảnh giới biến hóa ra, chứ không phải thực có súc sanh. Cực Lạc thế giới không có vạn khổ nung nấu, cùng muôn điều ác, ngập tràn phiền não như cõi Ta-bà.



9. Thực thà niệm là mình nhất tâm niệm Phật, và không màng đến chuyện mình sẽ thành Phật hay không thành Phật, cũng không màng về việc mình sẽ vãng sanh hay không vãng sanh, mà chỉ dụng công niệm Phật ngay tại lúc này. Niệm Phật, niệm cho được chuyên nhất thành thực và nhất tâm bất loạn. Đến lúc sắp lâm chung, Phật A Di Đà nhất định sẽ tiếp dẫn chúng ta về cõi Ngài.



Thực thà niệm Phật là miệng niệm Phật, tâm cũng niệm Phật. Đi, đứng, nằm, ngồi chúng ta cũng đều niệm A Di Đà Phật.

Thực thà niệm Phật tức là nhất tâm, nhất ý niệm Phật. Lúc niệm Phật, những chuyện như ăn uống, mặc áo, đi ngủ mình đều quên hết. Ăn cơm, mặc áo, ngủ nghỉ vốn là chuyện thường tình, đời sống con người không thể rời bỏ được; mỗi con người ngày ngày đều không thể thiếu những điều đó. Nhưng khi niệm Phật mà có thể quên được ba chuyện đó, thế thì chúng ta không biết là mình ăn uống, mặc áo hay ngủ nghỉ gì cả, đó mới chính là thực thà niệm Phật.

Thực thà niệm Phật là bất luận đi đứng nằm ngồi gì, mình cũng chỉ biết có sáu chữ hồng danh “Nam Mô A Di Đà Phật.” Quý vị niệm thành một chuỗi liên miên không đứt đoạn; cho đến tiếng nước chảy cũng là niệm “Nam Mô A Di Đà Phật,” tiếng gió thổi cũng là niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, tiếng

chim kêu cũng là niệm “Nam Mô A Di Đà Phật.” Phải niệm cho đến khi Nam Mô A Di Đà Phật và tự chính mình không thể tách rời nhau. Niệm cho đến ngoài “Nam Mô A Di Đà Phật” không còn cái tôi, ngoài cái tôi lại cũng không còn “Nam Mô A Di Đà Phật”. Tiếng niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” của tôi và tôi hợp thành một. Bấy giờ, gió thổi cũng không thấu qua, mưa rơi cũng không lọt vào, thế là chúng ta đạt được Niệm Phật Tam Muội. Nước chảy, gió động đều là diễn thuyết diệu pháp, niệm “Nam Mô A Di Đà Phật,” đó chính là Thực Thà Niệm Phật.

10. Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta sanh ra rồi tử, tử rồi lại sanh, giống như con người thức rồi lại ngủ, ngủ rồi lại thức. Tối đến đi ngủ thì giống như người chết. Đến sáng thức dậy, giống như người mới sanh ra. Chẳng qua chuyện sanh tử này thì ngắn ngủi, còn cuộc đời thọ mạng của chúng ta, so ra thì dài hơn một chút.

Song, sanh tử thì cũng giống như chuyện ngủ, thức mà thôi. Vì sao? Bởi chúng ta có lúc hồ đồ mê muội, có lúc minh bạch sáng suốt. Minh bạch tức là sanh, hồ đồ tức là tử. Cho nên, nếu chúng ta có một niệm sáng suốt, và với niệm đó là mình đang sống; hễ có một niệm mê muội, với niệm đó là mình như đã chết. Đó là thời gian ngắn ngủi tạm bợ của cuộc sanh tử. Bất luận thời gian sanh tử dù ngắn thì cũng vậy, dài cũng vậy, cũng đều là luân chuyển trong vòng sanh tử luân hồi, nổi trôi chìm



hợp chẳng yên. Có lúc chúng ta được sanh vào nhà giàu sang phú quý, có lúc lại sanh vào nhà nghèo hèn bần tiện. Có lúc chúng ta sanh làm trâu, làm ngựa, làm súc sanh, có lúc làm nạ quý, hoặc xuống địa ngục. Đây đều là những kiếp luân hồi, nổi trôi bất định trong biển khổ sanh tử, vì sự sanh tử tuần hoàn này không chấm dứt, không khi nào hết được.

11. Pháp Môn Tịnh Độ là pháp môn phương tiện rất dễ dụng công. Đường đi rất ngay thẳng, chỉ cần chúng ta niệm Nam Mô A Di Đà Phật với lòng tin, lòng phát nguyện và tâm thực hành là đủ rồi.

Cho nên tín, nguyện, hành là ba món tư lương, là ba thứ lộ phí cần thiết để chúng ta vãng sanh về Tây phương Cực Lạc.

Thứ nhất, chúng ta phải tin Đức Phật A Di Đà, tin Thế Giới Cực Lạc, tin pháp môn niệm Phật có thể đưa chúng ta đến cõi Cực Lạc để diện kiến đức Phật A Di Đà. Chúng ta phải có lòng tin. Chúng ta chỉ cần có lòng tin, còn ngoài ra không cần gì khác cả. Kể đến là sự phát nguyện gặp đức Phật A Di Đà, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc, nguyện tu pháp môn niệm Phật. Sau khi đã phát nguyện, chúng ta phải y chiếu theo pháp môn Tịnh độ, niệm Phật mà tu hành. Chúng ta phải lão thực niệm Phật, tức là phải niệm Phật một cách thực thà. Niệm thực nhiều rồi, chúng ta mới có thể trở thành một khối, nhất tâm bất loạn và đạt được Niệm Phật Tam

Muội. Như thế chúng ta nhất định sẽ được sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc.


12. Thế giới Ta-bà là cõi muôn cảnh khổ nung nấu vây quanh, đầy đầy vạn điều dữ ác, cùng những mưu tính hãm hại lẫn nhau, không có lúc nào bình an. Ở cõi Tây phương Cực Lạc thì chẳng hề xảy ra những chuyện phiền não hay có vấn đề gì. Bởi vậy chúng ta phải mong cầu được sanh về cõi Cực Lạc, được diện kiến đức Phật A Di Đà, được hóa sanh từ liên hoa và đạt được quả vị bất thoái chuyển.

Bất thoái chuyển là: vị bất thoái, niệm bất thoái và hành bất thoái. Vị bất thoái là chúng được quả vị không thoái đọa. Niệm bất thoái chuyển là tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, thời khắc nào tâm cũng không thoái chuyển. Hành bất thoái tức tu hành theo pháp môn này mình cũng không thoái chuyển.

Khi quý vị chúng đắc được tam bất thoái này, tương lai nhất định sẽ thành Phật. Một khi chúng ta có được ba món tư lương: tín, nguyện, hành rồi, thời rất dễ cho ta đi trên con đường diện kiến đức Phật A Di Đà ở cõi Cực Lạc, bởi vì đó là nguyện lực của đức Phật A Di Đà. Trong mười phương thế giới, nếu có chúng sanh nào thành tâm niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, thời người đó lúc lâm chung sẽ được đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn về cõi Phật.



13. Học Phật là để hiểu rõ về tiến trình sanh tử, rồi sau đó chúng ta tu hành hầu giải thoát sanh tử. Chuyện sống chết nếu chưa hiểu rõ thì chúng ta làm việc gì cũng đâu có ý nghĩa. Cho nên quý vị là người học Phật, trước hết nên nhận rõ về vấn đề căn bản này. Quý vị phải hiểu rõ sống như thế nào, chết như thế nào, nên hiểu rõ nhiệm vụ làm người như thế nào. Nếu quý vị hiểu rõ những nhiệm vụ này rồi, tức là quý vị sẽ không hổ thẹn.



14. Vì lẽ gì mà tu hành? Tu hành để thành Phật. Thành Phật bằng cách nào? Bước đầu là “chẳng làm điều ác, nguyện làm các việc thiện”. Bước kế tiếp là “chuyên cần tu Giới Định Huệ, dập tắt tham sân si”. Tiến lên bước nữa “phát tâm Bồ đề, hành đạo Bồ-tát”. Vì các lẽ ấy, khi chưa thành Phật, người tu phải chọn con đường sáng sửa quang đặng mà đi. Chớ nên mưu đồ quanh co, tìm con đường tắt gập ghềnh, mà bị lạc hướng. Xin hãy lưu ý! Hãy cẩn thận.

15. Người ta ở đời phải giữ lấy Chánh tâm, đừng có mang tà tâm. Thế nào gọi là Chánh tâm? Đó là tâm Bồ-đề, tâm bình đẳng, tâm từ bi, tâm thương xót, tâm bố thí, tâm hổ thẹn. Thế nào là tà tâm? Đó là những tâm ích kỷ, tự lợi, đố kỵ, oán hận, kiêu ngạo, vọng tưởng. Chúng ta tu hành phải nhằm mục tiêu trừ khử vọng tâm và giữ lấy Chân tâm, đó cũng là nghĩa trừ tà tâm sanh Chánh tâm.

Phụ lục:

Những Lời Khai Thị Vàng Ngọc của Chư Tôn Đức dành riêng cho người xuất gia

Đại Sư Liên Trì khai thị (trích trong Đạo Đức Người Xuất Gia)


1. Có một vị Tăng hỏi: “Người xuất gia cần phải làm việc gì?” Tôi trả lời: “Làm đạo, cầu đạo.” Ông ta nói: “Cầu đạo căn bản nhất phải làm gì?” Tôi trả lời: “Đức hạnh.” Ông ta nói: “Ái chà! Ngài thực là cố chấp, người thượng căn lợi khí thì tu huệ mà vào đạo, kẻ hạ căn độn khí thì tu phước mà thôi, cho nên, người xuất gia chủ yếu phải cầu cho được trí tuệ, có trí tuệ thì đầy đủ tất cả, cần đức hạnh để mà làm gì?”

Tôi nói: “Người xưa từng nói, đức hạnh là điều căn bản làm người xử thế. Lại nói, người lập chí lớn, làm đại sự cần phải tự lượng khí chất và kiến thức của mình, hưởng chi diệu pháp Chánh Đẳng Giác của nhà Phật chí cao vô thượng, há người tùy tiện có thể tu hành thành tựu sao?”

Nếu tích chứa (cất giữ) sữa Sư Tử mà không dùng bình lọ làm bằng Lưu Ly thì đổ nát mất mà thôi; giống như tay nâng một chiếc đỉnh nặng vạn cân,



ngồi trên chiếc thuyền nhỏ, cơ hồ khó tránh khỏi bị lật ngã mà chết đắm.




Người xuất gia ngày nay, có chút ít thông minh, tài trí, thì đã chuyên học cách chú giải khảo cứu, giống như những thư sinh nhà nho dốc hết sức lực nghiên cứu điển tịch. Thông minh tài trí cao hơn một chút nữa thì thu thập một cách máy móc những thứ vụn vặt, tìm kiếm những lời dạy tùy cơ thuyết pháp của chư vị đại đức tổ sư từ xưa đến nay rồi lại cho là của mình, nắm bắt mấy thứ ấy chỉ là kiến thức cặn bã, lông da của Tổ Sư mà cứ cho là của mình có, quả là nắm gió bắt hình, không có thứ gì là thực cả, ngược lại còn bị người trí chê cười. Những người này nói chuyện, thuyết giảng mới nghe qua, câu câu đều phẳng phất giống như lời Phật, Tổ, những bậc cao minh, nhưng khảo sát lại hành vi của họ thì có khác chi những kẻ phạm phu tục tử. Thời kỳ mạt pháp, những hiện tượng bại hoại như vậy, thực tại rất là nhiều.

2. Tôi lo lắng những người tu hành rơi vào những tình cảnh nông nổi như vừa nói trên, cho nên sưu tập, ghi chép lại những thiện hạnh của người xưa, trích lục những phần trọng yếu, phân thành mười loại. Mười loại đó là gì? Viễn ly sự ô nhiễm của thế tục mới gọi là người xuất gia. Xuất gia, điều trước tiên phải nói đến đó là sự thanh cao, giản dị, cho nên, điều thiện hạnh thứ nhất là Thanh Tố (thanh cao và giản dị). Nhưng thanh cao mà

không nghiêm túc thì biến thành thành cái cao của kẻ cuồng sĩ. Người học Phật nhất định phải thâm nhiếp ba nghiệp thân, khẩu, ý mới có thể thành tựu, cho nên điều thiện hạnh thứ hai là Nghiêm chính. Hành vi nghiêm chính cần phải nương tựa lời dạy của thầy mới có thể nắm giữ không sai lầm, người thầy thực tại là mẫu mực mô phạm làm người, cho nên điều thiện hạnh thứ ba là Tôn sư. Có song thân sanh thành nuôi dưỡng ta, sau lớn khôn mới có thể tiếp nhận những lời dạy của thầy, cho nên, quên mất công ơn cha mẹ mà bất hiếu là vong bản! Và lại, giới hạnh, luật nghi tuy nhiều, nhưng điều quan trọng vẫn là hiếu thuận, vì vậy điều thiện hạnh thứ tư là Hiếu thân. Người trung thần bắt nguồn từ người con hiếu, đạo lý trung hiếu phải vẹn toàn, chỉ biết có tình thân không biết có ân quân chủ chính là hành vi tự tư tự lợi; trong sách có ghi: “một người có phúc, vạn dân đều nhờ”, có một bậc quân chủ đức độ nhiếp chính, thì quốc thái dân an, chúng ta mới có thể xuất gia học đạo, thanh nhàn tự tại đi khắp núi sông rừng suối, ân huệ của vua thực là lớn thay! Vì vậy, điều thiện hạnh thứ năm là Trung quân. Nhưng đạo trung quân là giao tiếp qua lại với những giới lãnh đạo, cấp trên, thiếu sự quan tâm đối với những người cấp dưới, ân huệ của họ đã bố thí cho chúng ta cũng là không đúng, nhất định cần phải đoái hoài đến những người bần cùng khổ khó, vì vậy, điều thiện hạnh thứ sáu là Từ vật. Từ và ái rất gần nhau, người xuất gia nếu





nảy sinh ái nhiễm thì là một chướng ngại lớn cho việc tu hành, vì vậy, điều thiện hạnh thứ bảy là Cao thượng. Nhưng cao thượng không phải là cô phương tự phụ, xa rời chúng sanh, một mặt là kỳ vọng người tu hành trước siêng năng trau dồi bản thân, công phu cao sâu rồi tự nhiên ánh sáng tài học, đức hạnh tỏa ra bốn phương, cho nên, điều thiện hạnh thứ tám là Trì trọng (làm việc giữ gìn cẩn thận). Là cẩn thận mà ẩn cư, thanh nhàn vô sự chẳng qua cũng là việc bất đắc dĩ, cho nên điều thiện hạnh thứ chín là Gian khổ. Có người sợ lao nhọc mà vô công, đó không phải gian khổ trác tuyệt, đạo tâm đã thoái lui, kỳ thực nhân quả cảm ứng là một sợi lông mảy bụi không sai, vì vậy điều thiện hạnh thứ mười là Cảm ứng.

Mười điều thiện hạnh trên đã tu tập đầy đủ rồi, đức hạnh mới hoàn thiện, mới là nhân tài kham nhận tu tập Phật pháp, giống như một khi đất đai đã được cải thiện, phì nhiêu mầu mỡ, sau đó có thể trồng cây được tươi tốt; đất tâm một khi đã tinh thuần rồi, sau mới thọ trì, tin hiểu những lời dạy đến lẽ xác thực, đạo lớn Bồ đề chí cao vô thượng mới có thể kỳ vọng thành tựu. Nếu không như lời trên đây thì chỉ là một phường phàm phu bỉ lậu mà thôi!

Đạo làm người mà không làm được thì làm sao có thể học làm Phật? Dù thấy là người lợi căn lợi khí, rất mực tài trí thông minh đi nữa, chỉ có hại

mà thôi. Trí lực càng cao chướng ngại càng lớn, thì tu hành càng khó thành tựu, người không có đức hạnh làm sao có thể làm người xuất gia tu hành?!”

3. Người xuất gia cần phải chú ý! Lên cao phải tự biết mình nhỏ bé, chớ nên tự đại, không nên vọng nói Bát nhã, lạm giải tánh không, tự tìm lấy tai họa. Ngàn vạn lần không nên say đắm nơi một chút danh lợi, hư vinh. Tốt hơn hết là tu dưỡng phẩm chất đạo đức của mình, dốc hết tấm lòng, tinh thần, sức lực học đạo, một phen sống chết, lâu ngày tự nhiên tâm khai ngộ đạt, sau đó mới có khả năng thể hội chân chính, không bỏ vạn hạnh nhưng cũng không bị nhiễm trần; suốt ngày không chấp Không, nhưng cũng không chấp Có, đó chính là con Đường Trung Đạo, Đệ Nhất Nghĩa Đế, Chân Không Diệu Hữu. Đây mới chính là trí tuệ chân chính của nhà Phật! Chỉ nguyện xin người xuất gia hãy một lần để tâm tham cứu.

4. Tôi nhớ: Thời nhà Tống (420-479), tại Hồng Châu Vân Cư, Thiền sư Hoằng Giác Đạo Ứng huấn giới đồ chúng rằng: “Các ông đều đã là người xuất gia, giống như những phạm tử trong ngục thất được phóng thích ra, từ đây trở đi phải hướng đến đạo lớn liễu sanh thoát tử, xa hẳn trăm luân vạn kiếp, đây là vận may của các ông, nhân đây, phải chế ngự dục vọng, thường sống tri túc, không nên tham cầu những hư vinh thế tục, phải nên nhẫn chịu đói khát, lập chí học đạo, tu tập pháp vô vi, chơn như tịch chiếu, siêng năng



nghe, giữ Phật pháp, hun đúc tài năng, phẩm hạnh tốt dần lên, thực khó có thể quý hơn, tu hành Phật pháp phải chín lần chết một lần sống, vào nơi nước sôi lửa bỏng, cũng không một khắc vút bỏ”.

5. Đời nhà Tống (420-479), ở Đông Kinh, có Thiền sư Từ Thọ Huệ Lâm Hoài Thâm.

Có một hôm, sau khi đốt hương tham thiền, diễn ra một cuộc tham vấn nhỏ, Sư khai thị đồ chúng:

“Quý thầy hãy ngàn vạn lần quên đi danh và lợi, lấy sự đạu bạc làm vui, tâm danh lợi thế gian giảm thiểu rồi, hướng ý nghĩ về đạo thanh tịnh tự nhiên phát sinh thêm lớn. Giống như Hòa thượng Biển Đàm Sơn, một đời nhật trái rừng ăn cho đỡ đói. Đại sư Vĩnh Gia không ăn rau cải trồng bằng sự cày cuốc, bởi vì cày cuốc sợ thương hại đến những sinh vật nhỏ bé ở dưới đất bùn, và kính trọng sự lao khổ cực nhọc của người nông phu đã bỏ giọt mồ hôi xuống đất cấy cày hạt gạo; bậc cao Tăng như Hòa thượng Huệ Hưu, 30 năm chỉ mang một đôi giày, lúc đi đường đất không sỏi đá gai góc thì quai dép lên vai mà đi chân. Các thầy ngày nay cơm áo không thiếu, mỗi thứ hưởng thụ đầy đủ, chưa đói đã ăn, chưa lạnh đã thêm áo, thân thể chưa một hạt bụi bẩn đã tắm gội, chưa đến giờ ngủ đã ngủ, còn như con đường sanh tử thì chưa nắm được rõ ràng, tâm cảnh ô nhiễm chưa rửa sạch, nghiệp chướng chưa đoạn, thì dù phước báo như trên đã kể sao dám hưởng thụ?”



6. Hóa duyên trái pháp

Trong những thanh quy của Tăng đoàn chùa Vân Khê, có một điều như vậy: “Người đi quỳn tiền, hóa duyên trái lễ, trục xuất khỏi sơn môn”.

Có một thầy nói:


“Không cần phải cấm điều này, cấm thì cơ hội gieo trồng phước điền của chúng sanh sẽ giảm ít đi. Bởi vì, tuy người phạm tội hóa duyên trái lễ, vi phạm nhân quả, nhưng có thể làm cho chúng sanh phá bỏ được tánh xan tham, xả bỏ tài vật thì cũng được lợi ích và công đức. Ngày xưa, khi Phật còn tại thế, người xuất gia mượn danh nghĩa của Phật để mưu sinh đúc Phật đã bao giờ vì những người này chế một điều cấm chưa?”.

Tôi trả lời:

“Lời nói của thầy cố nhiên không sai, phát tâm tốt, nhưng thầy chỉ biết có một mà không biết có hai. Hóa duyên trái lễ, cái nhân giả dối thì quả mờ昧, người bố thí biết được, vì đây mà thoái mất đạo tâm, về sau không bố thí nữa, sao có thể khiến người ta phá xan tham được? Lúc Phật còn tại thế, có các đệ tử đi du hóa ở các phương xa trở về, đi qua một thôn lạc, người dân ở trong vùng ấy thấy các thầy Tỷ-kheo này từ xa vội vàng đóng cửa lại hết. Các thầy mới hỏi một số người gần đó vì sao lại có tình trạng sợ hãi các thầy sa môn đến vậy, người ta trả lời nguyên do



là vì người ta sợ các thầy hóa duyên trái lẽ! Trước đây có các thầy Tỷ-kheo xấu đi hóa duyên trái lẽ, cho nên họ sợ quý thầy ở đây cũng giống như vậy. Sự việc xảy ra như vậy quý thầy sau khi trở về bẩm báo với đức Phật, đức Phật nghe rồi cho gọi các thầy Tỷ-kheo hóa duyên trái lẽ đến trách mắng, vì sao có thể nói đối với việc này Phật không lập giới cấm!? Phải thận trọng, đừng đi hóa duyên trái lẽ”.



7. Chư vị đại đức thuở xưa có nói: “Người tốt nhất chính là người xuất gia”; trong dân gian cũng có lưu truyền một câu như thế này: “Một người con xuất gia chín dòng được sanh thiên”. Những câu nói như vậy đều là tán thán, khen ngợi người xuất gia, nhưng chưa nói xác định rõ ràng chỗ lợi ích của người xuất gia. Suy cho cùng thì lợi ích của người xuất gia là ở chỗ nào? Thực khó nói, người xuất gia không cần phải cấy cày, không đi dệt vải mà vẫn có cơm ăn, có áo mặc, đó là lợi ích của người xuất gia sao? Hoặc giả nói, không cần phải mua nhà, không cần phải thuê phòng, nhưng vẫn có chỗ cư trú, đó là lợi ích của người xuất gia? Hoặc nói, quốc vương đại thần ủng hộ, tín đồ thí chủ cung kính, trên không bị quan lại bắt đi lính, dưới không bị thứ dân quấy nhiễu mà lại được tự nhiên vui vẻ, thanh nhàn, phóng khoáng, đó là lợi ích của người xuất gia?

Người xưa có bài kệ nói vậy:

“Hạt gạo của thí chủ

Lớn tựa núi Tu di

Nếu đạo lớn không thành


Mang lòng đội sừng trâu.”

Lại nói: “Một ngày kia Diêm Vương tính toán cơm tiền với anh, xem anh lấy gì bồi thường?”. Xem đây đủ thấy, người xuất gia, trái lại nắp kín bên trong một cây đại tai họa, lại còn nói là lợi ích sao? Cái gọi là lợi ích của xuất gia chính là có thể thoát được phiền não, dập tắt vô minh, chứng được vô sanh pháp nhẫn, liễu thoát sanh tử, đây mới là việc làm tối thắng, cao quý hơn hết, trong loài trời, người, hơn nữa, cha mẹ dòng họ cũng có thể nhờ đây mà ân triêm đức hạnh. Nếu không như lời này, dù có giàu có đến thiên vàng vạn bạc, cho đến được vinh hiển làm quốc sư cho bảy đời hoàng đế đi nữa (như Thanh Lương quốc sư) cũng chẳng có lợi ích gì để nói! Thực tại tôi rất lo sợ vạn phần, sợ phạm vào lỗi lầm lớn này, đồng thời nói với các bạn đồng tu cùng nhau cảnh giác, lo sợ mà tu.

8. Thế tục có ngôn ngữ: “Người đời không nên thấy lỗi lầm của người xuất gia, thấy hoặc nói sẽ có tội”. Nhưng Khổng Phu Tử là thánh nhân, ông còn vui mừng khi người khác biết lỗi lầm của ông, chỉ trích ông. Tử Lộ là một người hiền, cũng vui mừng khi người khác nói lỗi lầm của ông. Là người xuất gia



lại sợ người khác biết lỗi lầm của mình mà không muốn nghe hay sao? Cần biết rằng, không nên chỉ thấy một mặt lỗi lầm của người xuất gia, đây là đối với người tại gia mà nói. Người xuất gia dựa vào câu nói này làm bằng làm bậy không một chút sợ sệt. Như vậy, câu nói này trở thành lương được của người tại gia mà độc được của người xuất gia, thực đáng buồn thay.



9. Người xưa có nói một câu: “Muốn giàu có tiền bạc cho mình, muốn làm lớn mạnh thế lực cho mình tất phải hao tổn tinh thần của mình; muốn làm lớn mạnh danh vọng của mình có thể sẽ tạo thành họa sát thân mình!”

10. Người xuất gia đời này giữ giới tu phước, nếu như chưa minh tâm kiến tánh, nguyện lực lại nhỏ bé, mong manh, lại không cầu sanh Tịnh độ, người này kiếp sau sẽ được quả báo giàu sang phú quý rất nhiều. Nhưng cũng có nhiều người bị phú quý vinh hoa mê hoặc, thậm chí tạo nghiệp ác, đọa lạc trong ba cõi. Có một vị Hòa thượng xưa tay không tin những lời tôi nói. Thấy vậy, tôi nói tiếp, khỏi phải bàn luận đến kiếp sau, trước mắt tôi đã thấy có một người xuất gia, sống ở trong một am tranh, phía Bắc dãy Phong Sơn, kiên trì tu tập, tinh tấn, gian khổ mười năm. Sau đó, thiện nam tín nữ biết được, rất ngưỡng mộ, tôn sùng, giúp ông ta xây dựng một tịnh xá riêng bên ngoài, mời ông ta đến ở đó, cúng dường lâu ngày, cuối cùng, ông ta bị chìm đắm trong danh

văn lợi dưỡng, một chút đạo hạnh tu tập khổ cực trước đây cũng hoàn toàn tiêu rụi, hiện đời đã thấy rõ ràng cần gì phải nói đến kiếp sau? Vị Hòa thượng kia hỏi tôi nói vị Tăng đó là người nào? Tôi trả lời: “Chính là lão huynh đấy chứ ai!”. Lão Hòa thượng nghe xong im lặng không nói năng gì.

Có người xuất gia nhìn thấy người ta phú quý hiển đạt, sanh tâm ước ao, thèm muốn, hy vọng có thể được như họ; cũng có người xuất gia xem thấy người ta hiển đạt, phú quý sinh tâm chán ghét, dường như không đếm xỉa đến. Cả hai hạng người xuất gia này đều không đúng. Vì sao? Bởi vì bạn chỉ biết ước ao giống như người ta mà không biết rằng kiếp trước người ta là người xuất gia tu hành khổ hạnh, làm phước giống như bạn bây giờ, việc gì phải ước ao!?. Và, bạn chỉ biết chán ghét người ta, mà không biết rằng sự tu tập khổ hạnh của bạn bây giờ, quả báo đời sau sẽ được làm quan, có địa vị danh lợi như người ta! Thế thì vì sao phải chán ghét? Nếu như chưa thoát ly được sanh tử thì vẫn còn trao đổi, luân hồi hỗ tương cho nhau, giống như đào giếng thì có nước. Nghĩ đến sự sống chết không dừng này, có thể không khiến cho lòng ớn lạnh sao? Vì vậy, phải nhất tâm hướng thượng, dũng mãnh tinh tấn tu hành, không để một phút một giây lãng phí, ra khỏi tam giới, liễu thoát sanh tử, đâu có rãnh công phu để đi mơ ước hay chán ghét người ta?



Hòa Thượng Tuyên Hóa khai thị

1. Nếu quý vị có thể không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, và không nói dối, thì đó chính là Chánh Pháp đang trụ thế vậy.

2. Nếu quý vị không buông xả được ái dục, thì dầu cho quý vị xuất gia tám vạn bốn ngàn đại kiếp, quý vị cũng chỉ phí thời gian trong Đạo Phật và tạo nghiệp chướng với mỗi bữa ăn mình thọ dụng.

3. Phật Pháp chưa diệt, Tăng tự diệt,

Đạo đức cần tu, chẳng ai tu,

Thành thực chân chánh, bị chế giễu,

Gian ngoa xảo trá, được tán dương.

Thế giới Ngũ Trược hiểm thanh tịnh,

Chúng sanh say Ba Độc chẳng tỉnh,

Ân cần nhẫn nhục Tăng Ni trẻ:

Chấn hưng Phật giáo cày Tỳ Kheo

4. Người xuất gia dù ở bất cứ đâu cũng đều phải giữ vững Giới Luật. Khi chưa dứt được sanh tử, chưa đoạn được tâm dâm dục, thì chúng ta không lúc nào được biếng nhác, buông lung, phóng túng. Đức Phổ Hiền Bồ Tát dạy rằng:



“Một ngày đã hết, mạng cũng giảm dần,

Như cá cạn nước, thử hỏi vui gì?

Đại chúng! Hãy siêng tinh tấn, như cứu đầu cháy,

Nên nhớ Vô thường, chớ mặc buông lung!”

5. Người xuất gia chúng ta phải biết quý trọng từng giây từng phút. Hãy nhớ rằng:

Một tắc thời gian: một tắc vàng,

Tắc vàng khó chuộc tắc thời gian.


Thời gian quý báu như thế, cho nên chúng ta không được lãng phí. Mỗi người đều phải dụng công tu hành, phải tinh tấn hơn nữa, thì mới mong có được sự thành tựu. Phàm là kẻ dụng công tu hành thì không có thời giờ để nói chuyện thị phi, chẳng có thời giờ để làm những việc lãng xãng, làm gián đoạn sự tu hành. Về điểm này, tôi hy vọng mọi người hãy chú ý.

Khi tôi thấy những người không chịu tu hành thì tôi cảm thấy vô cùng đau xót. Như thế chẳng phải rằng họ đã không thực hành thệ nguyện mà họ đã lập lúc ban đầu, khi mới xuất gia tu hành hay sao? Những kẻ xuất gia mà “tâm nghĩ một đằng, miệng nói một nẻo” thì có xứng đáng là Tăng Bảo hay không? Tôi mong rằng các vị đều biết tự trọng.

6. Trong nghiệp sinh tử, tình ái và dục vọng là



gốc chướng Đạo. Là người tu Đạo, bất luận đối với người hoặc đồ vật, nếu sinh ra lòng ái dục thì sẽ chướng ngại sự tu hành, làm mình không phát triển được. Nói một cách rõ ràng hơn, ái dục là sinh tử, sinh tử chính là ái dục. Ái dục là nguồn gốc của sinh tử. Nếu không phá vỡ tình ái dục vọng vô minh, thì mình sẽ không thể ra khỏi biển lớn sinh tử. Làm sao để thoát sinh tử? Rất giản dị, chỉ cần “đoạn dục khử ái,” nghĩa là dứt dục vọng, trừ ái tình, chẳng cách nào khác hơn.



Người tu Đạo đừng nên suy nghĩ về tình ái dâm dục, càng không nên có hành vi yêu đương. Đối với bất cứ người nào, không nên sinh lòng yêu đương; hễ có lòng yêu đương thì gốc khổ không thể tránh được; vì có lòng yêu đương thì khó thoát vòng sinh tử.

7. Sự tai hại nhất trên đời là ái tình sâu đậm.

Việc cao thượng nhất là tu đạo thanh tịnh.

8. Người xuất gia nhất định phải có một nền tảng tu hành cho vững vàng. Nền tảng vững vàng là gì? Tức là nghiêm thủ giới luật. Người xuất gia phải cần học thuộc lòng “Tứ Phần Luật” tức là Luật Sa-di, Luật Tỳ-kheo, Luật Tỳ-kheo-ni, Kinh Phạm Võng, v.v... rồi nghiên cứu tường tận, thì mới đủ tư cách làm người xuất gia.

Nếu nền tảng không vững vàng, suốt ngày hết nghĩ đến tiền bạc lại nghĩ đến sắc dục thì “thân tuy xuất

gia, nhưng tâm không nhập đạo.” Như thế thì xa cách đạo trăm ngàn dặm. Những người xuất gia nầy ở trong Phật-giáo làm chuyện bại hoại, không thể thừa nhận họ là người xuất gia đặng.

Người xuất gia không được đi phan duyên cái nầy, đi phan duyên cái khác, cũng không được đơn độc đi ở một ngôi chùa nhỏ, kêu cư sĩ lại hộ pháp. Đơn độc tiếp thọ đồ cúng dường, hành vi như vậy không hợp với quy luật của đức Phật chế định. Nếu như mình có những hành vi nầy, thì phải mau mau sửa đổi, bởi vì:

Thí chủ nhất lạp mễ, trọng nhược Tu Di Sơn.

Thực liễu bất tu Đạo, bì mao đái giác hoàn.

Nghĩa là:

Hạt gạo thí chủ cho, nặng bằng núi Tu Di.

Ăn xong chẳng tu Đạo, đeo sừng, đội lông trá.

9. Mục đích xuất gia là liễu sinh thoát tử, không phải vì hưởng thụ. Nên khi đã đi tu rồi cần gì tham lam vật chất hưởng thụ? Có lòng tham hưởng thụ thì cần gì xuất gia? Tôi chủ trương rằng bất luận ai muốn đơn độc trụ một ngôi chùa nhỏ để tìm cách hưởng thụ, thì chi bằng hoàn tục cho rồi. Bởi vì sao? Bởi vì hoàn tục so với đơn độc trụ một chùa nhỏ tốt hơn nhiều, không tạo nên những tội nghiệp vừa kể. Điểm đó hy vọng quý-vị đại chúng chú ý.

10. “Phàm là người xuất gia thích hưởng thụ, không



có sự tu trì, thì bất quá chỉ đội lốt thầy tu thôi.” Hy vọng các đạo hữu khuyến khích lẫn nhau, nhắc nhở lẫn nhau, đừng cố tình nói dối, đừng làm chuyện như “Bị tai mà ăn cắp chuông.” Lấy vải thừa che mắt thánh.

11. Khi đã xuất gia lại không chân chính tu hành thì thực là cô phụ tấm lòng của chư Phật, chư Bồ Tát và các Tổ Sư! Nếu một ngày mà lòng tham không trừ, lòng tranh không dẹp, lòng cầu danh lợi chẳng phá bỏ, lòng ích kỷ tự lợi cứ tăng trưởng, thì còn mặt mũi nào đối diện với Phật, với cha mẹ, tổ tiên được? Đừng nên nghĩ tới thân mình, mà phải vì kẻ khác. Phải tinh tấn tu hành; đừng uổng phí thời giờ. Con quỷ Vô thường không biết chừng nào lại; khi nó tới thì dù mình muốn sống thêm vài ngày cũng không xong:

“Mạc đãi lão lai phương học Đạo,

Cô phần đô thị thiếu niên nhân.”

Dịch là:

“Đừng chờ già lão mới chịu tu,

Mộ phần đầy dẫy bọn trẻ măng.”

12. Hiện tại chúng ta theo Pháp Phật tu hành nên có rất nhiều người không đồng ý, cho rằng quá sức khổ, lại chịu thiệt thòi quá lớn đi. Những kẻ đó không phát lòng chân thành, không sinh nguyện



chân thực. Nhiều vị xuất gia rồi thì chỉ biết ăn rồi chờ chết, không lý hội được vấn đề sinh tử của mình, rồi hết sức tùy tiện bê bối mặc cho ngày tháng trôi qua, khi con quý Vô thường tới thì không có chỗ nào để bám víu cả, sống hay chết đều chẳng được tự do.

Những người xuất gia như vậy thực lãng phí thời gian. Đừng nên nghĩ rằng mình theo Phật giáo thì tha hồ tùy tiện tạo nghiệp. Nếu nghĩ vậy thì mình là những kẻ tội nhân.


13. Người xuất gia cần phải hộ trì Chánh Pháp, hành trì Chánh Pháp, lúc nào cũng phải theo khuôn khổ nề nếp, không nên phạm giới, dù hết sức nhỏ. Nếu mình không cẩn thận thì rất dễ tạo nghiệp; cho nên nói: “Địa ngục môn tiền Tăng Đạo đa.” (Cửa địa ngục đầy áp kẻ tu hành.)

Người xuất gia nếu không giữ giới luật, theo quy củ, thì nhất định sẽ đọa địa ngục, chẳng có ngoại lệ gì đâu! Bởi vì mình đã biết rõ mà còn cố phạm thì tội tăng gấp ba lần người thường. Đây không phải là chuyện nói đùa đâu; đừng nghĩ rằng Phật, Bồ Tát không thấy chuyện mình làm, rồi mình muốn làm gì thì làm. Trong lòng các vị nghĩ chuyện gì thì trời đều biết cả, hà huống là Phật và Bồ Tát! Đừng cho rằng Phật và Bồ Tát không có mắt rồi mình mặc tình làm loạn, làm càn. Đó giống như là “yếm nhĩ đạo linh,” bịt tai đánh chuông ăn cắp rồi chạy



trốn mà cứ tưởng người khác không nghe. Thực là tự mình lừa dối chính mình, sau cùng sẽ chịu quả báo, lúc đó có hối hận thì đã muộn.

14. Xuất gia đều là tự ý, không phải bắt buộc. Nếu họ không muốn thì cũng không ai ép buộc họ cả, bởi vì ép buộc không phải là Pháp cứu cánh; cho nên nói: Cường trịch chi qua bất đắc. (Dưa mà hái một cách miễn cưỡng thì không ngọt.)



Nếu người không tự ý xuất gia thì dù bạn có cho họ đi tu cuối cùng họ cũng hoàn tục. Có kẻ chân chính muốn xuất gia, nhưng sau thời gian lâu dài còn thoái tâm hoàn tục, huống gì kẻ không thực tâm đi tu. Đó là những trường hợp có thể xảy ra.

Xuất gia là chuyện quang minh lỗi lạc, là việc của bậc đại trượng phu, không phải chuyện của kẻ đạo tặc, hèn hạ nhỏ mọn hay việc làm của kẻ tiểu nhân. Làm người xuất gia thì phải rõ bốn phận của người xuất gia, nhận thức rõ ràng địa vị và tông chỉ kẻ tu hành, đừng a dua với đám đông giống như kẻ thế tục vậy. Đừng có người ta nói dạ thì mình dạ, người ta nói đi thì mình đi, tự mình không có tông chỉ, không nhận thức rõ ràng.

15. Người xuất gia ăn đồ càng dở càng tốt, không có dinh dưỡng thì lại càng tốt nữa. Thế nên đối với vấn đề ăn uống đừng có quá coi trọng. Ăn là để duy trì mạng sống mà hành Đạo; không cần phải có quá nhiều chất dinh dưỡng nhưng cũng không ăn

những đồ hư hoại, khiến cho cơ thể sinh bệnh; đó là thực hành Trung Đạo.

16. Học Phật Pháp tức là vì mình mà học, không phải là vì Sư Phụ hay là vì người khác mà học. Các vị hãy ghi nhớ, đừng để cho thời gian trôi qua vô ích, rồi sau đó có hối tiếc thì đã trễ.

17. Sau khi xuất gia rồi, nếu còn cầu danh, cầu lợi thì đó là chuyện thực chẳng ra gì. Chúng ta khi đã xuất gia thì phải nhận chân tu hành một cách thiết thực, phải tài bồi cái gốc phước huệ của mình. Tu phước thì phải làm lợi ích người khác, tu huệ thì phải nghiên cứu kinh điển. Thường làm chuyện lợi ích thì mới sinh được phước đức.

18. Người tu Đạo cần có cơ sở, nền móng cho vững chắc. Muốn liễu sanh tử thì phải có công phu. Công phu tức là gì? Tức là cách vật, chánh tâm, thành ý, tu thân.


Muốn chánh tâm trước hết phải hiểu cách vật. Thế nào gọi là cách vật? Cách vật là trừ tự kỷ dục vọng; bỏ đi lòng tư dục, bỏ đi tạp niệm, bỏ đi lòng ham muốn vật chất. Vật dục thì bao quát tiền tài, sắc dục, ăn uống, ngủ nghỉ, những thứ đó mình phải cần diệt trừ tụyệt, sau đó mới chánh tâm.

Chánh tâm tức là không ích kỷ; có tâm ích kỷ thì tâm mình không chánh được. Thành ý tức là mình luôn như vậy; mình tin Phật thì tin hoài, tin vĩnh viễn; đem tâm chân thực ra tin tưởng, đem tâm hết



sức kiên định ra mà tin tưởng, không chút hồ nghi, sợ sẽ chịu thiệt thòi, thua lỗ.

Tu thân nghĩa là chuyện gì hại đến thân thì mình không làm. Lúc nào cũng phải cẩn thận, giữ gìn, bởi: Thân thể, phát, phu, thọ chi phụ mẫu, Bất cảm hủy thương, Hiếu chi thủy dã. (Thân thể, tóc, da là từ cha mẹ mà ra, do vậy không dám hủy hoại, thương tổn. Đó chính là khởi đầu của đạo hiếu vậy.



19. Tu hành thì phải có công phu “nội Thánh, ngoại Vương” (trong lòng như bậc thánh, bên ngoài biểu hiện như bậc vua). Nội Thánh tức là cách vật, chính tâm, thành ý. Tu thân là công tác của ngoại Vương, tức là phải lập công: Cần lao công khổ tác, Bất phạ hoạt kế đa. (Cần cù, lao khổ làm đủ chuyện, Không sợ ít hay nhiều.) Chuyện gì mình cũng làm cả; không thể nói rằng: “Tôi phải ngồi Thiền hàng ngày mới là tu hành, tôi không muốn làm chuyện khác”; bởi kẻ biết tu thì trong lúc động cũng tu hành được!

Tu hành nghĩa là tâm lúc nào cũng bình tịnh, không phiền não, không vô minh, không cống cao ngã mạn, không ganh tị, chướng ngại. Những lỗi lầm trên không trừ, thì dù có ngồi Thiền tám vạn đại kiếp, tánh nóng giận, ganh tị, chướng ngại cũng còn trở trở và cũng không thể tu thành công được. Cho nên tu hành cần phải chân chính trừ bỏ tập khí lỗi lầm, kiểm điểm bản thân; đó mới là thái độ của người dụng công.

20. Người tu Đạo hằng ngày phải phấn chấn nỗ lực;

tinh tấn tức là tu hành! Căn bệnh lớn nhất khi tu là tâm nổi lên phiền não. Nếu không có phiền não thì mình sẽ tự tại, giải thoát, thì mình chính là kẻ đại tu hành. Quan trọng nhất là bất cứ ở trong tình trạng nào, mình cũng phải hết sức định tĩnh, không sinh phiền não; đó là chỗ đắc lực của sự tu hành. Không sinh phiền não thì chân chánh trí huệ mới xuất hiện được.

21. Nếu không kiểm soát bản thân thì người xuất gia thực không có oai nghi; sở học đều là giả. Cho nên người quân tử thì không cầu thả, cười đùa bốn cợt, không khinh cử vọng động. Người tu Đạo cần phải vượt trên người quân tử. Người học Phật thì ngày nào cũng tu như vậy, không thể có một chút lười biếng, an phận.

22. Mỗi người đều có nhân quả báo ứng của riêng mình. Hễ tạo nghiệp gì thì chịu quả báo đó. Không những chỉ có loài người là phải chịu quả báo mà tất cả chúng sanh cũng vậy; tạo nghiệp từ xưa, ngày nay gặt quả. Điều đó không dễ hiểu đâu. Ví như bị đọa làm súc sinh hoặc ở nơi ác đạo thì rất khó khôi phục lại thân người; nên nói rằng:

Nhất thất nhân thân,

Vạn kiếp nan phục.

Nghĩa là:

Thân người mất rồi,

Vạn kiếp khó tìm.



23. Kẻ tu hành không được đi rao bán, quảng cáo hay tuyên truyền sự nghiệp tu hành của bản thân. Khi rao bán, quảng cáo chuyện tu của mình thì có thể bị ma quỷ phá rối!

Hôm nay tôi muốn nói với các vị một phương pháp tu hành chơn thực. Bí quyết của sự tu hành gồm có ba chữ:

a. Chân: nghĩa là không hư ngụy, không giả trá; làm chuyện gì cũng hết sức chơn thực.

b. Thành: nghĩa là thành tâm, hết sức cung kính, hết sức thành khẩn, không lười biếng giải đãi, không làm qua loa lấy lệ.

c. Hằng: nghĩa là luôn luôn kiên định, hằng thường bất biến, không thay đổi.

Phàm mỗi hành động, mỗi lời nói đều phải có tâm chân, thành, hằng. Làm việc gì mình cũng có ba cái tâm đó thì tương lai nhất định sẽ thành tựu.

24. Nếu bản thân là kẻ xuất gia thì mình phải quyết tâm giữ gìn cái tông chỉ là dù gặp hoạn nạn khó khăn tới đâu cũng không bao giờ thay đổi lập trường. Mặc ai tới phá hoại, mình đừng để bị dao động. Chỉ cần nhận thức rõ ràng việc mình làm, con đường mình đi là quang minh chính đại, rồi cứ dũng mãnh mà tiến bước.

25. Ở thời đại này, người xuất gia nhất định cần phải xuất chúng, đặc biệt siêu việt, có bối cảnh giáo dục




ưu tú, thì mới có thể trở thành bậc Pháp Khí được. Nếu là kẻ không rành chữ nghĩa, cả ngày chỉ biết đi tìm cách móc nối, thủ đoạn, xin xỏ, lợi dụng; hoặc là kẻ giả làm sư để kiếm ăn qua ngày, hoặc chỉ làm những chuyện hoàn toàn không cao thượng, không thanh tịnh, chuyên môn phá giới, thì kẻ đó chỉ làm ô nhục của Phật mà thôi, làm sao khiến cho Phật giáo ngày càng xán lạn được? Làm sao khiến cho người ta sinh lòng cung kính Tam Bảo được?

26. Tôi không thu nhận đồ đệ một cách cầu thả. Trước khi thu nhận ai, tôi hết sức cẩn thận, cho họ trải qua một thời gian dài để quan sát tư tưởng, ngôn hạnh của họ như thế nào rồi mới thu nhận, thể phát cho xuất gia. Song ở thời Mạt Pháp này, tà ma lộng hành nên tôi chẳng thể không sửa đổi cho triệt để và tích cực đề cao phẩm cách đạo đức và học vấn của người xuất gia. Phàm là kẻ theo tôi xuất gia thì cần phải “đầu đội trời, chân đạp đất,” văn võ toàn tài, là long tượng trong cửa Phật. Thậm chí nếu lấy con mắt tục mà nhìn, thì phải là bậc nhân tài trác tuyệt, phi phàm. Những kẻ theo tôi xuất gia đã lâu cũng cần học thuộc Kinh Lăng Nghiêm và phải có thể sẵn sàng giảng giải nếu cần. Như vậy thì mới thực sự đảm nhận trách nhiệm hoằng dương Chánh Pháp, tiếp nối sứ mệnh của Phật, và cũng không uổng phí sự nghiệp xuất gia của mình!

27. Nếu muốn đừng bị cảnh giới làm dao động thì đầu tiên mình phải trì giới. Giới là căn bản của tất



cả các Định; Định là căn bản của Trí Huệ; Huệ là căn bản để thành Phật. Nếu muốn thành Phật thì nhất định phải tu Giới, Định, Huệ. Tu mà không tương hợp với Giới, Định, Huệ tức là mình tìm cầu pháp ở bên ngoài tâm, tức là đã “hướng ngoại truy cầu”! Khi có Giới lực thì mình sẽ đắc Định lực; có định lực thì mình sẽ có Huệ lực, vì chúng là tương sinh. Giới sinh Định, Định phát Huệ, Huệ thành Phật; thiếu một thì chẳng thành được.



28. Câu “nhân địa bất chân, quả thọ khổ” này rất có ý nghĩa; bởi vì bất luận chuyện gì ta làm, hãy làm chân thực. Nếu không chân thực, chuyên dùng thủ đoạn mảnh khóc lừa bịp kẻ khác, thì cũng như bịt tai mà ăn cắp chuông, tự mình lừa mình thôi!

Vô luận là người xuất gia Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni hay tại gia Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, hoặc Lạt Ma, bất luận làm gì nếu có tâm lừa người thì tương lai nhất định sẽ rớt xuống địa ngục. Ở đời mà không chân thực thì sẽ chiêu cảm quả báo quanh co, rắc rối, tương lai sẽ chịu đủ điều khổ.

Ở bất cứ đâu, trong mọi thời khắc, ta phải chú ý đến nhân, quả. Đừng làm điều sai trái với luật nhân quả. Nếu ta biết rõ luật lệ mà còn cố phạm thì nhất định sẽ thọ lãnh quả báo rất nghiêm trọng. Cho nên các vị phải để ý, đừng làm chuyện sai trái với nhân, quả!

29. “Phật giáo đồ nhược bất trì giới tức Mạt Pháp”;

nghĩa là nếu tín đồ Phật giáo không trì giới thì tức là Mạt Pháp.

“Phật giáo đồ” có nghĩa là Tăng sĩ hay người xuất gia. Phật giảng Pháp, Tăng theo Pháp tu hành rồi truyền cho người khác. Tăng nhất định phải trì Giới, không trì Giới thì đó là Mạt Pháp; nên nói: “Nếu Phật giáo đồ không trì giới tức là Mạt Pháp.”

Pháp nhờ vào Tăng mà truyền đạt, song phải cần lấy Giới làm gốc; Giới là nền tảng để thành Phật. Nền tảng này cũng giống như cái móng khi xây nhà. Bây giờ ta xây móng để dựng nhà Phật Pháp, thì chắc chắn phải lấy trì Giới làm bước khởi đầu.


30. Kẻ xuất gia tu Đạo cần phải phát nguyện. Phát nguyện là để tinh tấn tu hành. Phát nguyện là để cảnh giác chính mình, sửa đổi điều ác mà làm điều thiện. Tu Đạo mà không phát nguyện thì cũng như là hoa nở mà không kết trái vậy, đó là điều không thể được.

Nếu đã phát nguyện rồi tốt nhất cần phải hàng ngày lặp lại, nói qua một lần nữa, bởi vì “ôn cố nhi tri tân”! Phải nhớ được nguyện mình từng phát là nguyện gì, mình cần phải làm điều gì, thì lúc đó nguyện mình đã phát mới không phải là lời hứa suông. Mình mới không tự lừa mình mà dối người, đồng thời không phải phát nguyện rồi quên mất đi.

Phát nguyện cần phải thành tâm, thành ý, không thể có hành vi dối trá hoặc tham cầu hư danh được.



Đó là điểm mà tôi hy vọng các vị chú ý. Phật A Di Đà do phát 48 đại nguyện nên mới thành tựu được Thế giới Cực Lạc và nhiếp thọ được tất cả chúng sinh ly khổ đặc lạc, liễu sinh thoát tử. Chúng ta cần phải y theo Ngài và chú Phật cùng Bồ Tát trong quá khứ, mà mau mau phát nguyện. Có phát nguyện thì mới có thể thành được Phật quả.



31. Người học Phật nhất định phải nhận thức rõ ràng định luật nhân quả báo ứng; không thể tùy tiện tạo ác nghiệp, trồng ác nhân, cũng không được làm sai đạo lý nhân quả. Vì thế phải mười phần cẩn thận, nếu chờ đến lúc thọ quả báo thì hối hận đã muộn rồi.

32. Các vị phải hết sức chân thực mà tu hành, không được tự quảng cáo cho mình, muốn người ta phải ngưỡng đầu ngược lên nhìn mình kính nể; bởi vì đó là điều hết sức sai lầm, làm mất tư cách của người xuất gia! Tục ngữ có câu:

“Hữu xạ tự nhiên hương,
Hà nhu đại phong dương?”

Nghĩa là:

“Có xạ hương thì tự nhiên có mùi thơm,
Cần gì đợi có gió lớn thổi mới thơm?”

33. Các vị phải lấy sự phục hưng Phật giáo làm trách nhiệm của mình, không sợ gian khổ, không sợ khó khăn. Hãy vì Phật giáo mà nỗ lực, tình nguyện hiến

thân cho Đạo mà chẳng có ý mưu đồ, tính toán. Nếu ai cũng được như vậy thì Phật giáo làm sao không có ngày phục hưng được? Chúng ta phải giữ gìn tôn chỉ: “Lỗi của kẻ khác là lỗi của chính mình.” Phải có được tư tưởng như vậy thì mới không sinh ra tâm phân biệt, chia rẽ, thì mới không có cái nhìn sai lệch.

34. Kẻ học Phật Pháp nhất định phải diệt sạch tâm ích kỷ, tự lợi, đừng để bị tổn hại đến định lực của mình, mà phải chuyển thành tâm “vì Pháp quên mình,” chỉ cần được nghe Phật Pháp thì dù phải bỏ thí thân thể, tánh mạng cũng không mảy may nuối tiếc hay hối hận.

35. Các vị càng muốn dụng công tu hành thì càng chịu nhiều khảo nghiệm để coi thử các vị có nhận thức được hay không. Người muốn tu Đạo nhất định trước hết phải trừ lòng tham, chẳng còn lòng sân, và không có phan duyên.

Không phan duyên nói chung là không dùng thủ đoạn để thu nhận tiền bạc hay đồ vật của kẻ khác. Các vị nhất định phải trừ sạch lòng tham lam, sân giận, và ngu si; bởi vì nếu còn ba thứ độc này thì còn sinh ra đủ thứ phiền não.

36. Người xuất gia tu Đạo lúc nào cũng cần giữ gìn thân tâm, không thể tùy tiện phóng dật, bê bối! Ở trong đạo tràng tu hành một ngày mà không tiến bộ tức là đã thoái lui, cho nên nói rằng:



“Nhất nhật vô quá khả cải, Nhất nhật vô công khả tạo!”

Nghĩa là: “Một ngày có lỗi mà không sửa là một ngày chẳng tạo thêm công đức! Người xuất gia cần nghiêm giữ bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi:

Hành như phong,

Tọa như chung,

Lập như tùng,

Ngọa như cung.

Nghĩa là:

Đi như gió thoảng,

Ngồi như chuông đồng,

Đứng thẳng như cây tùng,

Nằm như cung giường ra.

Khi đi, thì phải giống như làn gió thổi nhẹ đến nổi mặt nước trên sông không dậy động; đừng đi như cơn gió lốc vô cùng hung hãn làm cho mặt biển sóng dậy như cồn, dâng cao trăm trượng. Khi ngồi, thì phải ngồi như chuông, hết sức vững vàng; đừng ngồi giống như cái chuông đang lắc, hết lắc qua phải lại lắc qua trái, không bao giờ ngừng cả. Khi đứng, đầu và thân phải cho thẳng và nghiêm chỉnh, giống như cây tùng vậy. Cây tùng thì mọc thẳng,



cao, đơn độc, không dựa vào cái gì khác. Khi nằm, thì phải nằm ở thế “kiết tường,” tức là hông bên mặt ở phía dưới, cũng giống như cây cung trong tư thế được giương ra. Người xuất gia phải đặc biệt chú ý đến bốn oai nghi này.

Người tu hành không nên bạ đâu nói đó, mà phải hết sức thận trọng, ôn tồn. Đến chỗ nào thì cũng phải làm gương cho kẻ khác, không thể cười đùa, nói càn nói bậy, vì như thế tức là không tôn trọng quy củ của đạo tràng. Người khác thấy được hành vi như vậy sẽ phê bình là những người xuất gia không thông hiểu quy củ. Với thái độ như vậy thì làm sao tu Đạo, làm sao thành tựu được Đạo nghiệp?

37. Đã phát tâm tu Đạo thì mình cần phải giữ tâm chuyên nhất, đặc biệt tiếc nuối thời gian, cho nên nói rằng: “Nhất thốn quang âm nhất thốn kim, Thốn kim nan mãi thốn quang âm.” (Một phút thời gian, một tấc vàng, Vàng sao mua đặng phút thời gian?)

Lại nói rằng: “Thất lạc thốn kim dung dị đắc, Quang âm quá khứ nan tái tầm.” (Tấc vàng mất đi dễ kiếm lại, Thời gian qua mất khó lòng tìm!)

Các vị cần phải nuối tiếc thời gian! Phàm là người tu Đạo thì phải tranh thủ thời gian, đừng để lãng phí. Biết đâu trong một phút nào, một giây nào đó, các vị có thể có cơ hội khai ngộ.



38. “Xuất gia” là xuất Tam Giới gia (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới), và cũng là xuất Thế tục gia.

“Thế tục gia” là nhà của người đời; ra khỏi nhà người đời rồi tức là mình không còn quan niệm như người đời nữa.

“Xuất gia” cũng có nghĩa là xuất Phiền não gia. Chúng ta, mỗi người trên thế gian này, đều đang ở trong cái nhà phiền não. Khi nóng giận thì mình cảm thấy rằng ăn bất cứ của ngon vật lạ nào cũng đều không có mùi vị gì cả, cho nên khi mình xuất gia là muốn xuất ra khỏi nhà phiền não.

“Xuất gia” còn có nghĩa là xuất Vô minh gia. “Vô minh” tức là không có hiểu biết rõ ràng, chuyện gì cũng không thấu suốt, làm chuyện gì cũng điên đảo cả. Do đó phải ra khỏi cái nhà vô minh.

Xuất gia cũng do nhiều động cơ khác nhau. Như ở Trung Hoa ngày nay, có nhiều người vì lớn tuổi rồi mà không có thân thích để nhờ cậy, cho nên họ xuất gia để về sau có người săn sóc cho dễ dàng. Có kẻ thì vì hoàn cảnh bức bách nên xuất gia; hoặc là vì phạm pháp, giết người nên muốn đổi danh đổi tánh, đổi mặt đổi mày, làm người xuất gia để luật pháp không tầm nã nữa. Có kẻ thì vì khó nuôi nên gia đình quyết định đem cho nhà chùa. Đó là ba loại người xuất gia, có tu hành được hay không thì chưa biết; có thể họ tu được, mà cũng có thể họ chẳng tu được!



Lại có kẻ chân chánh vì vấn đề sinh tử, phát tâm Bồ đề, mà xuất gia. Hạng xuất gia như vậy nếu họ không bao giờ thoát tâm thì đúng là chân chánh tu hành. Họ vì đau khổ nghĩ đến vấn đề sinh tử mà phát tâm đại Bồ đề, y chiếu theo lời Phật dạy mà tu hành.

Cho nên xuất gia có nhiều tâm trạng và hoàn cảnh khác nhau. Song, sau khi xuất gia rồi thì đừng có phạm lỗi lầm mà phải trở nên thanh tịnh, xa lìa mọi tội lỗi, khôi phục lại tâm thanh tịnh bản hữu của chính mình, vĩnh viễn ra khỏi nhà Tam Giới, ra khỏi nhà Phiền não, ra khỏi nhà Vô minh, ra khỏi nhà Thế tục.

39. Người tu hành không nên có tâm phan duyên, mà cần có tâm thanh tịnh, chẳng tham chẳng nhiễm. Tôi thường nói với các bạn rằng phạm là kẻ xuất gia tu hành, một lòng cầu Đạo, thì cái gì cũng không cần, cái gì cũng không tham, dù là một ngọn cỏ cũng không được tùy tiện đòi lấy và cũng không được tùy tiện mang cho người khác. Có câu:

Nhất giới bất dĩ dĩ nhân,

Nhất giới bất dĩ thủ chư nhân.

(Một hạt cải cũng không được biếu cho người,

Một hạt cải cũng không được lấy của người.)

Đối với “duyên,” cần phải phân biệt cho rõ ràng và



phải làm cho cái “duyên” này trở nên thanh tịnh, không bị nhiễm ô. Duyên thanh tịnh tức là không có tâm tham lam; duyên nhiễm ô tức là có tâm tham lam. Người xuất gia có thể nhận cúng dường; song le, không được ham đồ cúng dường, không được mưu đồ việc cúng dường, như thế thì mới là đệ tử chân chính của Phật. Nên có câu:

Quân tử mưu Đạo bất mưu thực.

(Người quân tử mưu cầu Đạo, không mưu cầu ăn uống.)

Nay có thể đổi câu ấy lại là:

Quân tử an bản, Đạt nhân tri mạng.

(Người quân tử thì bằng lòng với cái nghèo, Kẻ thông đạt chuyện đời thì biết an phận.)

Người xuất gia cần phải hiểu rằng trước khi Đạo nghiệp chưa thành tựu thì không được mắc nợ. Nếu mắc nợ thì sẽ bị ràng buộc, không được giải thoát. Nhất là đối với những thứ duyên không thanh tịnh, chúng có thể hại các bạn đến “rút chân không ra,” không đạt được sự tự tại. Thế nhưng, đa số người xuất gia lại thích được cúng dường, thích nhận quà cáp của kẻ khác. Hễ bị duyên bất tịnh ràng buộc thì không dễ gì thoát ra khỏi Tam Giới. “Sợi dây” duyên nhiễm ô ấy quấn chặt lấy các bạn, không cách gì tháo gỡ được. Vì vậy, để tránh mọi

rắc rối, các bạn đừng nên tham luyến những thứ không chân thực, không thanh tịnh!

40. Người xuất gia được phân làm bảy hạng:

a) Hạng người xuất gia thứ nhất thì “một thân nhẹ lâng lâng,” cái gì cũng không có cả.

Nhất trần bất nhiễm, vạn duyên giai không.

(Một hạt bụi cũng chẳng dính, mọi nhân duyên đều là không.)

b) Hạng người xuất gia thứ nhì thì tay xách cái đũa bằng vải; trong đũa đựng những gì thì người ngoài không thể biết được.

c) Hạng người xuất gia thứ ba thì vai vác quang gánh. Vì không thể buông bỏ cho nên đi đâu họ cũng gồng gánh bộ tài sản theo cả. Tuy phải gánh nặng (nhiều khi nặng tới cả trăm cân), nhưng họ cam lòng.

d) Hạng người xuất gia thứ tư thì mang đồ đạc theo bằng xe hơi.


e) Hạng người xuất gia thứ năm thì mang đồ đạc theo bằng xe lửa.

f) Hạng người xuất gia thứ sáu thì mang đồ đạc theo bằng tàu thủy.

g) Hạng người xuất gia thứ bảy thì mang đồ đạc bằng máy bay.



Đó là những khuyết điểm chung mà người xuất gia thường hay mắc phải.



41. Người tu hành phải thực tình, phải thực sự tu, phải bỏ công sức ra chớ không thể nhờ nhờ. Phàm kẻ tu hành mà chỉ muốn người khác trông thấy mình tu, chính là bỏ gốc cầu ngọn. Quên cái gốc rễ để chạy theo cái ngọn là chuyện không được. Tu hành là để cho chính mình thấy, trông thấy được mình tức là hồi quang phản chiếu. Nhớ kỹ! Hồi quang phản chiếu, chớ không phải phóng quang ngoại chiếu. Nếu phóng quang để chiếu ra ngoài, tức là chỉ muốn cho người khác nhận thấy, để họ bảo rằng mình là người thực sự tu. Phải biết rằng khi đã phóng quang ra ngoài thì chẳng còn gì nữa, bởi hào quang của mình chẳng có bao nhiêu, một khi phóng ra là hết. Mình chưa tu hành đến độ viên mãn, quang độ yếu ớt, chớ khi nào tu đến viên mãn, lúc đó phóng quang cũng chưa muộn. Bây giờ đang trong giai đoạn tu hành, không nên phóng quang.

42. Xuất gia là một việc khó. Xá kể chi việc cắt tóc cạo râu, đắp áo cà-sa, nói vài câu “cơ phong,” mở miệng ra nói về Phật về Pháp, nói đạo lý trong kinh sách, hoặc ngồi yên nhắm mắt tham thiền. Những hành vi đó có thể gọi là mặc áo Phật, ăn cơm Phật, biểu diễn vai trò của kẻ xuất gia. Nếu quả như lời nói đi đôi với việc làm, một lòng tha thiết từ bi đối đãi với người với vật, trước mặt sau lưng lúc nào

cũng vậy không sai trái đạo, được như vậy mới đúng là kẻ xuất gia.

43. Xuất gia có ba loại:

Thân xuất gia, tâm không xuất gia.

Tâm xuất gia, thân chưa xuất gia.

Thân tâm đều xuất gia.

Trong số xuất gia cũng ba loại trình độ, tùy theo công phu tu trì mà đoán định.

Xuất thế tục: Đây là nói chung về các đệ tử xuất gia; các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di-ni.

Xuất phiền não vô minh: Đây là nói về cảnh giới tu trì của quý vị đã xuất gia, tự mình tu tự mình biết chứng tới đâu, có điều xuyên qua tác phong nói, nín, động, tĩnh của mình, người ngoài cũng có thể biết được. Một cá nhân xuất gia tu tập thì mỗi ngày tập khí càng giảm thiểu, sự biểu hiện của tham, sân, si cũng bớt dần, như lời cổ đức nói: “Từng phần phá vô minh, từng phần pháp thân chứng.” Quý vị này đều tỏ ra cố gắng xông ra khỏi vô minh phiền não và hướng tới con đường Bồ-đề.

Xuất khỏi tam giới: Đây là mục tiêu tối hậu của người xuất gia và cũng là của hết thầy bầy chúng trên đường tu học Phật đạo. Mục tiêu đạt được chính là thời điểm đoạn trừ sanh tử một cách vĩnh viễn, rồi sau đó do nguyện lực của mình mà tự do



đi về trong chín pháp giới để độ hóa chúng sanh, đạt được cái an lạc đệ nhất của người xuất gia.

44. Là người xuất gia thì nhất định phải biết tự trọng, không nên coi mình quá thấp hèn, nhưng cũng không được cống cao ngã mạn; lúc nào cũng phải tỉnh và tự kiểm thảo-hể có làm lỗi lầm gì thì sửa đổi ngay, nếu không có lỗi gì thì phải tiến tu; tuyệt đối không được cầu thả hoặc phóng dật, buông lung.

45. Người xuất gia thì từng giây từng phút, lúc nào cũng phải tự kiểm soát chính mình-mỗi lời nói, mỗi việc làm đều phải luôn luôn đúng theo Giới-luật. Các vị phải nghiêm chỉnh, không được phóng túng, vô kỷ luật; không được muốn gì thì làm nấy. Có câu:

Vô quy củ, bất năng thành phương viên.

(Không có khuôn phép thì chẳng thể thành vòng tròn.)

Do đó khi Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, Ngài dạy Tôn-giả A-Nan: “Hãy lấy Giới-luật làm Thầy!” Đó chính là điều mà người xuất gia phải ghi lòng tạc dạ.

46. Khi ăn cơm, chúng ta phải nhớ Tam Niệm, Ngũ Quán; bởi:

Thí chủ nhất lạp mễ,



Trọng như Tu Di sơn,
Thực liễu bất tu hành,
Bì mao đái giác hoàn.
(Một hạt gạo thí chủ,
Nặng bằng núi Tu Di,
Ăn rồi chẳng tu trì,
Mang lông đội sừng trâu.)

Thực đáng sợ và nguy hiểm như vậy đấy các vị ạ!
Đó gọi là “dưới tấm áo cà sa vuột mất thân người”
vậy! Cho nên, người xuất gia dù ở bất cứ nơi đâu
cũng đều phải nghiêm trì, giữ vững Giới-luật-khi
chưa dứt được sinh tử, chưa đoạn được tâm dâm
dục, thì không lúc nào được biếng nhác, buông
lung, phóng túng.

47. Người xuất gia chúng ta phải biết quý trọng
từng giây từng phút; hãy nhớ rằng:

“Một tắc thời gian: một tắc vàng,

Tắc vàng khó chuộc tắc thời gian.”

Thời giờ quý báu như thế nên chúng ta không được
lãng phí. Mỗi người đều phải dụng công tu hành,
phải tinh tấn hơn nữa, thì mới mong có được sự
thành tựu. Phàm là người dụng công tu hành thì
không có thời giờ để nói chuyện thị phi, không



có thời giờ để làm những việc lãng xăng, làm gián đoạn sự tu hành. Về điểm này, tôi hy vọng mọi người hãy chú ý.

Khi tôi thấy những người không chịu tu hành thì tôi cảm thấy vô cùng đau xót; bởi như thế chẳng phải là họ đã không thực hành các thế nguyện mà họ đã lập lúc ban đầu, khi họ mới xuất gia tu hành hay sao? Những kẻ xuất gia mà “tâm nghĩ một đằng, miệng nói một nẻo” thì có xứng đáng là Tăng Bảo hay không? Mong rằng các vị đều biết tự trọng!

48. Người tu hành phải tu làm sao để dẹp bỏ “cái tôi” (ngã tướng). Nếu không còn “cái tôi” thì chuyện gì cũng nhẫn nại, cam chịu được. Cảnh giới có tới, quý vị cũng chẳng động tâm. Hãy xem mình như hư không. Cảnh vừa lòng tới, cũng cứ tu hành. Cảnh nghịch ý tới, cũng cứ tu hành. Nói cách khác, gặp cảnh vừa lòng cũng đừng sinh tâm hoan hỷ vui mừng, gặp cảnh trái ý cũng chớ lo âu sầu muộn. Bất luận là thuận hay nghịch, đều phải nhận thức cho rõ ràng. Nếu quý vị có thể “như như bất động” (không khởi tình cảm, vọng tưởng hay chấp trước), thì sẽ không bị cảnh giới làm cho lay chuyển. Nếu lúc nào cũng “liễu liễu thường minh” (sáng suốt chiếu soi nhân quả mọi sự), thì sẽ xoay chuyển được cảnh giới.

Thiền Sư Lai Quả khai thị


1. Quy củ là pháp cương lớn nhất của thế gian và xuất thế gian. Quy là sợi dây mực. Củ là cây thước thợ (ê ke). Ngay thẳng chẳng dùng dây mực thì không có tiêu chuẩn. Vuông tròn chẳng dùng thước thợ thì không có khuôn phép. Cho nên, người xưa nói: “Chẳng y theo quy củ chẳng thành vuông tròn”.

Người muốn trụ Tông Lâm chẳng y theo quy củ thì chẳng biết đến đây là vì việc gì? Phải biết thân tâm của chúng ta là do nghiệp chướng tạo thành, tập khí huân thành, nên trôi lăn trong lục đạo, cái tên “quy củ” còn chẳng được nghe hưởng là biết có quy củ thực. Vì không biết quy củ nên tùy tâm phóng túng, mặc ý muốn làm, trước không có ngăn cấm, sau không có cản trở, tham dục hoành hành, theo nghiệp thọ báo, trôi lên hụp xuống không biết đến lúc nào mới thôi.

Hôm nay may mắn xuất gia, lại gặp quy củ. Quy củ là nền tảng của Tông Lâm, là chỗ nương tựa của tăng chúng, là bước đầu của học đạo, là thêm bậc của thánh hiền, là thầy lành của xuất thế, là người dẫn đường của sự thành Phật, là bè quý báu của biển khổ, là đèn sáng của đêm tối, là của báu cho người nghèo, là thuốc hay cho người bệnh, là cứu tinh của loài người, là khuôn mẫu của người học. Dầu cho miệng Phật ngợi khen cũng không hết được.



Nên biết quy củ cùng nghiệp chướng như băng tuyết với than lửa chẳng đồng một lò, phép tắc cùng tập khí như nước với lửa chẳng chung một bình. Nghiệp chướng hiện thì quy củ mất. Tập khí khởi thì phép tắc ẩn. Nghiệp chướng và tập khí khởi lên thì phải luân hồi trong lục đạo. Thử hỏi người học đạo giữ quy củ là phải hay theo nghiệp chướng là phải?



2. Tập khí lớn lao, lấy gì để trừ khử? Xét kỹ ắt phải nhờ đến thanh quy của thiền đường, phép tắc vi tế hằng ngày, sự giúp đỡ của đánh hét, sự dẫn dắt của thiện tri thức, năm ba mươi năm chẳng xong, nếu kiếp này chưa sạch thì kiếp sau tiếp tục. Dầu cho tập khí lớn bao nhiêu, chỉ cần lập chí bền chắc thì rốt cuộc ắt phải trừ xong.

3. Tòng Lâm là chỗ của thập phương tụ hội, là đất an cư của thánh hiền, đại chúng ở chung nương tựa lẫn nhau, một ngôn một hạnh đều có căn cứ, một đồng tiền một hạt gạo đều không lãng phí. Người xưa nói: “Tòng Lâm sanh ra lịch đại Tổ Sư, Tòng Lâm sanh ra cổ kim Thánh Hiền”. Cho nên phải tự kính Tòng Lâm như cõi Phật, quý tiếc vật thường trụ như vàng ngọc. Tự hận đến trẻ, chẳng được trụ sớm hơn. Thà nguyện đời đời kiếp kiếp lấy Tòng Lâm làm nhà ở, lấy quy củ làm sở hành, ngoài ra chùa tư am thất, thâm sơn cùng cốc, quan phòng tịnh thất, quyết chẳng tạm trụ. Xin người trụ Tòng Lâm đọc thuộc đoạn này rồi ghi nhớ để có thể đề phòng sự lầm lạc ở mai sau.

4. Người xuất gia thọ giới cụ túc, cầu thầy hỏi đạo, ở Tông Lâm, giữ quy củ, tuân lời dạy, bị đánh hương bản, chịu cay đắng, chịu nhẫn nhục, lập đạo niệm, thỉnh pháp yếu, dụng công phu, được chân nghi, khai đại ngộ. Từ một phàm phu thành một thánh nhân, trong đó trải qua muôn phần rèn luyện khó khăn, may mắn được ba điều quý báu cũng không dễ gì biết:

- a. Con người lấy tăng làm quý báu.
- b. Tông Lâm lấy quy củ làm quý báu.
- c. Triệt ngộ lấy dụng công tham thiền làm quý báu.

Cũng do có ba điều quý báu này mà không thể chẳng dũng mãnh phát tâm. Bằng không thì thành kẻ phàm ngu. Một điều quý báu chẳng được thì chửi tăng làm sao tổn tại chốn Tông Lâm.

5. Chư Tăng chúng ta đối với các việc trái phép, phá giới, chẳng nên làm, việc lợi người giúp vật phải nên làm. Náo loạn Tông Lâm, trái phạm với chức sự chẳng nên làm. Tham thiền sâu, phát khổ hạnh phải nên làm. Điều chẳng nên làm phải răn chừa, điều nên làm phải cố gắng thì đối với hai chữ TINH TẤN mới chẳng dùng lầm.

Đạo niệm của người tu hành, thế nào là tinh tấn? Thế nào là biếng nhác? Người dụng tâm niệm niệm không gián đoạn, chẳng cho có một mảy may tạp niệm, thực hành lâu ngày như thế gọi là chân tinh



tấn. Nếu ban đầu đạo niệm kiên cố tinh nhuệ, kế đó lười biếng lơ lửng, rồi đến gián đoạn thôi nghỉ, đây gọi là biếng nhác. Nếu tinh mà chuyên tâm, tấn mà chẳng thoái, tức là tinh tấn vậy.

6. Người xưa nói: “Hạt gạo của thí chủ lớn bằng núi Tu Di. Nếu người không liễu thoát mang lòng đội sừng trâu” việc này rất đáng sợ hãi. Nghĩ đến đó, chẳng những không ăn đồ ngon mà đồ dở cũng chẳng dám ăn nhiều. Sao vậy? Ăn nhiều ắt phải trả nợ nhiều. Người hành đạo suốt ngày chuyên tâm khắc khổ tham cứu, lấy đạo làm niệm, người xưa nói: “Tắc hương tiêu được đấu vàng” cũng chẳng hư dối. Bằng không thì mảy may hệ niệm là nghiệp nhân của tam đồ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Than ôi!

7. Hai chữ NHÂN QUẢ, mười pháp giới đồng nhau. Bất cứ nơi nào lúc nào, người nào, việc gì đều chẳng ra ngoài nhân quả. Như cái nhân tham thiền quyết định cảm cái quả đại ngộ. Nhân niệm Phật quyết định cảm cái quả vắng sanh Tây phương. Tạo nhân phá giới quyết định cảm quả địa ngục. Tu nhân trì giới quyết định cảm quả sanh lên Trời. Tu nhân Tòng Lâm cảm quả ngồi đạo tràng. Tu nhân khổ hạnh cảm quả phước đức. Tu nhân thiền định cảm quả trí huệ. Làm nghiệp nhân chúng sanh cảm quả chúng sanh. Tu nhân giải thoát cảm quả chư Phật. Muốn biết nhân đời trước thì xem chỗ hưởng thụ của đời này. Muốn biết quả đời sau thì




xem việc làm của đời này. Tiên nhân hậu quả đều tự nơi mình, thay đâu đổi mặt đều do nhân quả. Một lời nói, một việc làm cần phải xét lợi hại, nhất cử nhất động đều chẳng ngoài nhân quả. Hễ có động niệm cho đến làm việc đều là tạo nhân, có gieo nhân thì phải gặt quả. Ngàn Thánh muôn Phật cũng chẳng thể ra khỏi nhân quả. Thường có người chấp “khoát-đạt-không” (chấp cái không của tuyệt diệt) bác bỏ nhân quả, ấy là người mù dẫn cả bọn mù cùng vào hầm lửa. Sự bác bỏ nhân quả thực nguy hiểm thay.

8. Chúng ta là người trụ Tông Lâm, trước phát nguyện lớn quyết liễu sanh tử, kể phát nguyện lớn quyết thành Phật đạo, lại phát nguyện lớn độ hết chúng sanh. Hoàng nguyện này là thường khóa hàng ngày chẳng chút gián đoạn ngừng nghỉ. Nếu ngừng nghỉ một chút, có thể bị đọa địa ngục, đây gọi là thệ. Đã lập thệ nguyện, thì không thể trái nguyện một chữ mới là đủ cả hạnh nguyện, lời nói việc làm phù hợp với nhau. Chỉ nói ăn mà chẳng từng nếm thì chẳng thể no, đây là nói suông. Như phát nguyện mà chẳng hành thì chẳng hành thì chẳng thể đến, đây là nguyện suông, bắt quá chỉ tu cái nhân phát nguyện mà thôi. Người tu hành chẳng nên chỉ tu cái nhân phát nguyện mà nhất định cần phải hành cái việc của phát nguyện mới đúng.

9. Chúng ta từ vô lượng kiếp cứ mắc bệnh mãi cho





đến ngày nay, hết thấy người đời chỉ biết sự đau đớn trên xác thân mình, còn một thứ đại bệnh mà chẳng biết tí nào cả. Người thế tục chẳng biết có cái đại bệnh này thì còn nói được đi vì họ từ mê này vào mê khác, thiện căn ít nên không thể lạ gì họ, các ông là người dụng công tu đạo, liễu thoát sanh tử mà tại sao lại cũng giống họ vậy? Các ông cứ cho mình là mình tốt hơn người thế tục. Ta hỏi các ông: “Có bệnh không?” Các ông nghe hỏi vậy trong lòng không vui, nghĩ: “Người khỏe mạnh tại sao hỏi có bệnh hay không? Từ sáng đến tối ăn mấy tô cơm, trà cũng uống, nước cũng uống thì có bệnh gì; có bệnh thì có chỗ nào tốt đâu?” Đúng đấy, thực là khổ sở lắm! Cái bệnh lớn như thế thì cũng loàng xoàng mà qua đi thôi. Ta thấy các ông như thế trong lòng thực bất nhẫn.

Này các sư, mắc cái đại bệnh này mà chẳng biết, lại quay lưng với đạo, càng chạy càng xa. Trong lúc các ông lại còn có vài người cứ cho là “nói bệnh lớn với bệnh nhỏ gì, chúng tôi lại đây là để xem nề nếp nhà chùa, đến là để tham học, xem qua cách thức gia hương đả thất, biết được chút ít là được rồi”. Có khá nhiều vị nghĩ như thế đó. Bởi vì các ông không triệt để biết được mình vốn có cái đại bệnh ghê gớm, cái đại bệnh không trị không được. Chỉ sau khi các ông biết được triệt để cái đại bệnh này thì các ông mới có thể biết được cái lợi hại của bệnh không trị không được, phải uống thuốc. Giả sử các


ông không biết cái bệnh này thì còn nói gì chuyện uống thuốc.

Nay ta cho các ông biết: đại bệnh này là “sinh tử đại bệnh”. Đại bệnh này nhất định phải trị, nhất định phải uống thuốc. Các ông phải hiểu được: hôm nay đến được chỗ này quả không phải là dễ đâu, ấy là do sự bồi đắp từ kiếp trước. Cái thân người này không dễ gì có được, phải trải qua bao đại kiếp ở trong các loài khác đến nay mới có được cái thân người này! Ta lại để thân này trôi qua, há chẳng phải là để phí phạm đi mất sự vun trồng của đời trước sao?

Phải biết rằng: thân này không phải là trường cửu, cho là 100 năm mà nay chúng ta đã trải qua mấy chục năm rồi, thời gian còn lại có được bao nhiêu ngày? Huống nữa đời người chỉ trong hơi thở, cứ khi miệng không hít không thở ra nữa là khổ rồi! Nay chúng ta lại gặp cơ duyên tốt này, nên lo sao cho thiết thực làm một phen thì mới không phí phạm kiếp làm người, mới biết được sinh tử là đại bệnh của chúng ta. Cái sinh tử đại bệnh này không giống với đại bệnh ở thế gian, không uống thuốc “dụng công tu đạo” thì không được.

10. Thực tội nghiệp cho người đời nay, người nào mở miệng cũng biết nói liễu sinh, ngậm miệng nói thoát tử, nhưng còn sợ chưa biết cái gì gọi là sinh, làm sao gọi là tử. Không những người thế gian như





vậy mà ngay cả người tu hành chúng ta cũng như vậy luôn. Lấy chuyện người xuất gia ngày nay của chúng ta mà nói, tối ngày dụng công phu sợ còn chưa biết dụng công phu làm gì, hiện tại tu nhân gì, tương lai cảm quả gì, chắc các ông chưa có một người hiểu được. Tối ngày chỉ là trống rỗng trôi qua thôi, cũng chẳng hiểu trời bao cao, đất bao dày, thế nào là Tứ Thánh, thế nào là lục phạm, chúng ta hôm nay ở thiền đường tu là tu nhân gì, tương lai cảm được quả gì, chắc không có người hiểu được. Các ông nếu có người hiểu được thì e rằng ta không bảo các ông dụng công phu các ông còn chịu không dụng chẳng?


Các ông phải biết: hôm nay ở thiền đường gieo cái nhân thành Phật tương lai nhất định cảm được cái quả thành Phật. Người xưa nói: “Nhân nào quả nấy”, trồng dưa được dưa trồng đậu được đậu. Chúng ta người dụng công phu chỉ cần quyết tâm triệt để mà dụng đi bất kể ba, năm, tám, mười năm cũng được, ba mươi năm, năm mươi năm cũng được; nói tóm lại: lấy đại ngộ làm cứu cánh triệt để.

11. Người muốn liễu thoát sanh tử thì phải siêng dụng công phu, người không biết sự sanh tử thì tối ngày sống trong sự khổ cực. Đối với người ở chốn tông lâm thường tình đều như thế cả, người có chút đạo tâm biết hai chữ sanh tử là lợi hại đương nhiên không liễu thoát nó không được. Việc thế gian có thể ngưng lại một bước nhưng việc sanh tử thì gấp lắm, không cho chậm trễ được.

12. Người dụng công tu đạo biết rằng việc sanh tử chưa liễu thoát thì không được; sanh tử của ta là khổ, sanh tử của chúng sanh ở chốn đại địa lại càng khổ hơn. Nếu muốn làm cho họ lìa khổ ta tất cần lìa khổ trước đã, rồi sau mới độ cái khổ của họ. Ta muốn lìa khổ mà không dụng công thì không được, ta muốn độ chúng sanh thoát khổ mà không dụng công cũng không được. Cho nên từ sáng tới tối khắc khắc công phu, thời thời thực hiện công phu, rất sợ đánh mất công phu. Nói chung, muốn công phu thành phiền, vì không được thành phiền thì phải cứ tự mình trách mình, vì việc đại sự chưa rõ thì như thế chẳng yên. Nhưng mà, mọi người các ông ở đây có còn được nửa số người như thế không? hay là một phần ba! E rằng cũng chẳng có: Giả sử có được một hai thì cũng tốt! Còn kể được là đạo tràng. Nếu một người cũng không có thì câu này làm sao nói ra được?

13. Việc lúc sống mọi người đều biết, đều tin; việc sau khi chết, ai cũng chẳng biết, chẳng tin. Vì việc lúc sống đều tự mình mắt thấy thì không thể không tin. Việc sau khi chết vì chưa thấy đến cho nên không tin. Các ông cho là: “Cái xác thân nầy của ta là rất tốt, không thể không yêu quý nó. Tương lai có được sự thọ dụng bảy, tám chục năm”. Đây là điều các ông tin tưởng nhưt: “Việc sau khi chết tôi chưa thấy thì thầy bảo tôi tin cái gì?” Đại khái người người đều có cái tri kiến ấy.





Các ông cho bảy, tám chục năm là dài lắm; các ông phải hiểu được là: quả báo sau khi chết so với bảy, tám chục năm trường của các ông thì chỉ bằng thời gian một tích tắc sau khi chết dù cho ông sống được bảy, tám chục năm. Khảo cứu đến điểm này ta thử so sánh một chút: có thể kể cái thời gian bảy, tám chục năm này như chớp mắt còn thời gian sau khi chết mới là trường kỳ. Nhưng sự sinh hoạt trường kỳ là do ta ở trong thời gian chớp mắt này tạo thành, tạo ra cái sinh hoạt gì thì phải hỏi một niệm hiện tiền của chúng ta là niệm gì. Niệm cố nhiên rất nhiều chúng ta không cần nói nhiều nữa, chỉ nói đến một niệm thôi! Cái niệm này cảm được quả gì?

Người xưa nói: “Tơ hào hệ niệm, tam đồ nghiệp nhân.” Tam đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Các ông nghĩ xem: nổi lên một chút xíu hệ niệm thì phải chiêu lấy cái quả to lớn như vậy, còn nói suốt ngày nổi vọng tưởng, nổi nghiệp thức thì sao? Cái cảm quả như vậy ta thực không muốn nói. Hơn nữa, các ông hãy nghĩ qua bảy, tám chục năm suốt ngày cứ nổi nghiệp chướng, Diêm vương đâu còn tha ông nữa. Diêm vương gọi các ông đi, các ông phải đi liền, trễ một phút là xoắn dây thừng vào mũi các ông, đầu dây kia thì ở tay Diêm vương. Diêm vương nắm lấy dây lôi thì các ông phải bước, lúc ấy thì không còn khách sáo nữa, sợ khi so với chúng ta lôi trâu còn lợi hại gấp mấy chục lần!

Diêm vương lôi các ông đi, bảo các ông biến thành trâu thì phải thành trâu, bảo biến thành ngựa các ông phải nhanh chóng biến ngựa; các ông có bản lĩnh bao nhiêu đi nữa cũng không được tự do. Kêu ông đi ông phải đi, tạm dừng một chút không được, muốn không đi càng không được nữa. Tiếc thay! Lúc bấy giờ chúng ta chịu khổ chẳng phải do mình nữa. Nhưng biến thành trâu một lần thì cũng chịu được, sợ rằng biến rồi lại biến nữa cho đến xương chất thành núi, sau khi thoát khỏi hình trâu thì mới biến ra cái khác được. Kỳ hạn dài vô cùng, không phải ta nói ra để dọa các ông.



Đại sư Hám Sơn khai thị

1. Người xuất gia cầu sáng việc lớn:

a- Cần chân thực vì sanh tử, tâm phải tha thiết.

b- Cần nhất chí quyết định ra khỏi sanh tử.

c- Cần liêu một đời đến chết không đổi tiết tháo.

d- Cần thực biết thế gian là khổ, hết sức nhàm chán xa lìa.

e- Cần gần gũi bậc tri thức cao tuyệt, đủ tri kiến chân chánh, luôn luôn thưa hỏi, vâng lời dạy dỗ, theo lời mà làm. Siêng năng chẳng lười, không bị ngũ dục phiền não ngăn chướng, chẳng bị thói quen xấu ác sai khiến, chẳng bị bạn ác lay chuyển, chẳng bị duyên ác cướp đoạt, chẳng cho căn cơ ngu độn mà sanh lui sụt. Phát tâm như thế, dốc lòng như thế, lâu dần sẽ thuần thực, tự nhiên ăn khớp với chỗ nguyện cầu xưa như hộp với nắp.

2. Phật dạy: “Từ thân xuất gia, biết được tâm, đạt được gốc, hiểu pháp vô vi gọi là Sa-môn thường hành 250 giới”.

Lại nói: “Đoạn dục, trừ ái, biết nguồn tâm của mình, đạt lý sâu của Phật, ngộ pháp vô vi”.

Lại nói: “Cắt bỏ râu tóc mà làm Sa-môn, thọ nhận pháp Phật, bỏ tài sản thế gian, khát thực biết đủ,



ăn ngày một bữa, ngủ dưới cây một đêm, cần thận không trở lại. Điều khiến người trở thành ngu tẻ là ái và dục vậy”.

Những lời dạn dò tha thiết như thế đều là những điều thiết yếu để làm đệ tử Phật.

Khi xuất gia, việc đầu tiên là lấy ly dục làm hạnh đệ nhất.

Con cháu đời sau, thân tuy xuất gia mà tâm say trong ngũ dục, chẳng biết cái hại nào cần phải xa lìa, đạo nào là đạo ra khỏi khổ, cứ triển miên mê muội chẳng tự tỉnh giác, rồi lại giả bộ oai nghi, làm vẻ đạo đức, ngoài dối người, trong dối lòng, che đậy tỳ vết không chịu tự giác. Người này muốn được niệm chân chánh thực khó vậy!

3. Phật dạy: “Tất cả chúng sanh lưu lã trong sanh tử, đều do vọng tưởng điên đảo làm căn bản”. Nếu tưởng điên đảo diệt và khảm nhận tự tâm, tức là thời tiết liễu thoát sanh tử, ra khỏi biển khổ. Nếu vọng tưởng chẳng dừng thì sanh tử khó ra. Nên nói: “Cuồng tâm chẳng dứt, nếu dứt tức Bồ-đề”. Chúng ta nếu quả thực có thể chóng dứt tâm cuồng loạn thì liền ra khỏi tam giới, dẹp quân ma, ngồi giữa trời xưng là đạo nhân vô sự. Lão Diêm La mặt sắt dù có ác tâm, ra tay tàn độc cũng không mò bắt được, tha hồ ngang dọc, tự do tự tại, làm một người đại giải thoát. Thời tiết như thế thì dù gọi là Phật, là Tổ cũng chẳng chịu, huống nữa là kết bầy với bọn



ruồi lẩn ngu ngốc trong cầu tiêu, tranh giành đồ hôi tanh, thối tha hay sao?

4. Phật dạy hai mươi việc khó được, mà trong đó có: “Được thân người là khó; sanh tại trung quốc là khó; được gặp Phật Pháp là khó; thân cận thiện tri thức là khó; sanh chánh tín là khó”. Đây là năm việc khó trong những cái khó. Hôm nay, may mắn xuất gia, gặp được đại thiện tri thức mà quy y, lại đem thân vào biển Phật Pháp. Việc này do duyên tu hành như thế nào mà được? Nếu không phấn tấn dũng mãnh, sanh đại chánh tín, rồi đem thân tâm huyễn vọng tẩy rửa cho thanh tịnh trong sạch, lật ngược táng mạng, chí xuất sanh tử, rộng tu vạn hạnh, kết đại duyên thành Phật vô thượng, thì chẳng phải xấu hổ, làm mất hạt giống thiện căn trong bao đời sao! Cổ đức dạy rằng thọ khổ trong ba đường ác, chưa gọi là khổ. Làm mất y ca sa trên thân mới thực là khổ.

5. Phật dạy: - Cạo bỏ râu tóc, mà làm Sa Môn. Rồi tham dục được tịch tĩnh, là điều quan trọng nhất. Thế nên, biết rõ tham dục vốn là sanh tử, cũng là lộ đường đại sự quan trọng nhất. Vì vậy, phải nên tha thiết trì giới. Rồi xa tham dục, bèn được an ổn tịch lạc. Sở dĩ chúng sanh trầm luân trong biển khổ, không thể mau lên bờ giác ngộ, đơn độc chỉ vì tham dục quá lắm.

6. Học nhân đời mạt pháp, đa số hướng về những




sự tu tập thô phù, mà không đi thẳng đến chỗ chân thực. Vì vậy, ngay nơi những lời dạy của đức Phật, chỉ chấp trên danh tự ngôn ngữ, mà không đạt được tông chỉ cứu cánh, khiến tăng thêm tri kiến, sanh đại ngã mạn. Đây là dùng Phật Pháp mà kết thêm cội gốc sanh tử, cũng không biết sanh tử là vật chi, cứ bảo rằng chẳng có can hệ gì. Mê mờ đi trong đêm tối, nên không thể thấy được chánh lộ tu hành. Ngôn từ của Phật dạy, đều là pháp xuất ly sanh tử, sao người đời nay ngược lại bị đọa? Việc này chẳng phải lỗi của Phật, mà lỗi tại học nhân không có chánh tri chánh kiến, cùng chưa từng thân cận và được thiện tri thức chỉ điểm thuyết phá trừ căn mê lầm.

7. Phật dạy: “Tù bỏ cha mẹ, xuất gia tu đạo; liễu ngộ chân tâm, đạt đến bốn tánh, giải pháp vô vi, gọi là Sa Môn, thường hành hai trăm năm mươi giới. Lại bảo:”Đoạn tham dục tẩy trừ ái chấp, nhận thức nguồn tự tâm; đạt được lý thâm sâu của Phật, mà ngộ pháp vô vi. Lại bảo: “Cạo bỏ râu tóc, mà làm Sa Môn, lãnh thọ Phật Pháp; bỏ tiền tài riêng tư ở thế gian, chỉ cầu biết đủ; ngày ăn một buổi, mỗi đêm ngủ dưới một gốc cây; cẩn thận chớ xoay trở lại. Khiến người bị ngu si che mờ, đều do ái dục. Những pháp như thế, Phật dạy dò rõ ràng; chẳng ngoài việc nhắc nhở chư Sa Môn, lúc vừa xuất gia, hạnh đầu tiên phải hành là xa rời dục lạc. Hậu thế tử tôn, thân tuy xuất gia, mà tâm lại say sưa nơi năm món dục; không biết sao phải hành pháp viễn



ly, và đạo nào là đạo xuất khổ não, chỉ miên man hôn mê, mà không tự giác; lại giả bộ phục sức oai nghi, dối trá hiện tướng oai đức; ngoài dối người, trong khi tâm mình; che đậy lỗi lầm mà chẳng biết tự giác. Người muốn cầu chân tâm chánh niệm, thực hiếm có. Kinh Tịnh Danh nói rằng trực tâm là đạo tràng.



8. Người xuất gia phải rõ đại sự. Thứ nhất, tâm phải chân thực tha thiết vì sự sanh tử. Thứ hai, phải quyết định phát khởi ý chí xuất ra khỏi sanh tử. Thứ ba, phải xả mạng cho đến chết, quyết không thay đổi. Thứ tư, phải chân chánh biết rõ thế gian là đau khổ, nên cực lực sanh tâm nhằm chán xa rời. Thứ năm, phải thân cận thiện tri thức tuyệt thắng, và đầy đủ chánh tri chánh kiến. Thời thời thừa thỉnh, thừa sự theo lời giáo huấn, rồi y như lời dạy mà hành, tinh cần không giải đãi; không để năm món dục phiền não làm che chướng; không để tập khí xấu xa sai sử; không bị giao động vì bạn xấu; không bôn ba chạy theo duyên ác; không cho rằng vì độn căn mà tự thoái thất. Như thế mà phát tâm và tiến bước, rồi lâu ngày thuần thực, thì tự nhiên sẽ tương dung hợp với sở cầu nguyện xưa. Hiện đời, tuy chưa có thể liễu ngộ, thấy rõ tự tâm, nhưng trăm kiếp ngàn đời, cũng dựa theo ngày nay mà làm nhân địa sơ khởi tu hành. Nếu không như thế, chỉ dùng tri kiến thấp kém hẹp hòi, tập khí sôi nổi mỏng manh, tâm đua đòi theo thói cũ, tâm cuồng vọng, khẩu

đầu thiên, khí trước uest, căn tà kiến, để làm chánh nghiệp xuất gia, rồi lấy đó mà vọng cầu xuất ra khỏi biển khổ; đó là thích chí siêu việt mà lại an nghỉ, và không chịu đi mà cầu tiến bước. Hy vọng người chánh tín trong đời mật pháp, và những thiện nhân đã biết chỗ hướng tới, phải thẩm xét nhận biết bản tâm, dùng đó làm đệ nhất nghĩa chân thực.

9. Cổ nhân vừa mới phát tâm, chân chánh vì đại sự sanh tử, quyết chí xuất ly, nên cắt ái từ thân, tham phương tầm cầu thiện tri thức; trải qua bao gian nan khổ cực, tâm tâm niệm niệm, chỉ vì nhắm thẳng vào việc chưa sáng; ưu bi thống thiết, như khóc mẹ đã già chết. Gặp được thiện tri thức như con thấy mẹ. Được nghe một lời hay nửa câu, liền khai mở tâm địa, như bệnh được thuốc. Một niệm tương ứng, liễu ngộ nơi tâm, như kẻ nghèo được châu báu. Quảng thân bỏ mạng, nổi trôi bị bao khinh rẻ, mà chưa từng than van nản lòng.

Nhị Tổ Huệ Khả vì muốn an tâm mà chặt cánh tay. Lục Tổ Huệ Năng đeo đá giã gạo. Tổ Bá Trượng làm chấp sự bao lao nhọc. Dương Kỳ làm công quả cúng dường đại chúng. Phạm danh tiết được truyền đăng chiếu soi thiên cổ, chẳng ngoài sự khắc khổ mà nên. Chư Phật trong đời quá khứ, cầu vô thượng Bồ Đề, xả thân mạng như số cát vi trần; không loài nào mà chẳng thọ thân; không thân nào mà chẳng tu khổ hạnh. Trăm kiếp tu nhân, nên cảm thiên thượng nhưn gian cúng dường vô lượng. Mật



pháp tử tôn, vì lãng phí thọ dụng nên mất phần công đức bất tận. Sao lại có trời sanh Di Lạc, và có tự nhiên Thích Ca! Đau đớn thay! Đời mặt pháp, đã xa quá thời thánh giáo; phép tắc pháp môn để dùng quét đất. Hậu bối xuất gia, không biết vì việc gì. Sanh ra chỉ biết sợ đói lạnh, nên mãi lo việc ấm no. Vừa bước vào cửa Không, bèn trở lại theo tập quán thế tục; đàm luận suông cả ngày, phúng phê tụng tình, để sáu căn chạy rong; chuẩn bị tạo các việc ác; không làm lụng cực nhọc mà hưởng thức ăn ngon; không chần tằm mà mặc y đẹp; hư tiêu của tín thí, lãng phí thời giờ; chẳng biết sanh từ đâu đến, chết sẽ đi về đâu! Sao lại không biết nhân quả khó trốn thoát, và tội phước không sai chạy! Đại hạn lâm chung đến, như đá chìm thẳng xuống nước; ba đường ác khổ cùng cực; một quả báo phải chịu cả năm ngàn năm, biết ngày nào mới được thoát khỏi! Nhắc những lời này, lão nhân đau xót chua cay! Mục kích thời lưu hiện tại, đều buông lung như thế. Hy vọng người tu phải như đãi cát lấy vàng, chẳng nên bảo là không có, vì vàng vẫn còn nguyên. Lao tù ba cõi, gông cùm trong bốn loài, lửa lớn cháy phừng phục, nhà sanh tử hiểm họa, làm thế nào để dừng mãin thoát các khổ, đến nơi vô úy? Chẳng phải là đấng trượng phu đầy đủ linh căn, hàm chứa bao cốt cách, thì không thể phấn tấn dừng mãin, vừa siêu vượt liền nhập vào. Các thầy sanh ra may mắn được gặp Phật Pháp; sáu căn đầy đủ, hình vóc nương nhờ y ca sa, sớm gặp minh


sư. Nếu không thống niệm Vô thường, nghĩ ngợi thâm sâu về đại sự, tư duy khổ nơi địa ngục, mà phát tâm Bồ Đề, sửa đổi tâm tánh, để ngày đêm tinh cần, sớm cầu xuất ly, mà cứ dần dà sống qua ngày, phóng túng thân tâm, thì lúc đại hạn đến, hối hận sao kịp! Hãy nên cố gắng mà hành. Nếu quên lời khuyên răn nhắc nhở của tôi thì phụ lòng tôi và cũng chính là tự phụ mình.

10. Phật bảo chúng sanh, phải nhớ các nỗi khổ nơi địa ngục, mà phát tâm Bồ Đề, tức là bây giờ phải nên tự thúc đẩy, phát khởi tinh tấn. Cổ đức bảo rằng thà chết mà có pháp, còn hơn sống mà chẳng có pháp. Xả bỏ thân mạng này, làm những điều hạnh đó; ví như chiếc thuyền Bát Nhã, có thể đạt đến bờ giác. Câu nệ chi mà không cố gắng cương ý chí, để phụ bạc bỏ phí cuộc đời này! Đã đến núi báu, lại trở về tay không. Sao không tiếc thay!

11. Phật bảo chư tỳ kheo rằng mỗi sáng sớm phải tự lấy tay xoa đầu. Lời này thực thâm thúy. Lão nhân mỗi mỗi suy gẫm, đức Phật từ bi thống thiết triệt xương tủy. Ngài hằng bảo rằng mặt pháp tỳ kheo, đa số thường thích thọ dụng, an nhiên hưởng thụ tứ sự cúng dường. Mỗi mỗi tự bảo đó là điều ưng phải được, mà không xét coi mình là người gì, cùng vật cúng dường từ đâu đến, và làm thế nào mà thọ nhận! Người biết ân thì hiếm, và người báo ân thì ít, chỉ vì chưa chịu rời đầu. Nếu chịu xoay lại rời đầu, thì bất giác tự hoảng sợ, thốt lời rằng tại sao mình cắt bỏ



râu tóc, không mặc y phục người thế tục! Biết hình dạng khác tục, nên không dám cư trú gần người thế tục, thân không dám vào chốn thế tục, tâm không dám niệm nhớ thế tục. Như thế tức là an lạc nơi hạnh viễn ly. Không đợi thiện tri thức dạy bảo, mà tự phát tâm đồng mãnh; vào núi chỉ sợ núi không sâu. Song, có những hạng thầy tu lại an nhiên trú ngụ trong phố hoa đô thị hỗn tạp; phóng túng thân tâm để làm người vô loại và hành bao hạnh vô ích.



12. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta khởi tâm động niệm, đều là vọng tưởng (tức cội gốc của sanh tử) nên phải chiêu lấy quả khổ. Ngày nay dùng tâm vọng tưởng đó, chuyển làm tâm niệm Phật, tức niệm niệm thành nhân Tịnh độ, đó là quả an lạc. Nếu niệm Phật mà tâm tâm không gián đoạn, thì vọng tưởng sẽ tự tiêu diệt. Ánh sáng của tự tâm phát lộ, và trí huệ hiện tiền, tức trở thành pháp thân Phật. Chúng sanh bản cùng không phước huệ, do sanh sanh thế thế, chưa từng có một niệm cúng dường Tam Bảo, để cầu phước đức. Sanh tử làm khổ thân; niệm niệm tham cầu sự vui của năm món dục lạc, mà đó chính là tư lương của gốc khổ. Bây giờ, dùng tâm tham cầu chuyển thành tâm cúng dường Tam Bảo. Đem thân mạng hữu hạn, tùy tâm lượng lực, mà cúng dường mười phương. Dùng một cây hương, một nhánh hoa, một hạt gạo, một cọng rau, để cúng dường Tam Bảo như nhỏ một giọt nước vào biển cả, và như một hạt bụi vi trần rơi xuống đất. Biển có lúc khô, và đất

có lúc cùng tận, mà phước báo kia chẳng cùng tận nên cảm Phật quả, trang nghiêm cõi Hoa Tạng, để làm nơi tự thọ dụng trong tương lai. Bồ hạnh này thì không có diệu hạnh thành Phật khác.

13. Người học đạo phải hội đủ những điều kiện sau:

a. Phải nhìn thông suốt cảnh giới ở thế gian. Không để vọng duyên chuyển biến.

b. Phải chú tâm vì đại sự sanh tử. Tâm tràng sắt đá quả quyết. Chẳng để vọng tưởng phan duyên xâm đoạt ý chí.

c. Phải tẩy rửa sạch tận hết tất cả tập khí xấu xa và ác giác tri kiến thuở xưa, mà không chừa một mảy lông nào.

d. Phải chân thực xả bỏ thân mạng. Không để bị sanh tử, bệnh hoạn ác duyên làm chướng ngại.

đ. Phải phát khởi chánh tín, chánh kiến. Không thể nghe theo tà sư khiến mê lầm.

e. Phải nhận rõ chỗ dụng tâm chân thực thiết thực của cổ nhân, rồi dùng tâm đó mà tham cứu thoại đầu.

f. Nơi công việc làm hằng ngày, luôn trì giữ chánh niệm, chớ để duyên huyễn hóa làm mê hoặc. Tâm tâm không ngừng tu đạo; động tịnh nhất như.

g. Phải trực niệm hướng phía trước. Không thể đem tâm mong đợi giác ngộ.



h. Phải có tâm lâu dài. Chí chưa đến nơi thành tựu của cổ nhân thì quyết chẳng cam ngừng nghỉ. Không thể được ít cho là đủ.

i. Trong lúc dụng công phu, niệm niệm phải vừa xả vừa nghỉ. Vừa xả mà xả. Vừa nghỉ mà nghỉ. Xả cho đến lúc không thể xả được nữa. Nghỉ cho đến nơi không còn chỗ để nghỉ, thì tự nhiên sẽ được tin tức lành.

Học nhân dụng tâm như thế, thì cùng bốn phạm sự có chút phần tương ứng. Phải có chí hướng thượng, và phải tự thúc đẩy tinh tấn tiến bước.

14. Phật dạy đệ tử tu pháp xuất thế, chỉ có hai loại diệu hạnh là tự lợi và lợi tha. Lợi tha gọi là tu phước. Tự lợi gọi là tu huệ. Bồ Tát phát tâm, cần cầu đạo Bồ Đề vô thượng. Bồ Tát tuy biết pháp tánh là lặng lẽ không tịch, mà chẳng xả các hạnh hữu vi. Biết các pháp vốn không tịch tức là tự lợi. Không xả các hạnh hữu vi gọi là lợi tha. Từ trên chư Phật Tổ, chưa có ai chẳng từ hai hạnh này mà được xuất ra khỏi sanh tử. Đức Thế Tôn bao kiếp tinh cần tu bao khổ hạnh nan hành. Chúng ta từ bao kiếp dài lâu, lặn hụp trong biển sanh tử, đầu xuất đầu mất, xả thân thọ thân, không thể nghĩ bàn, đều là sống hư chết phí, thì làm sao có một chút gì là hạnh môn chân thực! Nếu có hạnh chân thực thì quyết sẽ không như mặt mũi đời nay. Sao không thống niệm, mà hồi quang phản chiếu, dũng mãnh tự suy gẫm. Đời

nay may mắn do túc duyên, sớm đã thoát tục, mãi rời biển khổ, lại được an cư tại danh sơn, nơi đạo tràng thẳng diệu mà chư tổ thường thuyết pháp. Đây là duyên lành muôn kiếp khó gặp. Chính là đời gặp tiệc vua. Bệnh gặp dược vương. Tự phải biết mình may mắn vô ngần, rồi tận suốt cả đời, xả bỏ thân mạng, làm những công đức đó, thì vượt trội trăm kiếp ngàn đời thường sống vô tích sự.

15. Gần đây các thanh thiếu niên nam nữ ở khắp nơi, thường tự bảo có chí tham thiền. Song lúc tương kiến đối đầu, tôi nhận thấy họ đều là những kẻ điên đảo. Họ gìn giữ vọng tưởng làm thệ nguyện, dùng sự làm biếng giải đãi làm công phu khổ nhọc, dùng phô trương ngã mạn làm hạnh cao, dùng môi lưỡi giỡn chơi làm cơ phong, dùng chấp ngu si làm sự hướng thượng, dùng phản bội Phật Tổ làm tự thị, dùng trí huệ ranh mãnh làm diệu ngộ. Thế nên, mỗi khi vào tùng lâm, thân nghiệp không thể nhập vào đại chúng, và miệng ý không thể hòa với mọi người. Buông lung tình ý, chẳng tu ba nghiệp, cho lễ bái tụng niệm là hạ liệt, cho hạnh môn (công việc trong chùa) là thấp kém, cho Phật pháp là oan gia, cho văn lượm lật làm tri kiến của mình. Tuy họ có khả năng khởi công phu khán thoại đầu, nhưng lại đem tâm tầm cầu giác ngộ. Ngồi trên tấm bồ đoàn chưa vững, ngủ gật chưa tỉnh, mộng cũng chưa thấy chính mình, bèn cống cao tự phụ, rồi viếng thăm chư thiện tri thức, thuyết huyền thuyết diệu,



trình ngộ trình giải, và đưa câu cú chưa hạ lạc, hồ đồ cầu ẩn chúng.

Nếu có phước duyên, gặp minh nhãn thiện tri thức, đập vỡ được khuôn sáo đó, thì đó là điều may mắn. Nếu không may mắn, chỉ gặp những kẻ với tay khoa đàn, tu thiền mù, rồi dùng bí đao mà ấn dấu, và ném họ xuống hang hố ngoại đạo, đọa lạc trăm ngàn muôn kiếp, không có cơ may ngoi đầu lên được. Chẳng đáng thương lắm sao! Những kẻ hậu bối ngu si này, tự làm mất chánh nhân, lại gặp nạn tà độc. Nếu gặp được Lâm Tế, Đức Sơn, chắc cũng không thể cứu giải mê chấp cho họ. Thực đáng thương thay! Bệnh trạng của thiền môn là tại chỗ này.

Hòa Thượng Hư Vân khai thị

1. Thiền sư Động Sơn hỏi một vị tăng sĩ: Việc khổ nhất trên thế gian là gì?

Tăng đáp: Địa ngục khổ nhất.

- Chẳng phải! Nơi y phục kim tuyến (ca sa) này, chưa biết được nguồn mối việc lớn mới là khổ nhất. (việc lớn: việc sinh tử)


2. Nếu sáng việc lớn, tức không còn nhân địa ngục. Địa ngục chưa hẳn là khổ; chưa hiểu rõ tự tâm mới là khổ nhất. Muốn hiểu được việc lớn, phải thường nỗ lực tinh tiến, chớ sao lãng khinh xuất, lo lắng bận bịu mãi, khiến phí mất thì giờ. Ban ngày, ứng duyên gặp cảnh, phải luôn làm chủ. Ban ngày làm chủ được thì trong mộng cũng tự chủ được. Trong mộng tự chủ được thì lúc bệnh hoạn, cho đến lúc sắp mất cũng tự làm chủ được. Tự chủ chính mình tức là dễ dàng ngộ đạo, cắt đứt sinh tử.

3. Người sơ phát tâm tu đạo, cung cách bên ngoài phải nên cẩn trọng. Rất nhiều vị lão tăng, cung cách diện mạo cũng chưa hợp với đạo cho lắm. Nếu một đời chất trực, tinh tấn chuyển hóa, hun đúc thân tâm, mọi nơi mọi thời đều không để phạm giới thì mới được xem là tỳ kheo thanh tịnh. Trong giới luật, tuy có phân tánh giới, giá giới, nặng nhẹ, nhưng chớ có phạm giới nào. Trì giới thanh tịnh



như trăng mùa thu, thật không dễ dàng, phải nên hết sức chú ý.

4. Quý vị chớ quên bốn phận xuất gia. Biểu hiện tướng xuất gia không khó, chỉ việc cạo tóc, đắp y ca sa liền được gọi là tăng sĩ. Hiện tại, có nhiều cư sĩ thường cạo đầu. Thế thì, ai là tăng sĩ chân thật? Như người uống nước, tự biết lạnh nóng. Hy vọng mọi người hãy nên tinh tấn.



5. Thời gian qua mau, mỗi ngày mười hai thời: Sáng sáu thời, chiều sáu thời. Mỗi ngày có hai mươi bốn tiếng. Mỗi tiếng có bốn khắc. Mỗi khắc có mười lăm phút. Mỗi phút có sáu mươi giây. Thời giờ trôi qua mau trong từng sát na; bỗng chốc lại vụt đến già. Các vị Sa di, từ lúc lọt lòng cho đến nay, chớp mắt đã được hai, ba mươi tuổi. Quý vị có thấy thời gian trôi qua mau mà đạo nghiệp khó thành chăng? Người vừa xuất gia, đạo tâm rất chân thành, nhưng vì đạo nghiệp chưa thành, nên ngày lại qua ngày, trở thành lười biếng. Vì thế bảo:

Năm đầu xuất gia, thấy Phật trước mắt. Năm sau, thấy Phật ở Tây Thiên. Năm thứ ba, hỏi Phật cho tiền.

Nếu đạo tâm không bền vững dài lâu, thì đạo nghiệp khó thành. Đạo tâm như sương mai buổi sáng, thì làm sao cắt đứt sanh tử được?

6. Nếu là người xuất gia tu đạo chân chính, phải

nên lập chí nguyện, có đầy đủ tâm tràng sắt đá. Đầu tiên phải học oai nghi tế hạnh, tuân theo quy củ, mà không sợ kẻ khác bảo mình là người cứng đầu. Phải giữ tâm đến chết, mãi mãi tôn kính giáo giới của Phật. Do bao kiếp trồng căn lành, nên đời này mới được vào cửa Phật. Phải nỗ lực cầu đạo, trừ khử tập khí. Làm được những việc này rồi, thì từ từ sẽ trở thành những bậc đại tu hành, sớm đắc nhập lý thể. Chớ chạy vào chợ búa danh lợi, làm tay sai cho bọn quyền thế. Tâm phải kiên cố, vĩnh cửu không đổi. Tâm bình thường động tĩnh nhất như.

7. Ngài Quy Sơn bảo: *Thường thấy những kẻ sơ phát tâm, giải đãi làm biếng, ham ăn ngủ nghỉ, sống cuộc đời vô ích trên thế gian.*

Thật đáng thương thay, ai bi thiết tâm, không đành ngậm miệng, nên phải nói ra lời răn nhắc này. Hy vọng, người có tâm cầu đạo, nguyện vượt ra khỏi sanh tử, chớ để năm món dục lạc cùng thất tình xoay chuyển. Hãy nỗ lực chuyên cần tu hành, chớ để thời gian luống qua vô ích.

8. Đã xuất gia, nương nhờ của đàn na tín thí, phải đau đầu nhớ đến nỗi thống khổ sanh tử, như cứu lửa cháy đầu, sao lại phóng dật lười biếng, ích kỷ, sống bám vào cửa Phật, không thấy đáng hổ thẹn sao?

9. Người trẻ tu hành chớ chỉ tu về trí huệ thôi, mà phải nhận biết tầm quan trọng của Nhân Quả.



10. Có bốn hạng người xuất gia:

Thứ nhất, thân xuất gia mà tâm chẳng xuất gia, tức thân tuy đi tìm cầu pháp mà tâm chẳng muốn thọ pháp.

Thứ hai, thân tại gia mà tâm lại xuất gia, tức là tuy vui vầy với gia đình vợ con nhưng không đắm nhiễm.

Thứ ba, thân tâm đều xuất gia, tức nơi cảnh dục lạc, thân tâm không đắm nhiễm.

Thứ tư, thân tâm không xuất gia, tức tham đắm nhiễm trước dục lạc.

Chúng ta hãy kiểm nghiệm xem coi, trong bốn hạng trên, mình thuộc hạng nào?

11. Đã là Phật tử, chánh tín xuất gia, cầu pháp xuất ly, phải quên mình mà nỗ lực tu hành, chớ để cảnh chuyển, và chớ sống qua ngày trong phiền não. Người Phật tử, nếu không hàng phục vọng tâm mà lằm lạp trong nhất niệm, tư hào sơ suất, thì cách xa trời đất; lỡ một bước chân, ân hận ngàn đời. Phải tu hành như cứu lửa cháy đầu. Nghiêm thủ giới luật như giữ gìn phao vượt biển, chẳng để bị thủng chút nào.

12. Nếu không dự bị tu hành, tuổi về chiều càng nhiều tội lỗi. Khi chết, hành ấm tan rã, bốn chồn sợ hãi, như chim bay xuyên thủng xác thân. Tâm thức


tùy theo nghiệp lực, như người thiếu nợ, chủ nào mạnh thì dẫn đi trước. Tâm rối đa đoan, nơi nào nặng thì rơi vào trước.

Lúc trẻ, không chịu dưng mẫn tu hành, và không xả bỏ thân tâm, chỉ xoay cuồng nơi danh lợi phiến não thị phi. Nghe kinh, ngồi thiền, lễ xá lợi... đều tự dối gạt mình. Thế nên lãng phí thời gian quý báu; ngày nay vừa hối hận *xưa chẳng dự bị tu hành*, thì già bệnh đến, chết cũng không được, sống cũng không yên, xả chấp chưa nổi. Sống cũng khổ mà chết cũng nhọc. Đó là tuổi *về chiều, tội càng nhiều*. Tu hành chưa từng bước đến nơi chân thật. Lúc sắp chết, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển, như gà con phá vỏ trứng đi ra, tức là *chim bay xuyên thủng thân, tâm thức tùy nghiệp báo dẫn dắt*. Nếu làm chủ được thì có khả năng chuyển muôn vật. Hiểu rõ bốn đại là không thì tâm thức không bị nghiệp dẫn. Ngược lại, như người thiếu nợ, bị bức bách đòi tiền. Bấy giờ hoang mang trên đường lộ, chưa biết sẽ về đâu, lại bị bao thống khổ, mà hối hận thì đã quá trễ. Mở mắt ra, thấy đầu trâu mặt ngựa. Chẳng phải núi đao, thì cũng là rừng kiếm. Khi ấy, quý vị muốn nói lời gì?

13. Việc quan trọng của người tu là phải thiết tha với sanh tử, chân thật tu hành, chết cũng không thoái thất tâm nguyện. Đời này chưa xong, thì đời sau tu tiếp. Đời đời nếu không thoái thất, quá vị Phật tất sẽ có kỳ.



14. Người xưa bảo: *Thà thân bị đọa xuống địa ngục, chớ đem Phật pháp hành theo tình người ở thế gian. Nếu không lưu tâm, không hành trì đúng giới pháp, lạm dụng ăn cắp hình tướng oai nghi Phật, vọng xưng Thích tử, chỉ có tấm giấy giới điệp, chỉ đeo quây hư danh trống rỗng, thì đến ngày cuối sẽ gặt quả báo cực khổ không lường. Hãy lưu tâm cẩn trọng, cẩn trọng.*



15. Người xuất gia chớ nên hành giống như kẻ tại gia, tức ngày đêm bận rộn vì ba nhu cầu ăn, mặc, ở. Phải nên vì đạo, cầu thoát ly sanh tử. Do mượn thân giả tạm để tu đạo chân thật, nên chưa có thể cắt đứt được việc ăn, mặc, chỗ ở. Lúc tu đạo, tạm thời phải tự xem như không có thân mình, giống như người đã chết. Người xưa bảo: *Nếu là người tu đạo chân thật thì chẳng phút giây nào rời xa đạo.*

Mục Lục

Lời ngỏ	7
Sơ lược tiểu sử mười ba vị Tổ tông Tịnh độ	11
1. Đại sư Huệ Viễn - Tổ Liên Tông thứ nhất - đời Tấn	11
2. Đại sư Thiện Đạo - Tổ Liên Tông thứ hai - đời Đường	15
3. Đại sư Thừa Viễn - Tổ Liên Tông thứ ba - đời Đường	19
4. Đại sư Pháp Chiếu - Tổ Liên Tông thứ tư - đời Đường	21
5. Đại sư Thiếu Khang - Tổ Liên Tông thứ năm - đời Đường	25
6. Đại sư Vĩnh Minh - Tổ Liên Tông thứ sáu - đời Tống	29
7. Đại sư Tĩnh Thường - Tổ Liên Tông thứ bảy - đời Tống	33
8. Đại sư Liên Trì - Tổ Liên Tông thứ tám - đời Minh	37
9. Đại sư Ngẫu Ích - Tổ Liên Tông thứ chín - đời Minh	41
10. Đại sư Triệt Lưu - Tổ Liên Tông thứ mười - đời Thanh	45
11. Đại sư Tĩnh Am - Tổ Liên Tông thứ mười một - đời Thanh	49
12. Đại sư Triệt Ngộ - Tổ Liên Tông thứ mười hai - đời Thanh	53
13. Đại sư Ấn Quang - Tổ Liên Tông thứ mười ba cuối đời Thanh- Dân Quốc	56
Sơ Lược Tiểu Sử Các Bậc Tôn Đức	63
TỊNH ĐỘ TẬP YẾU	347



<i>Đại sư Hám Sơn</i>	63
<i>Đại lão Hòa thượng Hư Vân</i>	67
<i>Đại Lão Hòa Thượng Quảng Khâm</i>	71
<i>Thiền sư Thiên Như Duy Tắc</i>	77
<i>Đại sư Thiên Thai Trí Giả</i>	81
<i>Hòa thượng Tuyên Hóa</i>	85
<i>Hòa thượng Diệu Liên</i>	97
<i>Thiền sư Lai Quả</i>	99
<i>Lão Pháp sư Tịnh Không</i>	105
<i>Hòa Thượng Thích Thiên Tâm</i>	109
<i>Trưởng Lão cư sĩ Lý Bình Nam hiệu Tuyết Lư Lão Nhân</i>	113
<i>Trưởng Lão cư sĩ Hạ Liên Cư</i>	117
<i>Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ</i>	123
<i>Tinh hoa lời dạy của chư tổ Tịnh Độ và các bậc tôn đức</i>	131
<i>Tổ Liên Tông thứ nhất: Đại Sư Huệ Viễn - đời Tấn</i>	131
<i>Tổ Liên Tông thứ hai: Đại Sư Thiện Đạo - đời Đường</i>	132
<i>Tổ Liên Tông thứ ba: Đại Sư Thừa Viễn - đời Đường</i>	136
<i>Tổ Liên Tông thứ tư: Đại Sư Pháp Chiếu - đời Đường</i>	137
<i>Tổ Liên Tông thứ năm: Đại Sư Thiếu Khang - đời Đường</i>	140
<i>Tổ Liên Tông thứ sáu: Đại Sư Vĩnh Minh - đời Tống</i>	141
<i>Tổ Liên Tông thứ bảy: Đại Sư Tịnh Thường - đời Tống</i>	147

<i>Tổ Liên Tông thứ tám: Đại Sư Liên Trì - đời Minh</i>	148
<i>Tổ Liên Tông thứ chín: Đại Sư Ngẫu Ích - đời Minh</i>	154
<i>Tổ Liên Tông thứ mười: Đại Sư Triệt Lưu - đời Thanh</i>	163
<i>Tổ Liên Tông thứ mười một: Đại Sư Thật Hiền Tĩnh Am - đời Thanh</i>	168
<i>Tổ Liên Tông thứ mười hai: Đại Sư Triệt Ngộ - đời Thanh</i>	170
<i>Tổ Liên Tông thứ mười ba: Đại Sư Ấn Quang - cuối đời Thanh - Dân Quốc</i>	174
<i>Khai thị của Đại Sư Hám Sơn</i>	190
<i>Khai thị của Hòa thượng Hư Vân</i>	201
<i>Khai thị của Hòa Thượng Quảng Khâm</i>	210
<i>Khai thị của Thiên sư Thiên Như Duy Tắc</i>	213
<i>Khai thị của Đại sư Trí Giả</i>	222
<i>Khai thị của Tuyết Lư Lão Nhân</i>	229
<i>Khai thị của Hòa thượng Diệu Liên</i>	241
<i>Khai thị của Hòa Thượng Thiên Tâm</i>	258
<i>Khai thị của Trưởng Lão Cư Sĩ Hoàng Niệm Tổ</i>	266
<i>Khai thị của Hòa Thượng Tuyên Hóa</i>	269
<i>Phụ lục:</i>	279
<i>Những Lời Khai Thị Vàng Ngọc của Chu Tôn Đức dành riêng cho người xuất gia</i>	279
<i>Khai thị của Đại Sư Liên Trì</i>	279
<i>TỊNH ĐỘ TẬP YẾU</i>	349

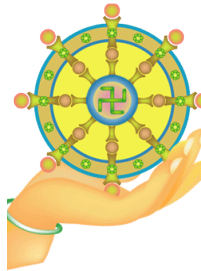


<i>Khai thị của Hòa Thượng Tuyên Hóa</i>	290
<i>Khai thị của Thiền Sư Lai Quả</i>	317
<i>Khai thị của Đại sư Hám Sơn</i>	328
<i>Khai thị của Hòa Thượng Hư Vân</i>	341



Trân trọng cảm niệm công đức ấn tống kinh sách Pháp thí cúng dường của gia đình đạo hữu Tuệ Nhiên - Chơn Hải (Phật tử chùa Đức Viên, San Jose, California)

Xin hồi hướng công đức này đến pháp giới chúng sinh. Nguyên cầu thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc, tâm bồ đề tăng trưởng.



TÌNH ĐỘ TẬP YẾU

Thích Nữ Minh Tâm *cung soạn*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM
88-90 Kỳ Con, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1 - TP.HCM

ĐT: (08) 38216009 - 39142419

Fax: (08) 39142890

Email: nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn

Website: nxbvanhoavannghe.org.vn

Biên Tập: Vương Hoài Lâm

Sửa bản in: Xuân Tiến

Trình bày, bìa: PN

Liên kết xuất bản: Thái Tuệ

In lần thứ nhất. Số lượng: 1000 cuốn, Khổ 13.5x20.5 cm
Tại: Xí nghiệp in Fahasa, 774, Trường Chinh, p.15, q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Số đăng ký: 1137-2016/CXBIPH/13-48/VNTPHCM
Quyết định xuất bản số: 204-QĐ/NXBVHVN
Ngày 30 tháng 05 năm 2016
In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2016